

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Dịch giả: HOÀ THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
Tóm tắt & chú giải: THÍCH NỮ TRÍ HẢI

Kinh Trung Bộ

QUYỂN 2



NXB TÔN GIÁO
Hà Nội 2002

KINH TRUNG BỘ TẬP 2

Bản Anh ngữ tóm tắt mỗi kinh
do đại đức Nanamoli thực hiện

HT. THÍCH MINH CHÂU dịch

KINH TRUNG BỘ

TẬP 2

THÍCH NỮ TRÍ HẢI

Tóm tắt và chú giải

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL. 2546 – DL. 2002

Ban Văn Hóa
Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh
Thực hiện
Địa chỉ : 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP. HCM
ĐT : 8469721

Kính lễ ĐỨC NHƯ LAI, BẬC A LA HÁN
CHÍNH ĐẲNG GIÁC

Kính lễ Hòa thượng
(thượng) Minh (hạ) Châu phiên dịch Nikàya

Kính lễ Đại đức Nanamoli và Bodhi cùng chư
vị luận sư Nikàya mà con tham khảo

Xin gia bị cho con diễn dịch không lạc xa
Thánh ý.

Xin cho Pháp bảo này ai được đọc sẽ xa lìa
kiến chấp, phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Nguyện cho con được như Phật,
"vị hữu tình sinh ra đời vì hạnh phúc cho
muôn loài, vì an lạc cho nhân loại và
chư thiên."

Mỗi kinh gồm năm phần :

- I. Toát yếu bằng Anh ngữ của Nanamoli và dịch.
- II. Tóm tắt.
- III. Chú giải theo luận giải kinh Trung bộ, bản Anh ngữ của hai đại đức Nanamoli và Bodhi.
- IV. Pháp số liên hệ.
- V. Kệ thuộc lòng

GHI CHÚ QUAN TRỌNG

Ba tập Toát yếu kinh Trung Bộ I, II và III này, tôi đã làm ít nhất ba lần, và mỗi lần đều làm sau khi đã đọc kỹ bản dịch của Hòa thượng. Thế nhưng mỗi lần tôi đều toát yếu một cách khác, nhất là sau khi được đọc bản phiên dịch và chú thích bằng Anh ngữ của Đại đức Nanamoli và Mahabodhi. Như vậy dù biết, những lời Phật dạy như núi cao, biển cả, mà sự học hiểu của mình chỉ như một cái xềng đào đất hay cái muỗng múc canh, mỗi lúc chỉ lấy được một ít và rất phiền diện. Bởi thế mà Hòa thượng thường dạy, ngài không bao giờ “giải thích” lời Phật dạy, mà chỉ cố gắng dịch cho đúng nguyên văn của Người xưa dù có tối nghĩa đến đâu. Đây là cái đức khiêm cung của ngài, trong vô số đức tính mà tôi ngưỡng mộ.

Mình là ai mà dám toát yếu lời Phật dạy? Lỡ mình để tuột mất cái điểm cốt yếu trong Lời ngài thì sao? Như vậy sẽ mang tội lớn với Phật, với Thầy, Tổ. Bởi vậy, càng ngày tôi càng miệt mài trong việc phổ biến ba tập toát yếu này, vì sợ công ít mà tội nhiều. Khi làm xong tập thứ hai, đem khoe thầy Chơn Thiện, Thầy phán rằng: “Kinh

không bao giờ nên tóm tắt.” Tôi giật mình, và bỏ dở công việc đến gần hai năm trời, mặc dù đã gần xong lập cuối, đến kinh Nhất dạ hiền giả. Sau đó, anh Hồ Hồng Phước ở Luân đôn, người thường gởi cho tôi những sách Phật học bằng Anh ngữ mới xuất bản lại nước ngoài, thúc giục tôi gởi sang tiếp vì có người đã hào hứng in ra biểu không hai tập đầu. Thế là tôi lại hăng hái tiếp tục!

Mỗi kinh do tôn giả Ananda trùng tuyên đều bắt đầu với câu “Tôi nghe như vậy”, mà không nói “Đức Phật đã dạy như vậy” điều ấy rất đáng bắt chước. Vì tôi là ai mà dám làm phất ngôn nhân cho Phật? Lỡ Phật nói một đường, tôi nghe một nẻo thì sao? Cho nên đây chỉ là theo như tôi được nghe, chứ không phải theo như lời Phật dạy.

Bản Toát yếu này cũng thế, đây chỉ là những gì do tôi hiểu được qua lời Kinh, vào một thời điểm nào đó mà thôi. Và tôi đã toát yếu để cho tự mình nhớ được chút ít những Lời vàng ngọc của đức Thế tôn, để tu tập cho bản thân mình. Bởi thế, người đọc hoàn toàn không thể bỏ qua bản gốc của Hòa Thượng Thích Minh Châu đã dày công phiên dịch. Nếu đọc Toát yếu này mà bỏ qua Kinh gốc thì cũng như bỏ đại dương để lấy vài giọt nước muối.

Vậy, sau hết và trước hết, Bản Toát yếu này chỉ là một tập sách giúp trí nhớ cho những ai đã

nhiều lần nghiền ngẫm Kinh Trung bộ; và có thể họ đã toát yếu một cách khác, thì sách này sẽ bổ túc cho trí nhớ của họ. Những người mới đọc kinh Trung bộ lần đầu, thì qua Toát yếu này sẽ nắm được vài ý để hướng dẫn mình trên đường tu tập chứ không chỉ là “chuyên kỳ danh ngôn” vì kỳ thực Phật không dạy điều gì nếu không phải để đưa người đến chuyển mê khai ngộ.

Xin dâng lên Hòa thượng lòng tri ân vô bờ bến.

MỤC LỤC

KINH 51: KANDARAKA	13
52: BÁT THÀNH	24
53: HỮU HỌC	31
54: POTALIYA	39
55: JIVAKA	45
56: ƯU BA LY	51
57: HẠNH CON CHỒ	67
58: VÔ ÚY VƯƠNG TỬ	75
59: NHIỀU CẢM THỌ	84
60: KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG	91
61: GIÁO GIỚI LA HẬU LA	107
62: ĐẠI KINH GIÁO GIỚI LA HẬU LA	114
63: TIỂU KINH MALUNKYA	123
64: ĐẠI MAN ĐỒNG TỬ	130
65: BHADDALI	141
66: VÍ DỤ CON CHIM CÂY	153
67: CATUMÀ	168
68: NALAKAPANA	179
69: GULISSANI	186
70: KITAGIRI	193
71: TAM MINH	208
72: AGGIVACCHAGOTTA	215
73: ĐẠI KINH VACCHAGOTTA	224
74: TRƯỞNG TRÁO	230
75: MAGANDIYA	243
76: SANDAKA	258

77: MAHÀSAKULUDÀYI	274
78: SAMANAMANDIKA.....	287
79: TIỂU KINH THIÊN SINH.....	298
80: VEKHAṆASSA	311
81: GHATIKARA	316
82: RATTHAPALA.....	325
83: MAKHÀDEVA.....	337
84: MADHURA.....	344
85: BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ.....	350
86: ANGULIMALA	361
87: ÁI SANH.....	374
88: BAHITIKA.....	381
89: PHÁP TRANG NGHIÊM.....	388
90: KANNAKATTHALA.....	398
91: BRAHMAYU	405
92: SELA.....	421
93: ASSALAYANA	426
94: GHOTAMUKHA	437
95: CANKÌ.....	444
96: ESUKÀ RÌ	460
97: DHÀNAṅJ NI	469
98: VÀSETTHA	476
99: SUBHA	485
100: SANGÀ RAVA	496

NĂM MƯƠI MỐT

KANDARAKA

I. TOÁT YẾU

Kandaraka Sutta - To Kandaraka.

The Buddha discusses four kinds of persons found in the world - the one who torments himself, the one who torments others, the one who torments both himself and others, and the one who torments neither but lives a truly holy life.

Kinh nói cho Kandaraka.

Phật bàn đến bốn hạng người được tìm thấy trên đời: hạng người tự hành khổ, hạng hành khổ người, hạng vừa tự hành khổ vừa hành khổ người, hạng không tự hành khổ, không hành khổ người mà lại sống một đời thực thánh thiện.

II. TÓM TẮT

Du sĩ Kandaraka cùng cư sĩ Pessa con trai người huấn luyện voi, đến yết kiến Phật. Quan sát sự thanh tịnh của chúng tỳ kheo¹, du sĩ ca tụng Phật khéo hướng dẫn, và hỏi chư Phật trong quá khứ, tương lai có được những chúng tỳ kheo thanh tịnh như hiện nay không². Phật xác nhận là có, trong chúng tỳ kheo này, có vị là A la hán lậu tận, việc tu hành đã thành mãn; có vị là bậc Hữu học khéo kiên trì giới luật, luôn an trú Bốn niệm xứ³ để nhiếp phục tham ưu ở đời.

Pessa công nhận sự vi diệu của pháp tu này, vì thỉnh thoảng ông cũng tu quán bốn niệm xứ⁴. Ông tán thán Phật đã thấu hiểu về hạnh phúc và bất hạnh của chúng sinh. Với tư cách người huấn luyện voi, Pessa nhận xét rằng con voi có khi cũng quý quyết nhưng không bằng người; con người quả thực rắc rối hơn loài thú⁵, miệng nói khác, lòng nghĩ khác. Phật dạy thật có như vậy, và đề cập bốn hạng người⁶ sống ở đời : hạng tự hành khổ, hạng làm khổ người, hạng làm khổ cả hai, hạng

không làm khổ mình không làm khổ người, tự ngã trú vào Phạm thể⁷.

Phật hỏi trong bốn hạng, Pessa thích ý hạng nào. Cư sĩ trả lời ba hạng đầu không đáng thích ý, chỉ có hạng thứ tư làm ông khoái. Nói xong ông từ giả Phật vì cò bận nhiều công việc.

Khi Pessa bỏ đi, Phật bảo chúng tỳ kheo rằng, giá mà Pessa ở lại thêm chốc lát, ông sẽ được lợi ích lớn, tuy vậy ông cũng khá được ích lợi từ cuộc luận đàm ngắn ngủi ấy⁸. Kế đến Phật giảng rộng cho chúng tỳ kheo về 4 hạng người:

1. Hạng tự hành mình là những kẻ tu khổ hạnh⁹ không đưa đến giải thoát;
2. Hạng làm khổ kẻ khác là người hành những nghề nghiệp gây đau khổ cho người và vật;
3. Hạng tự làm khổ và làm khổ người là kẻ theo ác giới¹⁰,
4. Hạng không làm khổ mình không làm khổ người là những vị xuất gia thành tựu giới, từ bỏ các nghiệp ác của thân, lời, hộ trì căn, tu

4 niệm xứ, chứng 4 thiền và 3 minh, thành bậc A la hán¹¹.

III. CHÚ GIẢI

- (1) *Kinh sớ*: Vì tôn trọng Phật và theo luật, tỳ kheo không nói chuyện với nhau cũng không dám ho mỗi khi Phật thuyết pháp. Thân không giao động, tâm không xao lãng, họ ngồi vây quanh đức Thế tôn như những cụm mây vây quanh đỉnh núi Tu di. Du sĩ Kandaraka có lẽ thầm so sánh hội chúng tỳ kheo này với các hội chúng du sĩ được mô tả trong kinh 76.
- (2) *Theo kinh sớ*, Kandaraka không có tri kiến về chư Phật quá khứ vị lai. Ông chỉ nói lên lời này để tỏ lòng ngưỡng mộ đối với chúng tỳ kheo thanh tịnh, khéo được hướng dẫn. Nhưng Phật thì xác nhận lời của du sĩ trên căn bản thẳng trí của ngài.
- (3) *Bốn niệm xứ* được đưa vào đây để chỉ rõ nguyên nhân uy nghi tịch tịnh của tăng chúng. Xem kinh số 10.

- (4) "Chúng con cũng vậy, khi có cơ hội, chúng con cũng tu tập tứ niệm xứ; chúng con không hoàn toàn xao lãng thiền định."
- (5) Lời này ngụ ý rằng con vật đôi khi cũng lấu cá và lừa bịp, nhưng sự khôn lanh của nó rất giới hạn, trong khi sự khôn lanh của con người thì vô cùng tận.
- (6) Luận giải thích đoạn này được nói để tiếp theo lời Pessa rằng đức Thế Tôn biết rõ gì là an lạc gì là nguy hiểm cho hữu tình; vì Phật hiển thị 3 hạng người đầu hành xử đưa đến tai hại, còn hạng thứ 4 hành xử đưa đến lợi lạc. Đoạn này cũng có thể liên hệ đến lời ca tụng của du sĩ đối với tăng chúng; vì Phật sẽ hiển thị 3 lối Ngài không huấn luyện chúng tỳ kheo, và 1 lối theo đó chư Phật quá khứ hiện tại vị lai đều huấn luyện chúng tỳ kheo.
- (7) Vị "không tự hành khổ, không làm khổ người, tự ngã trú vào Phạm thể" cảm thọ lạc thọ của các thiền, đạo, quả, và niết bàn. Phạm thể ở đây có nghĩa là thánh thiện hay thù thắng.

- (8) *Pessa* đáng lẽ chứng quả Dự lưu, nhưng anh đã rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy khi Phật chưa giảng xong bài Pháp. Tuy vậy anh cũng nhận được 2 lợi lạc : thêm lòng tin đối với tăng chúng, và hiểu thêm về Bốn niệm xứ.
- (9) Đoạn kinh về "tự hành khổ" nói chi tiết về những khổ hạnh mà nhiều người đương thời Phật đang tu tập, và chính Phật cũng đã từng tu trong thời gian nỗ lực đạt giác ngộ. Xem kinh 12.
- (10) Đoạn kinh về "tự làm khổ và làm khổ người" mô tả sự tu tập của người tự hành hạ mình với hy vọng được phước, bằng cách lập tế đàn trong đó nhiều con vật bị giết, nhiều kẻ làm công bị áp bức.
- (11) Đoạn kinh về hạng "không tự hành khổ, không làm khổ người" lại sống thánh thiện, cảm thọ thuần lạc thọ, ám chỉ bậc A la hán. Để hiển thị vị ấy không tự hành mình cũng không làm khổ người, đức Phật mô tả con đường tu tập của vị ấy để chứng quả.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba nghiệp, ba minh, bốn chân lý, bốn niệm xử, bốn hạng người, bốn thiền, năm triền cái.

V. KỆ TỤNG

Bạn Kan-da-ra-ka
Cùng cư sĩ Pessa
Làm nghề huấn luyện voi
Cùng đến yết kiến Phật.

Du sĩ ca tụng Phật
Khéo hướng dẫn chư tăng
Hỏi quá khứ vị lai
Chúng được như vậy chăng?

Phật dạy: "Cả ba thời
Chư Phật cùng một Pháp
Tỳ kheo tu pháp này
Có vị thành La hán,

Hoặc thành bậc Hữu học,
Khéo kiên trì giới luật,
An trú Bốn niệm xứ
Để nhiếp phục tham ưu."

Pessa tiếp lời Phật:

- Thế tôn khéo trình bày
Pháp Bốn niệm xứ này
Con thỉnh thoảng tu tập :

Con quán thân nơi thân
Quán thọ nơi cảm thọ
Quán tâm ngay nơi tâm
Quán pháp nơi các pháp

Chánh niệm và tỉnh giác
Để nhiếp phục tham ưu.
Thế tôn quả thấu suốt
Vui khổ của hữu tình.

Cởi mở thay, loài thú
Rắc rối thay loài người
Sống rồi ren xảo quyết
Lòng với miệng khác nhau.

"Kẻ tự hành, hành người
Kẻ làm khổ cả hai,
Kẻ không làm ai khổ.
Người thích ý hạng nào ? "

- Bạch Phật, ba hạng đầu
Không làm con thích ý
Chỉ có hạng thứ tư
Làm con thấy khoái ý.

Biết chán khổ, ưa vui
Sao lại tự hành mình ?
Và hành hạ kẻ khác ?
Hoặc hành xác cả hai ?

Hạng không khổ mình, người
Quả làm con thích ý.
Rồi Pessa cáo tử
Vì bận nhiều công việc.

Phật dạy chúng tỳ kheo:
"Nếu nán lại chốc lát
Kẻ huấn luyện voi ấy

Sẽ được nhiều lợi lạc.

Có kẻ tu khổ hạnh
Về cách ăn mặc ở
Đều theo lối khổ sở
Đây là tự hành mình.

Có hạng làm nghề ác
Sát sinh và trộm cắp
Hoặc tra tấn dã man
Là hành hạ người khác.

Làm khổ mình lẫn người
Là kẻ có tà kiến
Giết vô số sinh loài
Cùng phá hoại cây cối.

Mong tẩy sạch tội lỗi
Chúng dựng những tế đàn
Làm khổ người và vật
Bản thân cũng gian nan.

Không làm khổ mình, người
Xuất gia thành tựu giới,

Từ bỏ 10 nghiệp ác
Hộ trì 5 giác quan

Tu tập 4 niệm xứ
Chứng 4 thiền 3 minh
Đạt vô thượng an ổn
Đệ tử Phật, người này."



NĂM MƯƠI HAI

BÁT THÀNH

(ATTHAKANAGARASUTTAM)

I. TOÁT YẾU

*Atthakanàgara Sutta - The man from
Atthakanagara.*

*The venerable Ānanda teaches eleven
"doors to the Deathless" by which a bhikkhu
can attain the supreme security from bondage.*

Người từ thành Bát.

Tôn giả Ānanda dạy 11 "cửa bất tử", qua cửa này một tỳ kheo có thể đạt đến vô thượng an ổn khỏi trôi buộc.

II. TÓM TẮT

Gia chủ Dasama đến gặp tôn giả Ananda hỏi về pháp môn độc nhất mà nếu tinh tấn tu hành, sẽ khiến tâm chưa giải thoát được hoàn

toàn giải thoát, lậu hoặc chưa trừ hoàn toàn được đoạn trừ, đạt vô thượng an ổn¹. Tôn giả giảng, đó là pháp môn ly dục, ly bất thiện pháp, chứng trú sơ thiền với 5 thiền chi, lần lượt chứng đến tứ thiền chỉ còn xả niệm thanh tịnh; an trú bốn phạm trú : biến mãn 10 phương với Từ tâm giải thoát, Bi tâm giải thoát, Hỷ tâm giải thoát, Xả tâm giải thoát; tu tập ba trong bốn Không định là : Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ.

Mười một quả vị ấy đều thuộc hữu vi, do suy tư tác thành². Nếu khi đắc một thiền chứng nào, hành giả tuệ tri "cái này thuộc hữu vi, do suy tư tác thành, nên vô thường, bị hoại diệt" vị ấy sẽ tận trừ lậu hoặc³. Nhưng nếu lậu hoặc chưa đoạn, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này⁴, vị ấy diệt trừ năm hạ phần kết sử, được hóa sinh vào cõi trời Ngũ tịnh cư, khỏi trở lui đời này. Như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn giảng. Nếu tỳ kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần hành trì pháp ấy, thì tâm được giải thoát, lậu hoặc được trừ diệt, vô thượng an ổn được chứng đạt.

Khi nghe tôn giả Ananda nói vậy, gia chủ Dasama bạch : "Bạch tôn giả, như người đi tìm một kho tàng lại được 11 kho; con đi tìm một pháp môn bất tử mà được nghe 11 pháp môn⁵. Như ngôi nhà cháy có 11 cửa, chỉ do một cửa người ta cũng có thể thoát ra an toàn. Cũng vậy chỉ với một cửa bất tử trong 11 cửa này, con có thể đạt an toàn cho con". Rồi gia chủ cúng dường Ananda và chúng tăng.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Lời Dasama nói *"tâm chưa giải thoát được hoàn toàn giải thoát, lậu hoặc chưa trừ hoàn toàn được đoạn trừ, đạt vô thượng an ổn"* ám chỉ quả vị A la hán.
- (2) "Thuộc hữu vi, do suy tư tác thành" thường được sử dụng liên kết, chứng tỏ một trạng thái có điều kiện, mà tư tâm sở hay ý hành (volition) là yếu tố chính.
- (3) Một phương pháp phát triển tuệ quán từ một thiền tịnh chỉ : Sau khi đắc 1 thiền chứng, hành giả xuất khỏi thiền ấy và quán sát trạng thái này là pháp duyên sinh -được

phát sinh nhờ điều kiện- yếu tố chính là tư tâm sở hay ý hành. Trên căn bản này, vị ấy xác quyết tính vô thường của nó, rồi quán sát thiền ấy bằng tuệ thâm nhập 3 đặc tính vô thường khổ vô ngã. Xem thêm kinh 64, một phương pháp hơi khác với phương pháp này để phát triển tuệ giác trên căn bản các thiền chứng.

- (4) *"Do tham luyện pháp này, hoan hỷ pháp này" có nghĩa là dục tham đối với tịnh chỉ và tuệ quán. Nếu hành giả có thể từ bỏ tất cả dục tham đối với chỉ và quán, vị ấy trở thành một A la hán; nếu không thể từ bỏ dục tham, vị ấy thành một vị Bất hoàn và được tái sinh vào cõi Tịnh cư thiên.*
- (5) Mười một cửa bát tử là 4 thiền, 4 phạm trú, và 3 thiền chứng Vô sắc: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, được dùng làm cơ sở để phát triển tuệ quán đạt đến A la hán quả. Phi tưởng phi phi tưởng xứ không được đề cập ở đây, vì nó quá vi tế không thể làm đối tượng cho tuệ quán.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Bốn thiên, bốn phạm trú hay bốn vô lượng, năm thiên cái, năm thiên chỉ,

V. KỆ TỤNG

Gia chủ Dasama
Đến thầy Ananda
Xin giảng pháp độc nhất
Do Thế tôn giảng dạy

"Khiến tâm được giải thoát
Lậu hoặc được đoạn trừ
An ổn khỏi trói buộc
Nếu tinh cần gắng tu.

Ly dục, ly bất thiện,
Chứng và trú sơ thiên
Thấy thiên này hữu vi
Do suy tư tác thành

Tu chứng cả bốn thiên
Vẫn thấy nó hữu vi
Không tham đắm thiên này
Đạt lậu tận, giải thoát.

Tu đến bốn vô lượng
Nhập Không vô biên xứ,
Đến Thức vô biên xứ,
Cùng Vô sở hữu xứ

Vẫn thấy là hữu vi
Do suy tư tác thành
Không tham đắm Định này
Đạt lậu tận, giải thoát.

Nếu tham luyến, hoan hỷ
Với một thiên, định nào
Vị ấy sẽ hóa sinh
Vào cõi tịnh cư thiên

Do vì đã đoạn trừ
Năm hạ phần kết sử

Nhập niết bàn tại đấy
Khỏi trở lui đời này."

Gia chủ Dasama
Bạch thầy Ananda:
- Như tìm một kho tàng
Được mười một kho báu

Con tìm cửa bất tử
Lại được mười một cửa;
Như nhà lửa bốc cháy
Có mười một lối ra

Ở đây cũng như vậy
Bốn thiên và ba không
Cùng bốn tâm vô lượng
Cửa giải thoát an toàn."



NĂM MƯỜI BA

HỮU HỌC

I. TOÁT YẾU

*Sekha Sutta - The Disciple in
Higher Training.*

*At the Buddha's request the venerable
Ānanda gives a discourse on the practices
undertaken by a disciple in higher training.*

Đệ tử trên đạo lộ hữu học.

Phật bảo tôn giả Ananda giảng về các pháp tu của một bậc hữu học.

II. TÓM TẮT

Những gia chủ dòng họ Sakya thỉnh Phật và chư tăng đến khánh thành một ngôi giảng đường¹ ở Kapilavastu. Sau khi thuyết pháp,

Phật nằm xuống nghỉ và bảo tôn giả Ananda giảng Hữu học đạo.

Tôn giả giảng về sáu giai đoạn tác thành một bậc Hữu học như sau:

1. Thành tựu giới;
2. Giữ gìn tâm ý khi sáu căn tiếp xúc sáu trần;
3. Tiết độ ăn uống;
4. Chú tâm cảnh giác hay chính niệm tỉnh giác trong bốn uy nghi;
5. Thành tựu bảy diệu pháp là tín, tâm, quý², tấn, văn, niệm³, tuệ⁴.
6. Lạc trú bốn thiền một cách không khó khăn mệt nhọc.

Khi thành tựu được sáu pháp ấy, vị thánh đệ tử được gọi là đi trên đường Hữu học, có trướng không bị hư thối, có khả năng phá vỡ vỏ vô minh để đạt vô thượng an ổn khỏi các trôi buộc.

Khi chứng tứ thiền với xả niệm thanh tịnh⁵, thánh đệ tử được túc mạng minh, nhớ các đời trước của mình với đại cương và chi tiết, như

phá vỡ lớp vỏ đầu tiên. Vị ấy với thiên nhân thấy được sống chết và nghiệp quả của chúng sinh, như phá lớp vỏ thứ hai. Vị ấy đoạn trừ tất cả lậu hoặc, chứng đạt an trú ngay hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát⁶, như phá lớp vỏ thứ ba. Như gà ấp trứng, nếu ấp ủ đúng mức thì dù không ước mong gì, cũng sẽ có lúc gà con mổ vỏ chui ra.

Thành tựu giới, hộ trì căn, tiết độ ăn uống, chú tâm cảnh giác, đầy đủ bảy diệu pháp, hiện tại lạc trú bốn thiên thuộc tầng thượng tâm⁷, sáu thứ này thuộc về Hạnh đức của vị ấy. Ba minh thuộc về Trí đức vị ấy.

Rồi tôn giả nhắc lại bài kệ của phạm thiên Sanankumàra:

Chúng sinh tin giai cấp,
vương tộc là tối thượng,
Vị minh hạnh cụ túc,
tối thắng trên nhân thiên⁸.

III. CHÚ GIẢI

- (1) *Người ta tin rằng trước khi sử dụng ngôi nhà mới xây, nếu mời 1 vị tu cao đến ở*

trước dù chỉ 1 đêm, sẽ được phước. Niềm tin này vẫn còn tiếp diễn tại các xứ Phật giáo ngày nay, nên những phật tử xây nhà mới thường mời các tỷ kheo đến tụng kinh cầu an trước khi dọn vào ở.

- (2) Tàm và quý thường đi đôi, được Phật gọi là vị "hộ trì thế gian" vì nó là nền tảng của đạo đức. Tàm có đặc tính biết tự trọng, ghê tởm điều xấu xa, quý là quan tâm đến dư luận, sợ làm điều quấy.
- (3) Kinh giải thích danh từ sati, niệm, bằng cách nhắc đến ý nghĩa nguyên thủy của nó là ký ức. Tương quan giữa 2 nghĩa của niệm - ký ức và chú ý - có thể nói như sau : sự chú ý sâu sắc đối với những hình dáng hiện tại là nền tảng để có ký ức chính xác về quá khứ. Luận nhắc đến niệm ở đây để ám chỉ nó là pháp đầu tiên trong 7 yếu tố của giác ngộ.
- (4) Theo Kinh số, tuệ ở đây là trí sinh diệt thuộc đạo, có thể thâm nhập sự sinh diệt của 5 uẩn. Trí thuộc đạo được gọi là thâm nhập bởi vì nó chọc thủng và nhổ tận gốc cái khối

tham sân si; Trí thuộc tuệ quán được gọi là thâm nhập vì nó tạm thời chọc thủng tham sân si, và vì nó đưa đến sự thâm nhập bằng đạo lộ.

- (5) Đây nói về thiền thứ 4, nền tảng của 3 loại trí tiếp theo.
- (6) Ở điểm này, vị ấy chấm dứt làm bậc hữu học và thành bậc A la hán.
- (7) Những pháp này là 15 yếu tố truyền thống làm nên Hạnh. Trong toàn thể quá trình tu tập, Hạnh đi đôi với Minh là 3 loại trí. "Minh hạnh túc" chỉ chư Phật và A la hán.
- (8) Câu này được Phật xác nhận trong kinh Trường III. Phạm thiên Sanankumàra, "trẻ mãi" theo Sớ, là 1 thanh niên đã đắc thiền, khi chết tái sinh vào Phạm Thiên giới mà vẫn giữ sắc đẹp đã có trong hiện hữu cõi người. Xem Trường 18.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba minh, bốn thiền, sáu căn, bảy thánh tài.

V. KỆ TỤNG

Tôn giả Ananda

Giảng sáu pháp tác thành

Một bậc thánh Hữu học

Cho bộ tộc Sakya :

Một là thành tựu giới;

Hai gìn giữ sáu căn

Ba tiết độ ăn uống;

Bốn chú tâm cảnh giác

Đề phòng ô nhiễm khởi.

Năm, tu bảy thánh tài:

Tín, tà, quý, tấn, văn,

Chánh niệm và tuệ quán.

Sáu lạc trú bốn thiên

Không khó khăn mệt nhọc.

Thành tựu sáu pháp ấy,

Là một vị Hữu học,

Có trứng không bị thối,

Có khả năng phá vỡ

Các lớp võ vô minh
Đạt vô thượng an ổn.

Bốn thiên, tức mạng trí
Là phá vô đầu tiên
Thiên nhân Sinh tử trí
Như phá vô thứ hai.

Đoạn trừ hết lậu hoặc,
Chứng trú ngay hiện tại,
Tâm và tuệ giải thoát,
Là lớp võ thứ ba.

Như gà mái ấp trứng
Khi ấp ủ đến thời
Dù không có mong ước
Gà con cũng chui ra.

Sáu yếu tố đầu tiên
Giữ giới đến bốn thiên
Là thuộc về Hạnh đức
Ba minh thuộc Trí đức.

Chúng sinh tin giai cấp,
Vương tộc là tối thượng,
Vị minh hạnh cụ túc,
Tối thắng cội trời, người.



NĂM MƯƠI BỐN

POTALIYA

I. TOÁT YẾU

Potaliya Sutta - To Potaliya.

The Buddha teaches a presumptuous interlocutor the meaning of the "cutting off of affairs" in his discipline. The sutta offers a striking series of similes on the dangers in sensual pleasures.

Giảng cho Potaliya.

Phật giảng dạy cho một người hợm hình đến tham vấn, ý nghĩa của “đoạn trừ tục sự” trong pháp luật của ngài. Kinh này đưa ra một loạt những ví dụ đặc sắc về những nguy hiểm của dục lạc.

II. TÓM TẮT

Gia chủ Potaliya đến viếng Phật, bất mãn khi nghe Phật gọi mình là gia chủ, vì ông đã

giao phó tục sự cho con cái, sống với tối thiểu đồ ăn mặc. Phật giảng cho ông rõ thế nào là đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc thánh, ấy là từ bỏ:

1. Sát sinh
2. Lấy của không cho,
3. Nói dối,
4. Hai lưỡi,
5. Tham dục,
6. Sân hận hủy báng,
7. Phân não,
8. Quá mạn;

Do thấy rõ là kiết sử, là triền cái¹, có thể gây ra những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não; trong khi đối với người đã từ bỏ chúng² thì những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não không còn.

Phật dạy thêm, tuy vậy đó chưa phải là sự đoạn tận toàn diện các tục sự. Đoạn trừ toàn diện là thấy rõ dục³ như khúc xương, như miếng thịt nơi miệng chim kên, như đuốc ngược gió, như hố than hừng, như mộng, như vật mượn, như cây có nhiều quả chín...khổ

nhiều nào nhiều, nguy hiểm càng nhiều hơn. Do thấy như vậy, mọi chấp thủ tài vật được đoạn tận, vị ấy tu xả⁴, chứng ba minh. Potaliya tự nhận còn rất xa với sự đoạn tận ấy, tự nhận lâu nay đã lầm tưởng là thù thắng những gì chưa phải thù thắng. Ông ca tụng Phật đã gọi nơi ông lòng ái kính sa môn, và xin quy y.

III. CHÚ GIẢI

- (1) *Kết sử là trói buộc và sai khiến; triền cái là cột trói và ngăn che. Mặc dù sát sinh không gồm trong 10 kết sử và 5 triền cái, nó được xem là trói buộc vì buộc người ta vào vòng tái sinh, và triền cái vì nó ngăn sự an lạc chân thật.*
- (2) *Sát sinh và lấy của không cho phải từ bỏ nhờ thân giới, nói dối và nói lời ác được từ bỏ nhờ ngữ giới, tham sân kiêu mạn, bỏ nhờ ý giới.*
- (3) *Những ví dụ về nguy hiểm của dục được nói đến trong kinh 22, mặc dù kinh này không khai triển về 3 ví dụ cuối.*

- (4) Theo Luận giải, "xả căn cứ dị biệt" là xả liên hệ đến 5 dục; "xả căn cứ đồng nhất" là xả ở thiên thứ 4.

V. KỆ TỤNG

Gia chủ Potaliya
Phân nô và bất mãn
Khi nghe Phật gọi mình
Với danh từ gia chủ

Người phó thác tục sự
Cho những con cái ông,
Và sống rất đạm bạc
Với tối thiểu cần dùng.

Phật giảng đoạn tục sự
Trong giới luật bậc thánh
Là từ bỏ tám pháp
Tai hại và trói buộc

Sát sinh và trộm cắp
Nói dối và đâm thọc

Tham dục và sân báng,
Phân nộ và kiêu căng

Muốn tận trừ tục sự
Cần thấy rõ dục lạc
Chỉ như khúc xương khô
Như miếng thịt chim tha

Như đuốc cầm ngược gió,
Như hố than đỏ hừng,
Như một giấc chiêm bao
Như vật mượn phải trả

Như cây có nhiều quả...
Cần phải thấy như vậy
Dục khổ nhiều nào nhiều,
Nguy hiểm càng nhiều hơn.

Do thấy được như vậy,
Tận trừ mọi chấp thủ
Chứng bốn thiền, ba minh
Đạt lậu tận, giải thoát.

Gia chủ Potaliya
Tự nhận còn cách xa
Lâu nay tưởng thù thắng
Những pháp chưa thù thắng.

Rồi ông ca tụng Phật
Đã gọi lên nơi ông
Lòng ái kính sa môn
Và quy y Tam bảo.



NĂM MƯƠI LĂM

JIVAKA

I. TOÁT YẾU

Jivaka Sutta - To Jivaka.

The Buddha explains the regulations he has laid down concerning meat-eating and defends his disciples against unjust accusations.

Giảng cho Jivaka.

Phật giảng những quy luật ngài đã chế định về sự ăn thịt và bảo vệ các đệ tử khỏi bị lên án bất công.

II. TÓM TẮT

Jivaka¹ hỏi Phật, ông ta nghe nói sa môn Gotama biết con thú bị giết để làm thịt cúng dường cho mình mà vẫn dùng, lời nói đó có

đúng hay là xuyên tạc. Phật xác nhận đó là lời xuyên tạc, và dạy có ba trường hợp không được phép dùng thịt, đó là khi có thấy, nghe và nghi con vật ấy đã vì mình mà bị giết². Khi một tỳ kheo sống biến mãn mười phương với bốn phạm trú từ, bi, hỷ, xả, và khi được cư sĩ mời ăn, vị ấy lúc ăn không tham đắm vị ngon, không hi vọng, thấy rõ tai họa của tham dục, ý thức sự xuất ly; lúc ăn không nghĩ đến tự hại, hại người, hại cả hai. Tỳ kheo ăn như vậy không lỗi. Khi ấy Jivaka tán thán Phật an trú tâm từ, nhưng Phật dạy rằng tham sân si đã được Như lai đoạn trừ tận gốc³.

Ai vì Phật và chúng tăng mà giết hại sinh vật sẽ tạo nhiều phi công đức do năm nguyên nhân:

1. Thốt lên lời nói hây dất con vật này đến.
2. Con vật khi bị dất đem giết rất buồn sầu sợ hãi;
3. Khi người ấy ra lệnh giết;
4. Con vật cảm thọ khổ ưu lúc bị giết;
5. Lúc người ấy cúng dường Phật và chúng tăng một cách phi pháp.

Jivaka ca ngợi Phật và xin Phật nhận ông làm đệ tử⁴.

III. CHÚ GIẢI

- (1) *Jivaka là đứa con bị bỏ rơi của một kỹ nữ được vương tử Vô Úy tìm thấy đem về nuôi. Ông học thuốc ở thành Takkasila và về sau được đề cử làm y sĩ chữa bệnh cho Phật. Ông chứng Dự lưu sau khi nghe Phật thuyết pháp.*
- (2) Đoạn này nói rõ những quy luật về sự ăn thịt mà đức Phật đã đặt ra cho tăng chúng. Người ta sẽ thấy rằng Phật không đòi hỏi các tỳ kheo phải ăn chay, mà cho phép họ ăn thịt khi tin chắc rằng con vật ấy đã không bị giết cốt để cung cấp thịt cho mình. Thịt như vậy gọi là "thanh tịnh ở 3 phương diện", vì nó không được thấy, được nghe, hay được nghi là thịt của một con vật bị giết cốt để đãi tỳ kheo. Giới luật của Phật tử tại gia "không được sát sinh" sẽ ngăn cấm vị ấy giết thịt để cúng dường tỳ

kheo nhưng không cấm mua thịt những con vật đã chết.

- (3) Ở đây đức Phật chứng tỏ rằng Ngài an trú tâm từ không chỉ vì đã dập tắt ác ý bằng thiên quán về từ tâm như Phạm thiên, mà Ngài đã tận diệt gốc rễ của sân hận nhờ đã chứng đắc A la hán quả.
- (4) Thật khó hiểu ở đây là Jivaka xin quy y làm đệ tử tại gia trong khi ông đã chứng quả Dự lưu. Có lẽ công thức này được sử dụng như một phương tiện tái xác nhận sự quy y Tam Bảo của một người, chứ không chỉ giới hạn vào sự quy y lần đầu tiên.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba thứ tịnh nhục, bốn phạm trú

V. KỆ TỤNG

Jivaka hỏi Phật

Các trường hợp Phật dạy

Về ăn thịt, không ăn
(Tịnh nhục, bất tịnh nhục.)

Bất tịnh là vật sống
Nhìn thấy nó bị giết
Nghe kêu gào thảm thiết
Nghĩ nó chết vì mình

Ngược lại khi tỳ kheo
Sống biến mãn mười phương
Với từ, bi, hỉ, xả
Được mời thọ cúng dường

Khi ăn không tham đắm
Không hi vọng tơ tưởng,
Thấy tai họa tham dục,
Ý thức sự xuất ly;

Không nghĩ đến tự hại,
Không nghĩ đến hại người,
Không nghĩ hại cả hai
Như vậy ăn không lỗi.

Ai vì Phật và tăng
Mà giết hại sinh vật
Sẽ tạo nhiều phi phước
Do năm nguyên nhân này:

Nào khi sai bắt lợn
Nào lúc trói dắt đi
Nào lúc đâm thọc huyết
Nghe tiếng kêu ai bi

Nào lúc nó dây chết,
Nào lúc đem cúng dường
Cho chúng tăng ăn dùng
Vật cúng dường phi pháp.



NĂM MƯƠI SÁU

Ữ BA LY

I. TOÁT YẾU

Upaoli Sutta - To Upaoli.

The wealthy and influential householder Up li, a prominent supporter of the Jains, proposes to go to the Buddha and refute his doctrine. Instead, he finds himself converted by the Buddha's "converting magic".

Giảng cho Upàli.

Gia chủ giàu có và nổi tiếng tên Upàli, một thí chủ quan trọng của giáo phái Ni kiền tử, định đến bài bác chủ trương của Phật. Nhưng ngược lại, ông tự thấy mình bị cảm hóa bởi "pháp thuật cảm hóa" của Phật.

II. TÓM TẮT

Trường khổ hạnh¹ (Dìghatapassi) thuộc phái Ni kiến tử đến nơi Phật. Phật hỏi Ni kiến tử chủ trương có bao nhiêu pháp làm nên ác nghiệp.

Trường khổ hạnh đáp không chủ trương nghiệp, mà là phạt². Thân phạt, khẩu phạt, ý phạt, ba thứ khác nhau.

Phật hỏi thứ nào quan trọng nhất, ông đáp thân phạt³ quan trọng nhất. Phật hỏi lại ba lần và ông xác nhận cả ba lần.

Rồi Trường khổ hạnh hỏi lại. Phật nói Ngài không chủ trương phạt mà chủ trương nghiệp, là ba nghiệp thân, khẩu, ý. Ba thứ khác nhau nhưng ý là quan trọng nhất⁴.

Trường khổ hạnh cũng hỏi lại ba lần để Phật xác nhận ý nghiệp là quan trọng nhất. Rồi ông cáo từ trở về thuật lại cuộc đàm thoại với Ni kiến tử.

Upàli đại thí chủ của Ni kiến tử được cử đến luận chiến với Phật, nhưng Trường khổ hạnh can ba lần, nói với Sa môn Gotama có

huyền thuật lôi cuốn đệ tử ngoại đạo. Ni kiên tử không tin, cứ để Upàli đi. Khi được Phật kể lại cuộc đàm thoại với Trưởng khổ hạnh, Upàli cũng xác nhận lập trường của Ni kiên tử là ý nghiệp kém xa thân nghiệp.

Phật bảo nếu ông có thể đàm luận trong tinh thần tôn trọng sự thật thì ngài sẽ nói chuyện với ông. Sau khi Upàli chấp nhận điều kiện này, Phật đưa ra bốn ví dụ cho thấy ý là quan trọng.

Ví dụ thứ nhất liên hệ đến giới luật của Ni kiên tử không uống nước lạnh. Phật hỏi nếu một người vì giữ giới này mà phải chết, thì tái sinh ở đâu. Upàli đáp ở cội trời Ý trước, vì chấp vào ý mà chết⁵. Phật chỉ cho thấy Upàli đã tự mâu thuẫn với lời nói trước. Tuy vậy Upàli vẫn thấy thân nghiệp quan trọng hơn.

Phật lấy *ví dụ thứ hai* là Ni kiên tử hoàn toàn tự chế không dùng nước lạnh, hoàn toàn chú tâm vào sự chế ngự nước lạnh, hoàn toàn loại trừ nước lạnh, hoàn toàn thấm nhuần giới kiêng nước lạnh⁶, nhưng lúc đi qua đi lại lỡ

dâm phải côn trùng, có phạm tội không. Upàli nói không phạm, vì không cố ý⁷. Phật cho thấy ông đã tự mâu thuẫn lần thứ hai.

Ví dụ thứ ba: Một người với đại thần thông lực, với tâm sân hận trong giây lát có thể giết toàn dân thành Nalanda không? Upàli nói một tâm sân hận có thể giết không những một thành mà nhiều thành Nalanda.

Ví dụ thứ tư, Phật hỏi ông có nghe những khu rừng của các vị ẩn sĩ đã trở thành rừng hoang trở lại vì tâm sân hận của các ẩn sĩ ấy không. Upàli xác nhận có nghe, và thừa rằng ông đã phục ngay từ ví dụ đầu tiên, nhưng vì muốn nghe biện tài của Phật về vấn đề này mà ông đóng vai trò chống đối.

Ông ca tụng Phật và xin quy y, nhưng Phật dạy ông rằng người trí cần phải suy nghĩ kỹ trước khi quyết định. Upàli càng thán phục Phật, so với thái độ khoe khoang của các giáo chủ ngoại đạo khi được làm thầy ông.

Upàli lặp lại lời xin quy y, và Phật dạy ông hãy tiếp tục hỗ trợ cho Ni kiên tử như bấy lâu nay ông đã làm. Upàli rất cảm động trước lòng

từ bi của Phật, khác với ngoại đạo chỉ muốn độc tôn, và lặp lại lời cầu xin quy y.

Khi ấy Phật giảng cho ông về bố thí, giới, các cõi trời, sự hạ liệt ô nhiễm của dục và lợi ích của xuất ly. Rồi ngài giảng về Bốn thánh đế. Upàli ngay tại chỗ được mắt pháp⁸ ly trần vô cấu, hoài nghi về Pháp⁹ được tiêu trừ. Ông cáo từ Phật và về nhà căn dặn gia nhân từ nay khi các nam nữ Nigantha đến, hãy nói họ chờ ở cổng sẽ bố thí đồ ăn, nhưng hãy mời đệ tử Phật vào.

Khi nghe tin ấy, giáo chủ Nigantha đến gặp Upàli, nhưng không được mời ngồi chỗ tôn trọng như thường lệ. Ông chỉ trích Upàli đã điên rồ mắc phải huyền thuật cảm hóa của Gotama. Upàli nói: "Thật tốt lành thay huyền thuật cảm hoá ấy¹⁰. Mong sao tất cả bà con trong dòng họ, mọi giai cấp, toàn thế giới, kể cả chư thiên nhân loại, đều được huyền thuật này lôi cuốn."

Rồi Upàli ví dụ con khỉ con, có thể nhuộm được, nhưng không thể đập, ủi, làm thành mềm dịu; cũng vậy là lý thuyết Nigantha ngu

si, chỉ ăn nhuộm với kẻ ngu, không với bậc trí. Ngược lại giáo lý Phật như vải mới có thể nhuộm, đập, ủi, làm thành mềm dịu; nghĩa là ăn nhuộm với người trí, không với kẻ ngu.

Khi được hỏi bây giờ Upàli là đệ tử của ai, Upàli đọc lên bài kệ dài ca tụng những đức tính của Phật. Nigantha không chịu nổi, ngay tại chỗ thổ ra huyết nóng¹¹.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Có nghĩa là khổ hạnh Cao vì ông ta rất cao.
- (2) Pàli *Danda* là cây roi dùng để trừng phạt và cuối cùng có nghĩa là hình phạt, ngay cả khi không có khí cụ. Ở đây dường như muốn nói Ni kiền tử xem thân hành khẩu hành ý hành là những khí cụ qua đó người ta tự hành hạ bằng cách kéo dài sự trôi buộc vào sinh tử và hành hạ kẻ khác bằng cách làm hại họ.
- (3) Ni kiền tử chủ trương thân, khẩu tạo nghiệp biệt lập với sự can thiệp của ý, cũng như khi gió thổi, những cành lay động và lá xào xạc không cần có tâm đi trước.

- (4) Có lẽ Phật nói điều này vì trong giáo lý Ngài, thì tư tâm sở hay ý hành là chất liệu cốt yếu của nghiệp và khi không có ý - nghĩa là trường hợp một thân hành hay ngũ hành không cố ý - thì không tạo nghiệp. Nhưng Luận giải cho rằng khi Phật nói điều này là ám chỉ tà kiến có hậu quả cố định, và dẫn chứng Tăng Chi I như sau : "Này các tỷ kheo, ta không thấy pháp nào đáng quở trách cho bằng tà kiến. Tà kiến là đáng quở trách nhất trong tất cả các pháp." Các loại tà kiến được mô tả trong kinh 60.
- (5) Ni kiền tử không được dùng nước lạnh vì có chứa sinh vật. Do sự kiêng cử nước lạnh bằng thân và lời, họ giữ cho thân hành và ngũ hành thanh tịnh, nhưng nếu tâm họ khao khát nước lạnh thì ý hành của họ bất tịnh, và như thế họ tái sinh vào cõi "những vị trời bị ý trói buộc."
- (6) Lời này trong kinh Trường Bộ II được gán cho Ni kiền tử xem như lập thuyết của họ. Nanamoli nêu lên trong bản thảo rằng ở đây có lẽ muốn chơi chữ vì Vài vừa có nghĩa

nước vừa có nghĩa là 1 đường cong. Đại đức Bodhi dịch căn cứ Luận Trường Bộ Kinh như sau : "Một Ni kiền tử chế ngự đối với tất cả loại nước; tránh tất cả điều ác; được thanh lọc bởi sự tránh tất cả ác; thấm nhuần với sự tránh tất cả ác." Mặc dù lời này có ý quan tâm đến sự thanh lọc, nhưng giọng điệu khác hẳn giáo lý Phật.

- (7) Phật nêu lên một mâu thuẫn trong lập luận của Ni kiền tử là một đảng họ cho "thân phật" quan trọng nhất, một đảng lại xác quyết sự hiện hữu của ý hoàn toàn thay đổi tính chất đạo đức của 1 hành vi.
- (8) Pháp nhãn là Dự lưu đạo. Câu "tất cả cái gì phải sinh ra đều phải hoại diệt" chỉ rõ cách thức đạo khởi lên. Đạo lấy tịch diệt làm đối tượng, nhưng nhiệm vụ của nó là đi sâu vào, thâm nhập tất cả pháp hữu vi, những pháp phải chịu sinh diệt.
- (9) Pháp được nói ở đây chính là Tứ diệu đế. Sau khi thấy được Tứ diệu đế, vị ấy đã cắt đứt kết sử hoài nghi và bây giờ có được cái

thấy cao quý và giải thoát sẽ đưa người thực hành phù hợp với cái thấy ấy đạt đến sự diệt khổ hoàn toàn.

- (10) Ưu Ba Ly nói điều này để ám chỉ quả Dự Lưu mà trước đây ông đã đắc.
- (11) Ni kiền tử rất đau khổ vì mất đệ tử ngoại hộ, và sự buồn khổ của ông gây một xáo trộn cơ thể đưa đến kết quả là ông học ra máu tươi. Khi đã học ra máu tươi thì ít ai có thể sống được. Bởi thế người ta mang ông đến Pava trên 1 cái cang và ở đấy ít lâu sau ông chết.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba nghiệp. Bốn sự thật. Năm triển cái,

V. KỆ TỤNG

Khổ hạnh Ni kiền tử
Đến luận đàm với Phật
Về tâm mức quan trọng
Trong quá trình tạo nghiệp

Theo ông là "Thân phật"
Phật thì dạy "ý nghiệp"
Trường khổ hạnh trở về
Thuật lại cuộc đàm thoại

Giáo chủ Ni kiên tử
Đề cử Ưu ba ly
Đại thí chủ của mình
Đến luận chiến với Phật.

Trường khổ hạnh can gián
- Sa môn Gotama
Có huyền thuật lời cuốn
Coi chừng sẽ thua to.

Ni kiên tử cả quyết:
- Không thể có chuyện ấy
Ưu ba ly sẽ thắng
Cổ đàm sẽ thua to

Khi đến nơi, Phật bảo
"Muốn sáng tỏ vấn đề

Vì tôn trọng sự thật
Thì có thể đàm luận."

Ưu ba ly chấp thuận
Phật hỏi: "Người giữ giới
Do kiêng cử nước lạnh
Chết tái sinh chỗ nào ? "

- Ở cõi trời Ý trước,
Do vì chấp vào ý.
Phật bảo Ưu ba ly:
"Ông đã tự mâu thuẫn."

Phật lại hỏi ông ta
"Người kiêng uống nước lạnh
Nhưng dẫm chết côn trùng
Thì có phạm tội không ?"

Ưu ba ly : - Không phạm,
Vì không có cố ý.
Phật lại cho ông thấy
Đã tự phản lại mình

"Với gươm giáo, một người
Có thể giết nhiều người
Trong giây lát được không?"
- Thưa Cổ đàm, không thể.

"Người có đại thần thông
Trong giây lát nổi giận
Có thể giết bao nhiêu ?"
- Giết cả toàn thế giới.

"Tại sao rừng ẩn sĩ
Đã trở lại rừng hoang ? "
Ưu ba ly trả lời
- Do tâm sân ẩn sĩ.

Với ví dụ đầu tiên,
Con đã bị luận bại
Muốn nghe Thế tôn dạy
Nên con vờ chưa tin.

Ông xin quy y Phật
Phật dạy ông nghĩ kỹ

Trước khi làm quyết định
Xứng thái độ người trí.

Ưu ba ly bạch Phật:
- Các bậc đạo sư khác
Nếu được con xin theo
Sẽ rêu rao khoác lác

Thế tôn không như vậy
Con xin quy y Phật
Pháp và Tỳ kheo tăng
Xin trọn đời quy ngưỡng.

Phật bảo Ưu ba ly:
"Hãy tiếp tục cúng dường
Cho ai đến xin ông
Như các Ni kiền tử."

- Ôi đức Phật từ bi
Khác xa kẻ độc tôn
Con bội phần hoan hỉ
Xin trọn đời quy y.

Phật giảng về bố thí,
Giới, và các cõi trời,
Sự hạ liệt của dục
Và lợi ích xuất ly.

Khi tâm ông thuần thực
Phật giảng Bốn thánh đế.
Ông đắc ngay pháp nhân
Về Pháp hết hoài nghi.

Ông cáo từ đức Phật
Về nhà dạy gia nhân
Mở cửa đón chư tăng
Đóng cửa Ni kiền tử.

Giáo chủ Ni kiền tử
Đến gặp Ưu ba ly
Không còn được tôn trọng
Ngồi cao như mọi khi.

Ni kiền tử tức tối
Trách ông thật ngu si

Để Cồ đàm dụ đồ
Với huyền thuật bùa mê.

- Vi diệu thay huyền thuật
Ưu ba ly tiếp lời,
- Thật tốt lành, lợi ích
Huyền thuật cảm hóa này

Mong bà con dòng họ,
Mong cho mọi giai cấp,
Mong cho cả thế gian
Được Cồ đàm dụ đồ

Vì nhân loại chư thiên
Nhờ huyền thuật cảm hóa
Của Thế tôn Như lai
Sẽ an lạc lâu dài.

Lý thuyết Ni kiên tử
Chỉ thích hợp kẻ ngu.
Nay tôi là đệ tử
Thế tôn Điều ngự sư.

Bạc tham ái tận trừ
Bạc trí tuệ tuyệt luân.
Nghe ca tụng Thế tôn
Nigantha thổ huyết



NĂM MƯƠI BẢY

HẠNH CON CHÓ

I. TOÁT YẾU

*Kukkuravatika Sutta -
The dog-duty Ascetic.*

The Buddha meets two ascetics, one who imitates the behaviour of a dog, the other who imitates the behaviour of an ox. He reveals to them, the futility of their practices and gives them a discourse on kamma and its fruit.

Khổ hạnh Chó.

Phật gặp hai nhà khổ hạnh, một người bắt chước lối sống của chó, một người bắt chước lối sống của bò. Ngài cho họ biết sự vô ích của lối tu ấy, và giảng cho họ nghe về nghiệp và quả báo.

II. TÓM TẮT

Khổ hạnh chó và khổ hạnh bò¹ đến gặp Phật, hỏi về chỗ tái sinh tương lai của các

hạnh như thế. Phật cho biết có hai hậu quả chờ đợi: Một là được sinh vào loài chó, bò, nếu bắt chước giống hệt; hai là sinh vào địa ngục² nếu bắt chước không giống, mà lại có tà kiến cho rằng làm vậy sẽ được lên trời. Họ xin Phật giảng Pháp để từ bỏ được khổ hạnh sai lạc.

Phật giảng về bốn loại nghiệp và quả báo:

1. *Nghiệp đen có quả báo đen*, như sau khi làm những thân ngữ ý hành có tổn hại³, sẽ sinh vào thế giới có tổn hại⁴, và do xúc những tổn hại nên cảm thọ khổ.
2. *Nghiệp trắng có quả báo trắng*, như sau khi làm các thân ngữ ý hành không tổn hại⁵, sẽ sinh vào thế giới không có tổn hại⁶; do xúc những xúc không tổn hại mà cảm thọ lạc.
3. *Nghiệp nửa đen nửa trắng*⁷, là một phần tốt một phần xấu, sinh vào cõi dữ có lành có, như cõi người. Do vậy Phật dạy, sự sinh ra của một hữu tình tùy thuộc vào chính nó; hữu tình là kẻ thừa tự hạnh nghiệp mình⁸.

4. *Nghiệp không đen không trắng*⁹, đưa đến quả báo không đen trắng, tức sự đoạn tận các loại nghiệp, đó là từ tâm sở hay ý chí đoạn tận các loại nghiệp đen, trắng và hỗn hợp đã nói trên.

Hai khổ hạnh nghe xong tán thán Phật, Khổ hạnh Bò xin quy y, khổ hạnh Chó xin xuất gia thọ giới cụ túc. Phật dạy ngoại đạo cần trải qua bốn tháng thử thách trước khi xuất gia, nhưng Ngài biết rõ căn tính các hạng người¹⁰. Khổ hạnh Chó chấp nhận dù có phải trải qua bốn năm thử thách để được xuất gia. Sau khi thọ giới cụ túc không bao lâu, Khổ hạnh Chó Seniya chứng quả A la hán.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Punna tu hạnh bò bằng cách mang sừng trên đầu, cột đuôi sau lưng và ăn cỏ cùng với những con bò. Seniya thực hành tất cả hạnh của một con chó.
- (2) Sinh địa ngục là do tà kiến cho rằng khổ hạnh ấy sẽ dẫn đến tái sinh cõi trời. Cần chú ý rằng sự tu tập khổ hạnh sai lầm có

hậu quả ít nghiêm trọng khi nó được thực hành không kèm theo tà kiến hơn là khi có kèm theo tà kiến. Mặc dù ngày nay ít ai thực hành khổ hạnh chó, bò, song nhiều kiểu sống lạc hướng đã thành phổ biến và lại được biện minh bằng một tà thuyết, do vậy hậu quả của những lối sống này càng tai hại hơn nữa.

- (3) Thân hành (ngũ hành, ý hành) "có hại" có thể hiểu là 10 bất thiện hành trái với 10 thiện nghiệp đạo: 3 về thân, 4 về ngữ và 3 về ý. Xem kinh số 9.
- (4) Thế giới có tổn hại là như 1 trong các đạo xứ : địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.
- (5) Ở đây muốn nói đến các ý hành chịu trách nhiệm về 10 nghiệp thiện và ý hành thuộc các cõi thiện.
- (6) Vị ấy được tái sinh vào cõi trời.
- (7) Nói một cách chân chính, thì không có ý hành nào có thể đồng thời vừa thiện vừa bất thiện, vì ý hành chịu trách nhiệm về hành vi phải làm thì hoặc thiện, hoặc bất thiện. Ở

đây ta nên hiểu hữu tình vướng vào những hành động thiện có ác có, nhưng không một hành động nào đặc biệt nổi bật.

- (8) Hữu tình tái sinh tùy theo nghiệp đã làm và theo những cách phù hợp với những nghiệp ấy. Những ngụ ý của thuyết này được diễn rộng trong kinh 135-136.
- (9) Chính là ý hành thuộc 4 đạo lộ siêu thế mà tốt cùng là A la hán quả. Mặc dù vị A la hán cũng làm các hành vi, nhưng những hành vi của vị ấy không còn tác dụng của nghiệp để phát sinh hiệu hữu mới hoặc để đem lại kết quả ngay trong kiếp này.
- (10) Phật có thể quyết định : "Người này cần qua thời gian thử thách, người này không cần."

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba thọ, bốn loại nghiệp (đen, trắng, vừa đen vừa trắng, không đen không trắng), năm thú (cõi tái sinh): trời người địa ngục, quỷ, súc.

V. KỆ TỤNG

Punna Khổ hạnh Bò
Seniya khổ hạnh Chó
Cùng đi đến gặp Phật,
Hỏi tái sinh tương lai

"Nếu hành trì viên mãn
Chó, bò là chỗ sinh
Hoặc sinh vào địa ngục
Nếu không làm như in."

Hai khổ hạnh khóc lóc :
Chúng con tu hạnh ấy
Nay xin Phật chỉ đường
Tu hành theo chính đạo.

Phật dạy bốn loại nghiệp:
Nghiệp toàn đen, toàn trắng
Nghiệp nửa đen nửa trắng
Và nghiệp không trắng đen.

Đen là nghiệp tổn hại
Sinh côi có tổn hại
Phải cảm thọ khổ đau
Như địa ngục, quỷ, súc.

Vô hại là nghiệp Trắng
Sinh côi không tổn hại
Nên cảm thọ an vui
Như ở trên thiên giới

Nghiệp vừa đen vừa trắng
Sinh côi có dữ lành
Thọ có vui có khổ
Như trong côi người ta

Nghiệp không đen không trắng
Không quả báo trắng đen
Là do tư tâm sở
Ý chi đoạn tận nghiệp

Như khi vị La hán
Dù có làm việc lành

Cũng không ham quả báo
Tương lai khỏi thọ sinh.

Do vậy các hữu tình
Sinh ra do chính nó
Thọ vui hay thọ khổ
Thừa tự hạnh nghiệp mình

Hạnh Bò xin quy y
Hạnh Chó xin thọ cụ
Dù phải qua thử thách
Vì ngoại đạo xuất gia.

Phật biết rõ căn cơ
Nên độ cho Seniya
Thọ giới không bao lâu
Ông chứng thành La hán.



NĂM MƯƠI TÁM

VÔ ÚY VƯƠNG TỬ

I. TOÁT YẾU

*Abhayaràjakumàra Sutta -
To Prince Abhaya.*

The Jain leader, Nigantha Nàtaputta, teaches Prince Abhaya a "two-horned question" with which he can refute the Buddha's doctrine. The Buddha escapes the dilemma and explains what kind of speech he would and would not utter.

Nói cho Vô Úy vương tử.

Giáo chủ Ni kiên tử dạy cho Vô Úy vương tử một "câu hỏi hai móc" để có thể bài bác thuyết của Phật. Phật thoát khỏi ngô bí và giải thích loại lời nào Ngài sẽ nói và loại nào không.

II. TÓM TẮT

Ni kiền tử bày cho vương tử Vô úy¹ một câu hỏi hai móc² để đến chất vấn Phật: "Như lai có bao giờ nói một lời làm kẻ khác buồn không. "Nếu đáp có, thì khác gì phạm phu. Nếu đáp không, thì thành nói dối, vì Phật mới vừa nói Devadatta sẽ rơi vào đọa xứ, khiến cho Đề bà rất phẫn nộ. Như vậy khi Cồ đàm bị hỏi câu này sẽ như nuốt phải một cái móc sắt, không thể nhả ra cũng không thể nuốt vào.

Vương tử theo lời, thỉnh Phật đến nhà thọ trai xong, hỏi như trên. Nào ngờ Phật hỏi lại ông : "Có phải người chờ đợi Như Lai trả lời có hoặc không chăng ?"

Vương tử nói: "Bạch Thế tôn, Ni kiền tử đã bị bại ngay hiệp đầu."

Phật gạt hỏi, ông thú nhận Ni kiền tử chờ đợi Phật trả lời có hoặc không để phản bác, không dè gặp trường hợp này. Khi ấy Phật chỉ vào đứa bé trai đang được bế ngồi trên gối vương tử và hỏi ông ta :

"Giả sử người vú em sơ ý để đứa bé nuốt phải một cái móc sắt, ông sẽ làm sao?"

- Bạch Thế tôn, con sẽ lôi cái móc ấy ra, dù có phải làm cho đứa trẻ đau đớn, chảy máu miệng. Vì con rất thương đứa bé.

Khi ấy Phật dạy : "Như Lai cũng vậy, vì thương xót hữu tình, Như Lai sẽ biết thời để nói cho chúng lời nói đúng sự thật, tương ứng với mục đích, dù lời ấy có thể làm họ ưa thích hay không³."

Khi ấy vương tử bạch Phật, trước khi đến chất vấn Phật, ngoại đạo phải họp nhau cân nhắc đủ thứ mới nghĩ ra được một câu hỏi; phải chằng ngài cũng suy nghĩ trước và chuẩn bị sẵn những câu trả lời.

Phật hỏi ông: "Ông có rành về xe cộ không? " Vương tử đáp có, vì đó là sở trường của ông ta.

Phật hỏi, "Ông có cần phải suy nghĩ về những bộ phận xe để mỗi khi ai hỏi, có thể trả lời thông suốt ? "

Vương tử cười lớn: "Dạ không, con quá rành về xe nên ai hỏi là đáp ngay, khỏi cần chuẩn bị gì ráo. "

Phật dạy Như lai cũng vậy, đã liễu tri pháp giới⁴ nên không cần phải suy nghĩ rồi mới trả lời.

Vương tử Vô úy ca tụng Phật và xin quy y

III. CHÚ GIẢI

- (1) Vô Úy vương tử là con trai vua Bimbisara (Bình Sa) xứ Ma Kiệt Đà, nhưng không phải là người thừa kế ngai vàng.
- (2) Ni kiền tử bày ra 1 thế lưỡng nan vì dự định Phật sẽ đưa ra câu trả lời một chiều (có hoặc không). Nhưng khi sự trả lời 1 chiều đã bị loại bỏ, ngô bí đưa ra trở thành vô hiệu.
- (3) Phật không ngần ngại rầy la quả trách đệ tử khi ngài thấy cách nói như vậy sẽ đem lại lợi ích cho họ.
- (4) Theo Luận giải, pháp giới là ám chỉ trí toàn tri của Phật. Ở đây không nên lầm lẫn pháp giới với danh từ pháp giới dùng để chỉ đối tượng của ý trong 18 giới, cũng không có

nghĩa nguyên lý vũ trụ bao trùm khắp mọi sự trong Phật giáo đại thừa.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba điều kiện Phật nói ra lời gì:

1. đúng sự thật;
2. đúng thời;
3. Tương ứng với mục đích (nghĩa là, có nhắm đến một mục đích nào đó, ví dụ cảm hóa người nghe).

Người nghe có ưa thích hay không ưa thích, không thành vấn đề.

V. KỆ TỤNG

Vương tử Abhaya (Vô úy)
Đến thăm Ni kiền tử
Vị này bảo vương tử
Đến chất vấn Thế tôn.

Với câu hỏi hai móc
Trả lời không cũng kẹt

Nói có cũng không xong
Như lưỡi câu móc họng :

Như lai có bao giờ
Nói làm buồn kẻ khác
Nếu có, giống phàm phu
Nếu không, thành nói dối.

Vì chính Ngài vừa nói
Khiến Đề Bà rất đau
Bị chất vấn như vậy
Như nuốt phải móc câu.

Vương tử theo lời thầy
Thỉnh Phật về thọ trai
Rồi lân la khẽ nói :
- Xin được hỏi Như lai

Như lai có bao giờ
Nói làm buồn kẻ khác?
"Có phải người chờ đợi
Ta nói có hoặc không?"

Vương tử Vô Úy thưa
- Ni kiền tử đã thua.
Khi Phật hỏi lý do
Ông ta bèn thuật lại.

Phật chỉ đưa hài nhi
Ngồi trên vế vương tử:
"Ông sẽ phải làm gì
Khi nó nuốt lưỡi câu ?"

- Con sẽ móc họng nó
Dù phải làm nó đau
Và chảy máu đầy miệng
Vì lòng xót thương sâu.

"Như lai cũng thế ấy,
Vì thương xót người đời
Và gặp lúc đúng thời
Sẽ nói lời chân thật,

Lời tương ứng mục tiêu,
Dù chúng sinh ưa thích

Hoặc chúng không ưa thích
Vì tâm Phật xót thương."

- Bạch Phật, con vẫn thấy
Bà la môn có trí
Thường soạn sẵn câu hỏi
Để chất vấn Thế tôn.

Chẳng hay đức Thế tôn
Có thường ngày chuẩn bị
Nghĩ sẵn câu trả lời
Hay đáp ngay tại chỗ?

"Này vương tử, chẳng hay
Ông rành về xe cộ ? "

- Quả vậy, bạch Thế tôn
Đấy sở trường của con.

"Ông có thường suy nghĩ
Về những bộ phận xe
Để phòng khi ai hỏi
Sẽ trả lời cho nghe ? "

- Dạ thưa không, bạch Phật
Con quá rảnh về xe
Nên ai hỏi đáp liền
Không cần gì suy nghĩ.

"Cũng thế, với Như lai
Đã liễu tri pháp giới
Nên không cần nghĩ suy
Để trả lời câu hỏi. "

- Vì diệu thay, Thế tôn
Như người dựng đứng lên
Những gì bị quăng ngã
Phơi bày cái che khuất,

Chỉ đường kẻ lạc hướng
Đem đèn vào bóng tối
Cho những người có mắt
Có thể thấy hình sắc.

Cũng vậy, đức Thế tôn
Nay con xin quy y
Từ nay đến mạng chung
Con trọn đời quy ngưỡng.

NĂM MƯƠI CHÍN

NHIỀU CẢM THỌ

I. TOÁT YẾU

Bahuvédaniya Sutta - The many kinds of Feeling.

After resolving a disagreement about the classification of feelings, the Buddha enumerates the different kinds of pleasure and joy that beings can experience.

Kinh nhiều cảm thọ.

Sau khi giải quyết một bất đồng về phân loại các cảm thọ, Phật kể ra các loại lạc và hỷ mà hữu tình có thể cảm thọ.

II. TÓM TẮT

Thọ mộc Pancakanga một cư sĩ, cãi nhau với tỳ kheo Ưu Đà Di. Thọ mộc bảo chỉ có hai thọ là lạc và khổ. Tỳ kheo bảo có ba thọ là lạc, khổ và không lạc không khổ. Thọ mộc cãi loại thọ thứ ba ấy cũng thuộc về lạc, như cảm thọ không khổ không lạc ở thiền thứ tư. Hai bên không ai chịu ai. Tôn giả A Nan chứng kiến cuộc đàm thoại, về thuật lại với Phật.

Phật dạy, có khi Ngài giảng hai thọ², có khi Ngài giảng ba thọ², có khi Ngài giảng 5 thọ², 6 thọ², 18 thọ², 36 thọ², 108 thọ²... tùy từng pháp môn. Người biết vậy sẽ không cãi nhau, mà sống hoà hợp.

Rồi Phật giảng có nhiều cấp bậc lạc thọ: Thấp nhất, dục lạc là khoái cảm do năm giác quan đem lại khi tiếp xúc với năm đối tượng vật chất.

Kế đến là hỷ lạc sơ thiền, rồi nhị thiền, tam, tứ thiền³, Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và cuối cùng Diệt thọ tưởng định⁴. Càng lên cao

lạc thọ càng tinh tế; nên Phật không chấp nhận xem một lạc thọ nào trong đó là thù thắng nhất.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Thọ mộc của vua Ba tư nặc xứ Kosala là một tín đồ thuần thành của Phật. Ông ta còn xuất hiện trong kinh 178 và 127.
- (2) *Hai thọ* là thân thọ và tâm thọ, hoặc 2 loại thọ mà thọ mộc nói gồm khổ thọ và lạc thọ (bao gồm cả thiên lạc tối thắng) thì ít phổ thông. *Ba thọ* là 3 loại cảm giác được Ưu Đà Di đề cập : khổ, lạc và bất khổ bất lạc. *Năm thọ* là thân lạc, tâm hỷ, thân khổ, tâm ưu, và xả. *Sáu thọ* là những cảm thọ do xúc sinh qua 6 giác quan. *18 thọ* là căn trần tiếp xúc sinh ra 6 loại hỷ, 6 loại ưu và 6 loại xả (xem kinh 137). *36 loại thọ* là 6 hỷ, 6 ưu và 6 xả, mỗi loại gồm hai, là hỷ ưu xả thuộc đời sống tại gia hay hỷ ưu xả trong đời sống xuất gia (xem kinh 137). *108 loại thọ* là 36 loại đã nói, phối hợp với ba thì quá khứ hiện tại và vị lai.

- (3) Luận giải nêu lên rằng khi nói về cảm thọ không khổ không lạc của tứ thiên là một loại lạc thọ, đức Phật đã ngầm chấp nhận quan điểm của thọ mộc đưa ra.
- (4) Cả 2 loại lạc được cảm thấy và không được cảm thấy, loại không được cảm thấy tức là lạc liên hệ đến sự chứng đắc diệt định. Đức Như lai mô tả cả 2 là lạc thọ với ý nghĩa chúng không có khổ.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Hai thọ, ba thọ, năm dục trường dưỡng, năm căn, năm trần, sáu thọ, chín định thứ đệ, 18 thọ, 36 thọ, 108 thọ.

V. KỆ TỤNG

Thọ mộc tên Ngũ phần
Đến nơi Ưu đà di
Tỳ kheo đệ tử Phật
Hỏi có bao nhiêu thọ.

- Thế tôn thuyết ba thọ
Lạc thọ và khổ thọ
Cùng bất khổ bất lạc
Chính tôi đã được nghe.

- Tôn giả Ưu Đà di
Thế tôn thuyết hai thọ
Còn bất khổ bất lạc
Là thiền lạc tối cao.

- Thế tôn thuyết ba thọ
Không phải thuyết hai thọ.
Tỳ kheo và thọ mặc
Không ai chịu nghe ai.

Chúng kiến cuộc luận đàm
A nan về bạch Phật
Phật dạy: " Tùy pháp môn
Ta nói hai, ba thọ.

Ta cũng giảng 5 thọ
Sáu thọ, mười tám thọ,

Băm sáu, trăm linh tám...
Tùy theo mỗi pháp môn.

Những điều đã trình bày
Ai không khéo linh hội
Tranh chấp sẽ xảy ra
Bằng binh khí miệng lưỡi.

Hỉ lạc do năm dục
Sắc thanh hương vị xúc
Được gọi là dục lạc
Chưa phải tối thắng lạc.

Vì còn có hỉ lạc
Do ly dục sinh ra
Do ly bất thiện pháp
Khi chứng trú sơ thiền

Lạc này hơn dục lạc
Nhưng cũng chưa thù thắng
Bằng hỉ lạc nhị thiền
Định sanh, không tầm tử

Tam thiên vi diệu hơn
Với xả niệm lạc trú
Tứ thiên càng vi diệu
Xả niệm thanh tịnh lạc.

Khi vượt qua sắc tướng
Trừ các chướng ngại tướng
Chứng Không vô biên xứ
Lạc càng thù thắng hơn.

Lên đến Thức vô biên
Rồi Vô sở hữu xứ
Phi tướng, phi phi tướng
Lạc càng thêm tinh vi

Tột cùng, Diệt tận định
Dù không còn lạc thọ
Cũng được gọi là lạc
Với nghĩa không còn khổ.

Những ai khéo linh hội
Pháp được giảng nhiều cách
Sẽ lia được tranh cãi
Sống hòa hợp an vui."

SÁU MƯƠI

KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG

I. TOÁT YẾU

Apannaka Sutta-

The Incontrovertible teaching.

The Buddha gives a group of brahmin householders an "incontrovertible teaching" that will help them steer clear of the tangle in contentious views.

Giáo lý Không thể tranh cãi.

Phật giảng cho một nhóm gia chủ bà la môn một giáo lý không ai cãi được, để giúp họ khỏi mắc kẹt vào sự rối ren của các quan điểm tranh chấp.

II. TÓM TẮT

Phật trình bày cho các gia chủ làng Sala¹ một số quan điểm mâu thuẫn nhau của các sa môn bà la môn đương thời, và dạy một pháp môn không thể tranh cãi². Ngài đề cập năm tà thuyết đương thời:

1. Chấp hư vô luận hay duy vật cực đoan
2. Chấp không có đời sau và quả báo;
3. Chấp không có quả báo các nghiệp lành dữ;
4. Thuyết định mệnh, vô nhân³;
5. Không các cội vô sắc;
6. Không có Hữu diệt hay Niết bàn.

Mỗi chủ trương đều có một lập trường ngược lại với nó. Cuối cùng Ngài đề cập bốn hạng người như ở kinh 51: tự hành khổ, hành khổ người, hành khổ cả mình lẫn người, và không hành khổ mình, người.

Người chủ trương 3 thuyết đầu⁴, thì có thể từ bỏ ba thiện pháp về thân, ngữ, ý, thực hành ba ác pháp về thân ngữ ý; vì họ không thấy sự nguy hiểm, hạ liệt của bất thiện pháp và lợi ích của thiện pháp⁵. Họ cũng nói trái ngược với

thánh giáo, vì các bậc thánh đều biết có đời sau. Vậy là do duyên tà kiến Phi hữu⁶, khởi lên các ác pháp : tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, sự đối nghịch với các bậc thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người. Những chủ trương ngược lại thì có chính kiến, và do chính kiến, khởi lên các thiện pháp : chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, không đối nghịch các bậc thánh, thuyết phục thuận với diệu pháp, không khen mình chê người.

Về thuyết đầu "không có đời sau", người có trí sẽ nghĩ rằng ; nếu chủ trương ấy là đúng, thì người chủ trương khi mạng chung sẽ cảm thấy an toàn⁶, vì không có đời sau⁷, nên việc ác họ đã làm không có quả báo; nhưng hiện tại họ vẫn bị người trí quả trách. Còn nếu chủ trương của họ sai, thì họ bị mất mát cả hai phương diện⁸, hiện tại bị người trí quả trách, tương lai còn chịu quả báo, sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ngược lại, người chủ trương Hữu kiến⁹ và hành xử tùy theo đó, thì được lợi cả hai phương diện: hiện tại được người trí tán thán, và tương lai sinh vào thiện

thú, côi trời¹⁰. Về thuyết thứ hai "Vô hành"¹¹ và thứ ba "Vô nhân"¹² hay thuyết định mệnh¹³ cũng vậy.

Đối với lập trường thứ tư "Không thể có vô sắc toàn diện"¹⁴ người có trí nên suy nghĩ : người có chủ trương này chỉ khao khát sinh vào côi chư thiên có sắc¹⁵ do "ý" thành. Còn nếu chủ trương ngược lại, "Có thể có một vô sắc toàn diện" thì người này sẽ khao khát sinh vào côi chư thiên vô sắc do "tưởng" thành¹⁶. Vị ấy nghĩ, nhân cái gì có sắc đều có đấu tranh, nhưng sẽ không có đấu tranh trong một thế giới hoàn toàn vô sắc. Do nghĩ như vậy, vị ấy thành tựu sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc pháp.

Đối với lập trường thứ 5, "Không thể có Hữu diệt toàn diện"¹⁷ người có trí suy nghĩ : ai chủ trương như vậy sẽ khao khát tái sinh vào côi vô sắc do tưởng. Còn nếu chủ trương ngược lại, "Có thể có Hữu diệt toàn diện" thì vị ấy có thể hi vọng nhập niết bàn ngay hiện tại¹⁸. Quan điểm đầu gần với tham ái, kết sử, chấp thủ, quan điểm sau gần với ly tham, không chấp thủ, gần với ái diệt. Do suy tư như

vậy, vị ấy thành tựu yểm ly, ly tham, đoạn diệt đối với các hữu.

Về bốn hạng người, hạng 1 tự hành khổ là hạng tu các khổ hạnh ; hạng 2 làm khổ kẻ khác là hạng làm các nghề ác ; hạng 3 hành khổ cả hai, là hạng vua chúa gia chủ theo ác giới, dựng tế đàn giết hại sinh vật. Hạng 4 không làm ai khổ là vị A la hán xuất hiện ở đời, từ bỏ 5 triền cái, chứng trứ 4 thiên 3 minh, tự thân cảm thấy mát lạnh.

Sau khi nghe pháp các bà la môn ở làng Sala xin quy y Tam bảo.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Làng Sa la nằm ở lối vào rừng, nơi có nhiều sa môn bà la môn thuộc nhiều giáo phái thường nghỉ đêm, trình bày quan điểm của mình và đả kích quan điểm của người khác, điều này làm cho dân làng bối rối không biết tin theo giáo lý nào.
- (2) Không thể tranh cãi, Apan, naka, theo Luận giải, là một giáo lý không thể nói ngược lại, một giáo lý sáng sủa, chắc chắn, dễ

chấp nhận, không có ý nghĩa mập mờ. Danh từ này cũng xuất hiện trong kinh Tăng Chi Bộ 3-4.

- (3) Ba loại kiến ấy gọi là tà kiến có hậu quả xấu nhất định. Người nào tin theo chúng là đóng cửa ngõ tái sinh lên thiên đường, đóng cửa ngõ đưa đến giải thoát.
- (4) Sự khảo sát 3 kiến chấp này diễn tiến theo đường lối sau : Phật nêu lên kiến chấp A và phản đề của nó là B. Xét kiến chấp A trước, trong A.i ngài chứng minh hậu quả tai hại của kiến chấp này trên ba nghiệp thân, khẩu, ý. Trong A.ii ngài tiếp tục phê phán rằng kiến chấp ấy thực sự là sai, và nói đến những hậu quả tiêu cực của sự tin theo kiến chấp ấy. Rồi trong A.iii ngài chứng minh làm thế nào một người trí đi đến kết luận rằng dù kiến chấp ấy đúng hay không đúng, tốt hơn hết là nên bác bỏ nó.
- (5) Kế tiếp lập trường B được xét đến. Trong B.i Phật mô tả ảnh hưởng tốt lành của kiến chấp này trên lối hành xử. Trong B.ii ngài

đưa ra những hậu quả tích cực của sự theo một quan điểm như thế. Và trong B.iii ngài chứng minh làm thế nào một người trí đi đến kết luận rằng, bất luận sự thật ra sao, tốt nhất cho vị ấy là nên xem như thể là quan điểm ấy đúng, và hành xử theo đó.

- (6) Xem chú thích kinh 41 giải thích những cách diễn đạt khác nhau của quan điểm "không có đời sau."
- (7) Danh từ Pàli là *Susilya* (thiện giới) và *Dusilya* (ác giới). Vì ác giới nghe ra mâu thuẫn, giới có nghĩa là đạo đức, nên ở đây dịch là thiện pháp và bất thiện pháp.
- (8) Vị ấy đã tự trấn an mình do nghĩ mình sẽ không phải đau khổ trong một đời sau. Tuy nhiên vị ấy vẫn còn chịu những loại khổ phải gặp trong đời này, mà Phật sắp nói đến.
- (9) *Phi hữu luận* có nghĩa là nó chối bỏ hiện hữu một đời sau và quả báo của nghiệp.

- (10) Vị ấy chỉ theo một chiều của giáo lý không thể tranh cãi, nghĩa là tự cảm thấy an toàn chỉ nhờ giả thuyết không có đời sau, cho nên nếu thật có đời sau thì vị ấy sẽ mất mát cả 2 mặt - hiện tại bị người trí quả trách, tương lai sinh vào cõi dữ.
- (11) *Hữu kiến* : là sự xác nhận có đời sau và có quả báo các nghiệp.
- (12) Cách hiểu của vị này trải ra cả 2 chiều, nên được lợi ích của quan điểm mình - xác nhận có đời sau - dù đời sau có thực có hay không.
- (13) Trong kinh Sa Môn Quả, thuyết "Vô hành" này được gán cho Phú Lan Na Ca Diếp. Mặc dù mới nghe qua, quan điểm này dường như chủ trương duy vật như quan điểm chấp đoạn trước đây, nhưng có bằng chứng kinh điển cho thấy Phú Lan Na Ca Diếp theo một lý thuyết nguy hiểm. Lý thuyết đạo đức của ông là, mọi hành vi đã được định trước theo những cách mà ta không thể gán trách nhiệm đạo đức cho người làm.

- (14) Đây là thuyết "Vô nhân" mà giáo phái Mạt Già Lê (Makkhali) chủ trương trong kinh *Sa Môn Quả*, gọi là thuyết Luân hồi tịnh hóa. Thuyết này đã được đề cập trong tác phẩm *Lịch Sử và Lý Thuyết của Mạt Già Lê*, chương 12-13.
- (15) Định mệnh là yếu tố chính giải thích triết học Mạt Già Lê, theo đó những biến cố ngoại giới và cá nhân đều do hoàn cảnh và thiên nhiên điều động : "*Cái quay búng sẵn trên trời, Lờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.*" Sáu tầng lớp xã hội tùy theo trình độ tiến hóa tâm linh của họ, tầng cao nhất dành cho 3 luận sư ngoại đạo nói trong kinh Trung 36.
- (16) Đây là phủ nhận 4 cõi vô sắc, cảnh giới của 4 thiên chúng vô sắc.
- (17) Đây là những vị trời thuộc các cảnh giới tương ứng với 4 thiên sắc giới - những vị trời có thân thể bằng sắc chất vi tế, không như những vị trời thuộc vô sắc giới chỉ có thuần tâm, không lẫn với sắc.

- (18) Mặc dù bậc trí được nói ở đây có hoài nghi về hiện hữu của vô sắc giới, vị ấy chứng 4 thiền, và trên căn bản ấy vị ấy cố đạt đến các định vô sắc. Nếu không thành công, vị ấy cũng chắc chắn được tái sinh trong các cõi trời sắc, nhưng nếu thành công, vị ấy sẽ tái sinh trong cõi vô sắc. Như vậy đối với vị ấy, sự lưỡng lự này là một "giáo lý không thể cãi."
- (19) *Hữu diệt* đây có nghĩa là Niết bàn.
- (20) Mặc dù người này còn nghi ngờ về hiện hữu của Niết bàn, vị ấy đắc 8 thiền chứng và dùng một trong những thiền chứng ấy làm căn bản, vị ấy phát triển tuệ, nghĩ rằng "nếu có diệt, thì ta sẽ đắc A la hán quả và chứng niết bàn." Nếu thất bại, vị ấy chắc chắn tái sinh vào cõi vô sắc, nhưng nếu thành công, vị ấy đắc quả A la hán và chứng Niết bàn.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba minh, bốn hạng người, bốn thiền, năm triền cái, tám thánh đạo, chín định thứ đệ.

V. KỆ TỤNG

Dân chúng làng Sa la
Đến viếng thăm đức Phật
Khi Ngài đang du hành
Trong xứ Kosala.

Phật hỏi các gia chủ
Có vị đạo sư nào
Họ đặt hết niềm tin?
Họ đáp rằng không có.

Phật bèn giảng cho họ
Pháp môn "không chuyển hướng"
Đối với các quan điểm
Hoàn toàn trái ngược nhau.

Một là hư vô luận
Thuyết duy vật cực đoan
Chấp không có đời sau
Và quả báo thiện ác.

Hai là thuyết Vô hành
Làm các nghiệp dữ lành

Cả hai đều vô hiệu
Không có tội phước gì.

Ba là thuyết Vô nhân
Hay là thuyết định mệnh
Bốn, không có Vô sắc
Năm không có Hữu diệt.

Mỗi chủ trương đều có
Một lập trường ngược lại.
Cuối cùng Ngài đề cập
Lối sống bốn hạng người.

Người theo ba thuyết đầu,
Từ bỏ ba thiện pháp
Về thân, ngữ, và ý,
Thực hành ba ác pháp

Vì không thấy bất thiện
Là hạ liệt, nguy hiểm
Tà kiến Hư vô này,
Khởi thêm sáu ác pháp:

Tà tư duy, tà ngữ,
Tà nghiệp, ngược thánh giáo
Thuyết phục chống diệu pháp,
Và khen mình chê người.

Người chủ trương ngược lại
Có đời sau, quả báo...
Thì có được chính kiến,
Lại thêm các thiện pháp:

Chính tư duy, chính ngữ,
Chính nghiệp, thuận thánh giáo,
Thuyết phục theo diệu pháp,
Không khen mình chê người.

Ai nói "không đời sau",
Người trí nên suy nghĩ:
Nếu kẻ ấy nói đúng
Khi chết được an toàn

Vì việc ác họ làm
Sẽ không có quả báo;
Nhưng ngay trong hiện tại
Bị người trí quả trách.

Nhưng nếu có đời sau
Họ sẽ phải thua đau:
Hiện tại, người trí chê
Tương lai sinh cõi dữ.

Người chấp hành Hữu kiến
Lợi cả hai phương diện:
Hiện tại người trí khen
Tương lai sinh cõi thiện.

Về chủ trương "Vô hành"
Và "Vô nhân" cũng vậy
Hãy suy luận như trên
Được sự "không cãi được"

"Không có cõi vô sắc"
Người trí nên suy nghĩ:
Kẻ này sinh sắc giới
Cõi trời do "ý" thành

Ai chủ trương ngược lại
"Có thể có vô sắc"
Người này sinh vô sắc
Cõi do "tưởng" mà thành

Bất cứ gì có sắc
Đều sinh ra đấu tranh,
Nhưng không có đấu tranh
Trong cõi thuần vô sắc.

Do suy tư như vậy,
Thành tựu hạnh yếm ly,
Ly tham và diệt tận
Đối tất cả sắc pháp.

"Không Hữu diệt toàn diện"
Ai chủ trương như vậy
Còn khao khát tái sinh
Cõi vô sắc do tưởng.

Ai chủ trương ngược lại,
"Có Hữu diệt toàn diện"
Có thể nhập niết bàn
Hữu diệt ngay hiện tại.

Lại nữa, quan điểm trước
Chấp không có hữu diệt
Thì gần với tham ái
Quan điểm sau ly tham,

Gần vô chấp, ái diệt.
Do suy tư như vậy,
Thành yếm ly, ly tham,
Đoạn diệt với các hữu.

Trên đời có bốn hạng
Tự hành, hành khổ người
Vừa khổ mình, khổ người
Và không làm ai khổ

Là La hán ly dục,
Chứng bốn thiên ba minh
Thân cảm thấy mát lạnh
Tự ngã trú Phạm thể.



SÁU MƯƠI MỐT

GIÁO GIỚI LA HẦU LA Ở RỪNG AM BÀ LA

I. TOÁT YẾU

*Ambalatthikàràhulovàda Sutta- Advice to
Ràhula at Ambalatthikà.*

The Buddha admonishes his son, the novice Ràhula, on the dangers in lying and stresses the importance of constant reflection on one's motives.

Lời khuyên Ràhula, người ở rừng Ambala

Phật khuyến cáo con trai của ngài là chú tiểu Ràhula về những nguy hiểm trong sự nói dối, và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự thường xuyên tư duy về những hành động của mình.

II. TÓM TẮT

Phật đến thăm Ràhula¹, và khi tôn giả bưng chậu nước cho ngài rửa chân, ngài đã dùng ví dụ chậu nước để giáo giới. Trước hết ngài chứa lại một ít nước trong chậu, chỉ cho Ràhula và nói: "Sa môn hạnh của kẻ cố ý nói dối cũng ít ỏi như vậy."

Kế đến Phật đổ hắt chút nước đó và bảo: "Sa môn hạnh của kẻ cố ý nói dối cũng đáng đổ đi như vậy."

Rồi ngài lật úp chậu, chỉ cho Ràhula thấy mà bảo: "Sa môn hạnh của kẻ cố ý nói dối cũng bị lật úp như cái chậu này."

Cuối cùng, ngài lật ngửa cái chậu, chỉ cho Ràhula thấy sự trống rỗng mà bảo: "Cũng trống rỗng như vậy, sa môn hạnh của kẻ cố ý nói dối. Như con voi lâm trận biết bảo vệ cái vòi là biết giữ mạng sống; nếu nó dùng luôn cả cái vòi tức đã thí mạng, không có gì nó không làm. Cũng vậy, kẻ cố ý nói dối thì không còn chứa điều ác nào. Do vậy, cần phải quyết định: Ta sẽ không nói dối, dù nói để đùa chơi."

Phật lại lấy ví dụ, như tấm gương dùng để phản chiếu, người tu hành cũng phải phản tỉnh khi sắp làm, đang làm, hoặc đã làm một thân hành, ngữ hành, ý hành nào, xem nó có đưa đến tự hại, hại người, hại cả hai, biết nó bất thiện, đưa đến đau khổ, thì nhất định không làm, hoặc đình chỉ và phát lộ sám hối để chữa bỏ². Nếu sau khi phản tỉnh, biết thân hành, ngữ hành, ý hành³ ấy không đưa đến tự hại, hại người, hại cả hai, biết nó là thiện, đưa đến an lạc, thì hãy hoan hỷ tiếp tục. Đây là đường lối phản tỉnh của tất cả sa môn bà la môn trong quá khứ, hiện tại và vị lai để tịnh hoá ba nghiệp thân khẩu ý.

III. CHÚ GIẢI

- (1) La hầu la là con trai duy nhất của Phật, ra đời khi Ngài rời cung vua đi tìm giác ngộ. Năm 7 tuổi, ông được tôn giả Xá lợi phất cho thọ giới làm Sa di nhân Phật về thăm Ca tỳ la vệ lần đầu tiên sau khi đạt giác ngộ. Phật tuyên bố La hầu la là đệ tử bậc nhất về hạnh ham tu. Theo Luận, kinh này được

giảng cho La hâu la lúc 7 tuổi. tức lúc ông vừa thọ giới xuất gia không lâu. Theo kinh 147, Ràhula đắc quả A la Hán sau khi nghe Phật thuyết giảng về cách tu tuệ quán.

- (2) Có lỗi mà phát lộ, sám hối và phát nguyện chữa bỏ trong tương lai thì sẽ đưa đến sự tăng trưởng trong giới luật của bậc thánh. Xem kinh 65.
- (3) Tư tưởng hay ý hành bất thiện, mà chưa thực hành, thì chỉ cần từ bỏ, không cần phải phát lộ sám hối như những sự vi phạm về thân và lời.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba nghiệp

V. KỆ TỤNG

Phật thăm Ràhula
Cư trú trong rừng xoài
Tôn giả đem chậu nước
Cho cha mình rửa chân.

Phật chứa chút ít nước
Chỉ dạy Ràhula:
"Ít thay, Sa môn hạnh
Nơi kẻ cố nói dối. "

Ngài đổ nước và bảo:
"Đáng đổ đi như vậy,
Ấy là hạnh sa môn
Nơi kẻ cố nói dối. "

Rồi ngài lật úp chậu:
"Cũng lật úp như vậy
Ấy là hạnh sa môn
Nơi kẻ cố nói dối. "

Lật chậu lên, Phật bảo:
"Cũng trống trống như vậy
Ấy là hạnh sa môn
Nơi kẻ cố nói dối

Như con voi lâm trận
Dùng tất cả thân phần

Nhưng bảo vệ cái vòi
Vì biết giữ mạng sống

Nếu dùng luôn cả vòi
Tức nó đem thí mạng
Với con voi như vậy
Không việc gì không làm.

Như con voi liễu mạng
Kẻ cố ý nói dối
Thì không điều ác nào
Người ấy không dám làm.

Do vậy, Ràhula
Người cần phải quyết định :
Ta sẽ không nói dối,
Dù chỉ để đùa chơi. "

Phật lấy dụ tấm gương
Để dạy Ràhula:
"Người hãy luôn phản tỉnh
Như người ta soi gương.

Khi sắp làm hay nói
Nếu đưa đến tự hại
Hại người, hại cả hai
Bất thiện, không nên làm.

Việc đang làm, đã làm
Cũng phản tỉnh như vậy
Điều ác hãy phát lộ
Để chữa bỏ về sau.

Nếu sau khi phản tỉnh,
Một thân ngữ ý hành
Không tự hại, hại người
Hãy hoan hỷ tiến lên.

Đây đường lối phản tỉnh
Của những bậc tu hành
Trong quá, hiện, vị lai
Để tịnh hóa ba nghiệp. "

SÁU MƯƠI HAI

ĐẠI KINH

GIÁO GIỚI LA HẦU LA

I. TOÁT YẾU

Mahàrâhulovâda Sutta- The Greater Discourse of Advice to Râhula.

The Buddha teaches Râhula the meditation on the elements, on mindfulness of greathing, and other topics.

Bài giảng dài để khuyên dạy La hầu la.

Phật dạy cho La hầu la pháp thiền quán về các đại chủng, về niệm hơi thở, và các đề tài khác.

II. TÓM TẮT

Trong lúc cùng đi khát thực, Phật quay lại bảo tôn giả La hầu la¹ đang đi sau ngài :

"Hãy chân chính quán tất cả sắc pháp không phải của ta, không phải là ta hay tự ngã của ta. Thọ, tưởng, hành, thức cũng quán như vậy²."

Sau khi nghe lời dạy vấn tất, tôn giả liền trở lui về ngồi thiền định dưới một gốc cây. Thấy thế, tôn giả Xá lợi phát khuyến La hầu la hãy niệm hơi thở³, sẽ được nhiều lợi ích.

Sau khi ra khỏi thiền định, tôn giả La hầu la đến hỏi Phật về pháp môn niệm hơi thở. Trước khi dạy pháp niệm hơi thở, Phật dạy pháp môn quán đại chủng⁴ trong thân và ngoài thân; dạy hãy tu tập như đất, nước, lửa, gió và hư không⁵ để lạc khổ khởi lên không xâm chiếm tâm và an trú⁶; dạy tu tập tâm Từ để trị sân, tu Bi để trị hại, tu Hỷ để trị bất lạc, tu Xả để trị hận, quán bất tịnh để trị tham ái, quán vô thường để trị kiêu mạn.

Sau hết, Phật dạy pháp niệm hơi thở gồm 4 mục thân, thọ, tâm, pháp, mỗi mục bốn đề tài; và cho biết nếu tu tập niệm hơi thở đến chỗ thuần thực, thì sẽ tỉnh giác khi thở hơi cuối cùng⁸.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Theo Luận, bài kinh này được giảng cho Rahula khi ông vừa 18 tuổi, cốt để xua tan những dục vọng liên hệ đến đời sống tại gia.
- (2) *Luận*: Trong lúc Ràhula đang theo sau Phật, ông để ý và tán thán vẻ tuyệt mỹ của thân hình đức đạo sư, và nhớ lại mình, ông nghĩ : "Ta cũng đẹp trai như đức thế Tôn cha ta. Hình thể của Phật thật đẹp và hình thể của ta cũng thế." Phật đọc được tư tưởng Ràhula nên đã quở trách ông ngay, để những tư tưởng vô lối như vậy khỏi dẫn ông đến rắc rối trầm trọng hơn. Ở đây đức Phật khuyến cáo với lời dạy hãy quán thân thể này không phải là một tự ngã, cũng không phải sở hữu của một tự ngã (không phải là tôi hay của tôi.)
- (3) Tôn giả Xá lợi phất thầy của Ràhula đã cho Ràhula lời khuyên này vì không biết ông đã được Phật dạy một pháp thiền quán khác. Thấy Rahula ngồi kiết già, tôn giả tưởng ông đang thực hành niệm hơi thở.

- (4) Ở đây đức Phật giải thích pháp quán 4 đại thay cho quán hơi thở, để đánh tan sự bám víu của La hầu la vào thân thể, vì sự bám víu này chưa được tẩy trừ với lời giảng vấn tắt trước đây về tính vô ngã của sắc pháp (tức thân thể).
- (5) Hư không không phải là một đại, nhưng nó được xếp vào loại sở tạo sắc.
- (6) Đoạn này được dạy để chỉ rõ tính vô phân biệt của đất, nước, lửa, gió, hư không.
- (7) Xem giải thích về niệm hơi thở trong kinh 118.
- (8) Có nghĩa là, vị thiền giả chết một cách an tịnh với chính niệm tỉnh giác.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Bốn niệm xứ, bốn đại, bốn phạm trú, năm uẩn.

V. KỆ TỤNG

Trên đường đi khất thực
Ngoài nhìn La hầu la

Phật dạy: "Hãy quán sát
Không ta, không của ta

Tất cả các sắc pháp
Dù trong, ngoài, đẹp, xấu
Đều không phải là ta
Hay tự ngã của ta.

Cũng quán sát như vậy
Về thọ, tưởng, hành, thức. "
Nghe lời dạy vấn tất
Tôn giả về tọa thiền

Bậc thầy Xá lợi phất
Trông thấy ông ngồi thiền
Khuyên hãy niệm hơi thở
Sẽ lợi lạc vô biên.

Bởi thế La hâu la
Khi ra khỏi thiền định,
Lại đi đến hỏi Phật
Về pháp niệm hơi thở.

Phật dạy La hâu la:
"Tóc lông móng răng da

Những vật cứng trong, ngoài
Đều thuộc về địa giới.

Chất lỏng ở trong thân
Bị chấp, thuộc cá nhân
Cũng như nước bên ngoài
Đều thuộc về thủy giới.

Cái gì thuộc chất nóng
Làm tiêu hóa, hủy hoại,
Trong thân và ở ngoài
Đều thuộc về hỏa giới.

Cái gì có tính động
Bị chấp thủ trong thân
Cũng như gió bên ngoài
Là thuộc về phong giới.

Những chỗ rỗng trong thân
Như lỗ tai lỗ mũi
Cùng hư không bên ngoài
Đều thuộc hư không giới.

Như đất nhận uế dơ
Người hãy nên tu tập

Khi xúc lạc bất lạc
Tâm bất động như như

Như nước rửa sạch lâu
Mọi vật tịnh bất tịnh
Hãy tu tập như nước
Không giao động, lo sầu.

Như lửa đốt tất cả
Sạch sẽ cùng ô uế
Hãy tu tập như lửa
Bất động, không lo âu.

Hãy tu tập như gió
Cuốn phăng vật sạch dơ
Lạc bất lạc khởi lên
Không chiếm tâm an trú.

Như hư không không giữ
Không trú một nơi nào
Chớ để lạc bất lạc
Xâm chiếm trú tâm người

Hãy tu tập lòng Từ
Sân tâm sẽ diệt trừ

Hãy tu tập tâm Bi
Để dứt lòng tác hại.

Hãy tu tập tâm Hỷ
Để diệt trừ Bất lạc
Và tu tập tâm Xả
Để trừ oán hận tâm.

Tu tập quán Bất tịnh
Để trừ tâm tham ái
Tu tập quán vô thường
Trừ ngã mạn, kiêu căng.

Hãy tu niệm Hơi thở
Theo dõi hơi ra, vào,
Cảm giác toàn hơi thở
Dài ngắn đều biết rõ;

Mười sáu đề mục quán
Về thân, thọ, tâm, pháp
Mỗi thứ gồm bốn pháp
Hãy ghi nhớ nằm lòng.

Tu tập niệm hơi thở
Khi đã được viên thành
Sẽ có quả báo lớn:
Chết tỉnh giác, an nhiên."



SÁU MƯƠI BA

TIỂU KINH MALUNKYA

I. TOÁT YẾU

Cùlamàlunkya Sutta - The Shorter discourse to Mālunkya-putta.

A bhikkhu threatens to leave the Order unless the Buddha answers his metaphysical questions. With the simile of the man struck by a poisoned arrow, the Buddha makes plain exactly what he does and does not teach.

Kinh ngắn giảng cho Malunkya.

Một tỳ kheo dọa sẽ từ bỏ tăng đoàn nếu Phật không trả lời cho ông những câu hỏi về siêu hình. Với ví dụ người bị trúng một mũi tên độc, Phật nêu rõ những gì ngài có giảng dạy và không giảng dạy.

II. TÓM TẮT

Malunkyàputta (Man đồng tử) định bụng sẽ hoàn tục nếu Phật không giải đáp cho mình bốn vấn đề: thế giới thường hay vô thường (thời gian), hữu biên hay vô biên (không gian); thân và mạng (tự ngã) là một hay khác; Như lai có tồn tại hay không tồn tại sau khi chết (Như lai). Mỗi lập trường đều bao hàm bốn câu : một chính đề, một phản đề, một phối hợp cả hai và một phủ nhận cả hai, thành 16.

Man đồng tử đi đến bạch Phật, ngài biết thế nào thì hãy trả lời thế ấy, và nếu không biết hãy thẳng thắn đáp là không biết.

Phật hỏi lại, khi ông xuất gia có được ngài hứa hẹn sẽ giải đáp những điều ấy không. Ông đáp không, Phật dạy do vậy ngài không có gì ràng buộc. Nếu ai xuất gia để mong Phật giải đáp những vấn đề ấy, thì họ sẽ chết mà vẫn không được thỏa mãn.

Ví như người bị trúng tên độc, không lo rút tên ra mà muốn biết lai lịch người bắn mũi tên, tính chất của dây cung và cái tên đã bắn, thì người ấy sẽ chết trước khi biết được. Vì đời

sống phạm hạnh không dính dấp đến các vấn đề siêu hình. Dù cho thế giới này thường hay vô thường, hữu biên hay vô biên... thì vẫn hiện hữu sinh già bệnh chết sâu bi khổ ưu não cần phải đoạn trừ ngay trong hiện tại. Do vậy, những gì Phật không giải đáp, hãy thọ trì là không giải đáp, đó là các câu hỏi thuộc phạm vi siêu hình; vì chúng không liên hệ đến mục đích, không phải căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn.

Những gì Phật có giảng dạy, hãy thọ trì là có giảng dạy, đó là bốn chân lý : Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt. Vì những điều này có liên hệ đến mục đích, đưa đến ly tham, giác ngộ, niết bàn¹.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Những người tự hỏi về số phận của vị tỷ kheo từ già Phật để thỏa mãn trí tò mò siêu hình, sẽ vui mừng khi biết lúc về già, Man đồng tử sau khi được nghe một bài pháp ngắn Phật giảng về 6 nội xứ, liền đi vào độc

cư thiên định và đặc quả A la hán. Xem
Tương Ưng Bộ kinh 35. Trưởng lão kệ 399-
404.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Bốn chân lý

V. KỆ TỤNG

Tôn giả Malunkya
Định bụng sẽ hoàn tục
Nếu Phật cứ gạt bỏ
Câu hỏi mình đưa ra :

- Thế giới thường, vô thường ?
(Hay vấn đề thời gian)
Hữu biên hay vô biên
(Là vấn đề không gian);

(Đến vấn đề tự ngã)
Thân, mạng một hay khác
Cuối cùng, về Như lai:
Sau khi chết, còn, mất?

Ngài biết như thế nào
 Hãy trả lời thế ấy
 Không biết hãy đáp thẳng
 Rằng thực ta không biết

Phật bèn hỏi lại ông
 "Ta có hứa với người:
 Hãy sống đời phạm hạnh
 Ta sẽ trả lời người:

Thế giới thường, vô thường
 Hữu biên hay vô biên
 Thân, mạng một hay khác
 Phật chết rồi còn, mất? "

- Thưa không, bạch Thế tôn.
 "Này hỡi Malunkya
 Bất cứ ai xuất gia
 Mong giải đáp thắc mắc

Nó sẽ chờ đến chết
 Cũng không được thỏa mãn.

Như người trúng tên độc
Rút tên là việc gấp

Nếu muốn rành mọi lẽ
Trước khi rút tên ra:
Ai người đã bắn ta?
Họ tên, tướng ra sao

Cung tên bằng thứ gì?
Từ đâu nó bay đến?
Muốn biết cho tường tận
Thì chết mất còn gì.

Này hỡi Malunkya
Vì đời sống phạm hạnh
Không có quan hệ gì
Các vấn đề như trên

Dù thế giới ra sao
Vẫn hiện hữu khổ đau
Sinh, già, bệnh, chết, sầu
Hiện tại cần trừ khử.

Do vậy, hãy thọ trì
Những gì ta thuyết giảng
Liên hệ đến mục tiêu
Là Khổ, Tập, Diệt, Đạo

Đây căn bản phạm hạnh
Sẽ đưa đến yếm ly,
Đến ly tham, an tịnh,
Đến chứng ngộ, niết bàn. "



SÁU MƯƠI BỐN

ĐẠI KINH MAN ĐỒNG TỬ

I. TOÁT YẾU

Mahàmàlunkya Sutta - The Greater Discourse to Mālunkyàputta.

The Buddha teaches the path to the abandoning of the five lower fetters.

Bản kinh dài giảng cho Man đồng tử.

Phật giảng dạy con đường từ bỏ năm hạ phần kết sử.

II. TÓM TẮT

Phật hỏi Malunkya hiểu thế nào về năm hạ phần kết sử, khi ông trả lời là thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham và sân¹, Phật lại quả trách ông vì tưởng rằng một đứa trẻ con (hay người

lớn, lúc bình thường) là không có năm hạ phần kết². Phật hiển thị cho thấy kỳ thực, tùy miên³ về thân kiến cũng như khái niệm về các pháp⁴ đều đã tiềm ẩn nơi một hài nhi, nên khi lớn lên, có điều kiện là chúng phát triển.

Nơi kẻ vô văn phạm phu, vì không tuệ tri thân kiến và sự xuất ly thân kiến, nên bị thân kiến trói buộc, trở thành một kết sử kiên cố. Với 4 kết sử còn lại cũng vậy. Với vị đa văn đệ tử nhờ thân cận và học tập pháp các bậc thánh, như thật tuệ tri thân kiến và sự xuất ly thân kiến, nên không bị thân kiến chi phối, nhờ vậy thân kiến cùng tùy miên nơi vị ấy được đoạn trừ⁵. Bốn kết sử còn lại cũng thế.

Có một con đường phải theo để đoạn trừ năm hạ kết sử, như muốn có lõi cây phải đẽo hết các lớp vỏ ngoài vỏ trong vậy. Trước hết là phải có thái độ thích thú lắng nghe giảng pháp liên hệ đoạn trừ kết sử. Con đường ấy là viễn ly các sanh y⁶, do đoạn trừ bất thiện pháp, do hoàn toàn an tịnh thân thô ác hành, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng trú sơ thiền với hỷ lạc do ly dục sinh, có tầm, có tứ. Vị ấy quán sắc thọ tưởng hành thức là vô thường, khổ, như

bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như tai họa, như nổi đau buồn, như sự xa lạ, phân tán, trống rỗng, vô ngã⁷; và giải thoát tâm khỏi 5 uẩn, tập trung vào Bất tử giới, xem đây là tịch tịnh vi diệu, tức sự tịnh chỉ các hành, xả ly sanh y, ái diệt, niết bàn⁸. Nếu vững trú ở đây, vị ấy đạt đến sự đoạn trừ lậu hoặc. Nếu không, thì do sự tham hý pháp⁹, và do đã đoạn năm hạ kết sử, vị ấy sẽ hóa sanh, nhập niết bàn ở đấy không trở lui đời này.

Chúng đến thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư, Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu xứ cũng vậy. Nếu ở một trong các giai đoạn này, sau khi chứng đắc, quán mọi sắc, thọ tướng hành thức¹⁰ là vô thường khổ vô ngã, giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, tập trung vào Bất tử và đoạn trừ lậu hoặc, thì thành A la hán. Nếu còn lậu hoặc, thích thú trong cảnh giới vừa chứng, thì sẽ hóa sinh vào đấy và nhập niết bàn, khỏi trở lui đời này. Đây là lộ trình đưa đến đoạn trừ năm hạ phần kết sử. Nhưng do sai biệt về căn tính¹¹, có người chứng Tâm giải thoát, người chứng Tuệ giải thoát.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Sở dĩ gọi là 5 hạ phần kết sử, vì chúng đưa đến tái sinh vào các cõi thuộc dục giới. Năm hạ phần kết sử chỉ được đoạn tận khi chứng quả Bất Hoàn.
- (2) Có thể có câu hỏi : “Đức Phật đã hỏi về kiết sử và vị thượng tọa cũng trả lời về kiết sử, thì tại sao Phật quả trách câu trả lời của ông ta?” Lý do là vì Man đồng tử có kiến chấp rằng một người bị trói buộc bởi các ô nhiễm chỉ khi nào chúng tấn công người ấy, trong khi vào những lúc khác người ấy không bị các ô nhiễm ấy trói buộc. Đức Phật nói để chỉ rõ lỗi lầm trong quan điểm này.
- (3) Trong các luận giải, các ô nhiễm được phân biệt thành 3 hình thái : anusaya hay tùy miên, khi chúng còn là những khuynh hướng tiềm tàng trong tâm; pariyutthana hay hiện hành, khi chúng nổi lên ám ảnh và sai sử tâm; và vitikkama, khi chúng điều động cho thân và lời một cách bất thiện. Điểm quan trọng trong lời bác bỏ của Phật là, những kiết sử ngay cả khi chúng không hiện hành,

vẫn tồn tại ở cấp bậc tùy miên khi mà chúng chưa bị tận diệt nhờ tu tập các đạo lộ siêu thế.

- (4) Pháp này cũng có thể dịch là các sự vật.
- (5) Kết sử và tùy miên trên nguyên tắc không phải là 2 pháp riêng biệt; đúng hơn cũng một ô nhiễm ấy nhưng khi nó đang trói buộc người ta thì gọi là 1 kết sử, và khi nó không được từ bỏ thì gọi là 1 tùy miên.
- (6) *Upadhi viveka, viễn ly sanh y. Sanh y ở đây có nghĩa là 5 dục. Mặc dù 3 mệnh đề đầu của lời này có vẻ như cùng một ý với 2 mệnh đề tiếp theo, luận chỉ rằng chúng cốt để hiển thị cái phương tiện để trở thành "hoàn toàn ly dục, ly bất thiện pháp".*
- (7) Đoạn này hiển thị sự phát triển tuệ quán trên cơ sở tịnh chỉ, dùng thiền chứng để tu tuệ và lấy thiền ấy làm đối tượng cho tuệ quán. Ở đây 2 danh từ "vô thường và phân tán" chỉ rõ đặc tính vô thường; 3 danh từ "xa lạ, trống rỗng, không tự ngã" hiển thị đặc tính vô ngã; 6 danh từ còn lại hiển thị đặc tính khổ.

- (8) Vị ấy xoay tâm khỏi 5 uẩn bao gồm trong thiên, mà vị ấy đã thấy là mang dấu ấn của 3 đặc tính. Bất tử giới là niết bàn. Trước hết vị ấy hướng tâm về đó với ý thức có trí tuệ, sau khi đã nghe nó được ca tụng là "an ổn và tối thượng." Rồi với đạo lộ siêu thế "vị ấy hướng tâm đến đấy" bằng cách lấy nó làm đối tượng và thâm nhập nó, một cái gì rất an ổn và tối thượng.
- (9) Xem chú thích số 4 kinh 52 về chữ pháp.
- (10) Cần ghi nhận rằng khi các thiên chứng vô sắc được dùng làm căn bản cho tuệ quán, thì sắc uẩn không được bao gồm trong các đối tượng của tuệ quán. Bởi thế chỉ có 4 uẩn vô sắc được nói ở đây.
- (11) Trong số những người tu tịnh chỉ, có tỷ kheo đặt nặng sự nhất tâm thì khi chứng đắc vị ấy được gọi là *tâm giải thoát*; có vị đặt nặng về trí tuệ thì khi chứng đắc được gọi là *tuệ giải thoát*. Trong số những người tu tuệ quán, người nào nhấn mạnh trí tuệ thì được gọi là tuệ giải thoát, người nào nhấn mạnh nhất tâm thì gọi là tâm giải thoát. Hai đại đệ

tử chính của Phật đắc quả A la hán nhờ nhấn mạnh vừa tịnh chỉ vừa tuệ quán, nhưng tôn giả Xá lợi phất trở thành một vị tuệ giải thoát và tôn giả Mục kiền liên trở thành một vị tâm giải thoát. Như vậy lý do tên gọi khác nhau là do khả năng của họ khác nhau, giữa sự ưu thắng của định căn hay của tuệ căn.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

*Bốn thiên, bốn không, năm hạ phần kết sử,
năm uẩn.*

V. KỆ TỤNG

Phật hỏi Malunkya
Về năm hạ kết sử
Thân kiến, nghi, giới thủ,
Tham dục và hận sân.

Malunkya bị quở
Không đáp được chất vấn
Vì tưởng đứa trẻ con
Không có năm thói ấy

Phật hiển thị cho thấy
Nơi đưa trẻ thơ ngây
Vẫn tiềm tàng ô nhiễm
Đợi thời kỳ triển khai.

Kẻ vô văn phạm phu
Không tuệ tri thân kiến
Và xuất ly khỏi nó
Nên nó thành kiên cố

Nó thành một kết sử
Trói buộc vào hạ giới
Bốn kết sử còn lại
Cũng nên hiểu như đây.

Với đa văn đệ tử
Nhờ học pháp bậc thánh
Thường như thật tuệ tri
Thân kiến và xuất ly.

Không bị nó chi phối
Nên vị ấy không còn

Thân kiến cùng tùy miên
Kết sử khác cùng vậy.

Đoạn trừ năm hạ kết
Phải theo một con đường
Như muốn có lời cây
Phải đèo các lớp vỏ.

Con đường đoạn kết sử
Trước hết trừ bất thiện
Viễn ly các sinh y
Rồi tu tập thiền định

Ly dục bất thiện pháp
Chứng trú thiền thứ nhất
Quán 5 uẩn vô thường
Khổ, không, không thực chất

Quán năm uẩn như bệnh,
Như cục bướu, mùi tên,
Kẻ địch, điều bất hạnh;
Giải thoát khỏi pháp ấy

Tập trung vào Bất tử
Xem thật là vi diệu
Sự tịnh chí các hành
Sự ái diệt, ly tham.

Nếu vững trú ở đây
Đoạn trừ các lậu hoặc
Vị ấy chứng lậu tận
Thành bậc A la hán.

Nếu còn tham hỷ pháp
Vị ấy được hóa sinh
Khỏi trở lui đời này
Do đã đoạn hạ kết.

Nếu diệt tâm và tứ
Tỳ kheo chứng nhị thiên
Cho đến chứng tứ thiên
Và Không vô biên xứ

Rồi Thức vô biên xứ
Đến Vô sở hữu xứ

Cũng quán sát như trên
Giải thoát khỏi năm uẩn

Thành La hán lậu tận
Còn tham, sẽ hóa sinh
Nhập niết bàn tại đây
Khỏi trở lui đời này.



SÁU MƯƠI LĂM

BHADDÀLI

I. TOÁT YẾU

Bhaddàli Sutta - To Bhaddàli.

The Buddha admonishes a recalcitrant monk and explains the disadvantages of refusing to submit to the training.

Giảng cho Bhaddàli

Phật quở trách một tỳ kheo ương ngạnh và giải thích những bất lợi của sự không tuân theo học giới.

II. TÓM TẮT

Phật gọi các tỳ kheo và dạy nên ăn ngày một bữa như ngà, (ăn chỉ ngồi một lần, *nhất tọa thực*, đứng lên rồi thì không ăn thêm gì nữa) sẽ có sức, ít bệnh, nhẹ nhàng, an vui¹.

Khi nghe vậy tôn giả Bhaddàli phản đối, bạch Phật ông không thể làm như vậy, vì ông sẽ lo lắng, ân hận². Phật đề nghị nếu thế thì khi khát thực được, ông hãy ăn một phần, dành lại một phần để ăn sau. Bhaddàli cũng không chịu làm cách ấy, báo rằng làm vậy ông cũng vẫn lo lắng ân hận³. Như vậy, khi Phật công bố học giới này⁴, tôn giả Bhaddàli cũng công bố giữa chúng tăng rằng ông không thi hành giới ấy. Do cái Phật nên ông tránh gặp Phật suốt ba tháng mùa mưa.

Khi Phật sắp du hành, các tỳ kheo khuyên ông đi sám hối. Sau khi quả trách, Phật nhận sự sám hối của Bhaddàli và nêu lên cho ông thấy những bất lợi như sau:

1. Tất cả bốn chúng nhóm họp trong ba tháng đều biết thượng tọa Bhaddàli không thực hành trọn vẹn các học giới.
2. Trong khi mọi người đều tuân giữ lời Phật dạy, tỳ kheo Bhaddàli đã tuyên bố sự bất lực của mình.
3. Ngay cả một tỳ kheo đã đắc câu phân giải thoát⁵, cũng sẽ vâng lời khi Phật bảo

lấy thân mình làm ván cho ngài bước qua vũng bùn⁶, hướng nữa tỳ kheo Bhaddali chưa đạt đến địa vị nào trong bảy vị: tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thân chứng, kiến chí, tín thắng giải, tùy pháp hành, tùy tín hành, đã chứng tỏ sự trống rỗng của mình.

Nếu tỳ kheo không thực hành trọn vẹn học giới mà muốn sống độc cư ở trú xứ hoang vắng để chứng pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc thánh, sẽ không đạt mục đích vì bị sự quở trách của bậc Đạo sư, chư thiên, các đồng phạm hạnh có trí, và của tự tâm. Ngược lại nếu tỳ kheo thực hành trọn vẹn học giới, tu tập tại trú xứ hoang vắng thì nếu muốn, có thể chứng bốn thiên ba minh, thành bậc lậu tận la hán vì không bị những sự quở trách như trên.

Bhaddali hỏi Phật trường hợp nào tỳ kheo được giải tội nhanh chóng, trường hợp nào không được giải tội nhanh chóng. Phật dạy, có tỳ kheo phạm tội, thường xuyên hoặc thỉnh thoảng, nhưng khi bị cử thì tránh né vấn đề, ngang ngược chống đối, tỏ sự

phần nộ bất mãn, không nghĩ tôi phải làm gì cho chúng tăng hoan hỷ, thì chúng tăng không giải tội nhanh chóng. Có tỳ kheo ít khi phạm giới tội, nhưng khi phạm, bị tăng cử tội không có thái độ như trên, lại nghĩ phải làm gì cho tăng hoan hỷ, thì chúng tăng chóng giải tội người này. Lại nữa, khi biết người nào chỉ còn rất ít lòng tin, lòng thương⁷ đối với đại chúng, thì vì không muốn cho chút ít lòng tin và lòng thương ấy bị đoạn diệt, chúng tăng cũng không thường xuyên cử tội người ấy. Vì như người ta sẽ cẩn thận giữ gìn một con mắt còn lại.

Bhaddàli hỏi tiếp: Tại sao ngày xưa ít học giới mà nhiều người ngộ nhập chính trí, bây giờ nhiều học giới mà ít người ngộ nhập. Phật dạy những nguyên nhân là:

1. Hữu tình thối thất, diệu pháp sắp diệt;
2. Khi hữu lậu pháp hiện khởi trong tăng chúng, Phật mới chế ra giới luật⁸.
3. Sở dĩ hữu lậu pháp sinh là vì tăng đoàn đã lớn mạnh, đạt đến địa vị kỳ cựu, danh dự, đa văn, lợi lộc.

Rồi Phật hỏi Bhaddali có nhớ ví dụ lương chủng mã mà ngài đã dạy lúc tăng chúng còn ít người. Bhaddali thưa không, bởi vì từ lâu đã không thực hành học giới cho trọn vẹn. Phật lại quả trách ông chẳng những vì không giữ giới, mà còn vì không lòng tai nghe pháp.

Và ngài nhắc lại sự huấn luyện một tỳ kheo trong giáo pháp ngài: Như con ngựa tốt của vua được luyện qua nhiều giai đoạn, tập quen với yên cương, tập diễn hành đủ kiểu như đi vòng quanh, đi bằng đầu móng chân, phi nước đại...khi đã thuần, lại cho đeo đồ trang sức để trở thành báu vật của vua. Cũng vậy tỳ kheo thành tựu 10 pháp vô học⁹ sẽ thành ruộng phước vô thượng ở đời: chính tri kiến... chính trí, chính giải thoát¹⁰.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Điều này ám chỉ pháp ăn của Phật chỉ 1 bữa trong ngày trước Ngọ. Theo Giới Biệt Giải thoát, tỳ kheo bị cấm ăn từ buổi trưa cho đến bình minh hôm sau. *Nhất tọa thực* là pháp hành mà Phật khuyên chứ không bắt buộc.

- (2) Luận nói: Vị ấy lo lắng mình không thể trọn đời sống phạm hạnh.
- (3) Sự lo lắng của vị ấy vẫn tiếp diễn vì vị ấy còn phải ăn xong những đồ còn thừa trước ngọ.
- (4) Đây là học giới cấm ăn ngoài thời gian ấn định.
- (5) Bảy danh từ dùng trong đoạn này là cách phân chia 7 hạng thánh, được giải thích trong kinh 70.
- (6) Phật không bao giờ ra lệnh cho đệ tử như vậy, điều này chỉ nói để tỏ rõ hành vi ương ngạnh của Bhaddali.
- (7) Vị ấy tồn tại nhờ có phần nào tin tưởng và yêu mến đối với bậc thầy theo cách thế gian. Vì các tỳ kheo khác giúp đỡ vị ấy nên vị ấy vẫn ở lại trong đời sống xuất gia và có thể cuối cùng trở thành một đại tăng đắc được thắng trí.
- (8) Đoạn này ám chỉ một nguyên tắc cố định là, Phật không chế ra giới luật khi chưa có trường hợp vi phạm.

- (9) Một bậc vô học có nghĩa là A la hán. 10 yếu tố này là yếu tố làm nên quả vị A la hán.
- (10) Chính trí là trí kiến thuộc về quả vị A la hán, chính giải thoát là sự giải thoát khỏi tất cả ô nhiễm, nơi một vị A la hán.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Bay bậc hiền thánh, mười thánh đạo

V. KỆ TỤNG

Phật dạy các tỳ kheo
Nên giữ nhất tọa thực
Chỉ ngồi ăn một lần
Sẽ ít bệnh, an vui.

Bhaddali bạch Phật
- Không thể làm vậy đâu
Nếu chỉ ăn một bận
Con ân hận lo rầu.

Phật lại đưa đề nghị:
"Vậy khi khát thực được

Người nên ăn phân nửa
Chừa phân nửa ăn sau."

- Bạch Phật làm như thế
Con tiếc nuôi, lo âu.
Do cái lời Phật dạy
Nên ông tránh gặp ngài.

Khi Phật sắp du hành
Tôn giả cầu sám hối
Vì đã không thực hành
Trọn vẹn các học giới.

"Tỳ kheo không giữ giới
Muốn độc cư rừng núi
Mong chứng pháp hơn người
Sẽ không thể chứng được

Không đạt được mục đích
Vì bị sự quả trách
Của Đạo sư, chư thiên
Tự mình cũng trách mình.

Người giữ giới trọn vẹn
Tu tập nơi hoang vắng

Có thể chứng ba mình,
Thành lậu tận la hán.

Bhaddali hỏi Phật
- Khi nào thì chúng tăng
Chống làm pháp giải tội
Khi nào không chống giải?

"Có tỳ kheo phạm tội,
Thường xuyên hoặc thỉnh thoảng,
Nhưng khi bị cử tội
Lại ngang ngược chống đối,

Và tránh né vấn đề
Tổ phần nộ bất mãn,
Không nghĩ: Phải làm sao
Để cho tăng hoan hỷ,

Có kẻ phạm lỗi lầm
Bị chúng tăng cử tội
Không phần nộ chống đối
Lại mong tăng hoan hỷ,

Với hạng tỳ kheo trước
Không giải tội nhanh chóng

Với hạng tỳ kheo sau
Tăng giải tội rất nhanh.

Lại có người xuất gia
Nhưng đối với tăng chúng
Chỉ còn lại rất ít
Lòng tin và thương tưởng

Tăng không thường cử tội
Một con người như thế
Vì không muốn đoạn dứt
Chút tin yêu còn lại

Như kẻ bị thui chột
Sẽ cẩn thận giữ gìn
Con mắt còn sót lại
Tăng để yên kẻ này. "

Bhaddàli lại hỏi:
- Do nhân gì duyên gì
Xưa học giới rất ít
Mà nhiều người chứng ngộ

Nay quá nhiều học giới
Người ngộ nhập hiếm hoi?

"Vi hữu tình thối thất
Điều pháp sắp diệt mất;

Vi nhiễm ô sinh khởi
Trong tăng chúng lớn mạnh
Danh dự, lợi lộc nhiều
Ta chế giới điều phục.

Và này Bhaddali
Khi tăng chúng còn ít
Ta giảng lương chủng mã
Người còn nhớ hay không? "

- Thưa không, bạch Thế tôn
Bởi vì đã từ lâu
Con không hành trọn vẹn
Các học giới Phật chế.

"Chẳng những vì như thế
Mà còn do nghe Pháp
Người đã không lòng tai
Này hỡi Bhaddali. "

- Thưa vâng bạch Thế tôn
Ngài nhắc lại cho con.

Phật dạy Bhaddàli
Phép luyện lương chủng mã
Như con ngựa giống tốt
Được luyện nhiều giai đoạn
Trước tập quen yên cương
Sau điều chỉnh tốc độ
Tập diễn hành đủ kiểu
Cho đến khi thuần thục,
Lại cho đeo trang sức
Thành báu vật của vua.
Tỳ kheo được huấn luyện
Ly dục ly bất thiện
Chứng và trú sơ thiền
Cho đến chứng tứ thiền
Thành tựu được 10 pháp
Của một bậc vô học
Là lậu tận la hán
Ruộng phước của nhân thiên.



SÁU MƯƠI SÁU

VÍ DỤ CON CHIM CÂY

I. TOAÙT YEÁU

Latukilopama Sutta - The Simile of the Quail.

The Buddha drives home the importance of abandoning all fetters, no matter how harmless and trifling they may seem.

Ví dụ con chim cây.

Phật cho thấy sự quan trọng của việc từ bỏ mọi kết sử, dù chúng có thể mang vẻ vô hại, không đáng kể.

II. TÓM TẮT

Tôn giả Ưu Đà Di Bạch Phật: "Thế tôn đã đoạn trừ nhiều khổ, mang lại nhiều thiện pháp khi chế giới từ bỏ ăn phi thời" Tôn giả đến bạch Phật, lúc mới nghe Phật dạy nên từ bỏ ăn

phi thời ban ngày¹ ông rất buồn, khi nghĩ đến chuyện từ nay không được ăn những đồ ngon người ta cúng không đúng giờ ăn. Nhưng vì kính mộ Phật và vì tâm quý, ông đã từ bỏ ăn phi thời ban ngày; chỉ ăn chiều và sáng.

Rồi khi Phật dạy từ bỏ ăn phi thời ban đêm, lúc đầu tôn giả cũng rất buồn như trên, nhưng vẫn từ bỏ vì ngưỡng mộ Phật và có tâm quý. Nhờ từ bỏ ăn phi thời ban đêm, tỳ kheo tránh được nhiều phiền não của sự khát thực về đêm, như bị té xuống vũng nước bẩn, bị phụ nữ bắt chính quyến rũ, và riêng Tôn giả nhớ một lần khát thực ban đêm bị một phụ nữ mắng nhiếc tàn tệ. Bà đột nhiên trông thấy tôn giả xuất hiện trong bóng tối thì hoảng hốt té xỉu vì tưởng là con quỷ. Khi tôn giả nói không phải quỷ, mà tỳ kheo đến khát thực, bà liền mắng: "Vậy thì cha tỳ kheo chết đi, mẹ tỳ kheo chết đi²." Quả thực khi chế giới không ăn phi thời, Thế tôn đã đoạn trừ nhiều khổ, mang lại nhiều an vui.

Phật dạy tuy thế, có những người khi nghe Phật chế giới lại phản nản: sa môn này quá đặt nặng sự cấm đoán, đoạn giảm. Sá gì những

tiểu tiết nhỏ mọn ấy. Họ không chịu từ bỏ, bất mãn chống lại Phật và những tỳ kheo muốn thực hành học giới. Sự việc ấy trở thành một trói buộc mạnh mẽ vững chắc đối với họ. Ví như một con chim cáy nhỏ có thể chết vì vướng lưới làm bằng dây leo mong manh; không thể nói cái lưới ấy không nguy hiểm. Cũng vậy khi tỳ kheo chống lại Phật và tăng chúng vì một học giới mà họ cho là nhỏ nhặt, thì việc ấy trở thành trọng đại vì lương tâm họ không an ổn. Ngược lại, người hoan hỉ từ bỏ khi Phật dạy từ bỏ điều gì, thì sống với tâm tư lắng dịu. Như vậy đối với họ, giới ấy không trở thành một trói buộc; ví như con voi lớn dù bị trói bằng dây da, chỉ cần chuyển thân là có thể cắt đứt.

Như có người sống đời khổn cùng với bà vợ xấu xí, ở cái chòi nát, giường nằm sút chân, chum gạo sút mẻ, thèm muốn sự an lạc của hạnh sa môn, muốn cạo bỏ râu tóc đắp ca sa, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Nghĩ vậy nhưng anh ta không thể từ bỏ cái chòi mục nát, cái chum đựng gạo sút mẻ, cái giường sút chân, và bà vợ lem luốc. Những thứ này trở

thành một trói buộc vững chắc đối với anh ta. Như thế là chuyện bé thành to. Ngược lại có người con nhà giàu có, tài sản lớn, nhiều tiền lẫn của, kho lẫm tràn trề, ruộng vườn chất đống, thê thiếp chất đống, tôi tớ chất đống. Khi thấy một tỳ kheo ăn xong ngồi thiền, vị ấy nghĩ an lạc thay sa môn hạnh. Ta hãy cạo bỏ râu tóc đắp y ca sa, thoát ly gia đình, sống không gia đình. Vị ấy sau khi xuất gia có thể từ bỏ ruộng vườn cò bay thẳng cánh, vô số vàng bạc, thê thiếp, tôi tớ... Những thứ này đối với vị ấy không thành một trói buộc vững chắc. Như thế là chuyện to thành bé.

Trên đời có bốn hạng³ người sống hưởng đến sự từ bỏ sinh y⁴:

1. Khi những tư duy liên hệ đến sinh y khởi lên, vị ấy không trừ đoạn, mà vẫn chấp nhận chúng. Hạng này còn bị trói buộc.
2. Khi những tư duy liên hệ đến sinh y khởi lên, vị ấy không chấp nhận chúng, mà cố đoạn trừ, chấm dứt. Hạng này vẫn còn bị trói buộc⁵.

3. Do thất niệm, thỉnh thoảng tư tưởng liên hệ sinh y khởi lên nhưng liền được trừ khử⁶, như hai ba giọt nước nhỏ vào một ấm nước đun sôi cả ngày, giọt nước rơi chậm nhưng bị hòa tan một cách mau chóng. Hạng người này cũng còn bị trói buộc.
4. Nghĩ rằng sinh y là nguồn gốc của đau khổ, nên giải thoát khỏi sanh y. Đây là người không bị trói buộc⁷.

Có năm dục trưởng dưỡng là sắc thanh hương vị xúc dễ chịu, hấp dẫn, do giác quan nhận thức. Bất cứ hỷ lạc nào do năm lạc, lạc ấy đáng sợ hãi, không nên thực hiện, không nên làm cho sung mãn.

Lạc thiện định gọi là *yếm ly lạc*, *tịch tịnh lạc*, *chánh giác lạc*⁸, *độc trú lạc*, lạc ấy cần phải thực hiện, tu tập, làm cho sung mãn. Lạc ấy không đáng sợ hãi, nhưng cần vượt qua, không nên bám víu. Vị Tỷ Kheo hoàn toàn ly dục, ly bất thiện pháp, chứng trú sơ thiền với hỷ lạc do ly dục sinh. Thiền này còn giao động⁹ vì tâm tứ, nên phải vượt qua¹⁰ để chứng

nhị thiên chứng và vượt qua Không vô biên xứ, cho đến chứng và vượt Phi tướng phi phi tướng xứ để đạt Diệt thọ tướng định⁽¹⁾.

Như vậy, không có sự trói buộc hay bám víu nào, dù rõ rệt như dục lạc hay tinh vi như thiên lạc, mà Phật không dạy cần phải vượt qua, từ bỏ.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Từ đoạn này và đoạn sau, ta thấy Phật hai lần hạn chế giờ ăn của các tỷ kheo: lúc đầu cấm ăn chiều nhưng cho phép ăn tối. Tuy nhiên, duyên khởi của học giới ba dật đề 37 không nói vậy. Ngược lại luật dường như khẳng định chuyện đương nhiên ai cũng biết là quá Ngọ tỷ kheo không nên ăn, và Phật chế luật cấm tất cả bữa ăn quá Ngọ.
- (2) Lời này hoàn toàn là ngôn ngữ thông tục. Luận giải thích : khi cha mẹ người ta còn sống, họ sẽ cho con mình đủ thứ đồ ăn và chỗ ngủ, chứ không để cho y phải đi lang thang tìm đồ ăn vào ban đêm.

- (3) Phật giảng giáo lý này để phân tích hạng người từ bỏ những gì được dạy phải từ bỏ, thành ra 4 hạng khác nhau.
- (4) *Sinh y, upadhi có 4 loại : uân sinh y khandh'upadhi; phiền não sinh y kiles'upadhi; thắng hành sinh y abhisankhār'upadhi, và dục tăng trưởng sinh y kāmāgūn'upadhi.*
- (5) *Phàm phu, Dự lưu, Nhất lai và Bất hoàn, đều có thể bao gồm dưới hạng người thứ nhất. Bậc Bất hoàn vì còn khát ái đối với hữu nên thỉnh thoảng cũng có thể hoan hỷ trong những tư tưởng hưởng lạc. Bốn vị này có thể bao gồm trong hạng thứ hai, phàm phu nhờ đạt đến đạo lộ siêu thế cũng có thể dập tắt những ô nhiễm đã khởi, khởi dậy sự tinh tấn, phát triển tuệ và đoạn trừ phiền não.*
- (6) Hạng này phân biệt với hạng trước chỉ do sự lữ đừ trong việc khởi dậy chính niệm để từ bỏ những ô nhiễm đã sinh khởi.

- (7) Đây là bậc A la hán, người duy nhất đã tận trừ tất cả kiết sử.
- (8) Lạc, Sukha ở đây có nghĩa hạnh phúc hơn là khoái lạc. Luận giải thiền lạc gọi là ly dục lạc, vì từ bỏ các khoái lạc giác quan; là viễn ly lạc vì đem lại hạnh phúc của đời sống độc cư xa lánh đám đông và xa lìa ô nhiễm; là *lịnh chi lạc* vì thiền lạc là để tịnh chỉ các ô nhiễm; là *tuệ lạc* vì nó có mục đích đạt đến chứng ngộ. Vì các thiền chứng dĩ nhiên chưa phải là trạng thái giác ngộ.
- (9) Tất cả các trạng thái tâm ở dưới thiền thứ 4 đều được xếp vào loại tâm giao động. Trạng thái tâm ở thiền thứ 4 và cao hơn được gọi là bất động.
- (10) Thật không nên bám víu vào nó với tâm tham ái, và cũng không nên dừng lại ở điểm này.
- (11) *Định diệt thọ tướng* không chỉ là 1 định chứng cao nhất trên nấc thang giá trị, mà ở đây còn bao hàm sự phát triển hoàn toàn tuệ quán đưa đến tột đỉnh là quả vị A la hán.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

*Bốn thiên, bốn không, bốn hạng người
xuất gia hướng đến từ bỏ sanh y.*

Năm dục tăng trưởng, năm thiên chi.

V. KỆ TỤNG

Tôn giả Ưu Đà di
Khi độc tọa tư duy
Nghĩ nhớ thâm ân Phật
Thoát khổ nào ưu bi.

Nhờ ngài đã chế giới
Từ bỏ ăn phi thời
Khỏi bao nhiêu phiền não
Nhớ lại vẫn còn đau.

Phật dạy mặc dù vậy
Vẫn có người phản nài:
Sá gì việc nhỏ ấy
Thế tôn cũng cấm ngăn.

Họ không chịu nghe theo
Bất mãn chống lại giới
Sự việc ấy trở thành
Một trói buộc lớn lao

Ví như con chim cáy
Khinh thường lưới dây leo
Bị sa lưới mà chết
Dây mảnh không nguy sao?

Khi chống Phật và tăng
Vì một học giới nhỏ
Việc trở thành trọng đại
Vì lương tâm bất an

Nếu hoan hỷ từ bỏ
Điều Phật dạy từ bỏ
Thì tâm tư lắng dịu
Không có điều âu lo

Như với con voi lớn
Bị trói bằng dây da

Cùng không thành chướng ngại
Chuyển thân là thoát ra.

Có người sống cùng bần
Với vợ kém dung nhan
Với cái chòi rách nát,
Và giường ghế sút chân,

Với chum gạo sút mẻ
Thấy sa môn nhàn nhả
Cũng muốn cạo râu tóc
Sống đời sống xuất gia.

Nhưng anh không bỏ được
Cái bà vợ lem luốc
Cái chum gạo sút mẻ,
Chòi nát, giường sút chân.

Như vậy những thứ này
Thành trói buộc vững chắc
Chuyện bé trở thành to
Với người còn vương mắc.

Ngược lại cũng có người
Xuất thân nhà giàu có,
Nhiều ruộng vườn của cải
Thê thiếp cùng kẻ hầu

Khi trông thấy tỳ kheo
Ăn xong lại ngồi thiền,
Thèm muốn sa môn hạnh
Cạo bỏ râu tóc liền

Từ bỏ trong phút chốc
Nhà cửa cùng ruộng vườn
Thê thiếp cùng tôi tớ
Không một chút vấn vương

Có đến bốn hạng người
Sống hưởng về từ bỏ :
Hạng một còn chấp nhận
Tư duy liên hệ dục;

Hạng hai không chấp nhận
Khi tư tưởng khởi lên

Liên hệ đến thế tục
Liên từ bỏ, chấm dứt

Lại có kẻ thuần thực
Trong việc đoạn tư duy
Nhưng tư duy thế tục
Vẫn thỉnh thoảng khởi lên.

Khởi lên thì chậm chạp
Đoạn trừ rất mau chóng,
Như hai ba giọt nước
Tan vào ấm nước sôi.

Cả ba hạng vừa rồi
Đều chưa khỏi trói buộc.
Chỉ có một hạng người
Giải thoát khỏi sinh y

Là kẻ luôn nghĩ rằng
Đây là nguồn gốc khổ,
Những sinh y trói buộc :
Người này được giải thoát.

Có năm dục trưởng dưỡng
Sắc thanh hương vị xúc
Hấp dẫn các giác quan
Được gọi là dục lạc

Lạc này là ô uế
Còn gọi phi thánh lạc
Lạc ấy đáng sợ hãi,
Không nên làm sung mãn.

Lạc ở trong thiên định
Là yếm ly, tịch tịnh,
chánh giác, độc trú lạc,
Cần thực hiện luôn luôn.

Hỉ lạc ở sơ thiền
Cho đến lạc tam thiền
Đều còn bị giao động
Cần phải được vượt qua

Hướng về sự tịch tịnh
Vượt qua Phi phi tướng

Cho đến Diệt tận định
Mối tận diệt sâu ưu.

Vậy này Udayi
Còn có trời buộc gì
Dù lớn lao nhỏ nhặt
Ta chưa bảo bỏ đi?



SÁU MƯƠI BẢY

CATUMÀ

I. TOÁT YẾU

Càtuma Sutta - At Càtuma

The Buddha teaches a group of newly ordained monks four dangers to be overcome by those who have gone forth into homelessness.

Ở Catuma

Phật giảng dạy cho một nhóm tân tỳ kheo về bốn nguy hiểm mà người xuất gia từ bỏ gia đình cần phải vượt qua.

II. TÓM TẮT

Phật ở Catuma trong rừng cây Kha lưu lạc, Xá lợi phất và Mục kiên liên dẫn về nhiều tân tỳ kheo. Họ gây nhiều tiếng động khi xếp đặt y

bát và chào hỏi nhau. Phật hỏi A nan : "Cái gì bên ngoài nghe như là hàng cá đang tranh giành cá với nhau¹ ?" Tôn giả A nan bạch Phật, đây là năm trăm tân tỳ kheo do Xá lợi phát và Mục kiên liên dẫn đầu muốn đến yết kiến Thế tôn. Phật cho gọi họ đến bảo đi chỗ khác, không được ở gần ngài.

Các tỳ kheo ấy sau khi đánh lễ Phật, thu xếp y bát ra đi. Các Thích tử trú ở Catuma và Phạm Thiên² đến xin Phật giúp đỡ chúng tỳ kheo này, vì họ xuất gia chưa lâu, nếu không được yết kiến Thế tôn, chẳng khác nào hạt giống không được tưới nước, ghé con không được gần bò mẹ.

Phật hoan hỷ với ví dụ ấy nên cho gọi các tân tỳ kheo đến dưới sự hướng dẫn của hai tôn giả. Phật hỏi họ nghĩ gì khi chúng tỳ kheo bị đuổi. Tôn giả Xá lợi Phật trả lời : "Bạch Thế tôn con nghĩ từ nay Thế tôn sẽ ít bận rộn, chúng con cũng ít bận rộn, sẽ được trú trong hiện tại lạc."

Mục kiên liên nói : "Con nghĩ rằng từ nay Thế tôn sẽ ít bận rộn, sẽ trú trong hiện tại lạc.

Nhưng con và tôn giả Sariputta sẽ lãnh đạo chúng tỳ kheo này."

Phật khen Mục kiền liên³ và dạy : "Chỉ có Phật và hai tôn giả có thể lãnh đạo chúng tỳ kheo." Rồi ngài giáo giới các tân tỳ kheo về bốn điều đáng sợ⁴ cho những người xuống nước, là sóng, cá sấu, nước xoáy, cá dữ.

Có người do thấy khổ sinh tử, xuất gia từ bỏ gia đình. Khi được dạy về đi đứng nằm ngồi, cách mang y bát, vị ấy nghĩ những người này chỉ thuộc hàng con cháu ta, lại giảng dạy cho ta, và bất mãn hoàn tục. Đây là sự đáng sợ về sóng, nghĩa là phần nào do tự ái.

Về ăn uống, vị ấy được dạy cái này được phép, cái này không được phép; nên ăn đúng thời, không nên ăn phi thời. Vị ấy suy nghĩ : lúc ở nhà, muốn nhai cái gì ta nhai⁵ cái đó, không cần phải được phép hay không được phép, đúng thời hay không đúng thời⁶. Bây giờ hình như các món ăn ngon đang bị chặn đứng trên miệng. Vị ấy bất mãn hoàn tục. Đây là sự đáng sợ về cá sấu, nghĩa là tham ăn.

Lúc đi khát thực do không phòng hộ các

căn, tỳ kheo trông thấy người đời hưởng thụ năm dục đâm ra tiếc nuối, từ bỏ học giới và hoàn tục. Đây là sự đáng sợ hãi về nước xoáy, nghĩa là năm dục.

Khi nào xóm làng trông thấy phụ nữ, do không phòng hộ các căn, không an trú chánh niệm, dục tình khởi lên phá hoại tâm vị ấy. Do bị dục tình phá hoại, vị ấy hoàn tục. Đây là sự đáng sợ về cá dữ, đồng nghĩa với phụ nữ.

Các tỳ kheo hoan hỷ tin thọ lời Phật dạy.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Luận giải đưa ra 2 giải thích, một giải thích phù hợp với cách dịch này, giải thích kia "người đánh cá bắt được cá."
- (2) Chính Phạm thiên đã thỉnh cầu Phật thuyết Pháp cho thế gian khi Ngài mới giác ngộ. Xem kinh 26.
- (3) Trong trường hợp này, tôn giả có Xá Lợi phất có lỗi khi không nhận trách nhiệm vì tăng già là trách nhiệm của 2 vị trưởng lão. Bởi thế Phật quả trách Xá lợi phất nhưng

khen Mục kiên liên vì có tinh thần trách nhiệm.

- (4) Phật khởi sự giảng giáo lý này để hiển thị rằng có 4 sự nguy hiểm trong giáo lý Ngài. Những người có thể vượt qua những nguy hiểm này sẽ được an lập trong nền giáo pháp, trong khi những người khác sẽ không được an lập.
- (5) Pali dùng 2 từ khác nhau để chỉ 2 loại thức ăn, là loại cứng và loại mềm. Loại cứng bao gồm tất cả thứ rau đậu trái, và loại mềm gồm các loại ngũ cốc, thịt cá. Những thức ăn cần thưởng thức bao gồm các thứ nước giải khát.
- (7) Thời gian thích hợp để ăn là từ sáng đến trưa, ngoài thời gian ấy chỉ được uống nước.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

*Bốn điều đáng sợ cho người mới xuất gia.
Năm dục tăng trưởng. Sáu căn.*

V. KỆ TỤNG

Nhiều vị mới xuất gia
Theo tôn giả Thu tử
Về rừng Ca tu ma
Để yết kiến đức Phật

Họ gây nhiều tiếng ồn
Khi xếp đặt y bát
Chào hỏi nhau lớn tiếng
Làm kinh động Thế tôn.

Ngài gọi A nan hỏi :
"Cái gì ở bên ngoài
Nghe như là hàng cá
Đang tranh giành nhau cá ?"

A nan liền bạch Phật
"Đấy là tân tỳ kheo
Đại sư huynh dẫn về
Muốn yết kiến Thế tôn ."

Phật cho gọi vào bảo
"Nay ta đuổi các người
Hãy đi, đi chỗ khác
Không được ở gần ta."

Các tỳ kheo vâng lệnh
Lễ Phật rồi ra đi
Thất thế các Thích tử
Khuyên nán lại chốc lát.

Phạm thiên và Thích tử
Đều đến xin Thế tôn
Xót thương chúng tỳ kheo
Như mẹ thương con nhỏ

Tâm họ còn non nớt
Mới xuất gia chưa lâu
Không được gần Thế tôn
Như nằm không tưới nước

Nghé con còn măng sữa

Không được gân bò mẹ.
Nghe lời khéo nói ấy
Phật cho gọi họ vào.

Xá lợi phát Mục liên
Dẫn chúng vào yết Phật
Phật hỏi nghi thế nào
Khi ta đuổi tỳ kheo

Xá lợi phát thưa rằng
"Từ nay khỏi rộn ràng
Phật trú hiện tại lạc
Chúng con cũng được an."

Mục kiên liên bạch Phật
"Thế tôn sẽ được an
Nhưng con phải lo toan
Hưởng dẫn đàn hậu học."

Phật khen Mục kiên liên
Có tinh thần độ chúng

Rồi ban lời giáo huấn
Những người mới xuất gia :

Như người ra sông biển,
Sợ sóng và cá sấu
Nước xoáy cùng cá mập
Xuất gia sợ bốn điều :

Được đồng tu dạy bảo
Nghĩ "Bằng con cháu ta
Lại giảng dạy cho ta."
Đây là sóng phẫn nộ.

Ông nên nhai cái này
Cái này không được nhai
Ăn uống phải đúng thời
Phi thời không được phép.

Khi ta chưa xuất gia
Muốn gì ăn thứ ấy
Cái đúng thời, ta nhai

Phi thời ta cũng nhai.

Bây giờ thì mất hết
Những món ăn hảo hạng
Do thí chủ cúng dường
Bị chặn ngang cổ họng.

Với ý nghĩ như trên
Vị ấy bèn hoàn tục
Đầy mối nguy cá sấu
Đồng nghĩa với tham ăn.

Không phòng hộ các căn
Khi nghe thanh thấy sắc
Tiếc nuôi, mong hoàn tục
Là nước xoáy ngũ dục.

Khi thấy người khác phái
Không giữ gìn chánh niệm
Bị dục tình phá hoại
Là cá mập phụ nữ.

Chúng tỳ kheo tín thọ
Lời Thế tôn giáo huấn
Để phòng bốn hiểm nguy
Trong đời tu phạm hạnh.



SÁU MƯƠI TÁM

NALAKAPANA

I. TOÁT YẾU

Nalakapàna Sutta - At Nalakapàna.

The Buddha explains why, when his disciples die, he declares their level of attainment and plane of rebirth.

Ở Nalakapana.

Phật giải thích tại sao ngài công bố sự chứng đắc và cội tái sinh của các đệ tử khi họ chết.

II. TÓM TẮT

Phật ngồi giữa trời với các tôn giả A na luật, Nan đề, Kim tỳ la, Ly bà đa, A nan đà và một số đông tỳ kheo. Ngài hỏi họ có hoan hỷ

trong đời sống phạm hạnh không. Tôn giả A na luật đáp chúng con rất hoan hỷ trong đời sống phạm hạnh.

Phật khen họ đang tuổi thanh xuân với tóc đen nhánh, có thể hưởng thụ các dục lạc, lại xuất gia từ bỏ gia đình không vì lệnh của vua, của kẻ trộm cướp, không vì nợ nần, không vì sợ hãi, không vì mất kế sinh nhai, mà chỉ vì mong chấm dứt toàn bộ khổ uẩn.

Phật khen hãy tu tập thiền định, ly dục, ly bất thiện pháp. Khi đã chứng được hỷ lạc do ly dục sinh¹ hay một trạng thái khác an tịnh hơn², thì các triền cái không còn xâm chiếm tâm và an trú.

Phật hỏi các tôn giả ấy nghĩ về Phật như thế nào. Họ đáp : "Chúng con nghĩ các lậu hoặc đã được Như Lai đoạn trừ, do vậy Như Lai sau khi phân tích thọ dụng một pháp, sau khi phân tích kham nhẫn một pháp, sau khi phân tích từ bỏ một pháp, sau khi phân tích đoạn trừ một pháp." Phật xác nhận như vậy.

Khi nói về tái sinh³ của các tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ đã chết, ngài

không vì mục đích lường gạt quần chúng, vì mục đích lợi lộc danh xưng, mà chỉ vì muốn cho người nghe được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Khi Thế tôn tuyên bố về một tỳ kheo có giới hạnh như vậy, trí tuệ như vậy đã mệnh chung và đã an trú chánh trí⁴, đệ tử nhớ đến những điều ấy bèn chú tâm trên như thật và sống an vui.

III. CHÚ GIẢI

- (1) "Hy lạp do ly dục sanh" có nghĩa là sơ thiên và nhị thiên "an tịnh hơn thế nữa" là những thiên cao hơn và 4 đạo.
- (2) Xem kinh số 2. Đây là những cách tu tập của bậc hữu học để đề phòng sự sanh khởi những ô nhiễm tiềm tàng chưa được trừ bỏ.
- (3) Điều này ám chỉ thắng trí của Phật có thể biết cảnh giới tái sinh của các đệ tử.
- (4) Chánh trí là trí của bậc A la hán.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Năm triệu cái, 5 hạ kết sử, bảy cách trừ lậu hoặc.

V. KỆ TỤNG

Thế tôn ngôi giữa trời
Cùng chúng đông đệ tử
Các tỳ kheo nổi tiếng
A na luật, Nan đề...

"Các người an vui chăng
Với đời sống phạm hạnh ?"
A na luật bạch rằng :
-Chúng con rất hoan hỉ.

"Lành thay, hi hữu thay
Các người còn ít tuổi
Với tóc còn đen nhánh
Mùa xuân của đời người

Có khả năng hưởng thụ

Đủ mọi thứ dục lạc,
Lại từ bỏ gia đình
Để sống đời phạm hạnh

Không vì tuân lệnh vua
Không vì bị nợ nần
Không vì mất sinh kế
Hoặc bị người cưỡng bức

Chỉ vì mong chấm dứt
Toàn bộ khổ uẩn này.
Các người hãy nỗ lực
Tu tập các thiện pháp.

Hãy tu thiên ly dục
Và ly bất thiện pháp
Để chứng được hỉ lạc
Do ly dục sinh ra

Khi chứng được sơ thiên
Và các thiên trên nữa

Thì triển cái không còn
Xâm chiếm trú tâm người."

Phật hỏi các tôn giả
Nghĩ thế nào về Phật
-Chúng con nghĩ lâu hoặc
Được Như Lai tận trừ

Nên sau khi phân tích
Có pháp ngài thọ dụng
Có việc ngài kham nhẫn
Hoặc từ bỏ, đoạn trừ.

Phật dạy : "Chính như vậy."
Và ngài nói tái sinh
Của một số đệ tử
Sau khi họ từ trần

Không để bịp quần chúng
Vì lợi lộc tiếng tăm
Mà chỉ muốn người nghe

Được lợi ích an lạc.

Khi Thế tôn tuyên bố
Người có giới như vậy
Và trí tuệ như vậy
Đã an trú chánh trí

Đệ tử nghe lời này
Thấy tu hành hiệu quả
Chú tâm trên như thật
Và sống được an vui.



SÁU MƯƠI CHÍN

GULISSÀNI

I. TOÁT YẾU

Gulissàni sutta.

The venerable sàriputta gives a discourse on the proper training of a forest-dwelling bhikkhu.

Tôn giả Xá lợi phát giảng về cách tu tập thích hợp cho một tỳ kheo ở rừng.

II. TÓM TẮT

Tỳ kheo ở rừng tên Gulissàni có hành động thô tháo, một hôm đến giữa tăng chúng. Tôn giả Xá lợi Phật nhân vị này đã dạy chúng tỳ kheo :

- Một tỳ kheo ở rừng khi nhập chúng phải biết tôn trọng các đồng phạm hạnh,

- Phải khéo biết chỗ ngồi, không chiếm chỗ của các Thượng tọa hay hạ tọa.
- Không vào làng quá sớm và trở về ban ngày.
- Không đi đến các gia đình trước hoặc sau bữa ăn¹.
- Không trạo cử giao động.
- Không nên nhiều lời ba hoa.
- Phải là người dễ nói, là người bạn tốt.
- Phải thủ hộ các căn.
- Phải tiết độ trong sự ăn uống.
- Phải chú tâm cảnh giác.
- Phải tinh cần tinh tấn.
- Phải chính niệm tỉnh giác.
- Phải có thiên định.
- Phải có trí tuệ.
- Phải thực thập thắng pháp thắng luật².
- Phải tu tập các pháp tịch tịnh giải thoát vượt khỏi sắc pháp và vô sắc pháp³.
- Phải tu tập các pháp thượng nhân⁴.

Nếu tỳ kheo ở rừng không học những điều nói trên, thì sẽ bị chê là người hành động theo sở thích, chứ không biết pháp biết luật.

Tôn giả Mục kiền liên hỏi tôn giả Xá lợi phất : "Các pháp này có cần được chấp trì bởi tỳ kheo sống gần làng mạc hay không."

Xá lợi phất trả lời : "Tỳ kheo sống ở rừng còn phải tu tập như vậy, huống hồ tỳ kheo sống gần làng mạc."

III. CHÚ GIẢI

- (1) Điều này bị cấm bởi học giới Ba dật đề 46.
Tỳ kheo có thể đến thăm gia đình vào những lúc ấy chỉ khi đã thông báo cho một tỳ kheo khác ở trong tu viện về ý nghĩ của mình, trừ mùa may y và thí y.
- (2) *Thắng pháp, thắng luật* : theo luật tỳ kheo cần phải học tập văn bản và luận giải về Tạng Luật và Tạng Luận. Điều này rõ ràng không hợp thứ tự thời gian. Về danh từ A tỳ đàm ở trong các kinh, xem chú giải kinh 32. Mặc dù không có một nền văn học tương đương nào được gọi là thắng

luật, có lẽ danh từ này ám chỉ một sự phân tích và nghiên cứu có hệ thống về giới luật, điều này đã có trong luật tạng.

- (3) Điều này nói đến 8 thiên chứng. Tối thiểu một vị tỳ kheo cũng cần phải thông thạo cho việc chuẩn bị về một đề mục thiên quán, như là quán biến xứ.
- (4) Điều này ám chỉ đến tất cả các thiên siêu thế. Ít nhất vị ấy cũng phải rành rẽ về một khía cạnh phát triển tuệ quán cho đến A la hán quả.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

17 Pháp cần tu học cho tỳ kheo ở rừng.

V. KỆ TỤNG

Một tỳ kheo ở rừng
Tên Gulissàni
Hành động thiếu uy nghi
Khi đến giữa tăng chúng.

Tôn giả Xá lợi phát
Do nhân duyên vị này
Đã dạy chúng tỳ kheo
Hạnh tu ở rừng núi.

Tỳ kheo tu núi rừng
Khi đến giữa chúng tăng
Cần phải biết khiêm cung
Với người đồng phạm hạnh

Khéo biết vị trí mình
Không chiếm chỗ người trên
Không giành chỗ người dưới
Khi ngồi giữa chúng tăng.

Không vào làng quá sớm
Rời sáng ra trở về
Không đến các gia đình
Trước hoặc sau bữa ăn.

Không trạo cử dao động

Không nhiều lời ba hoa
Hãy là người dễ nói
Và là người bạn tốt.

Phải hộ trì các căn
Ăn uống có chừng mực
Phải chú tâm cảnh giác
Đề phòng tâm nhiễm ô

Phải tinh cần tinh tấn
Luôn chính niệm tỉnh giác
Lại phải có định tuệ
Học thắng pháp thắng luật

Về các pháp tịch tịnh
Giải thoát sắc, vô sắc
Về các pháp thượng nhân
Tỳ kheo phải am tường.

Nếu sơn tăng không học
Sẽ bị người cười chê

Hành động theo sở thích
Chẳng được tích sự gì.

Mục kiến liên hỏi lại :
"Các pháp ngài vừa dạy
Có cần được chấp trì
Bởi người tu thành thị ?"

Xá lợi phất trả lời :
"Tỳ kheo sống ở rừng
Còn phải tu như vậy
Huống người sống gần làng."



BẢY MƯỜI

KITAGIRI

I. TOÁT YẾU

Kitàgiri Sutta - At Kitàgiri

The Buddha admonishes a group of disobedient monks, in the course of which he presents an important sevenfold classification of noble disciples.

Ở Kitàgiri

Phật giáo giới nhóm tỳ kheo bất tuân, và trình bày một phân loại quan trọng về bảy hạng hiền thánh.

II. TÓM TẮT

Kinh này Phật dạy nhân hai tỳ kheo ở Kitàgiri không chịu giữ giới từ bỏ ăn ban đêm¹.

Khi nghe Phật chế giới này, họ bảo : "nhờ ăn chiều, ăn sáng và ăn phi thời mà chúng tôi cảm thấy có sức, ít bệnh. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại để chạy theo tương lai ?"

Phật cho gọi hai tỳ kheo này² đến và dạy : "Đối với một người khi cảm thọ lạc³ mà các bất thiện pháp đoạn diệt, thiện pháp tăng trưởng thì Phật dạy nên chứng trú lạc thọ ấy. Ngược lại đối với một người, khi cảm thọ lạc, mà các thiện pháp đoạn diệt, bất thiện pháp tăng trưởng thì nên từ bỏ lạc thọ ấy⁴. Đối với khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ cũng vậy. Vì sự việc này Như Lai đã biết, đã chứng, đã liễu giải với trí tuệ, nên Ngài dạy trưởng hợp nào cần từ bỏ, trưởng hợp nào cần an trú một cảm thọ lạc, khổ hay bất khổ bất lạc.

Không phải đối với tất cả các tỳ kheo, Phật đều dạy có việc cần phải làm nhờ không phóng dật. Vì đối với các vị đã chứng lậu tận, đã tu hành viên mãn, đã thành đạt lý tưởng thì không có việc gì cần phải làm nhờ không phóng dật. Bởi vì những vị này không thể trở thành phóng dật. Nhưng với các tỳ kheo còn

học, tâm chưa thành tựu, thì còn có việc phải làm nhờ không phóng dật.

Có bảy hạng người⁶ :

1. Câu phần giải thoát,
2. Tuệ giải thoát,
3. Thân chứng,
4. Kiến đạo,
5. Tín giải thoát,
6. Tùy pháp hành,
7. Tùy tín hành.

*Câu phần giải thoát*⁷ là vị đã đắc các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc và vô sắc pháp, và sau khi thấy với trí tuệ, đã tận trừ tất cả lậu hoặc.

*Tuệ giải thoát*⁸ đã tận trừ lậu hoặc nhưng không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát.

*Thân chứng*⁹ có chứng đắc các tịch tịnh giải thoát nhưng chỉ đoạn trừ một số lậu hoặc.

*Kiến đạo*¹⁰ không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, chỉ đoạn trừ một số lậu hoặc.

*Tín giải thoát*¹¹ có chứng đắc tịch tịnh,

đoạn trừ một số lậu hoặc, lòng tin đối với Như Lai đã được xác định.

*Tùy pháp hành*¹² có các căn tín, tấn, niệm, định, tuệ nhưng không chứng đắc tịch tịnh giải thoát, lậu hoặc không được đoạn trừ, các pháp do Như Lai tuyên thuyết chỉ được vị này chấp nhận một ít.

Tùy tín hành không chứng đắc tịch tịnh giải thoát, lậu hoặc không được đoạn trừ, nhưng có lòng tin và lòng thương Phật. Năm vị sau này còn có việc phải làm nhờ không phóng dật.

Trí tuệ không được hoàn thành tức khắc mà nhờ học từ từ, hành từ từ, tu tập tuần tự. Ấy là các giai đoạn :

- Trước hết khởi lòng tin, rồi đến gần, kính lễ;
- Lắng tai nghe pháp; thọ trì pháp; suy tư ý nghĩa;
- Chấp thuận pháp sau khi suy tư;
- Khởi lên ước muốn; nỗ lực; cân nhắc; tinh cần;

- Chúng được chân lý tối thượng; thể nhận chân lý với trí tuệ¹³.

Nhưng nếu không có lòng tin¹⁴, tất cả những gì sau đó cũng không.

Đối với đệ tử có lòng tin bậc đạo sư, có bốn tùy pháp¹⁵.

1. Vị ấy nghĩ, bậc đạo sư là Thế tôn, đệ tử là tôi. Thế tôn biết, tôi không biết.
2. Đối với vị ấy, giáo pháp hưng thịnh và có nhiều sinh lực.
3. Vị ấy khởi lên ý nghĩ : dù chỉ còn da xương, dù máu thịt khô héo, mong ta sẽ có tinh tấn lực để chứng đắc những gì chưa chứng¹⁶.
4. Vị ấy sẽ chứng được một trong hai quả : chính trí trong hiện tại, và nếu còn dư ý, chứng quả Bất hoàn.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Xem chú thích 1, kinh 66. Phù hợp với kinh 66, luận giải thích : lúc đầu Phật cấm ăn sau

ngộ, rồi về sau cấm ăn ban đêm. Ngài làm việc này vì quan tâm đến các tỳ kheo yếu đuối trong tăng đoàn, có thể mệt mỏi nhanh chóng nếu đồng thời cấm cả hai bữa ăn.

- (2) Trong luật tạng, 2 tỳ kheo này được mô tả là những vị không có tâm quý, hư hỏng và thường vướng vào đủ loại hành vi quấy đưa đến sự hoen ố tín đồ. Tại Kitàgiri họ bị trục xuất, và sự bất tuân của họ đã đưa đến sự chế ra học giới tăng tàn số 13.
- (3) Lời này được nói cốt ám chỉ đến lạc thú ăn về đêm, một điều không đưa đến thực hành phận sự tỳ kheo.
- (4) Loại lạc thọ đầu là niềm vui liên hệ đời sống tại gia, loại sau là niềm vui căn cứ trên sự từ bỏ. Tương tự, 2 câu sau nói đến ưu và xả dựa trên đời sống tại gia và dựa trên sự từ bỏ. Xem kinh 137.
- (5) Ba đoạn này cốt nói lý do vì sao Phật dạy cần phải từ bỏ tất cả cảm thọ liên hệ đến đời sống tại gia và phát triển những cảm thọ liên hệ đến viên ly.

- (6) Ở đây sự phân thành 7 hạng hiền thánh không chỉ căn cứ trên sự chứng đạo đắc quả như 4 đôi 8 vị, mà theo sự nổi bật của một trong các căn tín tấn niệm định tuệ.
- (7) *Câu phần giải thoát* có nghĩa là vị ấy giải thoát thân vật lý nhờ các thiền chứng vô sắc, và thoát khỏi thân tâm lý nhờ đạo lộ A la hán. Định nghĩa : "Vị ấy tiếp xúc với thân thể và trú trong 8 giải thoát, những ô nhiễm của vị ấy được đoạn trừ nhờ thấy với trí tuệ." Kinh sở nói bậc Câu phần giải thoát bao gồm những người đắc quả A la hán sau khi xuất một trong 4 định vô sắc, và người đắc quả sau khi xuất diệt tận định.
- (8) *Tuệ giải thoát* : vị này bao gồm những người đắc quả A la hán hoặc như một bậc căn tuệ, *sukkha-vipassaka*, hoặc sau khi xuất một trong bốn thiền.
- (9) *Thân chứng* : hạng này bao gồm sáu hạng người - từ người chứng quả Dự Lưu đến A la hán đạo. Người này chứng các thiền vô sắc và sau đó chứng niết bàn. Luận nhấn mạnh rằng một thiền chứng vô sắc kể cả diệt tận

định, là cần thiết để gọi là bát thân chứng. Định nghĩa *Pug* thay vào tám giải thoát.

- (10) *Kiến đạo* : bao gồm sáu người như trên, từ bậc Dự lưu cho đến A la hán đạo, nhưng không chứng các thiền vô sắc. *Pug* định nghĩa vị này là người đã hiểu rõ 4 chân lý và đã quán sát với trí tuệ những giáo lý mà đức Như Lai tuyên thuyết.
- (11) *Tin giải thoát* : luận nói hạng này cũng bao gồm sáu người như trên. *Pug* định nghĩa vị này cũng như bậc kiến đạo, nhưng chưa quán sát giáo lý với trí tuệ như bậc kiến đạo.
- (12) Luận nói hạng tùy pháp mà tùy tín là những người trên đạo lộ Dự lưu, hạng đầu đặt nặng trí tuệ, hạng sau đặt nặng đức tin.
- (13) Theo luận, với thân tâm lý vị ấy chứng Niết bàn chân lý tối hậu và thâm nhập bằng trí tuệ thuộc đạo lộ siêu thế.
- (14) Nghĩa là những tỳ kheo này chưa có đủ đức tin cần thiết để theo sự tu tập mà Phật đã chế định.

- (15) Theo luận, 4 tùy pháp là giáo lý Tứ diệu đế. Tuy nhiên ở đây không thấy nói gì đến Tứ diệu đế.
- (16) Phật cho thấy người đệ tử lý tưởng là người khơi dậy nghị lực và quyết tâm tu tập : "Ta sẽ không đứng dậy khi chưa đắc quả A la hán".

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba thọ, bảy hạng người, bốn tùy pháp về Như Lai .

V. KỆ TỤNG

Có hai vị tôn giả
Ở Kitàgiri
Không chấp hành học giới
Từ bỏ ăn ban đêm¹.

Lại còn nói do đây
Mà có sức, ít bệnh
Sao lại bỏ hiện tại

Để chạy theo tương lai ?

Phật dạy những vị này :

"Nên chứng trú lạc thọ

Nếu bất thiện đoạn diệt

Và thiện pháp tăng trưởng

Nhưng nếu sự hưởng lạc

Làm thiện pháp đoạn diệt

Bất thiện pháp tăng trưởng

Hãy bỏ lạc thọ ấy.

Đối với cảm thọ khổ

Và bất khổ bất lạc

Cũng nên hiểu như vậy

Vì Phật đã chứng tri.

Với trí tuệ, Ngài biết

Trường hợp nào nên bỏ

Trường hợp nào nên trú

Một trong ba cảm thọ.

Phật dạy một số người
Tu hành chưa hoàn tất
Còn có việc phải làm
Nhờ hạnh không phóng dật

Bạc la hán lậu tận
Đã tu hành thành mãn
Không thể thành phóng dật
Thì hết việc cần làm

Tu hành có bảy hạng
Là : Câu phân giải thoát
Tuệ giải thoát, thân chứng
Kiến đáo, tín giải thoát

Tùy pháp, tùy tín hành.
Câu phân đặc tịch tịnh
Siêu quá sắc vô sắc
Và tận trừ lậu hoặc.

Tuệ giải thoát hết mê

Nhưng không chứng tịch tịnh
Thân chứng có tịch tịnh
Nhưng chưa trừ lậu hoặc.

Kiến đạo không chứng đắc
Các tịch tịnh giải thoát
Và cũng chỉ đoạn trừ
Một phần các lậu hoặc

Tin giải thoát có chứng
Các tịch tịnh giải thoát
Đoạn vài phân lậu hoặc
Lòng tin Phật bền chắc.

Tùy pháp hành có căn
Tín, tấn, niệm, định, tuệ
Nhưng không chứng tịch tịnh
Lậu hoặc chưa đoạn trừ.

Tùy tín hành không chứng
Các tịch tịnh giải thoát

Lậu hoặc chưa trừ diệt
Nhưng có tin, thương Phật.

Năm vị sau cùng này
Còn có việc phải làm
Nhờ hạnh không phóng dật
Học giáo pháp Như Lai.

Trí huệ được hoàn thành
Nhờ học hành tuần tự
Trước hết khởi lòng tin
Và đến gần bậc trí

Kính lễ, lắng tai nghe
Thọ trì pháp được giảng
Rồi tư duy ý nghĩa
Thấy đúng bèn thuận theo

Khởi ước muốn tu hành
Rồi nỗ lực, cân nhắc
Và tinh tấn hành thiền

Chứng nhập với trí tuệ

Nhưng nếu không đức tin
Khởi đầu của mọi sự
Thì những gì sau đó
Cũng cảm bằng như không.

Đệ tử có lòng tin
Sẽ có bốn tùy pháp :
Đạo sư là Thế tôn
Con quay về nương tựa.

Giáo lý Ngài giảng dạy
Là pháp vị cam lồ
Làm dịu cơn nóng bức
Giữa sa mạc tử sinh.

Dù chỉ còn da xương,
Dù máu thịt khô héo
Mong con đủ tinh cần
Chứng những gì chưa chứng.

Một đệ tử như vậy
Hiện tại đắc chính trí
Hoặc nếu còn dư y
Sẽ chứng quả Bất hoàn.



BẢY MƯƠI MỐT TAM MINH

I. TOÁT YẾU

Tevijjavacchagottassutta -

To Vacchagotta on the Threefold True Knowledge.

The Buddha denies possessing complete knowledge of everything at all times and defines the threefold knowledge he does possess.

Giảng cho Vacchagotta về ba minh.

Phật phủ nhận có toàn tri về mọi sự vào mọi lúc, và định nghĩa ba minh mà ngài chứng.

II. TÓM TẮT

Vacchagotta¹ hỏi Phật, có phải sa môn Gotama là bậc nhất thiết trí², khi đi, đứng, ngủ và thức, tri kiến nơi Ngài tồn tại liên tục³.

Phật dạy ai nói vậy là đã vu khống Ngài với điều không thực. Phải nói sa môn Gotama có ba minh. Nếu muốn, ngài có thể nhớ lại nhiều đời quá khứ với đại cương và chi tiết. Nếu muốn ngài có thể thấy bằng thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, sự sống chết chúng sinh tùy theo nghiệp. Và với sự đoạn diệt các lậu hoặc, ngay hiện tại ngài chứng trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Phật trả lời các câu hỏi của du sĩ : Trong số những người tại gia chưa đoạn trừ kiết sử tại gia⁴, không người nào đoạn tận khổ đau sau khi chết ; nhưng rất nhiều người được sinh lên trời. Không có tà mạn ngoại đạo nào khi thân hoại mạng chung có thể diệt tận khổ đau ; và dù Phật nhớ đến 91 kiếp Ngài cũng không biết một tà mạn ngoại đạo nào chết được sanh thiên, trừ một vị, vị này thuyết về nghiệp và tác dụng của nghiệp⁶.

Khi nghe vậy Vacchagotta bạch Phật : Nếu vậy thì ngoại đạo quả là trống rỗng ngay cả vấn đề sinh lên trời.

Phật xác nhận đúng như thế.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Kinh này và 2 kinh kế tiếp dường như trình bày sự tiến hoá của Vacchagotta theo thứ tự thời gian. Kinh Tương Ứng Bộ có cả một chương thuật lại những đàm luận ngắn giữa Phật và vị này.
- (2) Theo luận giải, mặc dù câu này có một phần có giá trị, đức Phật vẫn bác bỏ toàn bộ vì cái phần vô giá trị của nó. Cái phần có giá trị trong câu nói ấy là xác nhận rằng Phật là toàn tri, thấy biết tất cả. Phần hơi quá đáng là xác nhận rằng tri kiến ấy luôn luôn hiện hữu nơi Ngài một cách liên tục. Theo truyền thống Thượng Tọa Bộ, Phật là toàn tri với ý nghĩa rằng tất cả những gì có thể biết, Ngài có khả năng biết được. Tuy nhiên Ngài không thể đồng lúc biết tất cả mọi sự, mà phải tác ý đến điều gì Ngài muốn biết. Trong kinh 90, Phật dạy rằng có thể biết và thấy tất cả mặc dù không thể cùng một lúc, và trong kinh Tăng Chi IV, Ngài công bố biết được tất cả những gì có thể thấy, nghe, và nhận

thức, mà theo truyền thống Thượng Tọa Bộ, điều này được hiểu là xác nhận về toàn tri.

- (3) Đây là loại toàn tri mà vị thầy Ni kiên tử tự cho mình có được, theo kinh 14.
- (4) Kết sử tại gia có nghĩa là sự ràng buộc đối với các vật dụng của một gia chủ như đất, đồ trang sức, tài sản, ngũ cốc... Luận nói, mặc dù kinh này có đề cập vài người cư sĩ đắc quả A la hán, nhưng khi ở đạo lộ A la hán, họ đã quá hủy tất cả ràng buộc với các vật thế gian và như vậy hoặc họ xuất gia làm tỳ kheo, hoặc từ trần ngay sau khi chứng đắc. Vấn đề A la hán cư sĩ được bàn trong kinh 264.
- (5) Xem kinh số 5.
- (6) Vì ông này tin hiệu quả của nghiệp, nên ông không thể theo thuyết định mệnh chính thống của giáo phái ông, một giáo phái phủ nhận hiệu quả của nghiệp và những hành động cố ý trong việc thay đổi số phận con người. Theo kinh số, vị này đời trước là một vị Bồ tát.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Hai giải thoát; Ba minh

V. KỆ TỤNG

Vacchagotta hỏi
-Con nghe người ta nói
Tôn giả Gotoma
Là bậc nhất thiết trí

Khi đi, đứng, ngủ thức
Tri kiến Ngài liên tục
Lời này có đúng thực
Để nói về Như Lai ?

Phật dạy ai nói vậy
Là đã vu khống Ngài
Và xuyên tạc Như Lai
Với một điều không thực

Muốn nói về Như Lai

Một cách chân chính nhất
Thì phải nói rằng ngài
Là bậc có ba minh

Bằng trí tức mạng minh
Nếu muốn, Ngài có thể
Nhớ nhiều đời quá khứ
Đại cương và chi tiết.

Nếu muốn, Ngài có thể
Dùng thiên nhãn thuần tịnh
Thấy sống chết chúng sinh
Tùy theo nghiệp của chúng

Và với sự đoạn diệt
Tất cả các lậu hoặc
Ngài hiện chứng vô lậu
Tâm và tuệ giải thoát

Phật trả lời du sĩ
Những người chưa đoạn trừ

Các kiết sử tại gia
Chết không tận diệt khổ

Nhưng có rất nhiều người
Còn kết sử tại gia
Vẫn được sinh thiên giới
Trừ tà mạn ngoại đạo

Vì với trí thanh tịnh
Nhớ về chín mối kiếp
Phật chỉ thấy một vị
Mạng chung sinh thiên giới

Vị này thuyết về nghiệp
Và tác dụng của nghiệp.
Khi nghe nói như vậy
Vacchagotta bạch :

-Nếu vậy thì ngoại đạo
Quả thực là trống rỗng
Cho đến cả vấn đề
Thác sinh lên thiên giới.

BẢY MƯỠI HAI

AGGIVACCHAGOTTA

I. TOÁT YẾU

Aggivacchagotta Sutta *To Vacchagotta on Fire.*

The Buddha explains to a wanderer why he does not hold any speculative views. With the simile of an extinguished fire he tries to indicate the destiny of the liberated being.

Giảng cho Vacchagotta về ngọn lửa

Phật giảng cho một du sĩ tại sao ngài không giữ một quan điểm tư duy nào. Với ví dụ ngọn lửa, ngài cố ý chỉ ra số phận của người đã giải thoát.

II. TÓM TẮT

Du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đến hỏi Phật : Thế giới là thường trú hay vô thường ? Thế giới là hữu biên hay vô biên ? Thân và mạng là một hay khác¹ ? Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại ? Hay vừa tồn tại vừa không tồn tại, hay không tồn tại cũng không không tồn tại² ?

Đức Phật phủ nhận tất cả, cho đấy là rừng tà kiến, kiến trói buộc, đưa đến tranh chấp hí luận, không đưa đến ly tham, an tịnh, giác ngộ, Niết bàn. Vì thấy sự nguy hại của quan đẽm nên Phật không chấp nhận chúng³. Tất cả tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng đây là điều Như Lai đã thấy : đây là sắc, tập khởi của sắc, đoạn diệt của sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Với sự đoạn diệt, xả ly mọi ảo tưởng về ngã, ngã sở, mạn tỳ miên, Như Lai hoàn toàn giải thoát không chấp thủ.

Khi ấy Vacchagotta hỏi một vị giải thoát như vậy sinh về đâu ? Phật đáp sinh không áp dụng cho vị ấy.

Vacchagotta lại hỏi có phải vị ấy không sinh ? Phật trả lời : không sinh cũng không áp dụng⁴. Đối với hai mệnh đề sau, vừa có vừa không, và không có cũng không không, cũng vậy.

Vacchagotta đâm ra hoang mang mờ mịt, nói rằng một số tin tưởng do các cuộc đàm thoại trước đây mang lại đã biến mất nơi ông. Phật dạy thật khó cho Vacchagotta để hiểu được điều này, khi ông ta thuộc về ngoại đạo, vì pháp này thật sâu kín khó thấy, tế nhị, chỉ bậc trí hiểu nổi.

Phật hỏi Vacchagotta, khi ngọn lửa đang cháy, ông có thể biết nó đang cháy, biết nhân và duyên của nó. Nhưng khi nó tắt, ông có thể biết ngọn lửa ấy đã đi về phương hướng nào hay không ? Vacchagotta trả lời không, vì ngọn lửa đã tắt do hết nhiên liệu.

Phật dạy : Cũng vậy, do sắc pháp⁵ mà người ta nhận biết Như Lai, nhưng sắc pháp ấy được Như Lai đoạn diệt làm cho không thể sinh khởi trong tương lai. Như Lai đã giải thoát khỏi sắc pháp, cho nên có sinh, không sinh,

vừa có, vừa không, không có không không, đều không áp dụng được. Với thọ, tưởng, hành, thức nơi Như Lai cũng vậy, đều đã được cắt đứt tận gốc rễ không thể sinh khởi trong tương lai, nên bốn trường hợp trên đây không áp dụng⁶.

Du sĩ ngoại đạo nghe xong ca tụng Phật đã dùng nhiều phương tiện trình bày chính pháp, và xin quy y.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Quan điểm cho rằng mạng và thân là một là thuyết duy vật, vì thân mạng vào thân xác. Quan điểm cho rằng mạng khác thân là một thường kiến, chấp trường tồn, xem mạng hay linh hồn là một nguyên lý tâm linh trường cửu có thể hiện hữu độc lập với thân xác.
- (2) Quan điểm cho rằng Như Lai hiện hữu sau khi chết là một kiểu thường kiến, xem Như Lai có một bản ngã đạt đến giải thoát vĩnh viễn sau khi thân xác chết. Quan điểm cho rằng Như Lai không hiện hữu sau khi chết

cũng nhận Như Lai có một bản ngã, nhưng bản ngã này bị hủy diệt khi thân xác chết. Quan điểm thứ 3 tổng hợp 2 quan điểm này, bị Phật bác bỏ vì cả 2 thành phần đều bao hàm tà kiến. Quan điểm thứ tư có vẻ đầy hoài nghi, cố chối bỏ cả hai trường hợp trên, hoặc cố tránh giữ một lập trường nhất định.

- (3) Trong Pàli ở đây có sự chơi chữ giữa *Dilthi galta*, có nghĩa là quan điểm trừu tượng mà Như Lai đã gạt bỏ và *Diltha*, nghĩa là những gì được thấy bằng tri kiến trực tiếp của Như Lai, nghĩa là sự sinh và diệt của 5 uẩn.
- (4) Luận nói "không sinh trở lại" có nghĩa vị A la hán không còn trải qua một đời sống mới. Nhưng nếu Vacchagotta nghe lời này, ông ta sẽ hiểu lầm là đoạn diệt, nên Phật phủ nhận.
- (5) Luận nói đây là sắc pháp qua đó người ta mô tả Như Lai là một tự ngã có sắc pháp. Luận thêm sắc pháp đã được từ bỏ nhờ sự từ bỏ những kiết sử liên hệ đến nó, nên nó không thể nào trở lại trong tương lai.

- (6) Đoạn này cần liên hệ đến ví dụ về ngọn lửa tắt. Cũng như không thể nói ngọn lửa tắt đã đi về hướng nào. Như Lai cũng vậy khi đạt đến Niết bàn tối hậu, không thể được mô tả theo 4 trường hợp trên kia, "có, không, vừa có vừa không, không có không không".

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Bốn vấn đề bất thuyết : về thời gian, không gian của thế giới, về thân mạng, về Như Lai. Bốn cú.

V. KỆ TỤNG

Một du sĩ ngoại đạo
Tên Vacchagotta
Đi đến hỏi Thế tôn
Thế giới thường, vô thường ?

Thế giới hữu, vô biên ?
Thân, mạng một hay khác ?

Như Lai sau khi chết
Có tồn tại hay không

Hay vừa còn vừa mất
Hay không mất không còn
Phật phủ nhận tất cả
Cho là rừng tà kiến

"Kiến trói buộc con người
Gây tranh chấp hí luận
Không đưa đến ly tham
Giác ngộ và Niết bàn

Vì thấy sự nguy hại
Của các loại quan điểm
Nên Phật không chấp nhận
Bất cứ quan điểm nào.

Như Lai đã đoạn trừ
Tất cả các tà kiến
Nhưng ngài đã thấy được :

Sắc và tập khởi sắc

Sự đoạn diệt của sắc
Và con đường đoạn diệt
Với thọ, tưởng, hành, thức
Cùng thấy biết như vậy.

Xả ly mọi ảo tưởng
Về ngã và ngã sở
Cùng với mạn tùy miên
Ngài giải thoát chấp thủ".

Vacchagotta hỏi
-Vị giải thoát như vậy
Sẽ tái sinh về đâu ?
"Sinh hay là không sinh

Hoặc vừa có vừa không,
Không có cũng không không
Đều không thể áp dụng
Với người đã giải thoát.

Như ngọn lửa đang cháy,
Ta thấy được nhân duyên
Nhưng khi nó đã tắt
Biết nó đi đàng nào?

Như lửa hết nhiên liệu
Sắc pháp nơi Như Lai
Được hoàn toàn đoạn diệt
Không sinh khởi tương lai

Như Lai đã giải thoát
Sắc thọ tưởng hành thức
Nên có sinh, không sinh
Đều không áp dụng được".

Du sĩ ca tụng Phật
Khéo trình bày chính pháp
Và ông xin Thế tôn
Nhận ông làm đệ tử.



BẢY MƯƠI BA

ĐẠI KINH VACCHAGOTTA

I. TOÁT YẾU

Mahàvacchagotta Sutta - The Greater discourse to Vacchagotta.

The story of the wanderer Vacchagotta's full conversion to the Dhamma, his going forth, and his attainment fo arahantship.

Bài kinh dài giảng cho Vacchagotta.

Câu chuyện về du sĩ Vacchagotta hoàn toàn quay về Pháp, việc ông xuất gia và đắc quả A la hán.

II. TÓM TẮT

Vacchagotta đến xin Phật giảng văn tắt về các thiện và bất thiện pháp. Phật giảng tham,

sân, si là bất thiện, vô tham, vô sân, vô si là thiện.

Bất thiện là 10 pháp : sát sinh, lấy của không cho, tà hạnh về dục; nói láo, hai lưỡi, ác khẩu, nói phù phiếm; xan tham, gận dữ, tà kiến. Thiện là không mười pháp này.

Lại nữa, khi ái được một tỳ kheo đoạn trừ tận gốc không cho sinh khởi trong tương lai, tỳ kheo ấy thành bậc A la hán đã đạt lý tưởng giải thoát.

Vacchagotta hỏi Phật có tỳ kheo đệ tử nào đã đạt đến quả ấy không¹. Phật trả lời có rất nhiều tỳ kheo, tỳ kheo ni đạt đến quả ấy; rất nhiều nam nữ cư sĩ đã đoạn 5 hạ kết sử sống phạm hạnh²; nhiều nam nữ cư sĩ hưởng thụ vật dục nhưng chấp nhận giáo huấn, đã độ nghi đoạn hoặc, chứng vô sở úy³, không nương tựa kẻ khác, sống trong thánh giáo của bậc đạo sư.

Vacchagotta xác nhận nền giáo lý của Phật lợi lạc cho tất cả các hạng người, và xin xuất gia theo Phật. Phật dạy ai từ ngoại đạo muốn xuất gia phải qua bốn tháng thử thách.

Vacchagotta chấp nhận dù phải qua bốn năm thử thách. Nửa tháng sau khi thọ đại giới, ông đến xin Phật dạy pháp gì cao hơn bậc hữu học⁴. Phật dạy ông tu tịnh chí và tuệ quán, căn bản⁵ để đắc các thắng trí.

Sau một thời gian sống độc cư tinh tấn, Vacchagotta đạt đến mục đích của đời phạm hạnh, tự biết sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, sau đời này không còn đời nào khác. Ông gửi lời này đến Phật khi có một nhóm tỳ kheo đi yết kiến Ngài : "Thế tôn đã được con hầu hạ, Thiện thế đã được con hầu hạ⁶".

III. CHÚ GIẢI

- (1) Câu này và câu sau ám chỉ quả A la hán mà Vacchagotta nghĩ chỉ có Phật chứng được.
- (2) Câu này ám chỉ quả Bất hoàn. Mặc dù một vị Bất hoàn có thể vẫn ở trong đời sống thế tục, vị ấy nhất thiết tuân giữ phạm hạnh vì đã tận trừ kiết sử tham dục.

- (3) Câu này ám chỉ bậc Dự lưu và Nhất lai, các vị này vẫn còn có thể tham đắm dục lạc nếu sống đời tại gia.
- (4) Theo Luận giải, vị này đã đạt đến quả vị Bất hoàn và đến Phật để hỏi về sự tu tập tuệ quán để chứng quả A la hán. Tuy nhiên Phật thấy ông có đủ điều kiện để đắc thắng trí, nên Ngài dạy ông tịnh chỉ để phát sinh 5 loại thắng trí thế gian và tuệ quán để đắc A la hán quả.
- (5) Xứ hay căn bản thích hợp là thiên thứ tư để đắc 5 thắng trí và tuệ để đắc quả A la hán.
- (6) *Thế tôn đã được con hầu hạ, Thiện thế đã được con hầu hạ.* Đây là một cách gián tiếp tin cho Phật biết ông đã đắc quả A la hán. Các tỳ kheo không hiểu điều này nên Phật đã giải thích ý nghĩa cho họ.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba minh, Ba độc, bốn chúng đệ tử, 10 bất thiện, 10 thiện.

V. KỆ TỤNG

Thế theo lời yêu cầu
Của Vacchagotta
Phật giảng dạy vắn tắt
Về thiện và bất thiện

Tham sân si bất thiện
Thiện, không tham sân si
Bất thiện gồm 10 pháp :
Sát sinh và trộm cắp

Tà hạnh trong các dục
Nói láo và hai lưỡi
Ác khẩu, nói phù phiếm
Xan tham, sân, tà kiến

Thiện là mười ngược lại
Và khi đoạn tận ái
Không cho sinh trở lại
Thì thành A la hán.

Du sĩ lại hỏi Phật
Về tu hành đắc quả
Phật dạy nhiều tỳ kheo
Chứng quả A la hán,

Tỳ kheo ni cũng vậy
Và vô số nam nữ
Đoạn 5 hạ kiết sử
Chứng Nhất lai, Bất hoàn.

Du sĩ xin xuất gia
Và được thọ đại giới
Sống độc cư tinh tấn
Chứng A la hán quả.



BẢY MƯƠI BỐN

TRƯỜNG TRẢO

I. TOÁT YẾU

Dighanakha Sutta - To Dighanakha.

The Buddha counters the disclaimers of a sceptic and teaches him the way to liberation through the contemplation of feelings.

Giảng cho Trường trào.

Phật bác bỏ những lời tuyên bố của một kẻ theo chủ thuyết hoài nghi và dạy con đường giải thoát do quán cảm thọ.

II. TÓM TẮT

Du sĩ trường trào¹ đến Phật, truyền bố lý thuyết của ông là, tất cả đều không làm ông thích thú². Phật hỏi lại, có phải tất cả là bao hàm luôn quan điểm này của ông. Du sĩ vẫn một mực khẳng định ông không thích thú bất

cứ gì³. Phật dạy, đa số nói như vậy, nhưng về sau vẫn chấp thủ một quan điểm. Chỉ có một số ít sau khi thấy mâu thuẫn nội tại trong quan điểm mình, liền từ bỏ tất cả quan điểm⁴.

Phật phân tích : Một số người tuyên bố : tất cả đều làm tôi thích thú. Một số người tuyên bố : tất cả đều không làm tôi thích thú. Một số người nói : một phần làm tôi thích, một phần làm tôi không thích⁵. Quan điểm đầu gần với tham dục, trói buộc, chấp thủ. Quan điểm hai gần với không tham dục, không trói buộc, không chấp thủ.

Khi nghe vậy, Trường trào cho rằng Phật tán dương quan điểm mình. Nhưng Phật bình tĩnh tiếp tục phân tích : Ai chủ trương : một phần làm tôi thích, một phần làm tôi không thích, thì cái phần làm họ thích là gần với tham dục, trói buộc, chấp thủ; phần làm họ không thích là gần với không tham dục, không trói buộc, không chấp thủ.

Người trí cần nhận thức rằng, nếu nói lên bất kỳ một quan điểm nào trong ba quan điểm trên⁶, và cho đấy là sự thật, ngoài ra đều sai,

thì sẽ chống lại hai hạng người chủ trương hai quan điểm kia. Tóm lại, có kiến chấp là có đối nghịch, đối nghịch đưa đến tranh luận, tranh luận đưa đến chống đối, chống đối đưa đến bức mình. Thay thế, vị này hủy bỏ những tri kiến ấy.

Phật dạy Trường trào⁷ : Thân này là sắc pháp do bốn đại tạo thành, do cha mẹ sinh, nhờ thực phẩm duy trì; nó vô thường, phân tán, hoại diệt. Khi quán sát thân này vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mùi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, vô ngã, thì tham dục đối với thân, sự ái luyến, phục tùng thân được trừ diệt.

Có ba thọ là lạc, khổ và bất khổ bất lạc, cả ba đều vô thường, hữu vi, duyên sinh; nên thánh đệ tử yếm ly cả ba thọ, do yếm ly, vị ấy ly tham, do ly tham, vị ấy được giải thoát. Với tâm giải thoát, tỳ kheo không nói thuận theo ai, không tranh chấp với ai, chỉ sử dụng danh từ thế gian nhưng không chấp thủ danh từ⁸.

Nghe xong, tôn giả Xá lợi phát không còn chấp thủ, giải thoát lậu hoặc⁹, thành A la hán.

Trường thảo được mất pháp thanh tịnh, dứt sạch hoài nghi, được tự tin không y cứ nơi người khác. Ông xin Phật nhận ông làm cư sĩ, từ nay đến mạng chung ông trọn đời quy ngưỡng.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Phạm Chí Trường thảo là cháu của tôn giả Xá lợi phát. Vào lúc ông đến nơi Phật, tôn giả Xá lợi phát chỉ mới xuất gia làm tỳ kheo 2 tuần, và đang còn là một bậc Dự lưu.
- (2) Theo luận giải, Trường thảo là một người theo đoạn diệt luận, chấp đoạn diệt luận, và giải thích lời này là : "Không có một kiểu tái sinh nào tôi có thể chấp nhận được". Tuy nhiên bản kinh này không đưa ra một bằng cứ cụ thể nào hỗ trợ cho lối giải thích này. Có lẽ đúng hơn, lời nói của Trường thảo "không gì làm tôi chấp nhận được" là cốt để đặc biệt ám chỉ các quan điểm triết học khác, và như thế chứng tỏ Trường thảo là một người hoài nghi triệt để

thuộc loại mà kinh 76 đã mô tả một cách trào phúng là "lý luận trườn uốn như con lươn". Lời của ông ta như vậy cũng như sự bác bỏ toàn diện tất cả quan điểm triết học.

- (3) Sự trao đổi này theo các bản luận số, cần được hiểu như sau : Phật cho rằng, với câu hỏi của ông ta, Trường trào Phạm chỉ có một mâu thuẫn nội tại. Vì ông không thể bài bác mọi sự mà không bác luôn cả quan điểm của ông, và điều này sẽ kéo theo lập trường ngược lại, nghĩa là ông có chấp nhận một điều, tuy nhiên, mặc dù Phạm chí Trường trào nhận ra ẩn ý của câu hỏi Phật đặt ra, ông vẫn tiếp tục nhấn mạnh quan điểm của ông rằng không có gì làm ông chấp nhận được.
- (4) Theo luận, câu đầu ám chỉ những người lúc đầu có một quan điểm chấp thường hoặc chấp đoạn, rồi sau theo những quan điểm hơi đổi khác về những kiến chấp ấy. Câu thứ 2 ám chỉ những người từ bỏ kiến chấp căn bản của mình nhưng sau đó không theo một quan điểm nào khác. Nhưng nếu Trường trào là một người hoài nghi triệt để,

như có vẻ thế, thì lời của Phật có thể được hiểu là hiển thị một sự bất ổn nội tại trong lập trường của người hoài nghi : về phương diện tâm lý, thật không dễ chịu gì để ở mãi trong bóng tối hoài nghi. Như vậy phần đông những nhà hoài nghi, trong khi tuyên bố mình bác bỏ tất cả quan điểm. Vẫn lên lút theo một quan điểm nhất định nào đó, trong khi một số ít từ bỏ hoài nghi luận của mình để tìm một con đường đưa đến tri kiến.

- (3) Luận nói 3 quan điểm này là thường kiến, đoạn kiến và một phần thường một phần đoạn. Thường kiến thì gần với tham ái, chấp thủ vì nó xác nhận và thích thú hiện hữu dưới bất cứ hình thức tinh vi nào; Đoạn kiến thì gần với vô tham, vô chấp vì mặc dù quan niệm sai lầm về tự ngã, đoạn kiến cũng đưa đến sự chán chường hiện hữu. Nếu quan điểm thứ hai được hiểu là hoài nghi luận tuyệt đối, thì nó cũng có thể được xem là gần với vô tham, vì nó biểu lộ sự vỡ mộng đối với hiện hữu, với một nền tảng lý thuyết, và như vậy tiêu biểu một bước tiến dò dẫm, mặc dù sai lầm, về hướng ly dục.

- (6) Theo luận giải, giáo lý này cốt để chỉ cho Trường trào thấy nguy hiểm trong quan điểm của ông và do đó khuyến khích ông từ bỏ nó.
- (7) Ở điểm này, Trường trào đã từ bỏ đoạn kiến. Bây giờ Phật bắt đầu dạy cho ông ta thiền quán. Trước hết quán vô thường của sắc pháp hay thân xác, rồi quán vô thường của các tâm pháp dưới đề mục cảm thọ.
- (8) Luận trích một câu kệ nói rằng một vị A la hán có thể sử dụng danh từ tôi và của tôi nhưng không có kiêu mạn nổi lên, cũng không lầm chúng ám chỉ một tự ngã. Xem thêm Trường Bộ Kinh 9 trong đó Phật nói về những lời phát biểu có sử dụng danh từ tôi : "Đây chỉ là những tên gọi, thành ngữ những lối nói, những cách chỉ định thường dùng trong thế gian, mà đức Như Lai sử dụng nhưng không lầm về chúng".
- (9) Theo Luận, sau khi tư duy về bài pháp Phật giảng cho người cháu, tôn giả Xá lợi phất phát triển tuệ quán, đắc A la hán quả. Trường trào đắc quả Dự lưu.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba thọ, ba loại kiến chấp - thích tất cả, không thích gì, một phần thích một phần không.

V. KỆ TỤNG

Du sĩ tên Trường trào
Tuyên bố lý thuyết ông
Là tất cả những gì
Ông đều không thích thú

Phật bèn hỏi lại ông
"Có phải rằng tất cả
Là bao hàm trong đó
Quan điểm này của ông"

Du sĩ vẫn khẳng định
Không thích bất cứ gì.
"Phần đông đều nói vậy
Nhưng vẫn có chấp thủ

Chỉ một số ít người
Thấy mâu thuẫn nội tại
Trong quan điểm của mình
Nên bỏ luôn quan điểm

Một số người tuyên bố
Tất cả tôi thích thú
Một số người tuyên bố
Tất cả tôi không thích

Một số người lại nói
Một phần thích, phần không
Quan điểm đầu gần tham
Gần trói buộc, chấp thủ

Người chủ trương không thích
Thì gần với không tham
Không trói buộc, không chấp".
Trường trào nghe, khoái chí

Cho rằng Phật đồng ý

Với quan điểm của ông
Nhưng Phật cứ bình tĩnh
Phân tích tiếp vấn đề :

"Ai một phần thích thú
Còn một phần không thích
Thì cái phần thích thú
Là gần với tham dục,

Với trói buộc, chấp thú;
Phần không thích, ly tham
Gần với không tham dục,
Không trói buộc, chấp thú

Người trí cần nhận thức
Nếu nói lên bất kỳ
Một trong ba quan điểm
Sẽ chống hai hạng người.

Kiến chấp là đối nghịch,
Đối nghịch sinh tranh luận,

Tranh luận sinh chống đối,
Chống đối sinh bức mình.

Khi thấy được như vậy,
Từ bỏ mọi tri kiến
Nhưng đây là sự thật
Như Lai đã liễu tri :

Thân này gồm bốn đại
Do cha mẹ sinh ra,
Nhờ thực phẩm duy trì;
Nó vô thường, phân tán.

Khi quán sát thân này
Là vô thường, đau khổ,
Như bệnh, như cục bướu,
Mùi tên, điều bất hạnh,

Như tai ương, kẻ địch,
Là trống không, vô ngã
Thì sự ái luyến thân

Được hoàn toàn trừ diệt.

Có ba thọ : lạc, khổ
Và bất khổ bất lạc,
Cả ba đều vô thường,
Hữu vi, do duyên sinh.

Thánh đệ tử yếm ly
Tất cả ba loại thọ,
Do yếm ly, ly tham,
Do ly tham, giải thoát.

Với tâm đã giải thoát,
Không nói thuận theo ai,
Không tranh chấp với ai,
Không chấp thủ danh từ".

Nghe xong, Xá lợi phất
Giải thoát hết chấp thủ,
Thành tựu tận la hán
Trường trào chứng Dự lưu.

Ông xin Phật nhận ông
Làm đệ tử cư sĩ,
Từ nay đến mạng chung
Ông trọn đời quy ngưỡng.



BẢY MƯƠI LĂM

MAGANDIYA

I. TOÁT YẾU

Màgandiya Sutta - To Màgandiya.

The Buddha meets the hedonist philosopher Màgandiya and points out to him the dangers in sensual pleasures, the benefits of renunciation, and the meaning of Nibbàna.

Giảng cho Magandiya.

Phật gặp người theo thuyết hưởng lạc tên Magandiya và chỉ cho ông thấy những nguy hiểm trong năm dục, lợi ích của xuất ly và ý nghĩa của Niết bàn.

II. TÓM TẮT

Phật đến nghỉ trong nhà lửa của một Bà la môn, và buổi sáng đắp y cầm bát đi khát thực.

Du sĩ Magandiya đến nhà Bà la môn trông thấy thăm cỏ dành cho Phật, bảo Bà la môn rằng thật là một sự bất hạnh khi ông thấy thăm cỏ của Gotama một vị phá hoại sự sống¹. Bà la môn bảo du sĩ hãy thận trọng lời nói, vì tôn giả Gotama được nhiều người trí tôn trọng, là người đã tu theo thánh đạo. Magandiya bảo dù có mặc tôn giả Gotama bây giờ, ông cũng sẽ nói vậy, vì thánh điển của ông đã truyền lại như thế.

Phật đang ngồi thiền trong rừng, với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được câu chuyện ấy bèn trở về nhà lửa của Bà la môn. Ngài hỏi có phải du sĩ Magandiya đã nói về thăm cỏ này không. Bà la môn hoảng kinh bạch Phật đó là điều ông sắp nói, không ngờ Phật đã biết. Khi ấy Magandiya xuất hiện.

Phật hỏi Magandiya có phải vì ngài chủ trương hộ trì năm giác quan nên ông cho là Ngài phá hoại sự sống. Du sĩ xác nhận, và đưa thánh điển của mình ra làm chứng.

Phật hỏi ông, nếu một người sau khi thụ hưởng chán chê năm dục lạc, thấy rõ sự nghi

hiểm trong đó, và xuất ly các sắc, thanh, hương, vị, xúc, sống với nội tâm an tịnh, với khát ái được đoạn trừ. Về một người như vậy ông có ý kiến gì không? Du sĩ nói không. Phật dạy khi còn tại gia Ngài hưởng thụ đầy đủ năm dục², nhưng sau một thời gian thấy rõ vị ngọt, sự nguy hiểm của chúng, Ngài đã đoạn tận dục ái, trừ diệt sự nóng bức của dục, an trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Khi thấy các chúng sinh khác chưa xả ly năm dục, đang bị dục thiêu đốt, Ngài không ao ước được như họ. Vì ngài đã nếm được hỉ lạc của thiên định ly dục, ly bất thiện pháp, siêu quá hỉ lạc cõi trời³ nên Ngài không còn ao ước cái gì thấp kém.

Phật đưa ra hai ví dụ về dục lạc so với thiên lạc. Ví dụ 1: Một người sinh lên cõi trời 33, được chúng thiên nữ hầu hạ, thọ hưởng các thiên dục một cách sung mãn. Khi trông thấy người đời thọ hưởng năm dục, vị trời kia có khao khát trở lui về các dục của loài người không? Du sĩ nói không, vì dục cõi trời vô cùng vi diệu hơn cõi người. Phật dạy cũng vậy khi còn tại gia Ngài đã hưởng thụ năm dục

một cách sung mãn; nhưng về sau khi đã chứng trú hỉ lạc thiên định, Ngài không còn ham thích dục lạc thấp kém.

Ví dụ 2: Người bệnh cùi với thân thể lở lói dùng móng tay cào rách miệng các vết thương cho chảy máu và đốt mình trên hố than hồng; trong lúc ấy người cùi cảm thấy khoái trá⁴ vì dịu cơn ngứa. Nhưng một người lành mạnh hay một người cùi đã hết bệnh, khi nhìn thấy cảnh tượng máu me và lửa nóng ấy, có ao ước được như người cùi kia không? Du sĩ đáp không, người khỏi bệnh hay người không bệnh sẽ xem cảnh ấy là đáng sợ. Phật dạy người đã ly dục, ly bất thiện pháp, trú trong hỉ lạc thiên định nhìn năm dục cùng vậy, xem nó là khổ não nóng bức. Chỉ vì chúng sinh chưa đoạn trừ tham ái, bị ái dục thiêu đốt, nên có ảo tưởng lạc thọ trong năm dục.

Một người còn hưởng thụ đầy đủ năm dục, chưa trừ diệt sự nóng bức của dục vọng thì không thể an trú với khát ái đã được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Khi ấy Phật thốt lên bài kệ đã phổ biến trong quần chúng⁵:

Không bệnh, lợi tối thắng

Niết bàn lạc tối thắng
Bát chánh là độc đạo
An ổn là bất tử.

Du sĩ xác nhận ông cũng đã được nghe các tôn sư của ông truyền lại bài kệ ấy. Phật hỏi ông thế nào là không bệnh, thế nào là Niết bàn. Du sĩ trả lời tôi nay không có bệnh tật gì, được an lạc⁶. Phật dạy ví như người mù bị gạt về màu sắc, du sĩ cũng bị gạt về vô bệnh và Niết bàn. Vì thân này chính là bệnh, là cục bướu, là mũi tên, là điều bất hạnh. Khi đã biết gì là không bệnh, ông có thể thấy Niết bàn. Khi pháp nhãn khởi lên, lòng tham đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ, ông có thể thấy trong một thời gian dài đã bị tâm này lừa gạt, khiến ông chấp thủ vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức⁷. Do chấp thủ nên có hữu, do có hữu sinh, do sinh có già chết. Đó là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn.

Khi ấy du sĩ xin Phật thuyết pháp cho ông để hết mù. Phật dạy ông hãy thân cận các vị chân nhân để được nghe diệu pháp. Nhờ nghe pháp ông sẽ sống đúng với chính pháp. Nhờ sống đúng chính pháp ông sẽ tự chứng biết

thân này là bệnh, cục bướu, mũi tên, sẽ biết những pháp này⁸ được trừ diệt không có dư tàn. Do chấp thủ được trừ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sinh diệt, do sinh diệt nên già chết diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ khổ uẩn.

Du sĩ Magandiya tán thán Phật, xin quy y và xuất gia thọ đại giới. Phật dạy ai trước kia là ngoại đạo muốn xuất gia phải qua bốn tháng biệt trú. Du sĩ tình nguyện biệt trú bốn năm. Sau khi thọ đại giới không bao lâu, ông chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia khi từ bỏ gia đình sống không gia đình hướng đến : Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này không còn đời nào khác.

III. CHÚ GIẢI

- (1) *Bhūnahuno*, kẻ phá hoại sự sống. Luận giải thích du sĩ có quan điểm rằng sự "trưởng thành" cần phải được thực hiện qua 6 giác quan, bằng cách kinh nghiệm bất cứ cảnh vật nào ta chưa từng kinh nghiệm trước kia,

không bám víu vào những đối tượng đã quen thuộc. Quan điểm này có vẻ gần với thái độ người ta hiện nay, cho rằng hạnh phúc tối thượng chính là nồng độ và sự đa dạng của kinh nghiệm, bởi thế cần theo đuổi kinh nghiệm không hạn chế.

- (2) Phụ thân của Ngài, đức Vua đã cung cấp cho Ngài 3 cung điện và nhiều phụ nữ vây quanh với hy vọng giữ Ngài lại trong đời sống thế tục, làm cho Ngài lãng quên ý tưởng xuất gia.
- (3) Theo luận, điều này được nói để ám chỉ sự đặc quả A la hán căn cứ trên tứ thiền.
- (4) Từ ngữ này ám chỉ "điên đảo tưởng" thấy khổ cho là vui. Luận nói dục lạc là đau khổ vì chúng gợi lên những ô nhiễm và vì chúng đem lại quả khổ trong tương lai.
- (5) Toàn bài kệ đã được chư Phật quá khứ tụng đọc giữa bốn hội chúng. Quần chúng học thuộc xem như một bài kệ liên hệ đến diêm lành. Sau khi đức Phật cuối cùng qua đời, bài kệ này lan truyền trong các du sĩ, nhưng họ chỉ có thể nhớ được 2 câu đầu.

- (6) Magandiya rõ ràng đã hiểu câu này phù hợp với tà kiến thứ 58 trong kinh Phạm Võng : "Khi tự ngã này được cung cấp 5 dục trưởng dưỡng, hoan lạc trong đó, vào lúc ấy tự ngã đạt đến Niết bàn tối thượng trong hiện tại, ngay ở đây". (Trường bộ kinh I).
- (7) Từ ngữ này ngụ ý vị ấy bám víu sắc, thọ,... được lầm tưởng là tôi, của tôi và tự ngã của tôi. Khi khởi lên tri kiến đặc quả Dự lưu thì kiến chấp về ngã được đoạn trừ, và vị ấy hiểu rằng 5 uẩn chỉ là những hiện tượng trống rỗng vô ngã.
- (8) *Những pháp này ám chỉ năm uẩn.*

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

5 dục, 5 căn, 12 nhân duyên.

V. KỆ TỤNG

Phật nghỉ trong nhà lửa
Của một Bà la môn,
Vào buổi sáng đắp y

Cầm bát đi khất thực.

Du sĩ Magandiya
Khi trông thấy thảm cỏ
Dành cho đức Thế tôn
Đã phần nộ bất mãn

Ông nói với chủ nhà :
- Thật là một bất hạnh
Khi trông thấy thảm cỏ
Kẻ phá hoại sự sống.

Phật ngồi thiền trong rừng,
Với thiên nhĩ thanh tịnh,
Nghe được bèn trở về
Nhà lửa Bà la môn.

Ngài hỏi : "Có phải chăng
Lúc Như Lai vắng mặt
Đã khởi lên câu chuyện
Về cái thảm cỏ này ?"

Rồi Phật hỏi du sĩ
"Phải chăng ông ám chỉ
Hộ trì năm giác quan
Là phá hoại sự sống ?"

- Thưa Cồ đàm chính phải
Đấy là lời truyền dạy
Của các bậc tôn sư
Trong giáo phái của tôi.

"Ta xưa kia hưởng dục,
Thấy dục lạc hiểm nguy
Ta đoạn tận dục ái,
An trú tâm tịch tịnh.

Khi thấy các chúng sinh
Đang bị dục thiêu đốt,
Ta không ước như họ
Trở về hưởng dục lạc

Vì ta đã nếm được

Vị ngọt của thiên lạc
Ly dục, ly bất thiện
Hơn hỷ lạc chư thiên

Như người sinh lên trời
Thọ hưởng các thiên dục
Thì không còn khát khao
Trở lui về nhân dục.

Lại như kẻ bệnh cùi
Cào rách các vết thương
Hơ trên hố than hừng
Để cảm thấy dễ chịu

Nhưng với người không bệnh
Sẽ không có ước muốn
Cào quấu và hơ lửa
Lại xem là đáng sợ

Cũng vậy người ly dục
Trú hỷ lạc thiên định

Xem dục lạc ở đời
Là nóng bức khổ não

Bị ái dục thiêu đốt
Chúng sinh có ảo tưởng
Năm dục là an vui".
Rồi Phật thốt lời kệ :

"Không bệnh, lợi tối thắng
Niết bàn, lạc tối thắng
Bát chánh là độc đạo
An ổn và bất tử".

- Các tôn sư của con
Cùng truyền tụng kệ ấy
Thế nào là không bệnh,
Thế nào là Niết bàn ?

Con nay không bệnh tật
Hoàn toàn được an ổn
"Ông đã bị lừa gạt

Về vô bệnh, Niết bàn

Vì thân chính là bệnh,
Là cục bướu, mũi tên,
Khi pháp nhân khởi lên,
Hết tham năm thủ uẩn

Như người mù sáng mắt
Khi ấy ông sẽ thấy
Thế nào là vô bệnh,
Thế nào là Niết bàn

Ông sẽ thấy lâu nay
Bị tâm mình lừa gạt,
Khiến ông chấp thủ sắc,
Và thọ, tưởng, hành, thức.

Do chấp thủ có hữu,
Do hữu có sinh ra
Do sinh có già chết
Là tập khởi của khổ".

Du sĩ Magandiya

Đảnh lễ cầu xin Phật :

- Xin Thế tôn thuyết pháp

Cho con hết bệnh mù

"Hãy thân cận chân nhân

Để được nghe diệu pháp

Nhờ nghe được chính pháp

Ông sẽ sống đúng pháp

Khi đã sống đúng pháp

Ông sẽ tự chứng biết

Thân là bệnh, cục bấu

Sự chấp thân trừ diệt

Do thủ diệt, hữu diệt,

Do hữu diệt, sinh diệt,

Sinh diệt, già chết diệt

Đây là đoạn diệt khổ".

Du sĩ Magandiya
Xuất gia thọ đại giới
Đạt mục đích tối cao
Thành vị A la hán.



BẢY MƯƠI SÁU

SANDAKA

I. TOÁT YẾU

Sandaka Sutta - To Sandaka

The Venerable Ānanda teaches a group of wanderers four ways that neglect the living of the holy life and four kinds of holy life without consolation. Then he explains the holy life that is truly fruitful.

Giảng cho Sandaka

Tôn giả A nan giảng dạy cho một nhóm du sĩ bốn đường lối phủ nhận đời sống phạm hạnh - *phi phạm hạnh trú* - và bốn loại đời sống phạm hạnh bất an "bất an phạm hạnh". Rồi Ngài giảng thế nào là đời sống phạm hạnh thực sự có hiệu quả.

II. TÓM TẮT

Có tu sĩ đang tụ họp lớn tiếng bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm¹ thì tôn giả A nan đến. Họ im lặng để xin tôn giả thuyết pháp thoại của Phật cho nghe.

Tôn giả A nan nói Thế tôn đã tuyên thuyết bốn pháp phi phạm hạnh trú và bốn pháp bất an phạm hạnh mà người trí không theo và nếu theo, sẽ không đạt đến thiện pháp²:

1. Có đạo sư chủ trương rằng không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực của các nghiệp thiện ác, không đời này, đời sau, không mẹ, không cha, không có chúng sinh hoá sinh, trên đời không có sa môn tu hành chứng đắc và công bố về đời này đời sau. Một người gồm bốn đại³ khi chết trở về với bốn đại; kẻ ngu cũng như người trí chết là hết. Người trí suy nghĩ, nếu vị tôn sư này nói đúng thì ta không cần ở lại tu tập, vì có tu hành cũng như không⁴. Đây là phi phạm hạnh trú thứ nhất. (Thuyết vô hành)

2. Lại có đạo sư có quan điểm như sau: tự làm hay sai bảo chém giết, trộm cắp, dâm

dục, đều không có tội. Bối thí, nói thật cũng không tạo nên công đức gì. Đối với thuyết này, người có trí cũng nghĩ như trên, không theo đạo sư ấy. Đây là phi phạm hạnh thứ hai. (*Thuyết vô nhân quả*).

3. Có đạo sư chủ trương : không do nhân duyên gì, hữu tình bị nhiễm ô, cũng không do nhân duyên gì hữu tình được thanh tịnh. Tất cả đều bị định mệnh chi phối, hưởng thọ khổ lạc y theo sáu sinh loài. Người có trí khi nghe vậy sẽ nghĩ, đạo sư này nếu nói đúng, thì ta không cần ở lại để tu tập. Đây là phi phạm hạnh thứ ba. (*Thuyết định mệnh*)

4. Có đạo sư có lý thuyết như sau: Có bảy thân⁵ thường trú, bất động, không ảnh hưởng đến nhau: địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc và mạn. Ở đây không có người giết hay người bị giết, khi người nào dùng gươm chặt đầu một người nào, cây gươm chỉ rơi vào bảy thân ấy. sau một thời gian dài, kẻ ngu người trí sau khi luân hồi sẽ trừ tận khổ đau⁶, như cuộn chỉ được tung ra sẽ kéo dài đến một mức nào đó thì chấm dứt. (*Thuyết luân hồi tịnh hóa*). Phật dạy, người trí không thể sống theo bốn phi

phạm hạnh trú này, nếu sống theo cũng không thể thành đạt chánh lý.

Kế đến tôn giả trình bày về bốn bất an phạm hạnh :

1. Có bậc đạo sư tự xem đã chứng được toàn tri, dù khi đi đứng ngủ thức, tri kiến ấy vẫn liên tục không gián đoạn⁷. Nhưng vị ấy có khi vào một nhà trống không nhận được đồ ăn khát thực, hoặc bị chó cắn, gặp voi dữ, người dữ; và vị ấy phải hỏi tên người, địa danh. Khi ai hỏi đã nói toàn tri tại sao lại thế, vị ấy trả lời sự việc phải xảy ra như vậy nên đã xảy ra như vậy. Người có trí khi nghe lời nguy biện của vị tôn sư này, sẽ thấy bất an nếu sống phạm hạnh với ông ta, nên bỏ đi.

2. Có vị tôn sư xem truyền thuyết là chân thật; nhưng có phần nhớ đúng, có phần nhớ sai, nên khi vậy khi khác. Đây là bất an phạm hạnh trú thứ hai.

3. Có vị tôn sư giỏi suy luận biện bác, thuyết pháp theo ý mình. Nhưng có phần khéo lý luận, có phần không khéo, khi vậy khi khác.

4. Có vị đạo sư dân dộn ngu si, khi được hỏi vấn đề gì thì dùng lý luận trườn uốn như con lươn⁸. Đây là bốn kiểu tu hành bất an mà người trí không sống theo, nếu sống theo cũng không đạt chí thiện.

Như Lai xuất hiện ở đời, sau khi chứng ngộ với thượng trí, đã tuyên thuyết những gì ngài thân chứng, dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người theo Phật sau khi từ bỏ 5 triền cái, chứng trú thiền thứ nhất cho đến thiền thứ tư, thành vị A la hán. Vị ấy không thể phạm vào 5 điều⁹ : sát, đạo, dâm, vọng, và tàng trữ vật thực để hưởng dụng¹⁰. Một vị đã chứng lậu tận chỉ khi suy tư về vấn đề này¹¹, mới biết rằng các lậu hoặc đã được ta đoạn tận, chứ tri kiến ấy không an trú liên tục khi vị ấy đi đứng ngủ thức.

Khi ấy Sandaka hỏi trong giáo pháp này có được bao nhiêu vị đã giải thoát¹²; và Phật trả lời có vô số người đã thành bậc lãnh đạo tối thắng như vậy.

Du sĩ Sandaka nói thật là vi diệu, trong giáo pháp của Phật không có khen mình chê người, nhưng cả phần lý thuyết lẫn thực hành

đã sản sinh nhiều vị lãnh đạo tối thắng như vậy, trong khi tà mạn ngoại đạo chuyên tự tán huỷ tha, lại chỉ có ba vị lãnh đạo là Nanda Vaccha, Kisa Sankicca và Makkhali Gosala¹³. Ông cùng đồ chúng của ông xin xuất gia theo Phật.

III. CHÚ GIẢI

- (1) *Tiracchānakathā* có khi dịch "câu chuyện thú vật". *Tiracchāna* có nghĩa đen là đi ngang, và mặc dù có nghĩa súc sinh hay bàng sinh, theo kinh sử, ở đây ám chỉ cuộc nói chuyện đi ngang hoặc đi *thắng góc* với con đường đưa lên cội trời hay đưa đến giải thoát.
- (2) Bốn *phi phạm hạnh trú* là những giáo lý trên nguyên tắc, phủ nhận viễn ảnh đạt đến kết quả tối hậu của sự tu tập. Như kinh này hiển thị, những người chủ trương các thuyết này - ngược lại với nguyên tắc của chính họ - vẫn tuân giữ phạm hạnh và thực hành các khổ hạnh. Bốn *bất an phạm hạnh* không phá huỷ nguyên tắc sống phạm

hạnh, nhưng cũng không đưa ra viễn ảnh kết quả tối hậu của kỷ luật tâm linh.

- (3) Đoạn kinh kế tiếp nói rõ những chủ trương duy vật của quan điểm chấp không đã nêu trong kinh 60. Kinh *Sa Môn Quả* cho rằng quan điểm này là của Ajita Kesakambalin (*Trường II*).
- (4) Lập trường ở đây như là, dù người ta không sống đời phạm hạnh, cuối cùng cũng sẽ gặt hái những quả báo như người có sống phạm hạnh, như phần còn lại của đoạn kinh sẽ nói rõ.
- (5) Trong kinh *Sa Môn Quả*, quan điểm này được gán cho Pakudhakaccàyana (*Trường II*). Tuy nhiên trong kinh ấy, đoạn phân loại chi tiết, cho đến "người ngu và kẻ trí, cả 2 sẽ chấm dứt đau khổ" thì liên hệ đến thuyết vô nhân, và đặt ngay sau lập thuyết vô nhân để ra trong kinh này. Toàn thể quan điểm được gán cho Makkhali Gosala. Vì rõ ràng có sự liên hệ giữa hai thuyết, và vì cả 2 tiêu biểu phong trào Ajīvaka do Makkhali Gosala lãnh đạo, dường như rằng sự bao

hàm hệ thống phân loại này trong lý thuyết về 7 thân, là do một sai lầm trong giáo lý truyền khẩu. Bản kinh chính xác có lẽ là bản kinh được duy trì trong *Trường Bộ kinh*. về Luận giải hệ thống phân loại này, xem Bodhi, kinh *Sa Môn Quả*.

- (6) Lời này xác nhận lại quan điểm định mệnh về giải thoát đã được công bố ở trên.
- (7) Đây là lời công bố của đạo sư Ni kiền tử trong *Trung Bộ Kinh 14*, và ở *Kinh Tăng Chi 9*, Ni kiền tử và Phú lan na Ca điếp cũng công bố như vậy. Sự kiện rằng ông ta làm những phán đoán sai và phải đặt câu hỏi, chứng minh ngược lại lời công bố toàn tri của ông.
- (8) Lập trường này được gọi là "trườn uốn như con lươn (Amarāvikkhepa) bởi vì lý thuyết này rong duỗi chỗ này chỗ khác như một con lươn luồn vô luồn ra trong nước, không thể nào bắt được nó. Trong kinh *Sa Môn Quả*, lập trường này được gán cho Sanjava Belatthi Putta (*Trường II*). Rất có thể rằng những nhà lý luận "như con lươn" này là

một hạng hoài nghi triệt để, không tin toàn bộ viễn ảnh tri kiến về các vấn đề tối hậu.

- (9) theo *trường* 29, có 4 việc khác biệt A la hán không thể làm, đó là: vị ấy không thể làm một tà nghiệp đạo do tham sân si sợ.
- (10) *Kinh* số: vị ấy không còn chất chứa lương thực và những vật dụng khá lạc khác để hưởng thụ.
- (11) Đoạn này dịch theo bản in PTS.
- (12) *Niyyâtâro*, Nanamoli dịch là hưởng đạo, Horner dịch là Đại đạo sư. Rõ ràng cả 2 đều theo tự điển nói danh từ này liên hệ đến chữ *niyyâmaka*, *hoa tiêu*. Nhưng *niyyata* do động từ *niyyāti* có nghĩa là *đạt đến giải thoát tối hậu*, do đó ở đây dịch là người đã giải thoát.
- (13) Về bậc thầy của Ajivaka, xem *trung* 36. Theo *kinh* số, câu *quttamalâya puttâ*, "những đứa con chết của bà mẹ" có nghĩa "Ông ta nghĩ, những người theo Ajivaka đã chết; mẹ của chúng có những đứa con đã chết."

VI. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Ba minh, 4 phi phạm hạnh, 4 bất an phạm hạnh, 4 thiền. 7 thân - địa thủy hỏa phong không lạc mạn.

V. KỆ TỤNG

Du sĩ đang tụ họp
Bàn những chuyện phù phiếm
Thấy tôn giả A nan
Bèn xin nghe pháp Phật.

Thế tôn đã tuyên thuyết
Bốn phi phạm hạnh trú
Bốn bất an phạm hạnh
Người trí không sống theo

Có đạo sư chủ trương
Không bố thí, tế tự,
Không có quả dị thực
Của các nghiệp thiện ác

Không có đời này, sau,
Không mẹ cũng không cha
Không có sự hóa sinh
Không tu hành chứng đắc

Con người gồm bốn đại
Chết trở về bốn đại
Kẻ ngu như người trí
Chết là xong một đời.

Người trí nên suy nghĩ,
Nếu tôn sư này nói đúng
Thì không cần theo ông
Vì tu cũng như không.

Có đạo sư lập thuyết:
Sát sinh, trộm cắp, dâm
Tự làm, bảo người làm
Đều không có tội báo.

Bố thí hay nói thật

Cũng không công đức gì
Người trí nghĩ như trên
Không theo đạo sư ấy.

Có đạo sư chủ trương:
Hữu tình nhiễm hay tịnh
Do định mệnh chi phối
Không do nhân duyên gì.

Tất cả hưởng khổ lạc
Y theo sáu sinh loài.
Nếu thầy này nói đúng
Cũng không cần theo tu

Có đạo sư lại nói
Có bảy thân thường trú
Gồm địa thủy hỏa phong
Khổ, lạc, mạn là bảy

Bảy thân không tương quan
Không người giết, bị giết

Khi dùng gươm chém chặt
Gươm rơi vào bảy thân

Sau một thời gian dài
Kẻ ngu như người trí
Sẽ trừ tận khổ đau
Như cuộn chỉ kéo hết.

Người trí không sống theo
Bốn phi phạm hạnh này
Và nếu có sống theo
Không thành đạt chánh lý.

Bốn bất an phạm hạnh :
Có thầy xưng toàn tri
Dù đi đứng ngủ thức
Tri kiến ấy liên tục

Dù tuyên bố như vậy
Vị ấy khi khát thực
Nhè đi vào nhà trống

Bị chó cắn, voi rượt

Lại nhiều lúc phải hỏi
Tên người và địa danh
Có ai hỏi toàn tri
Sao lại phải như thế,

Thì vị ấy trả lời
Sự việc phải như vậy
Có kẻ bị chó cắn...
Nên đã xảy ra vậy

Nghe lời ngụ biện ấy
Người trí thấy bất an
Nếu sống đời phạm hạnh
Dưới vị tôn sư này.

Có vị trọng truyền thuyết
Xưa truyền lại đều chân
Trí nhớ có đúng sai,
Nên khi vậy khi khác.

Có thầy giỏi biện bác
Thuyết pháp theo ý mình
Nhưng có phần khéo biện
Cũng có phần không khéo

Lại có thầy liệt tuệ
Khi được hỏi điều khó
Lại tránh né trả lời
Lý luận kiểu con lươn

Đây bốn lối tu hành
Là bất an phạm hạnh
Người trí không sống theo
Theo cũng không ích lợi

Như Lai hiện ra đời
Chứng ngộ với thượng trí
Tuyên thuyết pháp thân chứng
Dạy phạm hạnh đầy đủ

Dạy bỏ 5 triền cái
Chứng trú thiền thứ nhất

Cho đến thiên thứ tư
Thành lậu tận la hán.

Vị này không thể phạm
Sát, đạo, dâm, vọng ngữ
Cùng vật thực tàng trữ
Để hưởng dụng cho mình.

Một vị chứng lậu tận
Khi tác ý mới biết
Tri kiến không liên tục
Dù đi đứng ngủ thức.

Sandaka lại hỏi
Trong giáo pháp Như Lai
Bao nhiêu vị lậu tận
Phật dạy có rất nhiều.

Du sĩ Sadaka
Tán thán Phật pháp tăng
Rồi cùng đồ chúng ông
Xin xuất gia theo Phật.

BẢY MƯƠI BẢY

MAHÀSAKULUDÀYI

I. TOÁT YẾU

Mahāsakuludāyī Sutta - The Greater discourse to Sakuludāyī.

The buddha teaches a group of wanderers the reasons why his disciples venerate him and look to him for guidance.

Bài giảng dài cho Sakuludāyī.

Phật dạy cho một nhóm du sĩ những lý do vì sao các đệ tử ngài tôn trọng ngài và sống dưới sự hướng dẫn của ngài.

II. TÓM TẮT

Phật đi đến tu viện các du sĩ do Sakuludāyī cầm đầu. Sakuludāyī chào đón

Phật và bạch Phật, trong khi các đạo sư nổi tiếng của ngoại đạo như Makkhali Gosala, Ni kiền tử... được quần chúng tôn sùng, họ lại không được các đệ tử của họ tôn trọng, sống nương tựa. Mỗi khi thuyết pháp, họ bị các đệ tử tranh lời, kích bác, mạ lị. Ngược lại, sa môn Gotama được quần chúng tôn sùng, lại được các đệ tử cung kính tôn trọng. Mỗi khi ngài thuyết pháp giữa hội chúng hàng trăm người, thì không có một tiếng ho giữa các đệ tử. Đại chúng sống nhiệt tình kỳ vọng nơi Phật, ngay cả những đệ tử hoàn tục vì cãi lộn với bạn đồng tu, vẫn tán thán bậc đạo sư, tán thán pháp và tăng, chỉ tự trách mình thiếu phước không thể sống phạm hạnh cho đến trọn đời. Như vậy sa môn Gotama được đệ tử cung kính sống nương tựa.

Và theo Ưu Đà đi sở dĩ như vậy là nhờ Ngài có 5 đức và tán thán năm đức :

1. Ăn ít;
2. Biết đủ với bất cứ loại y phục nào;
3. Biết đủ với bất cứ món ăn khát thực nào;

4. biết đủ với bất cứ loại sàng tọa nào;
5. Ngài sống viễn ly.

Phật dạy không phải do 5 điều ấy mà các đệ tử cung kính Ngài, vì có nhiều đệ tử của Ngài còn khổ hạnh hơn Ngài gấp bội, xuất sắc hơn Ngài về 5 phương diện ấy. Nhưng chính do 5 pháp sau đây khiến họ cung kính nường tựa vào Như Lai. Đó là :

1. Ngài đã thành tựu Giới uẩn tối thượng, các đệ tử thán phục Ngài về tăng thượng giới;
2. Tri kiến vi diệu nhờ đó Như Lai thuyết pháp với thắng trí, có nhân duyên, có thần thông lực;
3. Ngài thành tựu trí tuệ tối thượng, biết trước các đường lối lý luận¹ trong tương lai nên các đệ tử của Ngài không bao giờ gián đoạn một cuộc đàm thoại đang diễn tiến;
4. Ngài khéo trả lời cho đệ tử khi họ đắm chìm trong đau khổ. Ngài làm cho tâm họ thỏa mãn với pháp tứ diệu đế;
5. Ngài thuyết giảng con đường tu hành gồm có : 4 niệm xứ², 4 chính cần, 4 thần túc, 5

căn, 5 lực, bảy giác chi, thánh đạo tám ngành, nhờ an trú các pháp này mà đệ tử chứng ngộ thắng trí³.

Ngài dạy 8 giải thoát⁴, 8 thắng xứ⁵: quán nội sắc thấy ngoại sắc có hạn lượng, và do nhiếp thắng chúng, vị ấy thấy biết, đây là thắng xứ thứ nhất⁶. Quán nội sắc thấy ngoại sắc vô hạn và nhiếp thắng chúng, vị ấy thấy biết, là thắng xứ thứ hai. Không quán nội sắc, thấy ngoại sắc có hạn lượng là thắng xứ thứ ba⁷; thấy ngoại sắc vô hạn lượng và nhiếp thắng, là thắng xứ thứ tư. Bốn thắng xứ kế tiếp là do quán vô sắc nội tâm, thấy các ngoại sắc thuần tịnh màu xanh, vàng, đỏ, trắng và sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy thấy biết.

Ngài giảng dạy cách tu tập 10 biến xứ⁸, 4 thiền. Ly dục ly bất thiện pháp, vị tỳ kheo chứng trú thiền thứ nhất có tâm có tứ, với hỷ lạc do ly dục sinh⁹... cho đến thiền thứ tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Ngài giảng dạy đệ tử tuệ trí¹⁰ thân này là sắc pháp do duyên sinh; trong thân ấy thức nương tựa và bị trói buộc như sợi dây khâu qua những viên ngọc.

Ngài thuyết giảng về con đường tu hành để hoá hiện một thân ý sinh, để đắc các thắng trí như biến hình, thiên nhĩ, túc mạng, tha tâm, và lậu tận. Đây là những pháp làm cho đệ tử cung kính tôn trọng và sống nương tựa Ngài.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Nanamoli dịch "hậu quả của một lời xác nhận". Dường như có nghĩa rằng Phật hiểu rõ tất cả những ẩn ý của giáo lý. Ngài cũng như của học thuyết khác. Câu này cũng có thể ngụ ý rằng trong những kinh như Phạm Võng, Phật đã đưa ra một lời phê bình có thể áp dụng cho bất cứ lý thuyết nào có thể khởi lên trong tương lai, về các tư tưởng triết học tôn giáo.
- (2) Được giải thích đầy đủ trong kinh số 10. Bảy nhóm thiện pháp đầu tiên là 37 bồ đề phần pháp.
- (3) Luận giải thích là sự đắc quả A la hán. Đây có lẽ là ý nghĩa duy nhất của danh từ Ba la mật khi nó xuất hiện trong 4 Nikaya. Trong

văn học Thượng tọa bộ về sau, khởi đầu với Buddhaghosa, danh từ này bắt đầu có ý nghĩa những đức tính toàn hảo mà Bồ tát phải hoàn tất trải qua nhiều đời kiếp để thành Phật. Trong ý nghĩa ấy nó tương đương với danh từ Ba la mật của văn học đại thừa, mặc dù con số những đức tính kể ra có phần khác nhau.

- (4) Luận giải thích giải thoát ở đây có nghĩa sự giải phóng hoàn toàn (nhưng tạm thời) của tâm thức khỏi những pháp đối lập và sự giải phóng hoàn toàn nhưng tạm thời của nó do thích thú với đối tượng. Sự giải thoát đầu là đặc Tứ Thiên có sử dụng một biến xứ xuất phát từ một vật có màu sắc trên cơ thể của mình; thứ hai là sự đặc các thiên do sử dụng một biến xứ từ một đối tượng bên ngoài; thứ ba có thể hiểu là sự đặc thiên nhờ một biến xứ thuần tịnh, có màu sắc rất đẹp, hoặc nhờ 4 phạm trú. Những giải thoát còn lại là những định chứng vô sắc và định diệt tận.
- (5) Theo Kinh sở, những pháp này gọi là Thắng xứ vì chúng vượt lên trên các pháp đối nghịch và các đối tượng, nhờ áp dụng

phương pháp đối trị thích hợp và nhờ khởi lên tri kiến.

- (6) Theo Kinh số, thiền giả làm công việc chuẩn bị với một hình tướng nội tại - ví dụ màu xanh của con mắt cho biến xứ màu xanh, da cho biến xứ vàng, máu cho biến xứ đỏ, răng cho biến xứ trắng - nhưng khi định tướng xuất hiện thì ở ngoài. Sự "vượt qua các hình tướng" là sự đặc định đồng lúc với tướng khởi lên. Nghĩ rằng *tôi biết, tôi thấy* là một chướng ngại khởi lên sau khi vị ấy xuất định chứng chứ không phải khi đặc định. Thắng xứ thứ 2 chỉ khác thắng xứ đầu do sự trải rộng tướng từ hữu hạn thành vô hạn.
- (7) *Kinh số* : thắng xứ thứ hai và thứ 4 bao hàm công việc chuẩn bị được làm trên một tướng bên ngoài và sự khởi lên tướng ở bên ngoài. Thắng xứ thứ 5 cho đến thứ 8 khác với thứ 3 và thứ 4 về sự thuần tịnh thù thắng và ánh sáng của những màu sắc.
- (8) Biến xứ là một đối tượng thiền quán phát xuất từ một vật làm bằng tứ đại dùng làm cơ sở để đặc "tướng" ở bên trong. Ví dụ một

cái đĩa làm bằng đất sét có thể dùng làm đối tượng để thực hành pháp tu biến xứ đất, một bát nước dùng để tu tập biến xứ nước. Các biến xứ được giải thích chi tiết Thanh tịnh đạo 4 và 5. Tuy nhiên biến xứ hư không ở đây được giới hạn vào không gian hữu hạn, và biến xứ thức được thay bằng biến xứ ánh sáng.

- (9) Những ví dụ về thiền cũng xuất hiện trong kinh 39, như các thí dụ về 3 loại trí sau cùng.
- (10) Các đoạn mô tả 8 thắng trí theo kinh Sa Môn Quả, là những kết quả thù thắng của hạnh Sa môn.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

2 giải thoát, 3 lậu hoặc, 4 đại, 4 thiền, 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 thần lực. Năm căn, 5 lực, 5 pháp do đó các đệ tử tôn trọng Phật. Năm pháp do đó ngoại đạo tán thán Phật : ăn ít, biết đủ về hành, mặc, ở, sống viễn ly. 6 thần thông. 7 giác chi. Tám giải thoát, Tám thắng xứ, 8 thánh đạo. 10 biến xứ, 37 pháp trợ đạo.

IV. KỆ TỤNG

Phật đến thăm tu viện
Của Sakuludayi
Du sĩ chào đón Phật
Và khởi sự luận đàm.

Du sĩ bạch Thế Tôn
- Các đạo sư nổi tiếng
Được quần chúng tôn sùng
Không được đệ tử nể

Mỗi khi họ thuyết pháp
Các đệ tử tranh lời
Kích bác và mạ lị
Chẳng ra thể thống gì.

Sa môn Gotama
Được quần chúng tôn sùng
Được đệ tử tôn trọng
Thật là điều hy hữu

Mỗi khi ngài thuyết pháp
Giữa hội chúng hàng trăm
Không có một tiếng ho
Giữa những người nghe pháp.

Chúng đệ tử của Phật
Sống nương tựa vào ngài
Hộ nhiệt tình kỳ vọng
Nơi đức Phật Thế Tôn

Ngay cả người hoàn tục
Vẫn tán thán Tam bảo.
Chỉ tự trách thiếu phước
Không tu đến trọn đời

Theo Ưu Đà di nghĩ
Do ngài có 5 đức
Nên đệ tử tôn trọng
Và sống nương tựa ngài :

Ngài hành hạnh ăn ít

Và ngợi khen ăn ít;
Biết đủ về y phục
Và ca ngợi biết đủ;

Về món ăn khất thực
Và chỗ nằm cũng vậy
Và ngài sống viễn ly
Đây là năm hạnh đức

"Nếu do 5 điều ấy
Thì có nhiều đệ tử
Còn khổ hạnh gấp mấy
Sẽ không tôn trọng ta

Nhưng này Ưu Đà di
Chính 5 pháp sau đây
Khiến họ sống nương tựa
Và tôn kính Như Lai

Thành tựu thánh giới uẩn;
Có Tri kiến vi diệu

Thuyết pháp với thắng trí
Lợi ích cho người nghe;

Đạt trí tuệ tối thượng
Nên các đệ tử Ngài
Không bao giờ gián đoạn
Cuộc đàm thoại diễn tiến;

Khéo trả lời đệ tử
Bị đắm chìm đau khổ
Làm tâm họ thỏa mãn
Với pháp 4 diệu đế;

Giảng dạy con đường tu
4 niệm xứ, 4 cần
5 căn và 5 lực
7 giác chi, 8 chánh

Dạy tu 8 giải thoát
Và tu 8 thắng xứ,
10 biến xứ, 4 thiền

Dạy tuệ tri thân xác

Là sắc do duyên sinh

Trong đây thức nường tựa

Và đang bị trói buộc

Như dây xuyên hạt ngọc."

Ngài thuyết giảng đường tu

Để hiện thân ý sinh,

Để đắc các thắng trí

Như biến hình, thiên nhĩ

Như tức mạng, tha tâm

Cho đến đắc lậu tận;

Khiến đệ tử tôn trọng

Và sống nường tựa Ngài.



BẢY MƯƠI TÁM

SAMANAMANDIKA

I. TOÁT YẾU

Samanamandikà Sutta.

The Buddha explains how a man is "one who has attained to the supreme attainment."

Phật giải thích làm thế nào một người được gọi là đã đạt đến sự chứng đắc tối thượng.

II. TÓM TẮT

Thợ mộc Ngũ Phần đệ tử Phật đi đến du sĩ Uggahamana đang ở cùng 300 du sĩ trong giảng đường Ekasalaka¹ do Mallika xây để tranh luận. Du sĩ cho rằng thành tựu 4 pháp sẽ là bậc sa môn tối thượng : không làm ác về thân, lời, ý, không sống bằng nghề ác. Nghe xong thợ mộc trở về bạch Phật. Phật bác chủ trương ấy, vì nếu vậy thì một đứa trẻ sơ sinh vô

trí là đã thành đạt thiện tối thắng, vì nó không thể làm ác được về thân lời ý và cũng không có nghề ác. Vậy theo Phật 4 pháp ấy không làm nên bậc sa môn tối thượng.

Phật dạy một người thành tựu 10 pháp sẽ là một bậc sa môn tối thượng, nhưng trước hết cần phải biết² thế nào là bất thiện giới, nó từ đâu sinh ra, sự trừ diệt bất thiện không có dư tàn và con đường thực hành để trừ diệt. Về thiện giới cũng vậy. Cũng vậy về thiện tư duy và bất thiện tư duy.

Bất thiện giới là thân khẩu ý nghiệp bất thiện về nếp sống ác. Sự sinh khởi của chúng là do tâm. Vì tâm có tham sân si, nên có các bất thiện giới sinh ra. Do đoạn trừ thân ác hành, tu tập thân thiện hành, đoạn trừ khẩu ác hành tu tập thiện hành, đoạn trừ ác hành tu tập ý thiện hành, đoạn trừ nếp sống ác, tu tập nếp sống chân chính³; mà những bất thiện giới được trừ diệt không có dư tàn. Con đường trừ diệt bất thiện giới là khởi lên ý muốn, quyết tâm làm cho các ác bất thiện pháp chưa sinh không sinh khởi, đã sinh được trừ diệt; các thiện pháp chưa sinh nay được sinh, và các

thiện pháp đã sinh được tăng trưởng đi đến viên mãn. Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt trừ các bất thiện giới⁴.

Thiện giới là thân khẩu ý nghiệp thiện, nếp sống thanh tịnh. Sự sinh khởi của chúng là do tâm không tham, không sân, không si. Thiện giới được trừ diệt không có dư tàn⁵ là khi vị tỳ kheo có giới hạnh nhưng không chấp trước giới và như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Con đường đưa đến trừ diệt các thiện giới⁶ cũng như trên, là bốn chánh cần.

Bất thiện tư duy là tư duy dục, sân, hại. Sự sinh khởi của chúng là do : dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng. Sự trừ diệt của chúng là khi vị tỳ kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng trú thiền thứ nhất. Ở đây những bất thiện tư duy được trừ diệt không dư tàn⁷. Con đường đưa đến trừ diệt bất thiện tư duy⁸ là bốn chánh cần như trên.

Thiện tư duy là tư duy ly dục, vô sân, bất hại; sinh khởi từ ly dục tưởng, vô sân tưởng, bất hại tưởng. Sự diệt trừ thiện tư duy⁹ là khi vị tỳ kheo diệt tâm và tứ chứng và trú thiền thứ

hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh không tầm không tứ. Con đường thực hành để diệt trừ thiện tư duy¹⁰ là bốn chánh cần như trên. Và 10 pháp sau đây làm thành bậc sa môn tối thượng, đó là vô học¹¹ chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí và chánh giải thoát.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Vườn này do Mạt lợi phu nhân xây, có nhiều hoa và cây trái xinh đẹp. Lúc đầu chỉ có một giảng đường lớn nên có tên *Ekasalaka*, nhưng về sau xây thêm nhiều phòng lớn. Nhiều đoàn bà la môn và du sĩ tụ họp ở đây để trình bày và thảo luận những lý thuyết của họ.
- (2) Trước hết Phật hiển thị quả A la hán vô học gồm 10 thành tựu, kể đến Ngài đưa ra một chương trình có thể áp dụng cho bậc hữu học. Ở đây giới luật dịch là "tập hành", đôi khi có ý nghĩa rộng rãi hơn chữ đức hạnh.

- (3) Theo *Kinh sở*, ở đây là quả Dự lưu, vì ở điểm này giới biệt giải thoát được hoàn tất (và với một cư sĩ tại gia thì đây là 5 giới). *Kinh sở* cũng giải thích những đoạn văn sau đó bằng cách nói đến các đạo và quả siêu thế. Mặc dù *kinh* không nói rõ những sự chứng đắc này, sự giải thích của *kinh sở* có lẽ đúng nhờ từ ngữ "chấm dứt không dư tàn", vì chỉ khi đạt đến các đạo quả mới hoàn toàn chấm dứt những ô nhiễm. Quan điểm của *kinh sở* càng được củng cố nhờ hình ảnh vị A la hán như tột đỉnh của toàn *kinh*.
- (4) Cho đến đạo lộ Dự lưu, vị ấy được gọi là tu tập để chấm, dứt các bất thiện giới; khi đắc quả Dự lưu, bất thiện giới được xem là đã chấm dứt.
- (5) Đoạn này hiển thị A la hán vẫn còn duy trì các thiện hành nhưng không đồng hóa mình với đạo đức xem là tôi và của tôi. Vì những thói quen đạo đức của ông không còn phát sinh nghiệp nên chúng không còn được gọi là thiện.

- (6) Cho đến A la hán đạo, gọi là tu tập để chấm dứt các thiện giới, khi đắc quả A la hán, thiện giới được chấm dứt.
- (7) Dây ám chỉ Sơ thiên thuộc quả Bất hoàn. Bất hoàn đạo tận trừ tham dục và ác ý, nên không còn sinh khởi trong tương lai 3 loại tư duy bất thiện là dục sân và hại.
- (8) Cho đến đạo lộ Bất hoàn, vị ấy được nói là đang tu tập để chấm dứt bất thiện tư duy; khi đắc quả Bất hoàn, bất thiện tư duy được xem là đã chấm dứt.
- (9) Theo Kinh sở, thiện tư duy trừ diệt không dư tàn là ám chỉ nhị thiên thuộc quả A la hán.
- (10) Kinh sở nói : cho đến đạo lộ A la hán vị ấy được nói là đang tu tập để chấm dứt thiện tư duy; khi đắc A la hán quả, thiện tư duy chấm dứt. Những ý định tốt lành của A la hán không được gọi là "thiện" (vì không mong chờ quả báo).
- (11) Xem kinh 65.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 nghiệp, 10 pháp thành đạt thiện tối thắng theo Phật tức 10 thánh đạo, 4 đế.

V. KỆ TỤNG

Thợ mộc tên Ngũ Phần
Đệ tử đức Thế Tôn
Đến du si ngoại đạo
Nghe vị này chủ trương :

Thành tựu 4 pháp này
Là sa môn tối thượng :
Không thân lời ý ác
Không sống bằng nghề ác.

Thợ mộc về bạch Phật
Phật bác chủ trương ấy
Vì nếu vậy trẻ thơ
Cũng đạt thiện tối thắng

Theo giáo lý Phật dạy
Đạt đến thiện tối thắng
Là thành tựu 10 pháp
Thuộc vô học la hán

Nhưng trước cần rõ biết
Bất thiện giới sinh, diệt
Và con đường thực hành
Tận diệt bất thiện giới.

Với thiện giới cũng vậy
Thiện, bất thiện tư duy
Cần biết sự sinh, diệt
Và cách tận trừ chúng.

Bất thiện giới nghĩa là
Ác nghiệp thân, khẩu, ý
Và nếp sống không lành
Chúng do tâm sinh ra.

Vì tâm tham sân si

Nên bất thiện giới sinh
Đoạn trừ các ác này
Thì bất thiện giới diệt

Tu tập các thiện hành
Về thân lời và ý
Lại sống đời trong sạch
Ác diệt không dư tàn.

Cách diệt bất thiện giới
Là khởi tâm quyết định
Không sinh ác chưa sinh
Diệt trừ ác đã khởi.

Các thiện pháp chưa sinh
Thì làm cho sinh khởi
Các thiện pháp đã sinh
Tăng trưởng đến viên thành.

Thiện giới là thiện hành
Về thân lời và ý,

Cùng nếp sống thanh tịnh
Do không tham sân si.

Thiện giới được trừ diệt
Nơi vị A la hán
Cách trừ diệt thiện giới
Như trên, bốn chánh cần.

Những tư duy bất thiện
Là dục, sân, hại niệm
Sinh ra từ dục tưởng
Sân tưởng và hại tưởng.

Bất thiện tư duy diệt
Khi ly dục chứng thiền
Con đường đoạn diệt nó
Bốn chánh cần như trên.

Thiện tư duy ly dục
Vô sân và bất hại
Do ly dục tưởng sinh

Vô sân, bất hại tướng.

Thiện tư duy trừ diệt
Khi diệt tâm và tứ
Chứng trú thiền thứ hai
Với định sanh hỷ lạc

Con đường diệt thiện tư
Như trên, bốn chánh cần.
Đạt 10 pháp vô học
Thành sa môn tối thượng :

Vô học chánh tri kiến
Chánh tư duy, chánh ngữ
Nghiệp, mạng và tinh tấn
Niệm, định, trí, giải thoát.



BẢY MƯƠI CHÍN

TIỂU KINH THIỆN SINH ỮU ĐÀ DI

I. TOÁT YẾU

Cùlasakuludàyyi Sutta - The Shorter discourse to Sakuludàyyi.

The buddha examines the doctrine of a wandering ascetic, using the simile of "the most beautiful girl in the country" to expose the folly of his claims.

Bài kinh ngắn giảng cho Sakuludàyyi.

Phật xét lý thuyết của một du sĩ khổ hạnh, dùng ví dụ người con gái đẹp nhất nước để nêu rõ tình điên rồ của những gì ông tuyên bố.

II. TÓM TẮT

Phật đến trú xứ của du sĩ Sakuludayi. Ưu đa di bạch Phật : "Thuở xưa có một vị tự xưng biết tất cả, tri kiến tồn tại liên tục, dù khi đi đứng thức ngủ, nhưng khi được con hỏi về quá khứ lại tránh né, trả lời lạc đề và tỏ phần nộ bất mãn". Phật hỏi ông, vị ấy là ai, du sĩ trả lời là Ni kiền tử.

Phật báo Ưu đa di : "Ai nhớ đến các đời sống quá khứ, biết được sự sống chết của chúng sinh tùy theo nghiệp thì có thể nói chuyện với Ngài về những vấn đề ấy. Nhưng hãy gác chuyện ấy lại, ta sẽ thuyết pháp cho ông : Cái này có mặt thì cái kia có mặt, do cái này sinh nên cái kia sinh. Cái này không có mặt nên cái kia không có mặt; cái này diệt nên cái kia diệt¹".

Ưu đa di nói : "Ngay đời hiện tại con còn không nhớ đại cương và chi tiết, làm sao mà nhớ được các đời quá khứ, biết được sống chết của chúng sinh. Nay Thế Tôn lại nói cái này có mặt với không có mặt... con càng thêm mù tịt.

Tuy vậy con có thể trả lời câu hỏi về bậc đạo sư của mình".

Phật hỏi bậc đạo sư ông dạy gì ? Ưu đa di đáp: "Sắc này là tối thượng".

Phật hỏi sắc tối thượng là sắc gì ? Ưu đa di đáp : "Khi không có sắc nào khác thù thắng hơn, thì sắc ấy là tối thượng".

Phật dạy : "Lời ấy cũng như nói tôi luyện ái một cô gái đẹp, nhưng khi hỏi cô ấy tên gì, dòng họ, tầm vóc, màu da ra sao, ở đâu, đều trả lời không biết."

Ưu đa di lấy ví dụ sắc ấy như một viên lưu ly bảo châu trong suốt, với sắc như vậy, tự ngã là vô bệnh sau khi chết². Khi ấy Phật hỏi ông, ánh sáng của viên lưu ly ấy với lửa đom đóm trong đêm đen, quang sắc nào vi diệu hơn. Ưu đa di trả lời, con đom đóm có quang sắc vi diệu hơn.

Kế tiếp Phật lần lượt đưa ra ánh sáng ngọn đèn, đồng lửa lớn, ngôi sao mai lúc bình minh, mặt trăng rằm khi đứng bóng, mặt trời khi đứng bóng. Ưu đa di trả lời mặt trời khi đứng bóng là sáng nhất trong các quang sắc ấy.

Phật dạy : Ngài biết rất nhiều chư thiên còn sáng hơn cả mặt trời, nhưng Ngài không bảo không có quang sắc nào khác vi diệu hơn. Còn ông, ông lại bảo một quang sắc thấp kém hơn con sâu đom đóm là quang sắc tối thượng. Và ông lại không chỉ rõ ràng quang sắc ấy.

Kế tiếp Phật hỏi Ưu đa di có một thế giới toàn vui hay không, và có đạo lộ nào đến thế giới ấy ? Ưu đa di trả lời là có, theo lời dạy của đạo sư mình. Con đường đưa đến thế giới ấy là : từ bỏ sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói láo và sống theo một loại khổ hạnh. Ấy là đạo lộ đưa đến chứng đắc thế giới toàn vui.

Phật hỏi trong khi thực hành những điều ấy, tự ngã là toàn vui hay cả vui lẫn khổ. Ưu đa di trả lời có vui có khổ.

Khi ấy Phật hỏi lại, như vậy phải chăng đạo lộ để chứng đắc một thế giới toàn vui, là còn có vui khổ xen lẫn ? Ưu đa di thừa nhận chủ trương của các bậc đạo sư mình không hợp lý; và hỏi Phật có một thế giới toàn vui hay không, và có một đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới ấy hay không.

Phật dạy có, và đạo lộ hợp lý ấy là ly dục ly bất thiện pháp, chứng trú thiền thứ nhất cho đến thiền thứ ba. Ưu đa di hỏi sự chứng đắc ấy có phải đã là thế giới toàn vui không. Phật dạy chưa phải, đấy chỉ mới là đạo lộ hợp lý đưa đến chứng đắc thế giới toàn vui.

Khi ấy hội chúng du sĩ lớn tiếng nói họ không biết đến cái gì cao hơn thiền thứ ba này³; và hỏi phải đến mức như thế nào mới gọi là chứng đắc thế giới toàn vui. Phật dạy cho đến khi chứng trú thiền thứ 4, nói chuyện được với chư thiên⁴ sinh vào thế giới ấy, mới gọi là chứng đắc thế giới toàn vui.

Ưu đa di hỏi có phải vì mục đích ấy mà các tỳ kheo sống phạm hạnh. Phật dạy không phải chỉ vì vậy, mà còn vì muốn chứng đắc các pháp cao thượng hơn như túc mạng trí, sinh tử trí, lậu tận trí, như thật biết khổ, tập, diệt đạo; tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Vì muốn chứng đắc những pháp này, các tỳ kheo sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Phật.

Ưu đa di ca tụng Phật và xin quy y. Ông xin xuất gia thọ đại giới nhưng bị các đệ tử đi

theo ông phản đối, nói ông đã là bậc đạo sư, nay trở thành đệ tử thì cũng như ghè nước tốt bị lũng lổ cháy nước. Như vậy chính đồ chúng du sĩ đã là một chứng ngại khiến Ưu da di không được sống phạm hạnh dưới Thế Tôn⁵.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Xem chú thích kinh 38 về duyên khởi.
- (2) *Vô bệnh*, *arogo* thông thường có nghĩa là khỏe mạnh, nhưng ở đây nên hiểu là trường cửu. Theo *kinh sở*, ông ta ám chỉ tái sinh vào cõi trời Thiếu Quang thiên, cảnh giới của thiên thứ 3 mà ông đã nghe đến nhưng chưa thực chứng. Quan điểm này rơi vào loại quan điểm được mô tả trong kinh 102.
- (3) Những dịch giả trước đây đều bối rối về động từ *anassāma*. Nanamoli dịch : chúng ta không từ bỏ giáo lý của thầy ta vì lý do này. Horner dịch : chúng ta đã nghe từ những bậc thầy của chúng ta. Nhưng động từ này là quá khứ của động từ *nassati*, ngôi thứ nhất số nhiều, có nghĩa là hủy diệt, tiêu

mất. Hình thức này cũng xuất hiện trong kinh 27. Theo kinh số, họ biết trong quá khứ, các thiên giả thường chuẩn bị bằng pháp quán biến xứ để đắc thiên thứ 3 và tái sinh vào Thiểu Quang thiên. Nhưng theo thời gian, thiên giả không còn hiểu việc chuẩn bị với biến xứ, nên không thể chứng tam thiên. Các du sĩ chỉ biết có hiện hữu một thế giới hoàn toàn hạnh phúc và cần 5 đức để được sinh đến đấy. Họ không biết đến thế giới nào an lạc hơn cõi thiên thứ 3, và không biết thực hành pháp nào hơn 5 đức ấy.

- (4) Theo *kinh số*, sau khi đắc thiên thứ tư, vị ấy vận thần thông đi đến cõi trời Thiểu Quang thiên và nói chuyện với chư thiên tại đấy.
- (5) Theo *kinh số*, trong một tiền kiếp, lúc làm tỳ kheo dưới thời Phật Ca Diếp, vị ấy đã thuyết phục cho một tỳ kheo bạn hoàn tục để được y và bát của vị này. Do nghiệp chướng ấy, trong đời này vị ấy không được xuất gia với Phật Thích Ca. Nhưng Phật giảng cho ông 2 bài kinh dài để tạo điều kiện cho ông chứng đạo về sau. Dưới triều

vua A dực ông đắ quả A la hán, đắ là
trưởng lão Assaputta, người thực hành tâm
từ đến chỗ viên mãn.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

*3 bảo, 3 lậu, 3 minh, 3 thọ, 4 thiên, 10 bất
thiện, 10 thiện.*

V. KỆ TỤNG

Phật đến nơi du sĩ
Sakuludayi
Hỏi thầy ông dạy gì
Đáp : - Sắc này tối thượng.

Phật hỏi là sắc gì ?
Khi có một loại sắc
Không sắc nào đẹp hơn
Thì sắc ấy tối thượng.

"Nói vậy có khác gì
Nói yêu cô gái đẹp
Nhưng không biết mặt mày
Vóc dáng và màu da"

- Như lưu ly bảo châu
Tự ngã sau khi chết
Đẹp đẽ và vô bệnh
Sắc ấy cũng như vậy.

"Ánh sáng lưu ly ấy
Với đom đóm trong đêm
Quang sắc nào sáng hơn ?"
- Con đom đóm sáng hơn.

"Đom đóm sánh ánh đèn
Ánh đèn sánh lửa lớn
Ánh lửa sánh sao mai
Sao mai sánh trăm rằm

Ánh trăng sánh mặt trời
Giữa lúc trưa đứng bóng
Mặt trời là sáng nhất
Trong các quang sắc này

Ta biết nhiều chư thiên
Sáng hơn cả mặt trời
Nhưng ta không có nói
Không quang sắc nào hơn

Còn ông lại cho rằng
Một quang sắc thấp kém
Thua ánh sâu đom đóm
Là quang sắc tối thượng".

Kế tiếp Phật hỏi ông
"Có chăng cội toàn vui
Và có đạo lộ nào
Đưa đến thế giới ấy ?"

-Có thế giới như vậy
Đạo lộ là từ bỏ
Sát, đạo, dâm, nói láo
Và thực hành khổ hạnh.

Phật hỏi khi thực hành
Con đường đưa đến đấy
Tự ngã là toàn vui
Hay khổ vui xen lẫn ?

-Thưa có vui có khổ.
"Vậy phải chăng đạo lộ
Để chứng cội toàn vui
Là khổ vui xen lẫn ?"

Ưu đa di thừa nhận
Thuyết của đạo sư mình
Có chỗ không hợp lý
Rồi xin Phật chỉ dạy.

Phật dạy : "Quả thực có
Một thế giới toàn vui
Và đạo lộ hợp lý
Chúng đắc thế giới này :

Ly dục ly bất thiện
Chứng trú thiền thứ nhất
Cho đến thiền thứ ba
Chỉ còn thuần lạc thọ.

Nhưng đây mới chỉ là
Một đạo lộ hợp lý
Đưa đến sự chứng đắc
Một thế giới toàn vui".

- Vậy phải đến mức nào
Mới gọi là toàn vui ?
"Phải đến thiền thứ 4
cùng chư thiên trò chuyện".

- Có phải đây mục đích
Tỳ kheo tu phạm hạnh ?
"Không phải chỉ vì vậy,
Mà vì chuyện cao hơn.

Như chứng túc mạng trí
Sinh tử trí, lậu tận
Như thật biết khổ, tập
Và diệt, đạo - bốn đế

Đạt đến tâm giải thoát
Khởi dục, hữu, vô minh
Mong chứng các pháp này
Tỳ kheo tu phạm hạnh"

Cửu đa di hoan hỉ
Khen Phật, xin quy y
Xin xuất gia thọ giới
Nhưng đồ chúng phản đối

Nói rằng đã làm thầy
Nay trở thành đệ tử
Như ghè nước lũng lổ
Còn ra thể thống gì.

TÁM MƯƠI

VEKHANASSA

I. TOÁT YẾU

Vekhanassa Sutta - To Vekhanassa.

A discourse partly similar to the preceding one, with an additional section on sensual pleasure.

Giảng cho Vekhanassa.

Một bài kinh có phần tương tự kinh trước, thêm đoạn nói về dục lạc.

II. TÓM TẮT

Du sĩ Vekhanassa đi đến Phật, sau khi chào hỏi¹, ông thốt lên lời cảm hứng : Sắc này là tối thượng. Phật hỏi, và cuộc đối đáp cũng y như kinh trước về quang sắc của ngọc lưu ly so sánh với ánh sáng của các chư thiên mà quang

sắc còn sáng hơn mặt trời mặt trăng. Kế tiếp Phật dạy về 5 dục trưởng dưỡng² : các sắc, thanh, hương, vị, xúc, dễ chịu, hấp dẫn. Do dục có dục lạc, do lạc có tối thượng lạc : lạc như vậy được gọi là tối thượng³.

Câu này làm cho Vekhanassa hoan hỷ, nhưng Phật dạy khó cho ông có thể hiểu được về dục, dục lạc hay dục tối thượng lạc. Vì ông thuộc mục đích khác, tu tập khác, đạo sư khác. Chỉ có bậc A la hán đã giải thoát mới biết được 3 điều ấy.

Khi nghe nói vậy, du sĩ Vekhanassa phần nộ mắng nhiếc : Sa môn Gô ta ma sẽ bị dọa lạc. Rồi ông nói thêm : Có người không biết quá khứ vị lai lại tự cho đã biết, và tuyên bố sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, thì đấy chỉ là lời dối trá.

Phật xác nhận ông nói đúng⁴, nhưng hãy gác qua chuyện ấy, người có trí không hư ngụy hãy đến nghe pháp và thực hành theo, thì không bao lâu sẽ tự chứng biết mình đã giải thoát khỏi vô minh trói buộc. Như đứa trẻ bị trói bằng năm sợi dây trói⁵, khi nó trưởng

thành, các sợi dây trói rơi rụng, nó tự biết đã giải thoát.

Du sĩ Vekhanassa xin Phật nhận ông làm đệ tử.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Theo kinh số, ông này là thầy của Sukuludayi.
- (2) Mặc dù là một du sĩ, ông rất đam mê dục lạc. Phật giảng kinh này để làm cho ông nhận ra sự quan tâm sâu đậm của ông đối với các dục; và như vậy kinh này sẽ lợi lạc cho ông.
- (3) Trong nguyên ngữ Pali, câu này mang hình thức một ẩn ngữ. Luận giải thích rằng lạc thù thắng hơn dục lạc chính là Niết bàn.
- (4) Phật bỏ qua lời nói móc của du sĩ, mà xác nhận ai chưa chứng tự cho đã chứng thì quả là nói láo.
- (5) Âm chỉ sự trói buộc của ngũ dục. Người còn bị chúng trói buộc thì cũng như đứa trẻ chưa trưởng thành.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

5 dục tăng trưởng, 3 pháp về dục (dục, dục lạc, dục tối thượng lạc).

V. KỆ TỤNG

Du sĩ Vekhanassa
Đi đến thăm Thế Tôn
Chào hỏi rồi thốt lên
Sắc này là tối thượng

Phật đưa ra hình ảnh
Từ quang sắc đom đóm
Đến quang sắc chư thiên
Chói chang hơn mặt trời

Có gì là tối thượng
Ánh sáng ngọc lưu ly
Khi nó còn kém xa
Một con sâu đom đóm.

Rồi ngài dạy 5 dục
Sắc, thanh, hương, vị, xúc

Dễ chịu và hấp dẫn
Từ dục có dục lạc.

Chính từ dục lạc này
Có dục tối thượng lạc.
Du sĩ rất hoan hỷ
Khen Phật khéo trình bày.

Phật dạy khó cho ông
Để hiểu được về dục
Dục lạc, tối thượng lạc
Vì ông theo đường khác.

Chỉ bậc A la hán
Hiểu thấu ba điều này.
Du sĩ giận mắng nhiếc
Sa môn sẽ đọa lạc.

Có người không biết gì
Về quá khứ vị lai
Lại dối xưng đã biết
Sanh tận, phạm hành thành.

Ai chưa chứng nói chứng

Đây là lời hư ngụy.
Nhưng người trí không dối
Hãy đến nghe, thực hành

Để tự mình chứng biết
Đã thoát khỏi trói buộc
Sự trói buộc chính thức
Là si ám vô minh.

Như đứa trẻ bị buộc
Bằng năm sợi dây trói
Khi nó đã trưởng thành
Tự biết mình giải thoát.

Du sĩ Vekhanassa
Nghe những lời Phật giảng
Nguyện cho đến mạng chung
Xin trọn đời quy ngưỡng.



TÁM MƯƠI MỐT

GHATIKARA

I. TOÁT YẾU

Ghatikàra Sutta- Ghatikàra the Potter

The Buddha recounts the story of the chief lay supporter of the past Buddha Kassapa.

Thợ gốm Ghatikàra.

Phật thuật câu chuyện về người cư sĩ ngoại hộ chính thức của Phật Ca Diếp thời quá khứ.

II. TÓM TẮT

Đang du hành ở Kosala, Phật mỉm cười nhớ lại đây là nơi phồn thịnh vào thời Phật Ca Diếp. Lúc ấy, Ngài là một thanh niên quý tộc tên Jotipala¹ chơi thân với một người thợ gốm. Một hôm thợ gốm rủ Jotipala đi nghe pháp, Jotipala không đi, nói có ích gì để yết kiến sa

môn trọc đầu². Sau nhiều lần năn nỉ không được, thợ gốm nắm đầu tóc của Jotipala mà kéo đi³. Ngạc nhiên vì thái độ phạm thượng của người thợ gốm, Jotipala tò mò đi theo. Sau thời pháp, Jotipala hỏi bạn sao không xuất gia, thợ gốm bảo còn phải nuôi cha mẹ già mù. Jotipala xin xuất gia theo Phật và được thợ gốm giới⁴.

Nghe tin Phật đã đến Ba la nại, vua Kiki thỉnh Phật về thọ trai. Khi Phật dùng cơm xong, vua mời Phật đến an cư mùa mưa tại Ba la nại để vua được cúng dường. Phật từ chối vì đã nhận sự cúng dường của thí chủ khác. Vua Kiki thất vọng buồn sầu hỏi Phật, ai là người ngoại hộ may mắn hơn vua như thế. Phật cho biết đó là thợ gốm, và kể ra những đức tính của thợ gốm cho vua nghe:

1. Không có phiền não như vua nếu bị từ chối.
2. Đã quy y Tam bảo thọ trì năm giới.
3. Có lòng tin bất thoái đối với Phật pháp, không còn hoài nghi về khổ, tập, diệt, đạo.

4. Ăn ngày một bữa, sống phạm hạnh, theo thiện pháp, từ bỏ vàng bạc, không đào cuốc đất đai.
5. Nuôi cha mẹ già mù với nghề nắn đồ gốm bằng đất lở nơi bờ đê, không mua bán⁵ mà chỉ đổi lấy gạo.
6. Thợ gốm đã đúc quả bát hoàn, sẽ hóa sinh và nhập Niết bàn không còn trở lui đời này.

Phật kể lại cho vua nghe chuyện một lần Ngài đã đến nhà thợ gốm, trút hết phần cơm của ông. Khi thợ gốm trở về nghe cơm của mình đã được Phật dùng, thợ gốm và cha mẹ hoan hỷ cho đến 7 ngày liền. Một lần khác Ngài sai đệ tử đến rút hết mái tranh về sửa am thất. Khi về biết chuyện, thợ gốm vui mừng suốt nửa tháng, và trong ba tháng mùa mưa ấy, cái chòi của người thợ gốm không bị mưa dột, nắng chói mặc dù không còn mái tranh. Nghe xong vua cho chở nhiều xe thực phẩm đến tặng thợ gốm⁶.

Phật dạy Jotipala chính là tiền thân của ngài.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Ở đoạn cuối kinh này, Phật cho biết Jotipàla thời ấy chính là ngài. Trong kinh Tiểu bộ, vị trời Thợ Gốm đến thăm Phật và nhắc lại tình bạn cũ với ngài.
- (2) Đây có vẻ là một từ ngữ bôi bác mà các gia chủ Bà la môn thường dùng để ám chỉ các vị xuất gia trọn đời, trái ngược với lý tưởng của họ là nối dõi tông đường.
- (3) Ở Đông phương, một người thuộc giai cấp dưới mà sờ đầu người thuộc giai cấp trên là điều tối kỵ. Kinh số giải thích, thợ gốm sẵn sàng đánh liều vi phạm quy luật để làm cho thanh niên Jotipala phải đến gặp Phật.
- (4) Theo kinh số, bỏ tất xuất gia theo Phật, giữ giới thanh tịnh, học giáo lý, thực hành thiền định và tu tập tuệ quán cho đến khi đạt được trí thuận thứ, anulomanàna. Nhưng họ không nỗ lực đạt đến đạo và quả, vì làm vậy thì sự nghiệp bỏ tất của họ sẽ chấm dứt.
- (5) Một người còn tại gia như thợ gốm mà giữ giới như vậy thì không khác gì một tỳ kheo.

Theo kinh sớ, thợ gốm không bán sản phẩm mà chỉ trao đổi với láng giềng.

- (6) Theo kinh sớ, do thiếu đức thợ gốm đã từ chối. Anh nhận ra rằng sở dĩ vua gọi thực phẩm đến vì đã nghe Phật ca tụng đức hạnh của mình, nhưng anh nghĩ : ta không cần thực phẩm này. Với những gì ta kiếm được bằng công việc của mình, ta cũng đủ nuôi cha mẹ và cúng dường Phật.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 ngôi báu, 4 sự thật, 5 giới tại gia.

V. KỆ TỤNG

Tại xứ Kosala
Trong khi đang du hành
Phật mỉm cười nhớ lại
Nơi này xưa phồn vinh

Vào thời phật Ca diếp
Một thanh niên quý tộc

Tên Jotipala
Kết giao cùng thợ gốm.

Thợ gốm là phật tử
Nên rủ bạn đi chùa
Nhưng thanh niên từ chối
Ích chi gặp trọc đầu

Sau nhiều lần năn nỉ
Thanh niên không chịu đi
Thợ gốm nắm tóc bạn
Buộc phải cùng theo đi.

Thái độ chưa từng có
Của người bạn nghèo hèn
Khiến thanh niên quý tộc
Tò mò đi thử xem.

Sau khi nghe thuyết pháp
Chàng thanh niên hỏi bạn
Sao anh không xuất gia
- Nuôi cha mẹ mù già.

Thanh niên xin xuất gia
Và được thợ đại giới.

Phật đến Ba la nại
Vua thỉnh Phật thọ trai

Vua mời Phật an cư
Ở thành Ba la nại
Để vua được cúng dường
Phật Ca diếp từ chối

Vì ngài có thí chủ.
Vua buồn rầu thất vọng
Muốn biết thí chủ nào
Được may mắn hơn vua

Phật nói về thợ gốm
Và đức tính của ông:
Không phiền nào như vua
Nếu bị ngài từ chối.

Thợ trị năm cấm giới
Có lòng tin bất thối
Đối với Phật pháp tăng
Hết hoài nghi về Pháp

Thợ gốm ăn một bữa
Sống đúng theo chính pháp

Từ bỏ vàng và bạc,
Không đào cuộc đất đai.

Với nghề nắn đồ gốm
Bằng đất lở bờ đê,
Thợ gốm đổi lấy gạo
Nuôi cha mẹ già mù

Thợ gốm đắc Bất hoàn
Khi chết sẽ hóa sinh
Tại đây nhập Niết bàn
Một đi không trở lại.

Phật Ca diếp lại kể
Có lần đến khát thực
Ngài lấy hết phần cơm
Để dành cho thợ gốm

Khi thợ gốm trở về
Nghe Phật đến lấy cơm
Thợ gốm và cha mẹ
Bảy ngày vui dầm dề.

Ngài lại sai đệ tử
Đến chòi của thợ gốm

Rút hết mái tranh che
Để về sửa am thất.

Khi trở về biết chuyện,
Thợ gốm vui dào dạt
Ròng rã hai tuần liền
Tâm ông tràn hỉ lạc.

Suốt ba tháng mùa mưa
Cái chòi ông trú ngụ
Không mưa đột, nắng hanh
Mặc dù không còn tranh.

Vua Ki ki nghe qua
Cho chở nhiều thực phẩm
Đến nơi nhà thợ gốm
Tặng phẩm của nhà vua.

Và Phật bảo A nan
Thanh niên quý tộc kia
Bạn của người thợ gốm
Chính là tiền thân ngài.



TÁM MƯƠI HAI

RATTHAPÀLA

I. TOÁT YẾU

Ratthapàla Sutta - On Ratthapàla.

The story of a young man who goes forth into homelessness against the wishes of his parents and later returns to visit them.

Về Ratthapàla.

Chuyện về một thanh niên cưỡng lại ước muốn của cha mẹ mà đi tu, và sau trở về thăm cha mẹ.

II. TÓM TẮT

Khi Phật đến thuyết pháp tại thị trấn Thullakotthita, thanh niên con nhà giàu tên Ratthapàla xin cha mẹ theo Phật xuất gia. cha

mẹ không cho, Ratthapàla bèn tuyệt thực gần chết nên cha mẹ buộc lòng cho phép. Ratthapàla được xuất gia, thọ đại giới¹. Chẳng bao lâu ông chứng quả A la hán². Sau khi chứng quả, tôn giả Ratthapàla xin Phật về nhà thăm cha mẹ.

Khi về đến làng cũ, Ratthapàla tuân tự khát thực đến nhà cha mẹ. Người cha không nhận ra nên mắng nhiếc xua đuổi, nghi chính những người này đã khiến con mình bỏ nhà ra đi. Khi tôn giả bỏ đi, trông thấy người tớ gái đem cháo thiêu³ đi đổ, ông bẻ hày trút vào bát của mình. Nữ tỳ đến gần để trút cháo, nhận ra tiểu chủ bèn vào báo tin. Ông bà chạy ra, bảo : "Ồ con, có chứ⁴... sao ngồi đấy ăn cháo thiêu mà không đi vào nhà của con?" Tôn giả nói ông không có nhà, ông có đến khát thực song chỉ nhận được lời mắng nhiếc. Rồi ông nhận lời cha mẹ hôm sau đến dùng cơm.

Người cha sửa soạn đón tôn giả, cho chất vàng bạc của cải thành đống, lấy màn che lại; và bảo các bà vợ cũ của tôn giả trang sức lộng lẫy để đón tiếp. Khi tôn giả vào nhà, ông chỉ đống vàng mà khuyên tôn giả hãy hoàn tục tu

tại gia. làm phước bố thí. Tôn giả khuyên hãy đổ tất cả xuống sông, vì đây là nguồn gốc của sầu bi khổ não cho gia chủ. Kế đến, các bà vợ đi ra ôm chân tôn giả mà hỏi có phải vì mê thiên nữ nên đi tu để được lên đây. Tôn giả bảo thưa bà chị, không phải vì mục đích sanh thiên mà bản tăng xuất gia tu phạm hạnh. Khi ấy các vợ cũ lẫn khóc nói chồng bây giờ lại gọi mình bằng bà chị. Tôn giả bảo gia chủ muốn bố thí đồ ăn thì hãy dọn ra, chớ có phiền nhiều ngài. Người cha mời tôn giả ăn.

Ăn xong tôn giả đọc một bài kệ nói đến tính dơ uế, khổ, vô thường của thân xác nhưng lại được tô điểm⁵ để lừa bịp kẻ ngu. Rồi ngài đi vào rừng của vua để nghỉ trưa. Vua Koravya nghe tôn giả⁶ trở về bèn cho thắng cỗ xe đến thăm. Khi gặp tôn giả, vua hỏi người đời vì bốn sự suy vong mà đi tu, là lão suy, bệnh suy, tài suy, thân suy. Nay tôn giả không có bốn cái suy ấy thì cớ gì xuất gia. Tôn giả đáp vì bốn điểm thuyết giáo của đức Thế tôn:

1. Thế giới vô thường, đi đến hủy diệt⁷.
2. Vô hộ vô chủ⁸,

3. Vô sở hữu⁹,

4. Luôn luôn thiếu thốn khát khao¹⁰.

Vua rất hoan hỉ với lời giải thích của tôn giả.

III. CHÚ GIẢI

(1) Phật công bố vị này là bậc nhất trong những vị xuất gia với lòng tin, vì ông đã sẵn sàng liều chết để được cha mẹ cho phép đi tu. Có những vần thơ của ông trong Trường lão kệ 769-93.

(2) Mặc dù kinh nói "chẳng bao lâu" nhưng theo Kinh số, Lại tra hòa la phải mất 12 năm mới đắc quả A la hán. Điều này có vẻ đúng khi ta xét sự kiện rằng thân phụ không nhận ra ông khi ông vừa trở về.

(3) *abhidosikam kummâsam*, Nanamoli dịch *kummâsam* là bánh mì, nhưng ở đây rõ ràng nó có chỉ một thức ăn thuộc chất lỏng. Theo Kinh số, thức ăn này làm bằng lúa mạch.

- (4) Người cha muốn nói : này con thân yêu, chúng ta có tài sản, không phải là những kẻ bần cùng; vậy mà con lại ngồi ăn cháo thiêu tại một nơi như thế này. Tuy nhiên vì quá đau buồn ông ta không thể nói cho hết câu.
- (5) Bài kệ rõ ràng ám chỉ những bà vợ cũ trang sức xinh đẹp để dụ dỗ tôn giả hoàn tục. Một điều lạ là trước khi ông xuất gia, kinh không nói gì đến những bà vợ.
- (6) *Kinh sở : Nhắc đến tôn giả, vua thường ca tụng ngài với đình thần rằng, thanh niên ấy đã làm việc khó làm, là từ bỏ một tài sản lớn mà ra đi, không ngoái lui cũng không nhìn hai bên.*
- (7) *Upaniyali loko addhuvo. Kinh sở : Thế giới bị cuốn phăng về hướng già chết.*
- (8) *Allàno loko anabhissaro. Kinh sở : không ai có thể cho nó một chỗ trú hay an ủi nó với một chỗ ẩn nấp. Lời này dĩ nhiên không phủ nhận một chỗ nương tựa thoát khỏi thế tục, tức là cái mà diệu pháp đem lại.*

- (9) *Assako loko sabbam pahàya gamaniyam.*
Không có gì của mình, phải từ bỏ tất cả
để đi tới.
- (10) *Uno loko atitto tanhàdàso.*

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

4 sự suy vong thân suy, tài suy, lão suy, bệnh suy; 4 điểm thuyết giáo, vô thường, vô ngã, khô và không. Năm dục tăng trưởng.

V. KỆ TỤNG

Thanh niên con nhà giàu
 Tên Ratthapàla
 Xin theo Phật xuất gia
 Cha mẹ không cho phép.

Chàng thanh niên tuyệt thực
 Với ý định thiết tha
 Sẽ chết hoặc xuất gia
 Cha mẹ đành đồng ý.

Xuất gia thọ đại giới
Chẳng bao lâu chứng quả
Thành vị a la hán
Ông xin về thăm nhà.

Khi trở về làng cũ
Tuần tự đi khất thực
Ông đến nhà cha mẹ
Người cha không nhận ra

Bị mắng nhiếc xua đuổi
Tôn giả bèn bỏ đi
Lại gặp người nữ tì
Đem cháo thiêu đi đổ.

Hãy trút bỏ cháo ấy
Vào bát của bản tăng
Khi nữ tỳ tiến lại
Liền nhận ra chủ nhân.

Nghe nữ tỳ hô hoán
Ông bà vội chạy ra

- Ô con, nhà con đấy
Tại sao không vào nhà ?

"Bần tăng không nhà cửa
Có đến để xin ăn
Nhưng không được đồ ăn
Chỉ được lời nguyên rủa."

Cha mẹ mời tôn giả
Hôm sau đến dùng cơm
Và trở vào chuẩn bị
Dụ con về cố hương.

Ông chất vàng thành đống
Che khuất sau tấm màn
Và bảo các con dâu
Trang sức để đón chàng.

Khi tôn giả vào nhà
Người cha khuyên hoàn tục
- Tất cả tài sản này
Tha hồ con làm phúc

"Nếu gia chủ cho tôi
Hãy đổ xuống sông Hằng
Vì đây là nguồn gốc
Của sầu khổ đau thương"

Các bà vợ bước ra
Khóc ôm chân tôn giả
- Phải chăng vì thiên nữ
Mà chàng bỏ đi tu.

"Thưa này các bà chị
Bản tăng đi xuất gia
Không phải vì mục đích
Được tái sinh thiên giới."

Các vợ cũ lẫn khóc
- Ồi giới, làng nước ơi
Chồng chúng ta dở hơi
Gọi chúng ta bằng chị.

Tôn giả thưa cha mẹ:
"Thưa gia chủ, nếu muốn

Hãy bố thí đồ ăn
Chớ phiền nhiễu bần tăng."

Sau khi đã ăn xong
Tôn giả đọc bài kệ
Nói thực chất thân xác
Bất tịnh, khổ, vô thường

Dù điểm phấn tô son
Chỉ kẻ ngu sa lưới.
Rồi ngài đi vào rừng
Vừa khi vua đi tới.

Vua đến gặp tôn giả
Và nói : - Người ở đời
Thường từ bỏ thế tục
Vì bốn sự suy vong:

Có người vì già yếu
Có kẻ lắm bệnh tật
Người vì hết tiền bạc
Kẻ vì mất người thân.

Lão, bệnh, tài, thân suy
Cả bốn thứ suy vong
Nơi tôn giả đều không
Cớ gì bỏ thế tục?

"Tôi từ bỏ thế tục
Vì bốn điểm thuyết giáo
Của đáng đại đạo sư
Mà tôi thấy chân thực.

Một, thế gian vô thường
Hai, vô hộ vô chủ
Ba là vô sở hữu,
Bốn thiếu thốn khát khao

Thân này là vô thường
Đang đi đến hủy diệt
Khi thấy biết như vậy
Từ bỏ không vấn vương.

Khi thân bị bệnh khổ
Có tài sản, huyết thống

Cũng không bớt đớn đau:
Thân vô hộ vô chủ.

Dù tiền của đầy đầy
Chết đâu mang theo được
Ra đi bàn tay trắng
Vô sở hữu, thân này.

Người ở địa vị nào
Cũng nô lệ tham ái
Luôn thiếu thốn khát khao
Vì lòng tham không đáy.

Thực chứng lời Phật dạy
Thấy nguy dục tăng trưởng
Tôi xuất gia tu hành
Hạnh sa môn tối thượng."

Nghe bốn điểm thuyết giáo
Của bậc Thầy trời, người
Được tôn giả triển khai
Vua vô cùng hoan hỉ.

TÁM MƯƠI BA

MAKHÀDEVA

I. TOÁT YẾU

Makhhaodeva Sutta- King Makhaodeva.

The story of an ancient lineage of kings and how their virtuous tradition was broken due to negligence.

Vua Makhàdeva.

Chuyện về một dòng vua ngày xưa, truyền thống tu hành của họ đã do phóng dật mà bị gián đoạn như thế nào.

II. TÓM TẮT

Khi đến Mithila¹, Phật kể lại cho A nan xưa kia đây là lãnh thổ của vua Makhadeva². Vua trị vì đúng pháp, sống an lập trong chính

pháp³, giữ trai giới vào các ngày bố tát⁴. Sau nhiều trăm ngàn năm, vua dân thợ cạo khi thấy tóc bạc xuất hiện trên đầu⁵ thì báo cho vua biết. Vua nhường ngôi cho con để xuất gia, dặn con trai phải trị vì đúng pháp, và khi thấy tóc bạc xuất hiện, nên biết đó là thiên sứ⁶ báo hiệu sắp lên trời để hưởng thiên lạc. Khi ấy hãy trao lại ngai vàng cho con để xuất gia tu tập bốn phạm trú, mạng chung sinh lên Phạm thiên giới. Truyền thống này trải qua nhiều đời không gián đoạn cho đến đời vua Nemi.

Vua này sau khi được chư thiên cõi trời 33 mời cõi thiên xa theo Matàli đi thăm hai con đường⁷ quả báo thiện ác, trở về cũng trao ngai vàng và dặn lại con trai, rồi xuất gia tu tập bốn phạm trú. Sau khi chết vua được sinh vào cõi Phạm thiên như các vua đời trước mình. Nhưng con của vua Nemi không theo lời vua cha dặn, đã cắt đứt truyền thống tốt đẹp ấy.

Phật dạy, vua Makhàdeva thời ấy chính là Như Lai bây giờ. Ngài đã lập truyền thống ấy, nhưng nó không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, tịch tịnh, thượng trí, giác ngộ, niết bàn.

Bây giờ ngài thiết lập một truyền thống tốt đẹp hơn, đưa đến yếm ly, giác ngộ, niết bàn, ấy là thánh đạo tám ngành : chánh tri kiến cho đến chánh định. Phật dạy các tỳ kheo hãy tiếp tục duy trì, chớ làm cho mình trở thành người tối hậu⁸, nghĩa là người làm đứt đoạn truyền thống ấy.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Xem truyện Bản Sinh số 9 và 54. Vua Makhàdeva và vua Mithila đều là tiền thân của Phật Thích Ca.
- (2) Rừng này trước kia do Makhàdeva trồng nên vẫn còn mang tên ông.
- (3) Luận : vị ấy được an lập trong 10 thiện hành.
- (4) Lễ Bố tát là ngày trai giới của xứ Ấn độ xưa, về sau Phật giáo cũng áp dụng.
- (5) Theo vũ trụ quan Phật giáo, thọ mạng con người thay đổi từ tối thiểu là 10 năm cho đến

10.000 năm. Makhàdeva sống vào thời mà con người có thọ mạng dài nhất.

- (6) Về các thiên sứ, hay những điềm báo già bệnh chết, xem kinh 130.
- (7) Matali dẫn ông ta đi qua các địa ngục, rồi quay lui đưa ông đến các cõi trời.
- (8) Kinh số: Sự thực hành diệu pháp bị phá hủy bởi một tỳ kheo có giới khi vị ấy nghĩ mình không thể đắc quả A la hán, và do đó không nỗ lực. Sự thực hành ấy đang được tiếp tục bởi bậc hữu học, và đã được tiếp tục bởi vị a la hán.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

4 phạm trú, thánh đạo 8 ngành, 10 thiện nghiệp.

V. KỆ TỤNG

Khi đến Mithila,
Phật bảo thầy A nan

Xưa đây là lãnh thổ
Vua Ma-kha-de-va.

Vua trị vì đúng pháp
Sống đúng theo chính pháp
Trai giới ngày bố tát
Sống lâu nhiều ngàn năm

Vua dạy người thợ cạo
Khi nào thấy trên đầu
Tóc bạc đã xuất hiện
Hãy báo cho vua biết.

Khi tóc bạc xuất hiện
Vua nhường ngôi cho con
Xuất gia tu phạm trú
Dạy trị vì đúng pháp,

Và hãy làm như cha
Khi tóc bắt đầu bạc
Nên biết là thiên sứ
Báo về hưởng thiên lạc..

Hãy trao lại ngai vàng
Và xuất gia tu tập
Chớ để truyền thống này
Gián đoạn do phóng dật.

Trải qua nhiều đời vua
Truyền thống ấy tiếp tục
Đến đời vua Nemi
Cũng làm như vua trước.

Ông trao lại ngai vàng
Và dặn dò con trai
Rồi xuất gia tu tập
Chết sinh Phạm thiên giới.

Nhưng con vua Nemi
Không theo lời cha dặn
Dứt truyền thống tốt đẹp
Sống phóng dật đến cùng.

Và Phật bảo A nan:
Vua Makhadeva

Chính là tiền thân ta
Thiết lập truyền thống ấy.

Dù nó rất tốt đẹp
Không đưa đến yếm ly
Ly tham và đoạn diệt
Đến giác ngộ niết bàn.

Nay ta lập truyền thống
Vô vàn tốt đẹp hơn
Là thánh đạo tám ngành
Đến ly tham, giác ngộ.

Hãy tiếp tục duy trì,
Chớ thành người tối hậu,
Nghĩa là người đoạn dứt
Truyền thống tối thượng này.



TÁM MƯƠI BỐN

MADHURA

I. TOÁT YẾU

Madhurà Sutta - At Madhurà.

The venerable Mahà Kaccàna examines the brahmin claim that brahmins are the highest caste.

Tại Madhurà.

Tôn giả Đại Ca chiên diên xét lại lời công bố của Bà la môn rằng chỉ có giai cấp của họ là tối thượng.

II. TÓM TẮT

Vua xứ Madhura đi đến tôn giả Ca chiên diên đang ở rừng Gundà¹ hỏi Ngài có ý kiến gì

về chủ trương của các Bà la môn : Chỉ có Bà la môn là dòng giống tối thượng, các dòng giống khác đều hạ liệt. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sinh ra từ miệng Ngài. Tôn giả Ca Chiên Diên nói đây chỉ là âm thanh suông không có giá trị gì, và đưa ra các lý do:

1. Người thuộc bất cứ giai cấp nào² khi có nhiều tài sản, đều có thể thuê mướn người thuộc ba giai cấp kia hầu hạ.
2. Người thuộc cả 4 giai cấp nếu phạm vào mười bất thiện đều bị đọa không phân biệt: đồng đẳng trong sự thọ lãnh ác báo.
3. Người thuộc cả bốn giai cấp đều được sinh thiên giới nếu thực hành mười lành, từ bỏ mười ác: đồng đẳng trong sự thọ hưởng quả báo của nghiệp lành.
4. Trên đời, bất cứ người thuộc giai cấp nào phạm tội đều bị phạt: bình đẳng trước pháp luật.
5. Bất cứ người thuộc giai cấp nào khi xuất gia nghiêm trì giới luật, đều được cung kính lễ bái và được gọi là Sa môn không phân biệt

giai cấp thế tục : bình đẳng trên mọi phương diện giải thoát.

Vua Madhura hoan hỷ với lời giải thích của tôn giả và xin quy y, nhưng tôn giả bảo vua hãy quy y Phật, mặc dù lúc ấy Phật đã nhập niết bàn.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Tôn giả Ca chiên diên được Phật xem là xuất sắc trong sự triển khai ý nghĩa một lời pháp văn tắt. Kinh số 133 và 138 cũng do ngài diễn lời Phật dạy.
- (2) Từ đoạn kinh này, ta thấy mặc dù còn nặng tính phân biệt, hệ thống giai cấp ở Ấn lúc bấy giờ cũng còn khá linh động hơn hệ thống thế cấp được triển khai về sau.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 nghiệp, 4 giai cấp hay chúng tánh theo Bà la môn giáo. 4 vật dụng (ăn, mặc, ở, bệnh), 10 ác nghiệp, 10 thiện nghiệp.

V. KỆ TỤNG

Vua xứ Madhura
Bạch ngài Ca Chiên Diên :
- Những người Bà la môn
Xem dòng khác hạ liệt.

Chỉ có Bà la môn
Mới thực là cao thượng
Con chính thống của trời
Sinh ra từ miệng Ngài.

Tôn giả nghĩ thế nào ?
"Đây là âm thanh sông
Không chút nào giá trị
Vì những lý do sau:

Người thuộc giai cấp nào
Khi có nhiều tài sản,
Đều có thể thuê mướn
Kẻ hầu từ mọi dòng.

Người thuộc mọi giai cấp
Đều phải bị dọa lạc
Khi phạm mười bất thiện :
Đồng đẳng thọ ác báo.

Người thuộc giai cấp nào
Cũng được sinh thiên giới
Nếu bỏ ác làm lành :
Đồng đẳng hưởng quả vui.

Người thuộc giai cấp nào
Bất kể thấp hay cao
Phạm tội đều bị phạt:
Bình đẳng trước pháp luật

Người thuộc mọi giai cấp
Khi từ bỏ gia đình
Xuất gia trì giới luật
Đều được người kính lễ

Đều được gọi sa môn
Không kể dòng quý tiện

Như trăm sông về biển:
Bình đẳng trong giải thoát."

Vua vô cùng hoan hỷ
Với lời giải thích này
Xin quy y tôn giả
"Vua hãy quy y Phật."

- Phật bây giờ ở đâu
"Ngài đã nhập niết bàn"
- Con xin quy y Phật
Đang an trú niết bàn.



TÁM MƯƠI LĂM

BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ

I. TOÁT YẾU

BodhiràjakumàraSutta-To Prince Bodhi

The Buddha counters the claim that pleasure is to gained through pain with an account of his own quest for enlightenment.

Nói cho vương tử Bồ đề.

Phật bác lời tuyên bố rằng lạc có được nhờ khổ, bằng cách kể lại cuộc tầm cầu giác ngộ của chính ngài.

II. TÓM TẮT

Để khánh thành tòa nhà mới, Bồ đề vương tử¹ thỉnh Phật thọ trai. Ông trải một cuộn vải

mới, thỉnh Phật dẫn lên cho ông được phước. Phật im lặng². Khi vương tử đến thưa lần thứ ba, Phật nhìn tôn giả A nan. Tôn giả thưa vương tử hãy dẹp tấm vải, vì đức Thế Tôn nghĩ đến thế hệ mai sau³. Sau bữa ăn, Vương tử bạch Phật ông nghĩ rằng lạc có được là nhờ khổ⁴.

Phật dạy lúc xưa khi mới xuất gia, Ngài cùng tưởng thế, nên đã theo hai vị thầy tu khổ hạnh, một người chứng Vô sở hữu xứ, một người chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ngài nhanh chóng đạt đến các định chứng này, được thầy mời ở lại cùng lãnh đạo. Nhưng Ngài đã ra đi để tìm cái tối thượng. Khi đến bên sông Ni liên thiên Ngài dừng lại tìm một địa điểm khả ái để ngồi thiền.

Một ví dụ khởi lên cho Ngài lúc ấy là, khúc gỗ khi còn ngâm trong nước hoặc vừa vớt lên khỏi nước, dù cọ xát cũng không thể bén lửa. Cùng vậy người không xả ly dục ái, thì dù thỉnh linh cảm thọ khổ khốc liệt hay không thỉnh linh cảm thọ khổ khốc liệt, cũng không thể chứng đắc.

Ngược lại, một khúc gỗ đã khô nhựa, đặt trên đất khô thì có thể bén lửa dễ dàng. Như người xả ly ái dục, nếu tinh linh cảm thọ khổ hay không cảm thọ khổ, cũng có thể chứng đắc hỷ lạc thiền định.

Bởi vậy sau khi từ bỏ khổ hạnh như đã từ bỏ dục lạc trước đây, ngài ngồi thiền và đắc đạo. Sau khi đắc đạo, Ngài nghĩ pháp này sâu kín vi diệu, thật khó cho thế gian đang chìm đắm trong dục lạc có thể hiểu thấu. Bởi thế Ngài định nhập niết bàn. Do Phạm thiên cầu thỉnh, Ngài ra thuyết pháp, đầu tiên giảng cho 5 đệ tử về bốn đế, thánh đạo tám ngành. Nghe xong 5 vị đắc lậu tận thành A la hán.

Bồ đề vương tử hỏi Phật thời gian cần thiết để tu đắc đạo. Phật hỏi lại Vương tử, nếu một người muốn học cỡi voi mà không có lòng tin, nhiều bệnh, gian trá, biếng nhác, u mê đần độn, thì có thể học được không? Vương tử trả lời chỉ cần có một trong năm thói ấy cũng không thể học, huống hồ đủ cả năm. Phật dạy cũng vậy vị tỳ kheo muốn tu chứng phải có 5 tinh cần chi:

1. Tin Phật;
2. Có sức khỏe, ít bệnh;
3. Trung thực không gian trá;
4. Siêng năng từ bỏ các bất thiện và tu tập thiện pháp;
5. Có trí tuệ về sự sinh diệt của các pháp.

Vị ấy có thể đắc lậu tận trong bảy năm. Cũng có thể là sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm, cho đến bảy tháng, sáu, năm, bốn, ba, hai, một, nửa tháng, cho đến bảy đêm ngày. Lại có thể có người được giảng dạy buổi sáng thì buổi chiều đã chứng đắc.

Khi nghe vậy Bồ đề vương tử thốt lên "Ôi thật là Phật, Ôi thật là Pháp, Ôi thật là khéo thuyết". Thanh niên hầu cận vương tử hỏi sao ông không xin quy y. Vương tử Bồ đề nói khi ông còn trong bụng mẹ, mẫu thân đã đến xin Phật quy y cho bào thai. Lần thứ hai ông được người vú ẵm đến Thế Tôn để xin quy y. Và nay là lần thứ ba, đối trước Phật, ông xin quy y, xin Thế Tôn nhận ông làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung ông trọn đời quy ngưỡng.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Bồ đề Vương tử là con trai vua Udena xứ Kosambi; mẹ ông là con gái vua Candappajjota xứ Avanti. Một phần kinh này cũng được tìm thấy trong luật tạng, duyên khởi chế ra giới luật nói trong ghi chú sau.
- (2) Theo kinh số, vương tử Bồ đề không con, mong muốn có một con trai. Ông nghe nói cúng Phật thì có thể thỏa mãn ước nguyện, nên trái một tấm vải trắng và nguyện : nếu Phật dẫm lên tấm vải, ta sẽ có con trai. Nếu Phật không dẫm lên tấm vải, ta sẽ không có con. Phật biết do ác nghiệp quá khứ, ông sẽ suốt đời không con, nên ngài không bước lên trên tấm vải. Nhân đấy ngài chế học giới cấm tỳ kheo dẫm lên vải trắng. Về sau ngài chế lại luật này, cho phép tỳ kheo dẫm lên vải khi cần chúc lành cho gia chu.
- (3) Theo kinh số, tôn giả A Nan nói lời này vì nghĩ : trong tương lai người ta sẽ xem việc kính tặng như một đường lối để thỏa mãn các mong cầu thế tục của họ; và họ sẽ mất

niềm tin ở tăng già nếu cung kính mà không được thành công như ý muốn.

- (4) Đây là giáo điều căn bản của Ni kiến tử, như trong kinh 14.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 thọ, 4 đế, 4 thiên, 4 không, 5 tình căn chi: lòng tin, ít bệnh, chân thật, siêng năng, có trí. Thánh đạo 8 ngành.

V. KỆ TỤNG

Nhân Bồ đề vương tử
Khánh thành tòa lâu đài
Ông mời Phật thọ trai
Lót đường bằng vải mới

Thỉnh Phật dẫm lên vải
Cho ông được phúc lành
Nhưng ngài đứng lặng thỉnh
Không bước lên tấm vải

A nan thừa vương tử
- Hãy cuộn tấm vải này
Thế tôn không dẫm nó
Vì thương tưởng hậu lai

Sau khi Phật thọ trai
Do vương tử cúng dường
Ông đến bên bạch Phật:
- Có khổ mới được vui.

Phật dạy : Lúc xưa kia
Như lai cũng tưởng vậy
Nên đã tu khổ hạnh
Chứng Vô sở hữu xứ

Rồi chứng Phi phi tưởng
Ngang hàng hai bậc thầy
Nhưng ngài lại ra đi
Để tìm cái tối thượng

Gặp địa điểm khả ái
Bên bờ sông Ni liên

Ngài khởi sự ngồi thiền
Từ bỏ tu khổ hạnh

Một ví dụ khởi lên :
Khúc gỗ còn ngâm nước
Hoặc vừa mới vớt lên
Không thể nào bén lửa.

Cũng thế kẻ tu hành
Nếu chưa xa lìa dục
Dù có cảm thọ khổ
Đạo quả cũng không thành.

Như khúc gỗ khô nhựa
Sẽ bén lửa dễ dàng
Người xả ly ái dục
Đắc đạo không khó khăn.

Theo con đường trung đạo
Tránh xa hai cực đoan
Ngài chứng đắc thiên lạc
Do ly dục phát sinh

Khi đã thành đạo quả
Ngài thấy người đắm say
Trong 5 thứ dục lạc
Khó hiểu được pháp này.

Nói pháp không ai hiểu
Chỉ luống công nhọc sức
Với ý nghĩ như vậy
Phật toan nhập niết bàn

Phạm thiên cầu thỉnh Phật
Chuyển tứ đế pháp luân
Năm người nghe chứng quả
Được pháp nhân ly trần.

Bồ đề vương tử hỏi
- Người muốn học Pháp ngài
Cần thời gian bao lâu
Để tu hành đắc đạo ?

Phật hỏi lại Vương tử:
"Như ông huấn luyện nài

Nếu một người theo học
Mà không tin tưởng thầy

Lại có nhiều bệnh tật
Gian trá và biếng nhác
Thêm u mê đần độn
Thì có học được không?"

- Thưa không, bạch Thế tôn
Dù chỉ có một thói
Cũng không thể học hỏi
Huống hồ đủ cả năm.

"Cũng vậy, vị tỳ kheo
Nếu không đủ năm đức
Là năm tinh cần chi
Thì không thể chứng đắc

Trước hết là lòng tin
Sức khỏe và chân thật
Siêng năng với thiện pháp
Có trí về sinh diệt

Đủ năm đức tính ấy
Bảy năm tu viên thành
Có thể thời gian tu
Chỉ gồm trong bảy tháng

Có người tu nửa tháng
Hoặc chỉ bảy ngày đêm
Và lại cũng có em
Sáng nghe chiều đã chứng.

Vương tử thốt lên lời
- Ôi thật là đức Phật
Ôi, Pháp thật khéo giảng.
Con xin quy y ngài.



TÁM MƯƠI SÁU

ANGULIMALA

I. TOÁT YẾU

Angulimàla Sutta - On Angulimàla.

The story of how the Buddha subdued the notorious criminal Angulimàla and led him to the attainment of arahantship.

Về Chuỗi ngón tay.

Kể chuyện Phật hàng phục Chuỗi ngón tay, tên tội phạm nổi tiếng, và đưa ông ta đến chứng đắc a la hán quả.

II. TÓM TẮT

Trong lãnh thổ của vua Ba tư nặc, có kẻ cướp giết người tên Chuỗi ngón tay, vì ông đeo một xâu chuỗi làm bằng ngón tay người¹. Một

hôm Phật đi trên con đường gặp Chuỗi ngón tay, mặc dù nhiều người can ngăn. Chuỗi ngón tay chạy theo báo Ngài dừng lại, ngài bảo: "Ta đã vĩnh viễn đứng lại, chỉ có người chưa đứng, vì người không thể tự kềm chế mình." Nghe lời ấy ông liền được cảm hóa, biết Phật đã vì ông mà vào rừng², và xin xuất gia. Phật dạy: "Lại đây, tỳ kheo³."

Sau khi xuất gia Chuỗi ngón tay tu khổ hạnh ăn ngày một bữa, tinh cần tinh tấn. Vua Ba tự nặc một hôm đến viếng Phật với nét mặt lo âu vì chưa giết được tên cướp giết người nổi tiếng. Khi biết Chuỗi ngón tay đã xuất gia theo Phật, vua vô cùng thán phục Phật vì đã nhiếp phục một người mà với khí giới và binh lính, vua đã không nhiếp phục được.

Tôn giả Chuỗi ngón tay đi khát thực gặp một sản phụ đẻ khó đang lăn lộn giữa đường. Quá thương tâm, tôn giả trở về bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, thật đau khổ thay các chúng sinh."

Phật bảo ông hãy đến gần sản phụ mà nói: "Từ khi cha mẹ sinh ra, tôi chưa hề cố ý

giết hại mạng sống của chúng sinh, mong rằng với sự thật này, bà chị sinh nở an toàn." Tôn giả bạch Phật, nếu nói như vậy thì thật là cố ý nói láo, vì ông đã cố giết hại mạng sống rất nhiều chúng sinh rồi.

Phật dạy : Vậy ông hãy nói: "Từ khi được thánh sanh tôi chưa hề cố ý giết hại mạng sống..." Tôn giả vâng lời, đến bên sản phụ và nói : "Thưa chị, từ khi được thánh sanh tôi chưa hề cố ý giết hại mạng sống, mong với sự thật này chị sinh nở được an toàn."⁴ Và quả nhiên, người sản phụ liền sinh nở được an toàn.

Tôn giả sống một mình, viễn ly, nhiệt tâm, không phóng dật, không bao lâu tự thân chứng đắc và an trú ngay hiện tại, mục đích của phạm hạnh. Vị ấy biết sanh đã tận phạm hạnh đã thành, những gì nên phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui đời này nữa. Tôn giả thành một bậc A la hán. Một hôm, vào thành khát thực, tôn giả bị nhiều người ném đất, đá, sỏi, gây gộc lên mình, lở máu chảy, bát vỡ y rách. Tôn giả trở về bên Phật. Phật an ủi ông hãy kham nhẫn, vì

ông đang gặt hái trong hiện tại, quả báo của nghiệp mà đáng lẽ ông phải chịu trong địa ngục nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm⁵.

Trong khi sống độc cư tôn giả cảm thọ được giải thoát lạc và nói lên bài kệ⁶:

Ai trước phóng dật sau không phóng dật
Sáng chói đời này như trăng thoát mây
Ai làm ác nghiệp, nhờ thiện ngăn lại
Sáng chói đời này như trăng thoát mây...

Ta tên Vô hại, trước ta sát hại⁷
Nay được chính danh, vì chẳng hại ai
Ta làm ác nghiệp đáng đọa cõi dữ
Quả trả xong rồi, không nợ ta ăn⁸

III. CHÚ GIẢI

- (1) Chuỗi ngón tay là con trai của Bà la môn Bhaggava, một cận thần của vua Ba tư nặc, xứ Câu Tát La. Ông có tên là Vô nào nghĩa là người không làm hại. Ông học với một vị thầy ở thành phố Takkasila, trở thành một học trò được thầy yêu chuộng. Các bạn bè do ganh tị, đã thưa với vị thầy rằng Vô nào

ngoại tình với vợ thầy. Vị thầy cố hại Vô não bằng cách ra lệnh cho ông đem về cho mình một ngàn ngón tay phải của người (bị giết) để làm lễ mãn khóa. Vô não đến khu rừng Jàlini, tấn công những người đi đường, cắt mỗi người một ngón tay xâu thành chuỗi đeo cổ. Kinh này mở đầu vào lúc ông ta đã giết gần đủ ngàn người chỉ thiếu một, và quyết định sẽ giết người mình sắp gặp. Phật biết Vô não sắp giết mẹ, và quán ông đủ duyên để chứng quả A la hán, nên Ngài đã xen vào trước khi bà mẹ đến.

- (2) Theo Kinh số, Vô não nhận ra vị Tỳ kheo trước mặt ông chính là Phật, và Ngài đã đến khu rừng cốt để cải hóa ông.
- (3) Theo Kinh số, do công đức nhiều đời trước, Vô não được y bát do thần lực Phật biến hóa, vừa khi Ngài thốt lên: "Lại đây, Tỳ kheo."
- (4) Ngay cả ngày nay, câu này cũng thường được các tỳ kheo tụng đọc như một thần chú hộ mạng cho các sản phụ gần đến kỳ sinh nở.

- (5) *Kinh* số nói một hành vi cố ý, hay nghiệp, có thể đem lại ba loại quả báo: hiện báo hay quả báo được cảm thọ ngay hiện tại, trong đời sống mà hành vi ấy được làm; sinh báo là quả báo cảm thọ trong hiện hữu kế tiếp; và hậu báo là quả báo được cảm thọ trong bất cứ đời sống nào về sau, khi dòng sinh tử còn tiếp tục. Vì đã đắc quả A la hán, Chuỗi ngón tay giải thoát hai loại quả báo sau, nhưng không thoát khỏi quả báo đầu, vì A la hán cũng phải chịu những quả báo của ác nghiệp trong đời hiện tại trước khi chứng quả.
- (6) Những bài kệ tiếp theo cũng xuất hiện trong kinh Pháp cú. Những bài kệ của Chuỗi ngón tay được tìm thấy trong Trưởng Lão Kệ 866-91.
- (7) Mặc dù Kinh số Trung Bộ nói Chuỗi ngón tay có tên là Vô não, Luận Trưởng Lão Kệ lại nói ông vốn tên là Não Hại.
- (8) Trong khi tỳ kheo trì giới mà chưa chứng quả A la hán ăn đồ khát thực như thừa

hưởng gia tài của Phật, vị A la hán ăn không nợ nần, vì đã tự làm cho mình hoàn toàn xứng đáng nhận của cúng dường. Xem Thanh tịnh đạo 1.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

4 sự cúng dường, 10 thiện nghiệp

V. KỆ TỤNG

Xứ vua Ba tư nặc
Có kẻ cướp giết người
Mệnh danh Chuỗi ngón tay
Vì đeo râu chuỗi ấy

Phật đi trên con đường
Đến sào huyết tên cướp
Nhiều người theo can ngài
Phật ung dung tiến bước.

Tên cướp đuổi theo ngài
Nhưng chạy hết tốc lực

Không đuổi kịp, cướp hô:

- Sa môn kia, đứng lại.

Phật ôn tồn dạy bảo:

"Ta đã đứng từ lâu

Chỉ có người chưa dừng

Vì không tự kiềm chế."

Năng lực đáng tử bi

Cảm hóa ngay tên cướp

Ăng gu li ma la

Xin theo Phật xuất gia.

"Lại đây, hỡi tỳ kheo"

Phật vừa thốt nên lời

Y bát liền đầy đủ

Do thần lực biến ra.

Sau khi được xuất gia

Chuỗi ngón tay khổ hạnh

Ăn một bữa, tinh cần

Trong giáo pháp bậc thánh.

Quốc vương Ba tư nặc
Một hôm viếng Thế tôn
Với nét mặt lo buồn
Chưa trừ được tên cướp

Khi biết Chuỗi ngón tay
Đã xuất gia đầu Phật
Vua vô cùng thán phục
Đức nhiếp hóa của ngài.

Tỳ kheo Chuỗi ngón tay
Khất thực thấy sản phụ
Lăn lộn ở bên đường
Tôn giả kêu khổ thay

Và lui về bạch Phật:
- Khổ thay các chúng sinh.
"Này người Chuỗi ngón tay
Hãy đến gần sản phụ

Hãy thốt lên lời này:
"Từ khi cha mẹ sinh

Tôi chưa hề cố ý
Hại mạng sống chúng sinh

Mong nhờ sự thật này
Sẽ làm cho bà chị
An toàn khi sinh nở."
Chuỗi ngón tay buồn bà:

- Nếu con nói lời ấy
Thành nói láo cổ tình
Vì con đã cố giết
Rất nhiều mạng chúng sinh.

Thế thì này tỳ kheo
Ông hãy nói lời rằng:
- Từ khi được thánh sanh
Tôi chưa hề cố giết

Tôn giả vâng lời Phật
Đến báo người sản phụ
"Từ khi được thánh sanh
Tôi chưa hề cố giết

Mong với sự thật này
Chị an toàn sinh nở."
Và tức thì quả nhiên
Sán phụ sinh được liền.

Tôn giả sống một mình
Viễn ly không phóng dật
Không bao lâu chứng đắc
Mục đích đời tu hành.

Vị ấy biết sanh tận
Phạm hạnh đã viên thành
Việc nên làm đã làm
Không còn đời nào khác.

Một hôm đi khát thực
Tôn giả bị hành hung
Bát vỡ y rách nát
Thân tàn về bên Phật.

"Tỳ kheo hãy kham nhẫn
Được gặt ngay hiện báo

Thay vì sa địa ngục
Nhiều trăm năm, ngàn năm."

Tôn giả sống viễn ly
Cảm thọ giải thoát lạc
Và cảm hứng nên lời
Ghi trong Trưởng lão kệ:

Ai trước từng phóng dật
Sau không còn phóng dật
Sáng chói trên đời này
Như trăng thoát mây che.

Ai đã làm ác nghiệp
Nhờ thiện hành ngăn lại
Sáng chói trên đời này
Như trăng thoát mây che...

Ta tuy tên Vô hại,
Nhưng đã từng sát hại
Nay mới được chính danh
Vì chẳng còn hại ai

Xưa ta làm ác nghiệp
Đáng bị đọa cõi dữ
Quả báo trả xong rồi
Nay không nợ, ta ăn.



TÁM MƯƠI BẢY

ÁI SANH

I. TOÁT YẾU

Piyajàtika Sutta - Born from Those who are dear.

Why the Buddha teaches that sorrow and grief arise from those who are dear.

Do người thân mà phát sinh.

Vì sao Phật dạy sầu ưu khởi lên từ những người thân ái.

II. TÓM TẮT

Một gia chủ có con chết, đau khổ không còn muốn làm gì, đi khắp nơi mà than khóc. "Con ở đâu, đứa con một của ta đâu ?" Ông đi

đến Phật kể lẽ như trên. Phật dạy: "Sầu bi khổ ưu nào do ái sinh, hiện hữu từ nơi ái."

Gia chủ nói ngược lại, hỷ lạc từ ái sinh, hiện hữu từ nơi ái. Ông bất mãn bỏ đi, gặp một nhóm người đang chơi cờ bạc, ông thuật lại lời Phật dạy : Sầu bi khổ ưu nào do ái sinh (yêu là khổ). Những người đánh bạc đồng ý với ông rằng trái lại, yêu là vui.

Câu chuyện ấy truyền đến nội cung. Vua Ba tư nặc gọi hoàng hậu, nói lại cho bà nghe lời Phật dạy "yêu là đau khổ". Hoàng hậu nói Phật dạy thì tất nhiên đúng. Vua Ba tư nặc bất mãn bảo, chính vì bà quá hâm mộ Gotama nên cái gì Sa môn nói, hoàng hậu cũng cho là phải.

Hoàng hậu sai người hầu đến yết kiến Phật để hỏi lại cho chắc có phải Ngài đã dạy như vậy không. Phật dạy đúng như thế. Xưa nay có nhiều người đã than khóc người thân chết: con trai con gái khóc cha mẹ, cha mẹ khóc con trai con gái, vợ khóc chồng, chồng khóc vợ, anh chị khóc em trai em gái, em trai em gái khóc anh chị... Vì quá thương mà phát điên cuồng, tâm tư bất loạn, họ đi từ ngã tư

đường này qua ngã tư đường khác và nói :
"Có ai thấy cha tôi không, thấy mẹ tôi không, thấy vợ, chồng, con trai, con gái, anh, chị, em... của tôi không." Do vậy nên biết, sầu bi khổ ưu nào từ ái mà sinh ra. Xưa có người phụ nữ có chồng bị bà con ép gả cho người khác. Người chồng đã chặt bà làm đôi rồi tự tử, nói: Hai chúng ta sẽ gặp nhau trong đời sau. Do vậy nên biết sầu bi khổ ưu nào do ái sinh.

Nghe những lời ấy, Mạt lợi phu nhân đi đến vua Ba tư nặc, hỏi : "Vua có thương công chúa Vajirì không, có thương hoàng hậu Vasabha, tướng quân Vidùdabha¹, có thương chính bà và dân chúng Kàsi, Kosala không." Vua nói có, hoàng hậu lại hỏi : "Nếu có sự biến dịch² đổi thay gì xảy đến cho những người ấy, vua có buồn khổ không ?" Vua đáp đương nhiên là có. Phu nhân bảo, chính vì thế mà Phật dạy sầu bi khổ ưu nào do ái sinh.

Sau khi nghe hoàng hậu trình bày, vua Ba tư nặc đứng dậy sửa y phục, bảo phu nhân đưa cho vua nước phép³ rồi hướng về Phật mà đánh lễ.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Vidudabha là con trai của vua về sau đã lật đổ vua. Kàsi và Câu Tát La là các lãnh thổ vua trị vì.
- (2) Từ ngữ này thường dùng để chỉ bệnh nặng và chết.
- (3) Theo kinh số, ông ta dùng nước này để rửa tay chân và súc miệng trước khi chào Phật.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Không có

V. KỆ TỤNG

Một người vì con chết
 Nỗi đau buồn không vơi
 Đi khắp nơi than khóc
 Con của ta đâu rồi.

Ông đến Phật thổ lộ
 Phật dạy nên hiểu rõ:

"Sầu khổ do ái sinh
Hiện hữu từ nơi ái."

- Sa môn nói ngược đời
Có yêu mới thật vui
Hỷ lạc từ ái sinh
Do ái, có hỷ lạc

Đến bọn người đánh bạc
Ông được họ tán đồng
"Thương yêu là hỷ lạc"
Chuyện truyền vào nội cung.

Quốc vương Ba tư nặc
Bảo Mạt lợi phu nhân
Phật dạy "yêu là khổ"
Bà nghĩ có đúng không

- Phật đã dạy điều nào
Tất nhiên điều ấy đúng
- Cái gì Cổ đàm nói
Đệ tử cũng hứa theo

Phu nhân sai người hầu
Đi đến yết kiến Phật
Phật giải thích thế nào
Nhớ kỹ về thuật lại.

"Sầu khổ do ái sinh
Hiện hữu từ nơi ái
Không ái, không lo sầu
Đúng lời ngài đã dạy.

Xưa nay đà lắm kẻ
Vì yêu nên khổ sầu
Nào con khóc cha mẹ
Nào chồng vợ khóc nhau

Vì yêu, chúng phát cuồng
Lang thang khắp nẻo đường
Với tâm tư bấn loạn
Mong tìm thấy người thương.

Vì quá đổi yêu nhau
Có người chồng giết vợ

Rồi chính chàng tự tử
Hẹn tái ngộ kiếp sau."

Phu nhân nghe lời ấy
Liên đến hỏi vua rằng:
- Công chúa và thái tử
Vua thương nhiều, phải chăng

Nếu người vua yêu mến
Bỗng dưng gặp tai biến
Vua cảm thấy thế nào?
- Ta sẽ rất sầu đau.

- Chính bởi vì lẽ ấy
Nên Phật mới dạy rằng
Sầu bi khổ ưu nào
Là do ái phát sinh.

Nghe phu nhân nói xong
Nhà vua chỉnh y phục
Hướng về nơi Phật ngự
Đánh lễ đức Thế tôn.

TÁM MƯƠI TÁM

BAHITIKA

I. TOÁT YẾU

Bàhitika Sutta - The Cloak.

The venerable Ānanda answers King Pasenadi's questions on the Buddha's behaviour.

Cái áo choàng.

Tôn giả A nan trả lời những câu hỏi của vua Ba tư nặc về hạnh của Phật.

II. TÓM TẮT

Vua Ba tư nặc hỏi A nam, đứ Thế tôn có bao giờ làm một thân hành có thể khiến người trí quả trách không¹. Tôn giả đáp không. Về ngữ và ý hành cũng vậy.

Rồi vua hỏi thế nào là thân, ngữ, ý hành bị người trí quở trách. Tôn giả A nan trả lời, đó là những thân, ngữ, ý hành bất thiện. Bất thiện nghĩa là có tội, có hại, có khổ báo, đưa đến tự hại, hại người, hại cả hai, và làm cho bất thiện tăng trưởng, thiện pháp giảm thiểu².

Vua hỏi có phải Phật chỉ khen ngợi sự từ bỏ tất cả bất thiện. Tôn giả đáp, đức Như lai đã từ bỏ tất cả bất thiện, và thành tựu những thiện pháp³.

Vua hỏi thế nào là thân, khẩu, ý hành không bị người trí quở trách; và tôn giả đáp đó là thiện thân hành, thiện ngữ hành và thiện ý hành. Và thiện nghĩa là không có tội, không có hại, có lạc báo.

Sau cuộc đàm luận, vua muốn cúng dường tôn giả voi ngựa, hoặc cả một khu làng âm tử, nhưng biết Tôn giả không được phép nhận những thứ này, nên xin cúng dường một cuộn hàng ngoại⁴, quà tặng của vua A xà thế, để may y. Tôn giả từ chối vì đã có đủ 3 y. Vua năn nỉ tôn giả nhận 3 y mới, rồi tặng ba y cũ cho các vị tỳ kheo khác. Như vậy sự bố thí sẽ

được lan rộng, như cơn mưa lớn làm nước sông chảy tràn lên bờ.

Tôn giả về thuật lại với Phật. Phật dạy thật hạnh phúc thay cho vua Ba tư nặc đã được yết kiến và được cúng dường tôn giả Anan.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Kinh sở nói, vua hỏi câu này là ám chỉ trường hợp nữ du sĩ Tôn đà lợi lúc ấy đang được truy tầm. Vì muốn bôi nhọ Phật, một số du sĩ khổ hạnh thuyết phục Tôn đà lợi đến viếng vườn Kỳ đà vào ban đêm và để cho người ta thấy mình trở về lúc bình minh, làm cho mọi người nghi ngờ. Sau một thời gian, Họ sai người ám sát bà ấy và chôn xác gần vườn Kỳ đà. Khi người ta tìm thấy xác, họ lên án đức Phật. Một tuần sau sự vụ cáo được tỏ rõ, khi những thám tử của vua tìm ra sự thật đằng sau vụ ám sát.
- (2) Nói ngắn gọn, đoạn này đưa ra năm tiêu chuẩn của nghiệp ác: nó là hành động thiếu lành mạnh và có hậu quả thiếu lành mạnh

trên tâm thức; nó đáng quả trách vì bản chất xấu về phương diện đạo đức; nó đem lại khổ báo; nó có động lực bất thiện và đem lại những hậu quả tai hại lâu dài cho cả mình lẫn người. Thiện nghiệp thì ngược lại.

- (3) Câu trả lời của tôn giả Anan vượt xa câu hỏi, vì Ngài cho thấy không những Phật tán dương sự từ bỏ tất cả bất thiện pháp, mà Ngài còn hành động phù hợp với lời nói của mình, nghĩa là đã từ bỏ tất cả bất thiện.
- (4) Kinh số giải thích nhan đề kinh này là một cái áo choàng được sản xuất ở nước khác.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 hành, 3 nghiệp, 3 y

V. KỆ TỤNG

Quốc vương Ba tư nặc
Hỏi tôn giả Anan
- Phật có bao giờ làm
Thân hành đáng quả trách

Tôn giả đáp rằng : "không,
Cũng thế về ngữ, ý
Tất cả bất thiện hành
Phật đều đã từ bỏ."

- Thế nào là thân hành
Bị người trí quả trách?
"Những thân hành bất thiện
Cũng vậy, ngữ ý hành.

Bất thiện là có tội
Có hại, có khổ báo
Đưa đến hại mình, người
Khiến ác tăng, thiện giảm.

- Phải chăng Phật chỉ khen
Sự từ bỏ bất thiện?
"Ngài từ bỏ bất thiện
Và thành tựu thiện pháp."

- Thế nào là hành vi
Người trí không quả trách ?

"Đó là thiện thân hành
Thiện ngữ, thiện ý hành.

- Thế nào gọi là thiện?
"Thiện là bất cứ gì
Không có tội, vô hại
Có quả báo an vui."

Vua cúng dường cho ngài
Một cuộn hàng ngoại hóa
Nhưng tôn giả từ chối :
"Tôi đã đủ ba y."

- Xin hãy nhận hàng này
Để may ba y mới
Rồi tặng ba y cũ
Cho các vị cần dùng

Như vậy sự bố thí
Sẽ được lan khắp cùng.
Ví như khi mưa lớn
Nước tràn ngập bờ sông

Phật khi biết câu chuyện
Đã dạy: Hạnh phúc thay
Cho vua Ba tư nặc
Được cúng dường tôn giả.



TÁM MƯƠI CHÍN

PHÁP TRANG NGHIÊM

I. TOÁT YẾU

Dhammacetiya Sutta- Monuments to the Dhamma.

King Pasenadi offers ten reasons why he shows such deep veneration to the Buddha.

Điện thờ Chính pháp.

Vua Ba tư nặc đưa ra mười lý do ông bày tỏ lòng kính mộ sâu xa đối với Phật.

II. TÓM TẮT

Trong lúc dạo chơi vườn ngự, trông thấy những gốc cây khả ái, mát mẻ thích hợp để ngồi thiền, vua ba tư nặc nhớ đến Phật. Được

người cận vệ Kàràyana¹ cho biết Phật ở cách không xa, chỉ chừng 3 do tuần², vua bèn sai thắt cổ xe đi yết kiến Thế Tôn.

Đến nơi vua đi bộ, cởi bỏ binh khí và vành khăn bịt đầu trao cho người cận vệ để vào yết kiến Phật. Người cận vệ nghĩ, chắc vua muốn mật bàn chuyện gì đây, nên để ta ở lại³. Khi được gặp Phật, vua đánh lễ, sờ chân ngài và tự xưng tên. Phật hỏi do đâu mà vua có cử chỉ hạ mình tội bậc như vậy. Vua kể những lý do sau đây:

1. Tỳ kheo sống phạm hạnh trọn đời, không như các sa môn Bà la môn ngoại đạo chỉ tu một thời gian rồi trở về hưởng dục. Do đấy vua nghĩ : Pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư tăng đệ tử khéo hành trì.
2. Trong tất cả các gia đình đoàn thể hội chúng, đều có tranh chấp⁴, cãi lộn. Trái lại chúng tỳ kheo của Phật sống hòa thuận, không cãi lộn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính.
3. Các sa môn Bà la môn ngoại đạo có vẻ bạc nhược, da xấu, gầy mòn khốn khổ, dường như họ không được hoan hỷ trong đời sống

phạm hạnh hoặc có những ác hành được giấu kín. Khi vua hỏi họ tại sao có vẻ bạc nhược thì họ trả lời chúng tôi bị bệnh gia truyền. Ngược lại đệ tử Phật luôn luôn vui vẻ, các căn tịch tịnh.

4. Tuy làm vua, mỗi khi phát biểu ông vẫn thường bị các cận thần ngắt lời. Còn khi Thế Tôn thuyết pháp⁵ không ai dám ho. Vua nghĩ không có một đồ chúng nào khéo được huấn luyện như vậy.
5. Nhiều học giả có trí sắp đặt câu hỏi sắc bén⁶ để chất vấn Phật nhưng khi đến nơi Ngài, họ đều được Ngài cảm hóa thành đệ tử.
6. Cũng vậy, Phật cảm hóa được nhiều Bà la môn có trí.
7. Cảm hóa được các gia chủ có trí.
8. Cảm hóa được các sa môn có trí.
9. Vua có hai quan giữ ngựa⁷, ăn lộc vua, sống nhờ vua, nhưng không kính vua bằng kính Phật. Một hôm nhân lúc hành quân cùng với vua trong một ngôi nhà chật, trước khi nằm xuống ngủ họ trở chân nơi vua, hướng đầu

về phía mà họ biết Phật đang ngự. Vua nghĩ, thật sự phải có một cái gì tuyệt diệu trong giáo lý này nên các đệ tử mới có thái độ như thế.

10. Phật cùng thuộc dòng dõi chiến sĩ, cùng quê hương, cùng tuổi 80 như vua⁸, nên ông sẵn sàng hạ mình tột bậc để biểu lộ tình thân ái. Trình bày xong những lý do trên, vua đứng dậy đánh lễ, thân bên hữu hướng về ngài rồi ra đi⁹.

Sau khi vua đi khỏi, Phật gọi các tỳ kheo và dạy : hãy thọ trì các pháp trang nghiêm¹⁰, các pháp này liên hệ đến mục tiêu, và là căn bản của phạm hạnh.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Kàràyana là tổng tư lệnh quân đội vua Ba tư nặc. Ông là cháu của người tộc trưởng Mallas. Người tộc trưởng này trước kia là bạn vua Ba tư nặc, bị vua xử tử cùng với 32 người con trai vì đã âm mưu với đình thần thối nát. Kàràyana cũng âm mưu với thái tử

con vua Ba tư nặc để giúp thái tử đoạt ngôi cha.

- (2) Ba do tuần tương đương khoảng 20 dặm Anh.
- (3) Kinh số nói ông ta nghĩ rằng : "Trước đây, sau khi bí mật hỏi ý kiến sa môn Cồ Đàm, vua đã bắt ông chú của ta cùng với 32 con trai của chú. Có lẽ lần này vua sẽ bắt ta." Ấn tín vua ban cho ông bao gồm cái quạt, lọng, và đôi hài. Ông vội vàng trở về kinh cùng với ấn tín ấy để phong vương cho thái tử.
- (4) Trong kinh Trung bộ 13, những tranh chấp này được nói là khởi lên do dục.
- (5) Như trong kinh 77.
- (6) Như trong kinh 27.
- (7) *Isidatta và Puràna. Khi họ chết, đức Phật công bố cả hai đều chứng quả Bất hoàn. Xem Tăng chi 6.*
- (8) Lời này cho thấy kinh này được thuyết vào năm cuối cùng trong đời đức Phật.

- (9) Khi vua Ba tư nặc trở về nơi địa điểm ông đã từ giã Kàrayana, thì chỉ còn người nữ tỳ kể lại tin tức. Vua vội vàng đến thành Vương xá để cầu viện cháu mình là vua A xà thế. Nhưng vì vua đến quá trễ nên cổng thành đã đóng. Kiệt sức vì cuộc hành trình, vua nằm nghỉ trong một cái nhà bên ngoài thành và chết trong đêm ấy.
- (10) Kinh số nói Dhammacetiya hay "điện thờ Pháp" là danh từ biểu lộ sự tôn kính pháp. Mỗi khi biểu lộ sự tôn kính đối với một ngôi báu tức là cũng biểu lộ sự tôn kính cả 3 ngôi.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

10 lý do vua kính nể Phật

V. KỆ TỤNG

Quốc vương Ba tư nặc
Đang dạo chơi vườn ngự
Bỗng nhớ đến đức Phật
Khi nhìn những gốc cây.

Vua hỏi quan hầu cận:

- Này Ka-ra-ya-na

Thế tôn Chánh đẳng giác

Hiện trú tại nơi nào ?

Tâu đại vương, không xa

Ở Mê la đum pa

Có thể đi đến đấy

Và về nội trong ngày.

Hãy thắng các cỗ xe

Ta muốn yết kiến ngài.

Rồi vua với tùy tùng

Đến nơi Phật lưu trú.

Đến gần, vua bỏ kiếm

Bước nhẹ vào hương thất

Đảnh lễ dưới chân Phật

Lấy tay sờ chân ngài

Phật hỏi lý do nào

Khiến vua của cả nước

Lại hạ mình tột bậc
Khi ở trước thân này.

- Như lai chính đẳng giác
Pháp được ngài khéo giảng
Chư tăng khéo hành trì
Do đây con kính lễ.

Tỳ kheo đệ tử Phật
Sống phạm hạnh trọn đời
Không như các ngoại đạo
Tu hành chỉ một thời.

Trong các hội chúng khác
Có tranh chấp xô xát
Tỳ kheo đệ tử Phật
Sống hòa thuận thương nhau.

Tu sĩ của ngoại đạo
Trông gầy mòn khốn khổ
Dường như không được vui
Có ác hành che giấu.

Ngược lại đệ tử Phật
Không có vẻ bạc nhược
Nét mặt luôn vui hòa
Với các căn tịch tịnh.

Mỗi khi vua phát biểu
Thường vẫn bị ngắt lời
Nhưng khi Phật thuyết pháp
Không kẻ nào dám ho.

Nhiều học giả có tri
Lúc đầu muốn bắt bí
Đến chất vấn Thế tôn
Rốt cùng thành đệ tử.

Cũng vậy, các sa môn
Bà la môn, gia chủ
Khi yết kiến Thế tôn
Tất cả đều quy phục.

Có hai quan giữ ngựa
Ăn lộc, sống nhờ vua

Nhưng lại không kính vua
Cho bằng ngưỡng mộ Phật.

Một hôm lúc hành quân
Ở trong ngôi nhà chật
Họ trở chân nơi vua
Quay đầu về hướng Phật.

Thấy vậy vua ngẫm nghĩ
Pháp và luật Thế tôn
Có lẽ còn vi diệu
Vượt ân sủng vua ban.

Lại nữa, Phật với vua
Cùng quê, cùng đẳng cấp
Và cùng tuổi tám mươi
Nên tỏ tình thân ái.

Phật dạy các tỳ kheo
"Đây là pháp trang nghiêm
Căn bản của phạm hạnh
Các người nên thọ trì."

CHÍN MƯƠI

KANNAKATTHALA

I. TOÁT YẾU

Kannakatthala Sutta-At Kannakattala.

King Pasenadi questions the Buddha on omniscience, on cast distinctions, and on the gods.

Ở Kannakatthala.

Vua Ba tư nặc hỏi Phật về toàn tri, về phân biệt giai cấp, và về chư thiên.

II. TÓM TẮT

Vua Ba tư nặc đến viếng Phật, sau khi đánh lễ ngài, ông chuyển lời vấn an của hai chị em Somà và Sakulà¹. Phật hỏi sao họ không nhờ người nào khác đưa tin mà phải

phiên đến nhà vua. Vua thưa chính vì họ nghe vua sắp đi yết kiến Phật. Vua hỏi có phải Phật đã tuyên bố : Không một sa môn Bà la môn nào toàn tri toàn kiến, chứng được tri kiến viên mãn². Lời ấy có đúng của Phật không, hay là xuyên tạc. Phật dạy đó là lời xuyên tạc.

Lời Phật dạy là: Không có sa môn Bà la môn nào có thể biết và thấy mọi sự trong cùng một lúc.

Vua lại hỏi có gì khác nhau giữa bốn giai cấp. Phật trả lời có giai cấp được tôn sùng, có giai cấp bị chà đạp.

Khi ấy vua xác minh rằng ông không hỏi về hiện tại, mà ông hỏi về tương lai³. Phật dạy có 5 tính cần chi⁴ là lòng tin, ít bệnh, siêng năng, thành thực và trí tuệ về sinh diệt của các pháp. Ai đủ những yếu tố ấy thì đều có thể đoạn tận khổ, bất luận thuộc giai cấp nào. Như những ngọn lửa cháy bằng các nhiên liệu khác nhau thì vẫn là lửa, không có gì khác giữa ánh sáng và tác dụng của chúng.

Kế đến vua hỏi chư thiên có sinh trở lại trong cõi người hay không. Phật đáp chư thiên

nào còn tâm nào hại thì còn sinh trở lại, hết tâm nào hại thì không còn sinh trở lại⁵.

Khi ấy thái tử Vidudabha hỏi, chư thiên sinh trở lại có thể đánh đuổi chư thiên không sinh trở lại hay không. Tôn giả A nan thay Phật trả lời bằng cách hỏi lại : Vua có thể trục xuất người tu hành tại các lãnh thổ không thuộc quyền của vua hay không. Thái tử nói không.

Tôn giả nói chư thiên có nào hại tâm còn không thể thấy được chư thiên không nào hại, làm sao đánh đuổi được. Vua hoan hỷ với những câu trả lời ấy, và xin cáo từ.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Hai chị em này là vợ của vua.
- (2) Không người nào có thể đồng lúc, trong một tâm duy nhất, biết tất cả mọi sự quá khứ hiện tại vị lai. Về vấn đề Nhất thiết trí mà truyền thống Thượng Tọa Bộ gán cho Phật, xem chú thích số 3 kinh 71.
- (3) Có nghĩa là ông ta không hỏi về địa vị xã hội mà về triển vọng tiến bộ tâm linh của họ.

- (4) Như trong kinh số 85.
- (5) Kinh số : câu trả lời này ngụ ý hạng chư thiên đầu là những bậc Bất hoàn, hạng sau chưa chứng quả Bất hoàn. Cũng vậy câu hỏi về các Phạm thiên. Hai danh từ then chốt phân biệt hai hạng chư thiên là có não hại và không não hại, cũng có thể dịch là còn sân hận và hết sân hận. Kinh số chú thích hạng đầu chưa từ bỏ đoạn tận khổ ưu, hạng sau đã tận trừ ưu khổ. Vì cả hai cách hiểu đều có thể áp dụng cho những bậc Bất hoàn nên không khác gì nhau.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

4 giai cấp, 5 tình cần chi.

V. KỆ TỤNG

Khi viếng thăm Thế tôn
Vua Ba tư nặc hỏi
Con có nghe lời đồn
Phải chăng ngài đã nói:

Không một sa môn nào
Là toàn tri toàn kiến,
Chứng tri kiến viên mãn ?
- Đó là lời xuyên tạc.

Lời Phật dạy như sau:
"Không có sa môn nào
Thấy biết hết mọi sự
Trong một lúc khởi tâm."

Lại hỏi bốn giai cấp
Có điểm gì khác nhau?
"Cấp trên được tôn sùng
Cấp dưới bị chà đạp."

- Không nói về hiện tại
Con muốn biết tương lai.
" 5 tình căn chi này
Làm nên bậc tối thượng:

Lòng tin và ít bệnh
Siêng năng và thành thực

Có trí về sinh diệt
Của tất cả các pháp.

Ai đủ năm pháp ấy
Đều đoạn tận khổ đau
Bất luận giai cấp nào
Ở đây đều đồng đẳng.

Như những ngọn lửa cháy
Bằng nhiên liệu khác nhau
Bản chất lửa vẫn một
Là ánh sáng, hơi nóng."

- Chư thiên và Phạm thiên
Có sinh lại cõi này ?
"Còn có tâm nào hại
Thì còn sinh trở lại.

Chư thiên hết não hại
Thì không còn tái sinh"
- Chư thiên sinh trở lại
Có đuổi vị không sinh?

Tôn giả A nan nghi
Nầy giờ vua hỏi Phật
Nay con vua xen vào
Ta sẽ đáp ông ấy.

Ngài hỏi lại thái tử:
- Có những người tu hành
Ở ngoài lãnh thổ vua
Vua trục xuất được chăng?

Thái tử thưa không được
- Chư thiên còn não hại
Không thấy những vị kia
Làm sao đánh đuổi được.

Vua hỏi tên người đáp
Được biết Ananda
Vua hoan hỷ tán thán
Rồi đánh lễ cáo tử.



CHÍN MƯƠI MỐT

BRAHMAYŪ

I. TOÁT YẾU

Brahmàyu Sutta- Brahmàyu.

An old and erudite brahmin learns about the Buddha, goes to meet him, and becomes his disciples.

Phạm chí Brahmàyu.

Một người Bà la môn già uyên bác tìm hiểu về Phật, đến gặp ngài và trở thành đệ tử ngài.

I. TÓM TẮT

Phạm chí Brahmàyu 120 tuổi, một Bà la môn đạo cao đức trọng, tinh thông về đại nhân tướng¹ khi nghe tin đồn về Phật, đã phái Uttara một đệ tử thông minh trẻ tuổi, đi đến hội

chúng Phật để tìm hiểu về 32 tướng² đại nhân xem có đúng như tin đồn. Vì theo thánh điển của ông, ai đủ 32 tướng ấy thì chỉ có hai đường: một là làm vua Chuyển luân có bảy báu là xe³, voi, ngựa, châu ngọc, phụ nữ, người hầu, và cố vấn. Hai là xuất gia thành đấng toàn giác, vén màn cho thế gian⁴.

Uttara thấy được tất cả đặc tướng, chỉ trừ hai tướng là tướng lưỡi và tướng mã âm tàng. Phật hiện thần lực⁵ cho thấy hai tướng ấy. Sau bảy tháng quan sát, thanh niên về thuật lại: Thế tôn quả có đủ 32 tướng đại nhân,

1. Lòng bàn chân bằng phẳng,
2. Dưới hai bàn chân có hình bánh xe 1000 căm.
3. Gót chân thon dài.
4. Ngón tay ngón chân dài.
5. Tay chân mềm mại.
6. Tay chân có làn da lưới.
7. Mắt cá tròn như con sò.
8. Ống chân như con dê rừng.

9. Khi đứng thẳng, hai bàn tay buông xuống chạm đầu gối.
10. Tướng mã âm tàng.
11. Màu da như vàng ròng.
12. Da trơn không dính bụi.
13. Mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi.
14. Lông mọc xoáy tròn về bên phải.
15. Thân hình cao thẳng.
16. Có bảy chỗ đầy đặn ⁶,
17. Nửa thân trước như con sư tử.
18. Giữa hai vai không có lõm khuyết.
19. Thân thể cân đối; chiều cao của thân bằng chiều ngang với hai tay dang ra.
20. Nửa thân trên vuông tròn.
21. Vị giác vô cùng tinh tế ⁷.
22. Quai hàm như sư tử.
23. Có 40 răng.
24. Răng đều đặn.
25. Răng không khuyết hở.

26. Răng cửa trơn láng.
27. Tướng lưỡi rộng dài.
28. Âm thanh tuyệt diệu như tiếng chim Ca lăng tần già.
29. Mắt màu xanh thẫm.
30. Long mi đẹp như long mi bò cái.
31. Giữa hai lông mày có sợi lông trắng mịn.
32. Đỉnh đầu nhô lên tướng nhục kế⁸ ...^{*}

Các uy nghi của ngài thật toàn hảo: lúc ngài bước đi, lúc ngài ngồi, lúc ngài nhận cơm nước, lúc ăn chỉ để diệt trừ cảm thọ cũ mà không khởi lên cảm thọ mới⁹, lúc ngài thuyết tùy hỉ pháp¹⁰...

Uttara nói: Chúng con đã trông thấy tôn giả Gotama đi, thấy tôn giả đứng, thấy tôn giả ngồi, thấy tôn giả ăn xong ngồi im lặng, thấy tôn giả im lặng đi đến tu viện giảng Pháp. Tôn giả Gotama là như vậy; như vậy là tôn giả Gotama, như vậy và còn nhiều hơn vậy nữa¹¹.

Nghe xong Brahmayu đích thân đến nơi Phật. Ông đã thấy tất cả đại nhân tướng, chỉ

trừ hai tướng: tướng mã âm tàng và tướng lưỡi dài rộng. Phật biết ông có thể chứng quả Bất hoàn, nên hiện thần lực cho ông thấy đủ 32 tướng. Ông hỏi Phật ý nghĩa của: Bà la môn, thông Vệ đà¹², ba minh, cát tường, ứng cúng, viên mãn, mâu ni, Phật đà.

Phật trả lời *Phật*¹³ là thắng tri điều cần phải thắng tri, tu tập những gì cần tu tập, đoạn trừ những gì cần đoạn trừ¹⁴. Và ngài tóm thâu sự trả lời bằng bài kệ:

Ai biết được đời trước,
Thấy thiện thú, ác thú
Đoạn tận sự tái sinh
Thắng tri được viên thành
Vị ấy gọi mâu ni.

Ai biết tâm thanh tịnh
Giải thoát mọi tham dục
Sinh tử đã đoạn tận
Phạm hạnh được viên thành
Thông đạt nhất thiết pháp
Vị ấy xưng Phật đà.¹⁵

Bà la môn nghe xong đánh lễ xưng tên và hôn chân Phật. Ngài thuyết pháp tuần tự¹⁶ cho ông về bố thí, về cõi trời, về sự nguy hiểm của 5 dục và lợi ích của xuất ly. Khi tâm ông đã thuần thực, ngài giảng tứ đế. Pháp nhân khởi lên nơi ông: Cái gì có tập khởi đều đoạn diệt. Ông chứng ngộ Pháp, nghi hoặc được tiêu trừ. Ông thỉnh Phật hôm sau đến thọ trai. Bảy ngày sau, ông từ trần.

Phật tuyên bố ông đã đoạn năm hạ phần kết sử, và hóa sinh vào cõi Tịnh cư không còn trở lui đời này.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Các tướng đại nhân là một học thuật căn cứ trên 12.000 tác phẩm giải thích những đặc điểm của các bậc vĩ nhân như Phật, Độc giác, đại đệ tử, vua chuyển luân... Những tác phẩm này bao gồm 16.000 bài kệ gọi là Mật điển về bậc giác ngộ.
- (2) 32 tướng hảo đề cập trong kinh này được nói đến trong toàn thể kinh Trường Bộ số 30 tên là Kinh Tướng. Mỗi tướng này được

kinh giải thích là quả báo của một đức hạnh mà Phật đã viên mãn trong thời gian còn làm bồ tát.

- (3) Bảy báu được đề cập trong kinh Trung Bộ 129. Xe báu là lý do vị vua ấy được gọi là chuyển luân vương.
- (4) Thế gian này bị vây phủ trong bóng tối phiền não, được che bằng 7 lớp màn: tham, sân, si, mạn, nghi, kiến và hành động vô luân. Sau khi đã tẩy trừ những lớp màn này, Phật tỏa ánh sáng cùng khắp.
- (5) Kinh số nói: Phật hiện thân thông này vì biết rõ thấy của thanh niên có thể chứng Bất Hoàn nếu thanh niên này hết nghi.
- (6) Bảy thân phần gồm có phần lưng của bốn tay chân, hai vai và thân mình.
- (7) Tướng kinh (Trường bộ kinh 30) diễn như sau : "bất cứ vị gì mà đầu lưỡi của Ngài tiếp xúc, Ngài thưởng thức được nó trong cổ họng, và vị ấy tỏa ra khắp nơi." Nhưng thật khó hiểu được làm thế nào đặt tướng này lại

có thể được xem như một tướng trên cơ thể, và làm sao người khác thấy được.

- (8) Tướng này giải thích tại sao đỉnh đầu Phật nhô ra thành nhục kế ở trên đỉnh các tướng Phật.
- (9) Đây là cách tư duy khi dùng đồ ăn khát thực, như trong kinh Trung bộ số 2.
- (10) Tùy hỷ pháp là một pháp thoại ngắn sau bữa ăn để giáo giới các thí chủ về một vài khía cạnh của pháp và bày tỏ lời cầu nguyện nghiệp phước của họ sẽ đem lại cho họ nhiều quả báo.
- (11) Câu này có ý nói : những đức tính mà tôi không mô tả là còn nhiều hơn cả những đức tính mà tôi đã mô tả. Những đức tính vi diệu của đức Đạo sư giống như đại địa, đại hải. Nếu nói chi tiết thì thật vô lượng vô biên như hư không.
- (12) *Vedagù, tevijja, sotthiya* - thông Vệ đà, ba minh, cát tường- Ba danh từ này liêu biểu hạng Bà la môn lý tưởng; xem thêm kinh

Trung bộ 39. Danh từ thứ 6 kevali viên mãn, và thứ 7 muni mâu ni có lẽ là những hạng người lý tưởng trong chúng khổ hạnh không thuộc Bà la môn giáo. Với câu trả lời của Ngài, Phật gán cho những danh từ này những ý nghĩa mới, phát xuất từ hệ thống tu tập của Phật giáo.

- (13) Ở đây và trong câu trả lời, danh từ Phật chỉ có nghĩa là một người đã tỉnh thức, giác ngộ, trong ý nghĩa một vị A la hán.
- (14) Pháp cần phải thắng tri là Tứ diệu đế, cần phải tu tập là Thánh đạo Tám Ngành, cần phải từ bỏ là các ô nhiễm tham sân si. Ở đây cần phải hiểu danh từ Phật với nghĩa đặc biệt là đấng Toàn Giác.
- (15) Kinh sở giải thích câu trả lời của Phật bao gồm cả 8 câu hỏi của Bà la môn.
- (16) Như kinh Trung Bộ 56.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 thọ, 5 hạ kết sử, 32 đại nhân tướng.

V. KÊ TỤNG

Phạm chí Brahmàyu
Người tuổi cao đức trọng
Tinh thông đại nhân tướng
Muốn tìm hiểu Thế tôn.

Ông sai Uttara
Thông minh và trẻ tuổi,
Đi đến hội chúng Phật
Quan sát các đặc tướng

Căn cứ thánh điển ông
Ai đủ năm hai tướng
Thì chỉ có hai đường:
Vua Chuyển luân hoặc Phật.

Sau bảy tháng quan sát
Thanh niên về thuật lại:
Thế tôn đủ tướng tốt
Của một bậc đại nhân

Lòng bàn chân bằng phẳng¹
Có bánh xe ngàn cãm²
Gót chân Phật thon dài³
Ngón tay chân cũng vậy⁴

Tay chân Phật mềm mại⁵
Có màn da lưới mỏng⁶
Mắt cá hình con sò⁷
Ống chân như sơn dương⁸

Đứng thẳng, tay chạm gối⁹
Có tướng mã âm tàng¹⁰
Màu da như vàng chói¹¹
Trơn tru không dính bụi¹²

Mỗi lỗ lông một sợi¹³
Lông xoáy tròn phía phải¹⁴
Thân hình cao thẳng ngay¹⁵
Có bảy chỗ¹⁶ đầy đặn⁶

Nửa thân như sư tử¹⁷
Vai không có lồi lõm¹⁸

Thân hình ngài cân đối¹⁹
Chiều cao bằng bề ngang

Nửa thân trên vuông tròn²⁰
Vị giác²¹ ngài tinh tế⁷
Quai hàm như sư tử²²
Ngài có 40 răng²³

Hàm răng trắng đều đặn²⁴
Không chỗ nào khuyết hở²⁵
Răng cửa ngài trơn láng²⁶
Tướng lưỡi Phật rộng dài²⁷

Âm thanh ngài tuyệt diệu²⁸
Như Ca lăng tần già
Đôi mắt màu xanh thâm²⁹
Mi mắt như ngư vương³⁰

Giữa mày, lông trắng mịn
Tức là tướng bạch hào³¹
Đỉnh đầu ngài nhô cao
Đây là tướng nhục kế⁸ ...32

Uy nghi ngài toàn hảo :
Nào lúc ngài bước đi
Nào lúc ngài ngồi xuống
Lúc ngài nhận nước, cơm

Lúc thuyết tùy hỷ pháp...
Chúng con đã trông thấy
Tôn giả Gotama
Ăn xong ngồi im lặng

Chúng con đã trông thấy
Tôn giả Gotama
Đến tu viện giảng Pháp
Không hủy báng, tán dương

Tôn giả Gotama
Tuyệt vời là như vậy
Như vậy, Gotama
Và hơn như vậy nhiều ¹¹.

Nghe xong Phạm chí già
Đích thân đến nơi Phật

Quan sát đại nhân tướng
Của đức Phật Thích ca.

Phật biết Bà la môn
Sẽ chứng quả Bất hoàn
Nên ngài hiện thần thông
Cho thấy đủ các tướng.

Ông hỏi Phật ý nghĩa :
- Gì là Bà la môn ?
Sao gọi thông Vệ đà ¹² ?
Sao gọi là ba minh ?

Cát tường và ứng cúng ?
Viên mãn và mâu ni ?
Sao gọi là Phật đà
Xin Thế tôn giải rõ.

"Biết những gì cần biết
Tu tập pháp cần tu,
Đoạn trừ cái cần đoạn
Ấy gọi là *toàn giác*.

Ai biết được đời trước,
Thấy thiện thú, ác thú
Đoạn tận sự tái sinh
Thắng trí gọi *mâu ni*.

Ai biết tâm thanh tịnh
Giải thoát mọi tham dục
Sinh tử đã đoạn tận
Phạm hạnh được viên thành
Thông đạt nhất thiết pháp
Vị ấy xưng Phật đà."

Bà la môn nghe xong
Hài lòng lời giải đáp
Đảnh lễ tự xưng tên
Và quỳ hôn chân Phật.

Ngài thuyết pháp tuần tự
Về bố thí, côi trời
Về nguy hiểm ngũ dục
Và lợi ích xuất ly.

Khi tâm ông thuần thực
Ngài giảng bốn diệu đế
Pháp nhân khởi nơi ông:
Có sinh đều đoạn diệt.

Ông chứng ngộ được Pháp
Nghĩ hoặc được tiêu trừ
Và thành Phật thọ trai
Tại nhà ông ngày kế.

Bảy ngày sau hôm ấy
Bà la môn tử trần
Nghe tin, Phật tuyên bố
Ông đã chứng Bất hoàn

Đoạn năm hạ kết sử
Hóa sinh cõi Tịnh cư
Tại đây nhập niết bàn
Không lui đời này nữa.



CHÍN MƯỜI HAI

SELA¹

I. TOÁT YẾU

Sela Sutta - To Sela.

The brahmin Sela questions the Buddha, gains faith in him, and becomes a monk along with his company of pupils.

Giảng cho Sela.

Bà la môn Sela hỏi Phật, đặt được đức tin nơi ngài và trở thành một tỳ kheo theo đoàn đệ tử Phật.

II. TÓM TẮT

Bà la môn Sela đi đến nhà bện tóc Keniya thấy nhà cửa được trang hoàng, liền hỏi nguyên do và được trả lời là chuẩn bị đón tiếp

Phật. Nghe âm thanh này, Sale chấn động tâm can, liền hỏi Keniya chỗ Phật đang trú và đưa đồ chúng đến yết kiến Phật. Ông quan sát thấy nơi ngài có đủ các đặc tướng của một bậc giác ngộ, nên đọc kệ khen ngợi :

Đối với người khéo sinh
Những tướng tốt trang trọng
Đều có trên thân ngài
tất cả đại nhân tướng

Mắt sáng, mặt tròn đầy
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ
Giữa chúng sa môn tăng
Ngài chói như mặt trời

Ngài xứng bậc đại vương
Chuyển luân, bậc Điều ngự
Chiến thắng khắp thiên hạ
Bậc tối thượng Diêm phù 2.

Ông hỏi phải chăng ngài là bậc chánh đẳng giác. Phật xác nhận với bài kệ:

Cần biết, ta đã biết
Cần tu, ta đã tu

Cần bỏ, ta đã bỏ
Do vậy ta là Phật ³.

Sela cùng đồ chúng xin xuất gia dưới sự lãnh đạo của Thế tôn, được thọ đại giới và cuối cùng họ đều đắc quả A la hán.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Bản kinh này không gồm trong kinh Trung bộ bản in của hội văn bản Pali, vì kinh này trùng với kinh cùng tên trong kinh Tiểu bộ.
- (2) Diêm phù đề là tiểu lục địa Ấn độ.
- (3) Các bài kệ số 4,5,6,8 trong phần Kệ tụng dưới đây rút từ nguyên bản dịch của HT Minh Châu.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

32 đại nhân tướng.

V. KỆ TỤNG

Bà la môn Sela
Thấy tinh xá trang hoàng

Hỏi bện tóc Keniya

Được trả lời : đón Phật.

Nghe đến âm thanh này

Tim Sela chấn động

Ông hỏi đường đến Phật

Quan sát các đặc tướng.

Sau khi thấy tận mắt

Đặc tướng bậc đại nhân

Ở trên thân của Phật

Ông đọc kệ tán dương :

- Đối với người khéo sinh

Những tướng tốt trang trọng

Đều có trên thân ngài

Tất cả đại nhân tướng

Mắt sáng, mặt tròn đầy

Cân đối, thẳng, hoàn mỹ

Giữa chúng sa môn tăng

Ngài chói như mặt trời

Ngài xứng bậc đại vương
Chuyển luân, bậc Điều ngự
Chiến thắng khắp thiên hạ
Bậc tối thượng Diêm phù.

Ông hỏi phải chăng ngài
Là bậc chánh đẳng giác
Là đấng Phật Thế tôn?
Phật xác nhận với lời :

"Cần biết, ta đã biết
Cần tu, ta đã tu
Cần bỏ, ta đã bỏ
Do vậy ta là Phật."

Sela cùng đồ chúng
Hoan hỷ xin xuất gia
Được lãnh thọ đại giới
Cuối cùng đều đắc quả.



CHÍN MƯƠI BA

ASSALAYANA

I. TOÁT YẾU

Assalàyana Sutta- To Assalàyana.

A young brahmin approaches the Buddha to argue the thesis that the brahmins are the highest caste.

Giảng cho Assalayana.

Một thanh niên Bà la môn đến Phật tranh luận đề tài giai cấp Bà la môn là cao nhất.

II. TÓM TẮT

Một số đông Bà la môn từ khắp nơi có việc đến thành Xá vệ, nơi Phật đang trú. Họ đề cử Assalayana trẻ tuổi, đầu cạo trọc, thông minh, có tài biện bác, tinh thông ba tập Veda,

đến tranh luận với Phật vì ngài chủ trương sự thanh tịnh của bốn giai cấp¹. Ba lần thanh niên từ chối, bảo Gotama là vị nói pháp, rất khó luận bại ngài. Nhưng đại chúng Bà la môn nói thanh niên đã sống đời tu hành ẩn sĩ², nên có thể thảo luận với Phật. Cuối cùng đã làm theo yêu cầu của họ. Thanh niên đến Phật, mở đầu với lời tuyên bố của Bà la môn: Chỉ có Bà la môn là con chính thống sinh ra từ miệng Phạm thiên, và hỏi ý kiến Phật về quan điểm ấy. Phật phản bác với những luận cứ :

1. Các nữ Bà la môn cũng có kinh nguyệt, mang thai và cho con bú như tất cả phụ nữ thuộc mọi giai cấp; các người Bà la môn cũng sinh ra từ nữ căn như tất cả mọi người³.
2. Tại hai miền Yona và Kamboja⁴ biên địa của Ấn độ, chỉ có hai giai cấp là chủ và tớ, người hết làm chủ thì làm tớ, và cũng có người ngược lại, sau khi làm tớ lại trở thành chủ.
3. Người thuộc cả 4 giai cấp phạm 10 ác nghiệp⁵ khi chết đều堕 vào cõi dữ : bình đẳng trên phương diện chịu ác báo.

4. Người bất cứ giai cấp nào, mà từ bỏ 10 ác làm 10 lành thì khi thân hoại mạng chung cũng đều được sinh vào thiện thú, cõi trời.
5. Cả 4 giai cấp đều có thể tu tập tâm từ không sân hận, chứ không riêng gì giai cấp Bà la môn mới tu được: bình đẳng trên phương diện tu tập.
6. Cả 4 giai cấp đều có thể xuống sông tắm rửa tẩy sạch bụi bặm.
7. Ngọn lửa do người Bà la môn đốt bằng gỗ thơm, với lửa do các giai cấp khác đốt với gỗ tồi, đều có thể cháy sáng và có tác dụng như nhau.
8. Trong hôn phối, con của một người Bà la môn kết hôn với một người thuộc giai cấp khác sẽ giống cả cha lẫn mẹ, thuộc cả hai dòng máu.
9. Nếu có hai anh em cùng mẹ khác cha, một người thông hiểu thánh điển, một người không thông, các Bà la môn sẽ cùng dường tôn trọng người thông hiểu thánh điển, không kể dòng họ.

10. Giữa hai người, một thông thánh điển nhưng không hành thiện pháp, một người có hành thiện pháp mà không thông thánh điển, người Bà la môn sẽ tôn trọng người có thực hành thiện pháp.

Phật kết luận : trước hết thanh niên Bà la môn chủ trương sanh chủng, sau lại bỏ sanh chủng theo thánh điển, và cuối cùng bỏ luôn cả thánh điển mà công nhận sự bình đẳng của 4 giai cấp do Phật chủ trương.

Phật kể lại câu chuyện quá khứ, lúc 7 ẩn sĩ Bà la môn bàn luận về sự ưu thắng của giai cấp mình, bị Asita Devala⁶ khiêu khích nên họ trù ếm cho Asita thành tro tàn hạ liệt. Nhưng càng trù ếm, Asita càng đẹp ra. Bảy ẩn sĩ Bà la môn buồn rầu nghĩ rằng phạm hạnh và chú thuật của mình đã trở thành vô hiệu; nhưng Asita bảo không phải thế, chỉ cần từ bỏ tâm oán hận đối với Asita. Bảy ẩn sĩ nghe danh Asita Devala liền đánh lễ. Rồi Asita bác bỏ quan điểm ưu thắng của giai cấp Bà la môn với hai luận cứ:

1. Bà la môn không phải thuần chủng vì trong quá khứ, có những nam nữ Bà la

môn kết hôn với những người thuộc giai cấp khác.

2. Khi cha mẹ giao hợp, phải có hương ẩm của người con thì bào thai mới thành⁷. Nhưng không thể biết được hương ẩm của một người lúc nhập thai là thuộc giai cấp nào. Do vậy, chính các tôn giả ấy cũng không tự biết được mình là ai.

Kể xong chuyện, Phật bảo thanh niên Assalayana : Bảy ẩn sĩ Bà la môn xưa bị ẩn sĩ Asita Devala chất vấn về sanh chủng còn không đáp ứng được, thì làm sao ngày nay thanh niên lại có thể ứng đáp với ngài. Thanh niên tán thán Phật và xin Phật nhận y làm đệ tử, từ nay đến mạng chung sẽ trọn đời quy ngưỡng.

III. CHÚ GIẢI

(1) Lý luận bênh vực lập trường này được đưa ra trong kinh 90.

(2) Họ ngụ ý : Thanh niên học xong 3 tập Vệ Đà và các chú thuật thì cũng như những

người xuất gia. Bởi thế y sẽ không bị luận bại, mà sẽ thắng.

- (3) Câu này muốn nói rằng người Bà la môn cũng do phụ nữ sinh ra như những người khác, cho nên lời tuyên bố của họ rằng họ sinh ra từ miệng Phạm thiên, là vô lý.
- (4) Kamboja là một miền đất ở Ấn độ về phía Bắc xứ trung ương.
- (5) Lý luận ở đoạn này hoàn toàn giống với lý luận trong kinh số 84.
- (6) Theo kinh số, Asita Devala là tiền thân Phật. Phật muốn hiển thị : trong quá khứ, người thuộc chủng tính cao hơn ta, nhưng người đã không trả lời được chất vấn của ta về chủng tính. Vậy thì làm sao bây giờ người có thể chất vấn ta được khi ta đã thành Phật ?
- (7) Giống như kinh số 38.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

4 giai cấp, 10 bất thiện, 10 thiện, 4 phạm trú.

V. KỆ TỤNG

Thanh niên Bà la môn
As-sa-la-ya-na
Thông minh và hùng biện
Đến tranh luận với Phật

Bà la môn chủ trương
Chỉ có chủng tánh này
Con chính thống Phạm thiên
Sinh ra từ miệng ngài.

Phật bác quan điểm ấy:
Những người Bà la môn
Cùng sinh từ nữ căn
Như tất cả mọi người.

Phụ nữ Bà la môn
Thai nghén, cho con bú
Như tất cả phụ nữ
Thì có gì tối tôn?

Có hai miền biên địa
Ở Ấn độ đương thời
Chỉ hai hạng thay nhau
Làm thầy rồi làm tớ.

Người thuộc giai cấp nào
Khi phạm 10 ác nghiệp
Chết đều đọa cõi dữ :
Đồng đẳng chịu ác báo.

Người ở giai cấp nào
Mà bỏ ác làm lành
Khi thân hoại mạng chung
Đều tái sinh thiện thú

Người ở giai cấp nào
Đều có thể tu tập
Tâm từ không hận sân:
Đồng đẳng trong tu tập

Người ở giai cấp nào
Cũng có thể xuống sông

Dùng cào lưng, bột tắm
Để rửa sạch bụi bặm.

Ngọn lửa được đốt lên
Với nhiên liệu hảo hạng
Tác dụng không khác gì
Lửa nhiên liệu tồi tàn.

Nếu một Bà la môn
Cưới người khác giai cấp
Con giống mẹ lẫn cha
Thuộc cả hai dòng máu.

Hai anh em khác cha
Một người thông thánh điển
Còn một người không thông
Người thông được kính nể.

Bất kể dòng họ gì,
Nếu người thông thánh điển
Mà không hành thiện pháp
Cũng không được nể vì

Người có hành thiện pháp
Dù không thông thánh điển
Cũng sẽ được tôn trọng
Hơn người không thực hành.

Do những luận cứ này
Phật luận bại chàng trai
Lúc đầu tôn sanh chúng
Sau thánh điển được sùng

Và cuối cùng bỏ luôn
Thánh điển cùng sanh chủng
Đề cao hành thiện pháp
Như Phật đã chủ trương.

Phật kể chuyện xưa kia
Có 7 vị ẩn sĩ
Luận bàn về ưu thắng
Giai cấp Bà la môn

Lúc ấy tiền thân ngài
Ẩn sĩ A-si-ta

Phản bác quan điểm ấy
Với hai luận cứ này:

Giai cấp Bà la môn
Không phải là thuần chủng
Bởi vì trong quá khứ
Kết hôn với người ngoài

Muốn hình thành bào thai
Cần mẹ, cha, hương ẩm
Nhưng không thể biết được
Giai cấp hương ẩm này

Bảy ấn sĩ ngày xưa
Tiền thân ta luận bại
Sao nhà người hôm nay
Chất vẫn được Như lai?

Thanh niên Bà la môn
Công nhận lời Phật dạy
Xin theo làm đệ tử
Quy ngưỡng đến trọn đời.



CHÍN MƯƠI BỐN

GHOTAMUKHA

I. TOÁT YẾU

Ghotamukha Sutta - To Ghotamukha.

A discussion between a brahmin and a bhikkhu on whether the renunciate life accords with the Dhamma.

Giảng cho Ghotamukha.

Một cuộc luận đàm giữa Bà la môn và tỳ kheo về vấn đề : đời sống viễn ly có hợp chính pháp không

II. TÓM TẮT

Trong lúc tôn giả Udena đang kinh hành trong vườn xoài nơi ngài cư trú, Bà la môn đi đến chào hỏi tôn giả rồi nói ; Không có sự xuất

gia đúng pháp, vì không thấy ai được như tôn giả (có ý chê bai người xuất gia nói chung.) Tôn giả bước khỏi đường kinh hành để vào trú xứ, ngồi vào chỗ¹. Bà la môn cũng theo vào.

Udena trước hết kể ra bốn hạng người : tự hành, hành người, hành cá hai, và không tự hành cũng không làm khổ người. Bà la môn chỉ thích ý hạng thứ tư, như kinh 52 *Kandaraka*.

Rồi tôn giả nói có hai hội chúng: hạng có tham dục, tìm cầu vợ con châu báu...và không tham dục, tức không có những việc này. Rồi ngài hỏi Bà la môn hạng người mà ông thích ý có mặt trong hội chúng nào. Bà la môn đáp hạng ấy có mặt ở trong hội chúng không tham châu báu, đồ trang sức, từ bỏ vợ con... Khi ấy Bà la môn công nhận mình đã tự mâu thuẫn với lời nói trước, và xin tôn giả giải thích về 4 hạng người. Tôn giả giải thích như trong kinh 52.

Bà la môn nghe xong, xin quy y tôn giả, nhưng tôn giả khuyên hãy quy y Phật lúc ấy đã nhập niết bàn. Bà la môn xin cúng dường tôn giả 500 kahapana² nhưng ngài không nhận. Bà la môn xin cúng một tinh xá, nhưng tôn giả

khuyên hãy cúng giáng đường cho tăng. Bà la môn làm theo, cho xây một giáng đường cúng chư tăng ở Ba liên phát³, nay vẫn còn giáng đường mang tên ông.

III. CHÚ GIẢI

(8) *Kinh số nói: Ngài làm như vậy sau khi nhận ra rằng cần phải có một cuộc đàm luận đông dài.*

(9) *Kahàpana là đơn vị tiền tệ thời ấy.*

(10) Vào những ngày cuối cùng của đời đức Phật, đô thị này hãy còn là một thành phố nhỏ tên Pàtaligàma. Trong kinh Trường bộ 16, Phật tiên đoán tương lai nó sẽ thành một đô thị quan trọng, và quả thật cuối cùng nó đã thành thủ đô của xứ Ma kiệt đà. Ngày nay là Patna, thủ đô của nước Bihar.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

*Hai hội chúng: có tham dục và không tham dục.
4 hạng người: tự hành khổ, hành khổ người...*

V. KỆ TỤNG

Tôn giả Ưu đề na (Udena)
Kính hành trong vườn xoài
Gặp Gô ta mu kha
Bà la môn đến bạch:

Thưa tôn giả Ưu đề
Trong đời sống xuất gia
Thật ít người đúng pháp
Mấy ai được như ngài.

Tôn giả đi vào nhà
Cùng Mu kha thảo luận
Vấn đề ông đưa ra:
Xuất gia không đúng pháp.

Ngài kể ra 4 hạng:
Hạng tự hành, hành người
Hạng làm khổ cả hai,
Hạng không làm ai khổ

Hạng cuối không tham dục
Tịch tịnh, trú lạc thọ.
- Con thích ý hạng này
Không làm khổ mình, người.

"Này Gô-ta-mu-kha
Lại có hai hội chúng
Gồm thâu hai hạng người
Có tham dục và không.

Hạng còn có tham dục,
Cầu vợ con, tài sản
Hạng không còn tham dục
Từ bỏ các thứ này.

Hạng người ông thích ý
Có mặt trong chúng nào ? "
- Thừa trong chúng xuất gia
Từ bỏ vàng, châu báu.

"Phải chăng lời nói ông
Mâu thuẫn với lời trước? "

- Thật lợi ích cho con
Xin tôn giả chỉ dạy.

Rồi tôn giả giải thích
Lối sống 4 hạng người
Như những gì đã nói
Trong bài kinh năm hai.

Tự hành là khổ hạnh
Không đưa đến giải thoát
Hành người là nghề ác
Hại người và vật khác.

Hành khổ mình lẫn người
Là tế đàn tà kiến
Không làm khổ mình người
Là thiên lạc ly dục.

Bà la môn hoan hỷ
Muốn cúng nhà, quy y
Tôn giả khuyên quy Phật
Nay đã nhập niết bàn

Và khuyên cúng chư tăng
Một giảng đường học pháp
Ở thành Ba liên phát
Nay vẫn còn lưu danh.



CHÍN MƯƠI LĂM

CANKÌ

I. TOÁT YẾU

Canki Sutta - With Canki.

The Buddha instructs a young brahmin on the preservation of truth, the discovery of truth, and the final arrival at truth.

Với Canki.

Phật giáo giới một thanh niên Bà la môn về sự hộ trì chân lý, khám phá chân lý, và chứng đạt chân lý.

II. TÓM TẮT

Phần dẫn nhập:

Khi Phật ở trong rừng Chư thiên² tại làng Opasàda nước Kosala, nhiều gia chủ Bà la môn

nghe tiếng đồn tốt đẹp về ngài đã kéo nhau đi yết kiến. Bà la môn Canki từ trên lầu cao trông thấy cảnh ấy, hỏi người quán gia và sau khi biết chuyện, liền sai người này đến báo với đoàn người hãy chờ, ông cũng muốn đi yết kiến Phật. Bấy giờ có một số đông Bà la môn từ nhiều địa phương khác đến, nghe Bà la môn Canki đi yết kiến Phật thì đến can ngăn vì cho rằng không xứng đáng cho Bà la môn Canki yết kiến sa môn Cồ đàm, mà ngược lại, hãy để Cồ đàm yết kiến Bà la môn Canki, vì Canki có dòng họ cao quý, giàu có, thông ba tập Vệ đà với 5 yếu tố : danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, lịch sử truyền thống; lại đẹp trai, khả ái, có giới hạnh; được vua chúa kính nể, được Bà la môn Pokkarasati³ kính nể.

Canki cũng đưa ra những lý do ông phải đi yết kiến Phật : Sa môn Gotama là bậc thiện sanh từ phụ hệ mẫu hệ; ngài đã từ bỏ rất nhiều vàng bạc, xuất gia trong tuổi thanh xuân; ngài là bậc tôn sư của những bậc tôn sư trong thiên hạ; ngài đầy đủ 32 đại nhân tướng; và ngài là khách quý của địa phương này, nên thật xứng đáng cho Canki đến yết kiến.

Đến nơi, thấy Phật đang đàm luận với một số Bà la môn trưởng thượng, và có một thanh niên Bà la môn tên Kapathika thỉnh thoảng lại ngắt lời những vị này, bị Phật khiển trách, Bà la môn Canki liền can thiệp, xin tôn giả Gotama đừng khiển trách vì thanh niên này là bậc đa văn, có trí, giỏi biện luận. Phật biết được tâm ý thanh niên này muốn vãn nạn ngài, nên để mắt đến anh ta.

Phần chính:

Kapathika: Thừa sa môn Cồ đàm, y cứ vào các chú thuật xưa đã được khẩu truyền đến nay, các Bà la môn đi đến kết luận : chỉ đây mới là sự thật, ngoài ra điều sai lầm. Ngài nói sao về điều ấy?

Phật hỏi lại thanh niên : Có một người Bà la môn nào, hay bậc thầy nào của Bà la môn hiện tại hay lùi về bảy đời trước, đã nói : Tôi đã biết đã thấy điều này, chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai ? Thanh niên đáp không có.

Phật lại hỏi những nhà tụng tán và tác giả các chú thuật⁴ được khẩu truyền cho đến bây giờ, có nói rằng : tôi biết, tôi thấy điều này; chỉ

dây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm ? Thanh niên cũng nói không.

Khi ấy Phật dạy vì không một người Bà la môn nào trong quá khứ hay hiện tại đã thực sự thấy, biết, thì câu họ nói *chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm*, chỉ như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, và lòng tin của họ trở thành vô căn cứ. Thanh niên Bà la môn nói không phải Bà la môn chỉ dựa trên lòng tin, mà còn trên sự truyền khẩu (lời đồn).

Phật dạy có 5 việc mà ngay hiện tại cũng có thể đem lại hai kết quả khác nhau (nghĩa là không chắc chắn) đó là tín (tin tưởng), tùy hỷ (vui theo, đồng ý) tùy văn (nghe truyền tụng), cân nhắc suy tư các lý do, và chấp nhận quan điểm⁵. Có những điều lúc đầu được ta tin tưởng hoàn toàn, mà về sau thành trống rỗng hư vọng, ngược lại cũng có điều lúc đầu ta không tin nhưng về sau hóa ra là chân thật. Bốn việc còn lại cũng thế. Do vậy người trí tôn trọng sự thật (hộ trì chân lý) không nên đi đến kết luận: chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai lầm⁶.

Khi ấy thanh niên hỏi thế nào gọi là *hộ trì chân lý*⁷. Phật dạy ấy là khi một người nói *tôi*

tin điều này, nhưng không quá quyết chí đây là sự thật, ngoài ra đều sai. Với bốn việc còn lại cũng vậy, người ấy không cá quyết như trên, thì gọi là hộ trì chân lý (hay bảo vệ, tôn trọng sự thật). Nhưng như thế chưa phải là khám phá chân lý⁸.

Khám phá hay chứng ngộ chân lý là, sau khi quan sát kỹ một bậc thầy⁹ về thân ngữ ý hành, thấy vị ấy không còn bị tham, sân, si chi phối khiến vị ấy có thể đối gặt người khác, xúi họ đi đến tự hại, phải đau khổ lâu dài, một người khởi lòng tin, đến gần, thân cận giao thiệp, lắng tai, nghe pháp, thọ trì pháp, tìm hiểu ý nghĩa các pháp ấy, nhờ hiểu nên hoan hỷ chấp nhận, rồi khởi lên ước muốn tu tập, khi đã ước muốn thì cố gắng, sau khi cố gắng liền cân nhắc¹⁰, sau khi cân nhắc, vị ấy tinh cần¹¹, nhờ tinh cần, vị ấy tự thân chứng ngộ chân lý và thể nhập chân lý với trí tuệ¹². Nhưng thế cũng chưa phải chứng đạt chân lý¹³.

Muốn chứng đạt chân lý, cần phải tu tập nhiều lần. Trong việc chứng đạt chân lý, cốt nhất là tinh cần. Muốn tinh cần, phải cân nhắc. Muốn cân nhắc phải cố gắng. Muốn cố gắng

phải có ước muốn. Để có ước muốn, cần phải hoan hỉ chấp nhận. Muốn hoan hỉ chấp nhận, phải tìm hiểu ý nghĩa. Muốn tìm hiểu ý nghĩa phải thọ trì pháp. Muốn thọ trì pháp thì phải nghe pháp. Muốn nghe pháp phải lắng tai. Muốn lắng tai phải thân cận giao thiệp. Muốn thân cận giao thiệp phải đến gần. Muốn đến gần phải có lòng tin.

Thanh niên Bà la môn tán thán Phật đã gợi nơi anh ta lòng kính ái sa môn, và xin Phật nhận anh làm đệ tử cư sĩ, từ nay đến mạng chung trọn đời quy ngưỡng¹⁴.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Đoạn mở đầu kinh này gần giống như đoạn mở đầu kinh Trường Bộ 4, nhan đề Sonadanda sutta.
- (2) Theo kinh sở, rừng này được gọi là Rừng chư thiên *Devavana*, vì những đồ cúng ở đây dành để cúng chư thiên.
- (3) Pokkharasàti là một Bà la môn giàu có khác, được vua Ba tư nặc phong ấp tên

Ukkatthà. Trong kinh Trường bộ 2, sau khi nghe Phật thuyết pháp, ông chứng quả Dự lưu và đã cùng với gia đình quyến thuộc xin quy y.

- (4) *Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāsethha, Kassapa, và Bhagu* là những vị ẩn sĩ mà các Bà la môn xem như những người biên chép kinh Vệ đà do Thiên khải.
- (5) *Saddhā, ruci, anussava, ãkàraparivittakka, ditthiniñjhanakkhanti*. Trong 5 nền tảng này đề đạt đến niềm tin, 2 yếu tố đầu hoàn toàn thuộc về cảm xúc, yếu tố thứ 3 là sự chấp nhận truyền thống một cách mù quáng, và 2 yếu tố cuối cùng thuộc phạm vi suy luận nhận thức. Những thứ này đều có thể có hai cách khác nhau; cách nào cũng có thể thành đúng và sai.
- (6) Không thể đi đến kết luận chỉ đây là đúng, khi không tự mình thấy rõ sự thật, mà chỉ công nhận dựa trên 5 căn cứ như trên, những cơ sở không có gì chắc chắn.

- (7) *Saccànurakkhana*, hộ trì chân lý, bảo vệ sự thật.
- (8) *Sccànubodha*, khám phá, chứng ngộ chân lý.
- (9) Phương pháp tìm ra chân lý (tìm hiểu người nói pháp có bị còn tham, sân, si chi phối đến nỗi xúi kẻ khác tự hại, hại người không. Sau khi biết thân ngữ ý hành vị ấy không phải của kẻ bị ám vì tham sân si, thì biết Pháp do vị ấy giảng là sâu xa, được người trí chứng biết, không dễ gì do một kẻ còn tham sân si mà dạy được.) theo kinh này dường như khai triển phương pháp đã được nói trong kinh số 47.
- (10) *Tùleti*. Vị ấy tra tâm các pháp theo nguyên lý vô thường, vv... Giai đoạn này như vậy dường như là giai đoạn tuệ quán.
- (11) Nỗ lực *ussahati*, có vẻ đồng nghĩa với *padahati*, tinh cần, nhưng động từ trước có nghĩa là nỗ lực trước khi tuệ quán, động từ sau là nỗ lực nâng tuệ quán lên đạo lộ siêu thế.
- (12) *Kinh số* : vị ấy chứng Niết bàn với thân tâm lý thuộc đạo lộ Dự Lưu, và sau khi thâm

nhập các cấu uế, vị ấy chứng niết bàn bằng trí tuệ, làm cho niết bàn hiển lộ.

- (13) Trong kinh này, sự khám phá chân lý dường như có nghĩa đặc quả Dự lưu, sự chứng đạt chân lý dường như có nghĩa đặc quả A la hán.

- (14) Xem chú thích số 8 kinh 50.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 độc tham sân si; 5 pháp không chắc chắn: tín, tùy hỷ, tùy văn, cân nhắc suy tư, chấp nhận quan điểm; 12 pháp đưa đến chứng đạt chân lý: lòng tin, đến gần, giao thiệp, lòng tai, nghe pháp, thọ trì pháp, tìm hiểu ý nghĩa, hoan hỷ chấp nhận....

V. KỆ TỤNG

Bà la môn Cankì

Đến yết kiến Thế tôn

Lúc Phật đang luận đàm
Cùng các bậc trưởng thượng

Một Bà la môn trẻ
Tên Ka-pa-thi-ka
Ưu ngất lời người lớn
Phật khiến trách anh ta

Cankì liền can thiệp
Xin tôn giả Gotama
Đừng khiến trách Ka-pa
Có trí, giỏi biện luận.

Biết tâm của Ka-pa
Thế tôn đưa mắt nhìn.
Ka-pa-thi-ka bạch:
- Xin hỏi Gô-ta-ma,

Căn cứ vào chú thuật
Bà la môn kết luận:
Chi đây là sự thật
Ngoài ra đều sai lầm.

Ngài có ý kiến gì
Về lời tuyên bố ấy
Xin tôn giả chỉ dạy?
Phật hỏi lại thanh niên:

"Trong các Bà la môn
Hiện tại, từ bảy đời,
Có ai tự thấy biết
Và tuyên bố thành lời:

Tôi biết, thấy điều này
Chỉ đây là sự thật,
Ngoài ra đều là sai?"
Thanh niên đáp rằng không

"Tác giả các chú thuật
Được khẩu truyền xưa nay
Có ai nói như vậy? "
- Cũng không, thưa tôn giả

"Nếu sự tình là vậy
Không Bà la môn nào

Trong quá khứ hiện tại
Đã thực sự thấy, biết

Mà lại loan truyền câu:
Chỉ đây là sự thật,
Ngoài ra đều sai lầm,
Như mù nối đuôi nhau

Tin vậy vô căn cứ."
Bà la môn cãi lại:
- Không phải chỉ lòng tin
Mà còn sự truyền khẩu.

Phật dạy : "Có 5 việc
Có thể đúng hoặc sai
Và cho hai quả báo
Ngay trong thời hiện tại.

Một, tin; hai, đồng ý
Nghe truyền tụng là ba;
Bốn, cân nhắc suy luận
Năm, chấp nhận quan điểm.

Có thể điều ta tin,
Thì hóa ra trật lất
Ngược lại cũng có điều
Không tin mà có thật.

Điều gì ta đồng ý
Có thể là trống không
Điều ta không đồng ý
Có thể là đúng lý.

Ba việc kia cũng vậy
Có khi đúng khi sai
Do vậy người có trí
Không kết luận vội vàng

Nói tôi tin điều này,
Nhưng không có cả quyết
Chỉ đây là sự thật,
Ngoài ra đều lầm sai.

Với bốn việc còn lại
Cũng thái độ như trên

Là hộ trì chân lý.
Nhưng chưa phải chứng ngộ

Khám phá hay chứng ngộ
Là quan sát bậc thầy
Thân ngữ ý hành vi
Không còn tham sân si

Không đối gạt người khác,
Khiến họ khổ lâu dài,
Sau khi thấy như vậy
Khởi lòng tin vị ấy

Rồi đến gần, giao thiệp,
Lóng tai mà nghe pháp,
Thọ trì pháp đã nghe,
Và tìm hiểu ý nghĩa.

Hiểu rồi vui chấp nhận
Khởi lên ước muốn tu
Cố gắng, và cân nhắc
Cuối cùng, phải tinh cần.

Nhờ tinh cần, thân chứng
Thể nhập với trí tuệ.
Nhưng thể cũng chưa phải
Là chứng đạt chân lý.

Muốn chân lý chứng đạt,
Cần tu tập nhiều lần.
Cốt nhất là tinh cần
Pháp hành trì nhiều nhất.

Tinh cần do cần nhắc.
Cần nhắc do cố gắng.
Cố gắng do ước muốn.
Ước muốn do chấp nhận

Chấp nhận do hiểu nghĩa
Hiểu nghĩa nhờ thọ trì
Thọ trì nhờ nghe pháp
Nghe pháp nhờ lắng tai

Lắng tai nhờ thân cận
Thân cận nhờ đến gần

Đến gần nhờ lòng tin
Mối đầu của thành đạt."

Thanh niên Bà la môn
Tán thán đức Thế tôn
Đã gọi nơi anh chàng
Lòng ái kính sa môn,

Chàng xin quy y Phật
Xin làm một cư sĩ,
Từ nay đến mạng chung
Sẽ trọn đời quy y.



CHÍN MƯỜI SÁU

ESUKÀRÌ

I. TOÁT YẾU

Esukàrì Sutta - To Esukàrì.

The Buddha and a brahmin discuss the brahmin's claim to superiority over the other castes.

Giảng cho Esukàrì.

Phật thảo luận với một Bà la môn về lời tuyên bố giai cấp Bà la môn là tối thắng hơn các giai cấp khác.

II. TÓM TẮT

Bà la môn Esukari hỏi ý kiến Phật về chủ trương giai cấp của Bà la môn theo đó người đồng đẳng cấp phục vụ nhau và phục vụ người

thuộc những giai cấp trên, không phục vụ người thuộc giai cấp dưới. Như giai cấp Thủ đà la phải phục vụ ba giai cấp trên, và chỉ được phục vụ bởi người cùng giai cấp. Phật hỏi lại, quan điểm đó có được mọi người đồng ý không. Bà la môn đáp không. Phật dạy vậy cũng như có người nghèo bị ép ăn một thứ họ không muốn ăn, rồi bảo họ trả tiền.

Kế tiếp, Phật nói ngài không chủ trương nên phục vụ hay không nên phục vụ. Nhưng theo ngài, nếu do phục vụ mà người phục vụ trở thành tốt hơn, thì nên phục vụ. Nếu do phục vụ mà họ thành xấu hơn, thì không nên phục vụ. Vì nếu nói một cách chân chính, thì người thuộc bất cứ giai cấp nào cũng sẽ nói cần người nào phục vụ cho mình do vậy họ trở thành tốt hơn. Rồi Phật phân tích thế nào là tốt: đó không phải là sự cải thiện về dòng họ, về sắc đẹp, về tài sản, mà về năm yếu tố: lòng tin, giới, nghe nhiều, bố thí và trí tuệ.

Esakari lại hỏi ý kiến Phật về chủ trương của Bà la môn về tài sản: tài sản của giai cấp Bà la môn là khát thực¹, của Sát đế lợi là cung tên, của Vệ xá là chăn nuôi trồng trọt², của

Thú đà là lao động tay chân. Nếu một giai cấp không sống đúng theo tài sản nói trên, mà làm việc khác để kiếm sống, thì đây là không làm tròn bốn phận, là đồng nghĩa với trộm cắp. Phật hỏi lại và trả lời như trên, là không phải mọi người đồng ý chủ trương ấy; và Phật cũng đưa ví dụ người nghèo bị ép nuốt một vật họ không ưa, lại phải trả tiền.

Phật chủ trương tài sản cho con người là thánh pháp vô thượng³, nhưng khi nhớ đến gia hệ xưa của một người về phía cha và mẹ, người ấy được kể tùy theo chỗ họ thọ sinh⁴. Do vậy người thuộc giai cấp nào cũng có thể từ bỏ 10 ác, cũng có thể tu tập mười lành, thành tựu thiện pháp, cũng có thể xuống sông tắm sạch bụi bặm, cũng có thể đốt lên ngọn lửa với nhiên liệu mà mình đang có. Tất cả giai cấp đều có thể thành tựu chánh đạo, và khi đã thành tựu thì đều được giải thoát. Cũng như ngọn lửa được đốt lên với mọi thứ củi đều có tác dụng như nhau, ánh sáng và hơi nóng chỉ là một.

Bà la môn tán thán Phật và xin quy y.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Theo kinh số, những người Bà la môn xưa có tục lệ đi khát thực dù họ có tài sản lớn.
- (2) Mặc dù nghề nông có vẻ là một công việc lạ lẫm đối với một người đã được mô tả là thương gia, cần phải hiểu rằng giai cấp thương gia không những buôn bán ở đô thị mà còn sở hữu và cai quản những đầu tư về nông nghiệp.
- (3) *Ariyam kho aham brāhmaṇa lokuttaram dhammam purisassa sandhanam pannāpemi.* Đây Bà la môn, ta chủ trương tài sản dành cho con người là thánh pháp tối thượng.
- (4) *Attabhāvassa abhinibballi:* Nghĩa đen là "Bất cứ nơi đâu vị ấy tái nhập bào thai".

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 tiêu chuẩn để lượng giá theo thế gian: dòng họ, sắc đẹp, tài sản; 4 phạm trú; 4 loại tài sản theo chủ trương giai cấp của Bà la môn

giáo : do khát thực, do cung tên, do buôn bán, và do sức lao động. 4 chủ trương phụng sự theo Bà la môn; 4 chủ trương phụng sự của Phật theo đó người phụng sự phải tốt hơn theo thời gian; 5 tiêu chuẩn để lượng giá theo Phật: tin, giới, thí, vãng, tuệ; 10 thiện nghiệp.

V. KỆ TỤNG

Một người Bà la môn
Tên E-su-ka-ri
Hỏi Phật nghĩ thế nào
Về chủ trương của họ:

Những người Bà la môn
Cần phải được phụng sự
Bởi người đồng giai cấp
Và ba giai cấp dưới.

Chiến sĩ được phụng sự
Bởi người đồng giai cấp

Và hai giai cấp dưới
Là thương gia, lao động.

Thương gia được phụng sự
Bởi thương gia, thủ đà
Riêng giai cấp thủ đà
Phải phục vụ lẫn nhau.

"Có phải chủ trương này
Mọi người đều chấp nhận ? "
- Thưa không, Gô ta ma
Bà la môn đặt ra.

"Như vậy có khác gì
Bắt ép kẻ khác ăn
Thức ăn họ không muốn
Lại bảo trả tiền đi ? "

Phật bảo Bà la môn :
"Nếu do việc phụng sự
Một người thành tốt hơn
Thì rất nên phụng sự.

Nếu họ thành xấu hơn
Thì không nên phụng sự.
Vì ai cũng đều cần
Một người hầu tốt hơn.

Và "tốt" đây có nghĩa
Tín giới văn thí tuệ
Năm pháp lành này tăng
Không kể đẹp, giàu, sang. "

Bà la môn chủ trương
Tài sản cho mỗi giới:
Bà la môn khát thực
Sát đế lợi cung tên

Vệ xá nông súc nghiệp
Thủ đà việc tay chân.
Sống cách nào khác trên
Là không tròn bổn phận.

Phật cũng bác như trên
Và dạy : "Ngài chủ trương

Tài sản cho con người
Là thánh pháp vô thương.

Chỉ do gia hệ xưa
Về phía cha và mẹ,
Mà một người được kể
Tùy theo chỗ thọ sinh.

Người thuộc mọi giai cấp
Đều có thể bỏ ác
Và có thể làm lành
Và thành tựu thiện pháp

Đều có thể xuống sông
Tắm tẩy sạch bụi đất
Có thể đốt ngọn lửa
Với nhiên liệu của mình.

Tất cả mọi giai cấp
Đều có thể thành đạo
Khi thánh đạo đã thành
Thì đều được giải thoát.

Cũng như các ngọn lửa
Dù củi đốt khác nhau
Tác dụng không hề khác
Cũng vậy với giải thoát."

Bà la môn nghe rồi
Tán thán kỳ diệu thay
Và xin Phật quý y
Trở thành một cư sĩ.



CHÍN MƯƠI BẢY DHÀNANJÀNI

I. TOÁT YẾU

Dhàna(jàni Sutta - To Dhàna(jàni.

The venerable Sàriputta admonishes a brahmin who tries to excuse his negligence by appeal to his many duties. Later, when he is close to death, Sàriputta guides him to rebirth in the Brahma-world but is reprimanded by the Buddha for having done so.

Giảng cho Dhànanjani.

Giảng cho Dhànanjani. hướng dẫn ông tái sinh vào cõi Phạm thiên, nhưng ngài bị Phật quở vì đã làm như vậy.

II. TÓM TẮT

Tôn giả Xá lợi phất giáo giới Bà la môn Dhananjanì vì vị này sống buông thả, viển cớ

còn có trách nhiệm đối với cha mẹ, vợ con, bạn bè, tôi tớ, lao công, thân hữu, bà con huyết thống, tân khách, tổ tiên, chư thiên, vua chúa, và còn cái thân này phải được chu cấp, nên không thể tu được. Tôn giả hỏi ông, một người vì những liên hệ ấy và vì cái thân mà làm điều phi pháp, bị kéo xuống địa ngục, có thể lấy cơ ấy để được khỏi tội hay không? Bà la môn nói không thể.

Lại hỏi người vì những liên hệ ấy và vì cái thân mà làm điều bất chính, với người cũng vì những liên hệ ấy và vì cái thân mà làm điều đúng pháp, ai tốt đẹp hơn? Bà la môn trả lời người làm đúng pháp thì tốt đẹp hơn.

Về sau, Bà la môn bị bệnh sắp chết, sai người đến thỉnh lễ Phật và tôn giả Xá lợi phất để báo tin, và xin được gặp tôn giả. Tôn giả viếng thăm ông, kể ra những cội tái sinh từ địa ngục trở lên đến các cõi trời Tứ thiên vương, Tam thập tam, Dạ ma, Đâu suất đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, và cuối cùng là Phạm thiên. Nghe đến phạm thiên giới, bà la môn đặc biệt chú ý. Tôn giả bèn thuyết giảng cho ông con đường cộng trú với Phạm thiên, là an trú biến

mãn cùng khắp mười phương với tâm từ, bi, hỉ, xả. Rồi tôn giả ra đi, mặc dù còn nhiều pháp cao thượng hơn¹.

Khi biết chuyện, Phật quả trách tôn giả vì sao có những cảnh giới cao thượng hơn cần phải chứng, mà tôn giả chỉ giảng cho Bà la môn một cảnh giới thấp kém. Tôn giả trả lời vì ngài biết ông ái luyến Phạm thiên giới, nên tôn giả thuyết giảng con đường đưa đến đấy. Phật cho biết Bà la môn quả thực đã sinh lên Phạm thiên giới².

III. CHÚ GIẢI

- (1) Tôn giả Xá lợi phất đã ra về mà không giảng dạy cho ông ta một giáo lý giúp ông đạt đến đạo lộ siêu thế để trở thành một bậc định tánh giác ngộ. So với khả năng này thì sự sinh lên cõi Phạm thiên được xem là thấp kém.
- (2) Nhận xét này gần như một lời quả trách nhẹ nhàng. Có lẽ Phật đã thấy Dhānanjāni có khả năng đạt đến đạo lộ siêu thế, vì ở chỗ khác (như trong kinh 99) chính ngài cũng

dạy con đường lên Phạm thiên giới trong trường hợp người nghe Pháp không có khả năng chứng đắc đạo lộ siêu thế.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

Tam bảo, 3 nghiệp, 4 phạm trú, 5 dục tăng trưởng, 10 bất thiện nghiệp.

V. KỆ TỤNG

Tôn giả Xá lợi phất
Viếng phạm chí Đà nhiên
Khi được tin không lành
Vị này sống phóng dật.

Bà la môn Đà nhiên
Viện cố còn trách nhiệm
Với cha mẹ, vợ con,
Còn bạn bè tôi tớ

Còn lao công, thân hữu
Còn bà con huyết thống

Tân khách và tổ tiên
Chư thiên và vua chúa

Lại còn cái thân này
Cần phải được chu cấp
Cần phải được thụ hưởng
Khó sống không phóng dật.

"Này hỡi Bà la môn
Nếu ai vì cha mẹ
Vì bà con huyết thống
Và vì chính bản thân

Làm những điều phi pháp,
Bị lôi xuống địa ngục
Có thể viện cớ này
Để miễn tội hay không?

Vì những liên hệ này
Mà làm điều đúng pháp
Với làm điều phi pháp
Ai tốt đẹp hơn ai? "

Bà la môn công nhận
Viện cố cũng không thoát
Khi đã làm phi pháp
Tốt hơn, làm đúng pháp.

Khi Đà nhiên bệnh nặng
Ông xin gặp tôn giả
Trước giây phút tử trần
Tôn giả lại viếng thăm.

Ngài nêu các cảnh giới
Từ địa ngục, bàng sanh
Cõi người, các cõi trời
Cho đến Phạm thiên giới.

Nghe danh từ Phạm thiên
Bà la môn chú ý
Tôn giả bèn thuyết giảng
Đường lên cõi Phạm thiên

Hãy trú tâm biến mãn
Mười phương hư không giới

Với từ, bi, hỷ, xả
Đây đường đến Phạm thiên.

Giảng xong bốn phạm trú
Tôn giả bèn ra về
Mặc dù còn nhiều pháp
Cao hơn Phạm thiên giới

Phật quả trách tôn giả
Vì chỉ giảng Phạm trú
Và cho biết Đà nhiên
Đã sanh lên Phạm thiên.



CHÍN MƯƠI TÁM

VÀSETTHA¹

I. TOÁT YẾU

Vàsettha Sutta - To Vàsettha.

The Buddha resolves a dispute between two young brahmins on the qualities of a true brahmin.

Giảng cho Vàsettha.

Phật giải quyết một cuộc tranh cãi giữa hai thanh niên Bà la môn về những đức tính của một Bà la môn chân chính.

II. TÓM TẮT

Hai thanh niên Bà la môn Bharadvaja và Vasettha tranh luận về đề tài thế nào là một Bà

la môn. Người thì cho là do huyết thống, người thì cho là do hành động hiện tại. Họ đưa vấn đề đến xin Phật giải quyết. Trước hết Phật đưa ra sự khác nhau giữa loài vật và con người. Trong khi loài vật có chủng loại khác nhau rõ rệt do tướng thọ sanh, có muôn màu muôn vẻ như noãn thai thấp hóa và lớn nhỏ, không chân, hai chân hay nhiều chân...thì con người, tướng thọ sanh không có gì sai khác. Bởi thế, sự khác nhau chỉ là do danh xưng, do nghề nghiệp hiện tại của mỗi hạng người. Ngang đây, Phật gần như đồng ý với thanh niên Vasettha chủ trương Bà la môn là do hành động, do giới hạnh. Nhưng sau đó, ngài gán cho danh từ Bà la môn một định nghĩa cao thượng hơn, đồng hóa Bà la môn với bậc a la hán mẫu người lý tưởng trong đạo Phật, là bậc đã giải thoát khỏi hữu, chứng ba minh và dứt sạch lậu hoặc.

III. CHÚ GIẢI

- (-) Bản kinh này không nằm trong Trung bộ kinh ấn bản của Hội Văn bản Pàli, vì lý do như đã nói trong chú thích 1, kinh 92.

- (2) Ở đây danh từ *hành động* cần hiểu là hành vi hiện tại, chứ không phải hành vi quá khứ hay *ngiệp* sản sinh ra những hậu quả trong hiện tại.
- (3) *Sāmannā*. Theo kinh sớ, sự khác nhau về hình dạng các thân phần nơi súc vật là do chủng loại - *goni* - của chúng. Nhưng sự phân biệt chủng loại như vậy không có nơi thân thể của Bà la môn và các chủng tính khác. Vì lý do ấy, sự phân biệt giai cấp Bà la môn, sát đế lợi, vân vân, chỉ thuần là phân biệt trên danh từ; một thành ngữ theo quy ước mà thôi, không tương ứng với thực tại.
- (4) Từ trước đến đây, Phật đã phê phán lời xác nhận của Bhàradvāja rằng sanh chủng làm cho người ta là một người Bà la môn. Bây giờ, ngài sẽ đề cao lời xác nhận của Vāsettha rằng chính hành động hay nghiệp, khiến người ta thành Bà la môn. Vì ngày xưa những người Bà la môn và các bậc hiền tri trên đời không chấp nhận sự kiện một Bà la môn mà có cách sinh nhai bất đáng, có giới hạnh và tư cách khiếm khuyết.

- (5) *Bhovàdi*. *Bho*, ngài, là cách xưng hô giữa những người Bà la môn. Từ đây trở đi, Phật đồng nhất vị Bà la môn chân chính với bậc a la hán. Những câu kệ ở đây giống Pháp cú 396-423, trừ trong Pháp cú 423 có thêm hai câu.
- (6) *Kinh sở*: Do ý hành hiện tại muốn hoàn tất công việc đồng áng, vv.
- (7) Với câu kệ này, danh từ nghiệp có hơi thay đổi ý nghĩa do từ ngữ *duyên sinh*. Nghiệp ở đây không còn có nghĩa hành động hiện tại định đoạt quy chế xã hội của một người, mà hành động với ý nghĩa đặc biệt là một năng lực trói buộc hữu tình vào vòng hiện hữu. Dòng tư tưởng này còn rõ rệt hơn nữa trong bài kệ kế tiếp.
- (8) Bài kệ này và tiếp theo lại nói đến bậc A la hán. Nhưng ở đây, sự tương phản không phải là giữa vị a la hán trở nên thánh thiện do hành nghiệp của mình với người sanh chủng Bà la môn nhưng không xứng với danh hiệu Bà la môn; mà là giữa vị A la hán kể như một người đã giải thoát sự trói buộc

của hành động và quả báo, với tất cả chúng sinh khác còn bị trôi buộc vào bánh xe sinh tử bởi những hành nghiệp của mình.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 lậu hoặc, 3 nghiệp, 4 giai cấp, 5 triền cái.

V. KỆ TỤNG

Thanh niên Vasettha
Cùng Bha-ra-dva-ja
Bà la môn đến Phật
Xin giải quyết tranh chấp.

- Tôn giả Gotama
Giữa hai người chúng con
Có sự tranh luận này
Về huyết thống thọ sanh

Bharadvaja nói
Chính do sự thọ sanh

Con nói do hành động²
Mới thành Bà la môn.

Cả hai người chúng con
Không thể thuyết phục nhau
Chúng con đến hỏi ngài
Bậc chánh giác tôn xưng.

Đức Thế tôn bèn dạy:
Loài vật và cỏ cây
Có muôn ngàn sắc thái
Chúng có tướng tùy sanh.

Trong thế giới loài người
Tướng sanh không sai khác
Chỉ tùy theo danh xưng³
Loài người được kêu gọi.

Chăn bò, lo ruộng đất
Kẻ ấy là nông phu⁴
Ai sống theo nghề nghiệp
Kẻ ấy là công thợ.

Ai sống nghề buôn bán
Kẻ ấy là thương nhân
Ai sống hầu hạ người
Kẻ ấy là nô bộc.

Ai sống lấy của người
Kẻ ấy là kẻ trộm
Ai sống nghề cung tên
Kẻ ấy là nhà binh.

Ai sống nghề tế tự
Kẻ ấy là tế quan
Thọ hưởng làng, quốc độ
Kẻ ấy là vua chúa.

Và ta không có gọi
Kẻ ấy Bà la môn
Chỉ vì do thọ sanh
Do cao sang, giàu có

Người không ham thế lợi
Không tham lam, chấp thủ⁵

Thoát ly các trói buộc
Chính danh Bà la môn.

Ai không lỗi, chịu đựng
Nhiếc mắng cùng đánh trói
Trang bị với nhẫn lực
Chính danh Bà la môn.

Ai biết ngay đời này
Khổ vì ngã đoạn tận
Gánh nặng được đặt xuống
Chính danh Bà la môn.

Hành động làm nông phu⁶
Hành động làm công thợ
Hành động làm lái buôn
Hành động làm nô bộc

Hành động làm ăn trộm
Hành động làm nhà binh
Hành động làm tế quan
Hành động làm vua chúa.

Kẻ trí thấy hành động
Như thật là như vậy.
Thấy rõ lý duyên khởi⁷
Biết rõ nghiệp dị thực.

Do nghiệp, đời luân chuyển
Do nghiệp, người luân hồi.
Nghiệp trói buộc chúng sinh
Như trục xe quay bánh.

Do khổ hạnh, phạm hạnh
Tiết chế và chế ngự
Tác thành Bà la môn
Mới thật là tối thượng⁸.

Ba mình đã thành tựu
An tịnh, đoạn tận hữu
Va-set-tha nên biết
Đây Phạm thiên, Đế thích.

(Hầu hết toàn bài rút từ bản dịch của HT MC,
trừ bài cuối theo bản Anh dịch.)

CHÍN MƯƠI CHÍN

SUBHA

I. TOÁT YẾU

Subha Sutta - To Subha.

The Buddha answers a young Brahmin's questions and teaches him the way to rebirth in the Brahma-world.

Giảng cho Tu bạt.

Phật trả lời những câu hỏi của một Bà la môn trẻ và dạy cho anh ta con đường tái sinh lên Phạm thiên giới.

II. TÓM TẮT

Bà la môn Subha Todeyyaputta¹ trình bày với Phật chủ trương của các Bà la môn rằng

chính người tại gia thành tựu chánh đạo, thiện pháp, xuất gia không thành tựu. Do vì tại gia có nhiều dịch vụ, công tác, tổ chức, lao lực, nên có quả báo lớn. Còn xuất gia ít dịch vụ, công tác, ít tổ chức, lao lực, nên quả báo nhỏ. Phật dạy ngài chủ trương cần phải phân tích², không thể nói một chiều. Và ngài phân tích có 4 trường hợp :

Dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, kết quả nhỏ.

1. Dịch vụ lớn,... tổ chức lớn, nếu làm đúng, kết quả lớn.
2. Dịch vụ nhỏ...tổ chức nhỏ, làm hỏng, sẽ có kết quả nhỏ.
3. Dịch vụ nhỏ...tổ chức nhỏ, làm thành tựu, sẽ có quả báo lớn.

Hai trường hợp đầu là nông nghiệp, hai trường hợp sau là buôn bán³. Kế tiếp, Bà la môn đưa ra năm pháp tác phước đặc thiện mà họ chủ trương, là chân thực, khổ hạnh, phạm hạnh, tụng đọc và thí xả. Phật hỏi trong số những người Bà la môn hiện tại và quá khứ, có ai tuyên bố họ đã chứng ngộ với thượng trí,

quả báo dị thực của năm pháp ấy? Thanh niên trả lời không. Phật dạy vậy cũng như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người đầu, người giữa và người cuối đều không thấy⁴.

Thanh niên Bà la môn bất mãn vì bị nói như vậy, bèn dẫn lời Pokharasati, một Bà la môn danh tiếng nói rằng⁵ có một số sa môn Bà la môn tự cho đã chứng pháp thượng nhân, thật sự đây chỉ là lời trống rỗng, vì làm sao còn là người lại chứng được pháp vượt con người?

Phật hỏi lại, Bà la môn ấy có tha tâm thông, biết tâm tư của tất cả sa môn Bà la môn khác không. Thanh niên đáp người tổ gái ông ta còn không biết, làm sao có thể biết tâm tất cả sa môn Bà la môn?

Phật dạy ví như người mù tuyên bố không có các hình sắc, vì anh ta không thấy biết chúng, lời ấy đúng không. Rồi ngài khiến thanh niên phải xác nhận bốn tiêu chuẩn của lời nói tốt đẹp là: được thể tục chấp nhận, cần phải được suy tư, cần phân tích cân nhắc, và liên hệ đến mục đích. Thanh niên công nhận

lời tuyên bố trên của các Bà la môn hoàn toàn thiếu bốn tiêu chuẩn ấy.

Kế tiếp Phật nêu lên 5 triền cái và 5 dục, Bà la môn Pokkharasati đã bị chúng ngăn che và trói buộc nên không chứng được thượng nhân pháp. Ngài lại đề cập hỷ lạc do thiền định ly dục ly bất thiện pháp như là ngọn lửa đốt lên không nhờ các nhiên liệu thông thường. Ngài hỏi thanh niên 5 pháp tác phước đắc thiện có nhiều hơn ở người tại gia hay xuất gia, thanh niên Bà la môn nói ở xuất gia. Phật dạy 5 pháp ấy là những tư cụ của tâm, để tu tập không sân hận.

Cuối cùng ngài giảng con đường cộng trú với Phạm thiên⁶ là biến mãn khắp mười phương với tâm tâm từ, bi, hỷ, xả, không có hạn lượng⁷, còn gọi bốn phạm trú. Thanh niên tán thán Phật và xin quy y.

III. CHÚ GIẢI

- (1) Subha Todeyyaputta là một Bà la môn giàu có, thống lĩnh một khu làng Tudigàma gần

thành Xá vệ. Kinh 135 cũng được giảng cho ông Tu bát này.

- (2) *Vibhajjavàdo kho aham ettha*. Những lời nói như vậy giải thích tại sao về sau đạo Phật được gọi là *vibhajjavàda*, Tỳ bà sa luận hay lý thuyết phân tích.
- (3) Rõ ràng vào thời ấy, thương mài còn ở giai đoạn sơ khai. Ngày nay tuyệt nhiên không còn có thể nói như vậy.
- (4) Như trong kinh 95.
- (5) Lời này có lẽ đã được nói trước khi Pokkharasàti trở thành đệ tử Phật, như được nói trong kinh 95.
- (6) Trí này thuộc về Như lai lực thứ ba, biết đường đến các cảnh giới. Xem kinh số 12.
- (7) Theo kinh số, nghiệp hữu hạn là nghiệp thuộc dục giới; ngược với nghiệp vô hạn là các thiện thuộc sắc hoặc vô sắc giới. Ở đây muốn nói đến các phạm trú được tu tập như một pháp môn thiện. Khi chứng đắc và làm chủ một thiện thuộc sắc hay vô sắc giới thì

một nghiệp thuộc dục giới không thể thắng lướt nó và có được cơ hội phát sinh hậu quả. Vì ngăn chặn được hậu quả của các nghiệp thuộc dục giới, phạm trú mà hành giả đã chủ động được, sẽ đưa vị ấy tái sinh cộng trú với Phạm thiên.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

4 phạm trú; 4 lý do tại gia có nhiều phước đức theo chủ trương của Bà la môn; 4 sự phân tích theo Phật. 5 pháp tắc phước đức thiện của Bà la môn; 5 triển cái, 5 dục lãng trường.

V. KỆ TỤNG

Bà la môn Subha
Đến trình bày với Phật:
Chính những người tại gia
Thành tựu nhiều thiện pháp

Tại gia nhiều dịch vụ
Công tác tổ chức lớn

Và lao lực nhiều hơn
Nên có quá báo lớn.

Xuất gia ít dịch vụ
Ít công tác, tổ chức
Lại cũng ít lao lực
Nên có quá báo nhỏ.

Phật dạy ngài chủ trương
Mọi sự cần phân tích
Không thể nói một chiều
Và có 4 trường hợp.

Có công việc bao hàm
Dịch vụ, công tác lớn
Tổ chức, lao lực lớn
Nếu làm hỏng, quá nhỏ.

Nếu làm đúng, quá lớn:
Tỉ dụ như nông nghiệp.
Có công việc bao hàm
Dịch vụ, công tác nhỏ

Tổ chức, lao lực ít
Làm hỏng, kết quả nhỏ.
Làm đúng, kết quả lớn:
Tỉ dụ như bán buôn.

Có năm điều phước thiện:
Chân thực và khổ hạnh
Phạm hạnh và tụng đọc
Với thí xả là năm.

Phật hỏi trong số người
Bà la môn hiện tại
Và quá khứ, có ai
Tuyên bố đã chứng đắc

Với thượng trí, tuyên thuyết
Những quả báo dị thực
Của năm điều nói trên?
- Thừa không, bạch tôn giả.

"Cũng như chuỗi người mù
Nối đuôi nhau không thấy."

Bà la môn bất mãn
Khi nghe Phật nói vậy.

- Tôn giả Gotama
Có người chỉ nói láo
Chưa chứng nói đã chứng
Các pháp vượt hơn người.

"Làm sao còn là người
Chứng pháp vượt con người? "
- Bạc thầy Bà la môn
Đã nói lời như vậy.

"Phải chăng bậc thầy ấy
Có được tha tâm thông
Biết tâm niệm mọi người ? "
- Thưa không, Gotama

Ngay tâm người tố gái
Ông ta còn không biết
Làm sao có thể biết
Tâm tất cả mọi người?

"Như người mù tuyên bố
Không có các hình sắc
Vì không thấy biết chúng
Lời ấy là thế nào?

Phải chăng nó tốt đẹp
Vì thế tục chấp nhận,
Có suy tư phân tích
Và liên hệ mục đích? "

- Thừa không, Gotama
Những lời tuyên bố ấy
Không thể tục chấp nhận
Không suy tư cân nhắc.

"Bị 5 triền, 5 dục
Ngăn che và trói buộc
Nên Bà la môn ấy
Không chứng thượng nhân pháp.

Có ngọn lửa đốt lên
Không bằng các nhiên liệu

Có màu sắc ánh sáng
Lửa hỷ lạc trong thiền

Và này hỡi thanh niên
5 điều có phước thiện
Chỗ nào thực hành nhiều
Tại gia hay xuất gia? "

- Xuất gia, thừa tôn giả.
"Đây là những tư cụ
Để tu không sân hận
Cộng trú với Phạm thiên.

Biển mênh mông mười phương giới
Với từ, bi, hỷ, xả,
Không có hạn lượng nào
Còn gọi bốn phạm trú. "



MỘT TRĂM

SANGÀRAVA

I. TOÁT YẾU

Sangàrava Sutta- To Sangàrava.

A brahmin student questions the Buddha about the basis on which he teaches the fundamentals of the holy life.

Giảng cho Sangàrava.

Một thanh niên Bà la môn hỏi Phật về nền tảng dựa trên đó ngài giảng dạy những điều căn bản của đời sống phạm hạnh.

II. TÓM TẮT

Nữ Bà la môn Dhananjini¹ sùng tín Phật, Pháp, Tăng, mỗi khi trượt chân bà lại thốt lên lời tán thán ba ngôi báu. Sangàrava lúc đầu chỉ

trích bà, nhưng sau theo lời khuyên, đến yết kiến Phật và hỏi: Có một số sa môn, Bà la môn cũng tự nhận (giảng dạy) căn bản phạm hạnh sau khi đã chứng đạt ngay hiện tại² cứu cánh bỉ ngạn nhờ thượng trí, vậy ngài là thế nào giữa các vị ấy.

Phật dạy có ba hạng, hạng 1 do truyền thống, họ tự nhận đã đắc đạo; như các Bà la môn thông hiểu ba tập Vệ đà. Hạng 2 do tin tưởng, như các nhà lý luận và tra tầm³. Hạng 3 tự mình hoàn toàn chứng tri⁴ những gì trước đây chưa từng nghe; như Phật. Và Phật thuật lại quá trình tu chứng của ngài từ khi còn tại gia cho đến khi tìm ra con đường trung đạo tránh hai cực đoan hưởng lạc và ép xác, ngồi thiền đạt giác ngộ.

III. CHÚ GIẢI

- (8) Dhànanjani là một bậc Dự lưu. Theo kinh số, Sangàrava là em trai của chồng bà.
- (9) *Dilthadhammabhinnāvosānapāramippattā ãdibrahmacariyam patijānanti*. Kinh số chú:

Họ tự cho là những người sáng tạo, khai sáng, phát sinh một đời phạm hạnh, nói: Sau khi biết và thấy ngay trong đời hiện tại, sau khi đạt đến tột đỉnh, chúng tôi đã đạt niết bàn gọi là hoàn toàn vì vượt trên tất cả.

- (10) Điều khó hiểu là những người lý luận tra tằm (*takki, vimamsi*) ở đây được nói là dựa trên căn bản của đức tin thuần túy-*saddhāmattakena*. Chỗ khác thì tin và lý luận tương phản như hai nền tảng khác nhau của sự xác tin (Trung 95), và chỉ đức tin mà thôi thì rất gần với sự căn cứ vào truyền khẩu, hơn là với lý luận và tra tằm.
- (11) *Sāmaṃ yeva dhammā abhinñāya*. Câu này nhấn mạnh sự thân chứng kể như nền tảng để công bố đời sống phạm hạnh.

IV. PHÁP SỐ LIÊN HỆ

3 hạng người tự công bố đã chứng thượng trí: hạng nghe nhiều, hạng tin lường và hạng thân chứng.

V. KỆ TỤNG

Một nữ Bà la môn
Tên Dhananjani
Do lòng tin tha thiết
Trượt chân niệm Phật đà.

Một nam Bà la môn
Tên Sangàrava
Chê thật là hạ liệt
Tán thán kẻ trọc đầu.

- Này hiền giả thân mến
Chớ thốt lời phạm thượng
Người sẽ không nói vậy
Nếu biết được Thế tôn.

Nghe lời khuyên can này
Bà la môn quyết định
Đi đến yết kiến Phật
Và bạch hỏi Thế tôn:

- Tôn giả Gotama
Sa môn Bà la môn
Nhiều người giảng phạm hạnh
Đều xưng được thượng trí.

Giữa những người như vậy
- đều chứng đắc như nhau-
Con hỏi Gotama
Có quan hệ thế nào?

Phật dạy có ba hạng
"Hạng 1 do truyền thống
Tự nhận đã đắc đạo
Khi thông ba Vệ đà.

Hạng 2 do tin tưởng,
Nhờ lý luận tra tâm.
Hạng 3 tự chứng tri
Những gì chưa từng biết.

Một trong những vị này
Chính là Phật Thế tôn
Ngài tự mình chứng tri
Pháp chưa từng nghe nói. "

KINH TRUNG BỘ - TẬP II

DG : Hòa Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt và chú giải : Thích Nữ Trí Hải

---ooOoo---

Chịu trách nhiệm xuất bản :

VŨ GIA THAM

Chịu trách nhiệm bản thảo :

PHẠM NGỌC HẬU

Biên tập :

NGUYỄN TƯỜNG LONG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

37 Hùng Vương - Hà Nội

ĐT : 080. 48106 - FAX (84). 080. 48240

In 2.000 cuốn, khổ 14x20cm tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng. Địa chỉ : 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM. ĐT : 8555812. Số xuất bản : 4-1290/XB-QLXB ngày 21-9-2001. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2002.

